

TÚ THÁNH ĐẾ LÀ TỐI THƯỢNG

(CON ĐƯỜNG CHẤM DỨT KHỔ)

Võ Thế Hòa

(Nhà nghiên cứu Phật giáo và Triết học phương Đông)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Namo Tassa Bhagavato A Sambuddhassa

**(Thành kính đảnh Lễ Đức Thế Tôn, bậc A-La-Hán, đấng
Chánh Biến Tri)**

Tứ Thánh đế là tối thượng



**Biên soạn Võ Thế Hòa
Nhà nghiên cứu Phật giáo và Triết học**

Và này các Tỳ-kheo, điều gì mà Ta nói? “Đây là Khổ”, này các Tỳ-kheo, là điều Ta nói. “Đây là Khổ tập”, là điều Ta nói. “Đây là Khổ diệt”, là điều Ta nói. “Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt”, là điều Ta nói.

Nhưng tại sao, này các Tỳ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, những điều ấy liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta nói lên những điều ấy.

*(Trích Kinh Tương ưng 5- Rừng Simsapa.
Dịch giả Thích Minh Châu).*

Này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyên giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chúng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chúng được. Ở đây, này Bà-la-môn, Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường.

*(Trích Kinh Trung bộ số 107. Kinh Ganaka Moggallàna
Dịch giả Thích Minh Châu).*

LỜI GIỚI THIỆU

Tôi xin hân hạnh và trân trọng giới thiệu tác phẩm Tứ Thánh để là tối thượng của tác giả Võ Thế Hòa đến chư Tăng, Ni và các Phật tử xa gần.

Đây là công trình nghiên cứu và ứng dụng giáo pháp Tứ Thánh để trong đời sống hằng ngày của tác giả. Tác phẩm góp phần làm phong phú kho tàng Phật học Việt Nam.

Tác giả đã khai thác tài liệu bậc I, tài liệu cổ xưa, tài liệu gốc và giới thiệu đến độc giả. Tôi rất hoan hỷ với những trích dẫn những lời dạy nguyên thủy của Đức Phật trong kinh tạng Pāli về Tứ Thánh đế, đây là giáo lý cốt lõi của Phật giáo.

Người tu hành phải chứng ngộ Tứ Thánh đế mới thành tựu Đạo Quả giải thoát Niết Bàn. Người muốn thành tựu Đạo Quả giải thoát Niết Bàn phải tu tập Tứ Thánh đế hằng ngày như bài Kinh Niệm Xứ trong Kinh Trung Bộ đã dạy:

“Iti dukkham pajānāti, Iti dukkha samudayaṃ pajānāti, Iti dukkha nirodhaṃ pajānāti. Iti dukkha nirodhagāmininī patipadāṃ pajānāti”.

(Vị ấy biết đây là khổ, vị ấy biết đây là nguyên nhân của khổ, vị ấy biết đây là sự diệt khổ, vị ấy biết đây là con đường đưa đến sự diệt khổ.)

Xin tán thán công đức tu tập và nghiên cứu Kinh Tạng Nikāya của tác giả, cũng như phổ biến những lời dạy trí tuệ của Đức Phật đến với mọi người và các học viên, các cộng sự để xuất bản tác phẩm này.

Xin cầu nguyện phước lành đến tác giả, gia đình cùng các học viên Phật tử.

*Đôi Lá Giang 17-2-2021
Hòa Thượng Thích Bửu Chánh
Trụ Trì Thiền Viện Phước Sơn*

Tôi có duyên được quen biết cư sĩ Võ Thế Hòa hơn mười năm và thường xuyên chia sẻ giáo lý Đức Phật. Cư sĩ hiểu biết giáo lý sâu và thực tập tu học rất tốt. Đặc biệt, Cư sĩ nghiên cứu Kinh tạng Nikaya một cách nghiêm túc, tìm ra con đường giác ngộ và giải thoát khỏi sinh tử trong kiếp này. Mới đây, tác giả gửi cho tôi đọc bản thảo cuốn sách với tựa đề “Tứ Thánh để là tối thượng”, một công trình nghiên cứu và thâm thấu trong việc tu học mà tác giả dự định xuất bản vào năm 2021 này. Tôi nhận thấy tập sách này rất hữu ích và rất tốt cho hành giả và độc giả tiếp cận đến giáo lý và tu học chứng ngộ trong hiện đời này vì tác giả khéo léo vận dụng tư duy logic và tu học của chính mình hệ thống lại cốt tủy, tinh hoa của Đức Phật để cho hành giả, độc giả tiếp cận nhanh và đầy đủ những lời dạy của Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Tôi trân trọng biết ơn tác giả và xin được giới thiệu tập sách này đến độc giả, nhằm góp phần trong việc xiển dương chánh pháp và chứng ngộ giáo lý Đức Phật trong kiếp nhân sinh này.

*Tỳ kheo Giác Tâm, trụ trì tịnh xá Ngọc Long
Cẩn Bút*

(Vài nét về Sư Giác Tâm: Sư có học vị Thạc sĩ Phật học tốt nghiệp tại Ấn Độ và đã trình Luận án Tiến sĩ nhưng vì Covid19 chưa qua Ấn Độ để bảo vệ Luận án được. Sư thuộc hệ phái Khất sĩ, đang trụ trì tịnh xá Ngọc Long, Bình Định).

Nhà sư Toại Khanh đã đọc qua bản thảo “Tứ Thánh đế là tôi thương” có ý kiến như sau:

Kinh Phật bao la, rộng không bờ và sâu không đáy, bởi Phật trí không có giới hạn và đối tượng để Ngài thuyết giảng cũng muôn trùng. Tùy căn cơ mà mỗi người có một sức tiếp nhận khác nhau khi đi vào biển lớn lời Phật.

Có không ít trường hợp ai đó đặc biệt tâm đắc với một góc nhỏ trong ba tạng kinh điển, lấy đó làm chìa khóa bước vào Phật giới rồi nhờ vậy mà cũng có những thành tựu nhất định. Chọn lọc điều mình tâm đắc nhưng không chỉ tâm đắc trong những gì chọn lọc là một việc khó, như đi trên lửa mà không bỏng hay chân trần bước trên bờ biển mà không dính cát vậy. Một tí sơ suất có thể làm hỏng toàn bộ công phu, vì thuyền đã đi lệch hướng.

Soạn giả của tập sách này đã dành trên mười năm làm công việc mà thiên hạ có khi phải mất một đời: Dùng kinh Phật để giải thích kinh Phật một cách công phu và tâm huyết. Đặc biệt, soạn giả đã thuần túy vận dụng riêng mỗi Kinh Tạng để thực hiện việc ấy. Một công trình gian khó nhưng ý nghĩa, khi chứng minh được một điều rằng trong chừng mực nào đó, vùng biển nào cũng có thể đại diện cho cả đại dương.

Rõ ràng đây là một công trình lớn, có ý nghĩa và có thể được xem là của hiếm.

Toại Khanh, 08-02-2021

Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh

Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh

Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh

Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

*(Trích kinh Chuyển Pháp luân
Dịch giả Thích Minh Châu)*

Này các Tỳ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Đạo Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm,

Ta và các Ngươi. Này các Tỳ-kheo khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu; khi Khổ Tập Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu; khi Khổ Diệt Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu; khi Khổ Diệt Đạo Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, thời hữu ái được diệt trừ, sự dấy dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa.

*(Trích kinh Đại Bát Niết Bàn Trường bộ số 16
Dịch giả Thích Minh Châu)*

Bạch Thế Tôn, nay những nam cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, đầy đủ Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, và có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thế hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

*(Trích từ kinh Đại Bát Niết Bàn Trường bộ số 16
Dịch giả Thích Minh Châu)*

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá) tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. 2) Rồi Thế Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỳ-kheo:

3) - Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái nào là nhiều hơn, một ít đất Ta lấy trên đầu móng tay, hay quả đất lớn này?

- Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất. Và ít hơn là một ít đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay, không thể ước tính được, không thể so sánh được, không thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn với một ít đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay.

4) - Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh trong địa ngục.

*(Trích từ kinh Tương ưng 5 -Sanh thú
Dịch giả Thích Minh Châu)*

2) Vô thí là luân hồi này, này các Tỳ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái gì là nhiều hơn? Dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này hay là nước trong bốn biển lớn?

4) - Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng, cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do chúng con than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chứ không phải nước trong bốn biển lớn.

5)- Lành thay, lành thay, này các Tỳ-kheo! Lành thay, này các Tỳ-kheo, các Ông đã hiểu như vậy Pháp do Ta dạy!

6) Cái này là nhiều hơn, này các Tỳ-kheo, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chứ không phải nước trong bốn biển lớn.

7) Trong một thời gian dài, này các Tỳ-kheo, các Ông chịu đựng mẹ chết.

8) ... các Ông chịu đựng con chết...

9) ... các Ông chịu đựng con gái chết...

10) ... các Ông chịu đựng tai họa về bà con...

11) ... các Ông chịu đựng tai họa về tiền của...

12) Trong một thời gian dài, này các Tỳ-kheo, các Ông chịu đựng tai họa của bệnh tật. Cái này là nhiều hơn, là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì mình không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải chịu đựng tai họa của bệnh tật chứ không phải nước trong bốn biển.

13) Vì sao? Vô thí là luân hồi này, này các Tỳ-kheo... bị tham ái trói buộc.

(Trích từ kinh Tương ưng 2 - Vô thí)
Dịch giả Thích Minh Châu)

A. DẪN NHẬP

LỜI NHẮN NHỦ

Đến những ai được tặng cho cuốn sách “**Tứ Thánh đế là tối thượng**”.

Sách này viết chỉ toàn là những ký tự a,b,c,d v.v.. Từ những văn tự này để chúng nghiệm được sự thật rất khó. Tôi xin chia sẻ những kinh nghiệm đã học được từ các triết gia như Trang Tử, Krishnamurti, Không Tử, Lão Tử.

Trang Tử có viết:

“Có nơm là vì cá,

Đặng cá hãy quên nơm”

“Có dò, là vì thỏ

Đặng thỏ hãy quên dò”

“Có lời, là vì ý,

Đặng ý, hãy quên lời”

“Ta tìm đâu đặng người biết

Quên lời, hầu cùng nhau đàm luận!”

(Trang Tử Nam Hoa kinh dịch bởi Nguyễn Duy Cần)

Tôi hiểu và đã áp dụng những câu văn trên từ năm 1975 cho đến nay. Khi học gì cần đạt ý quên lời vô cùng khó nên kiên nhẫn và cần suy tư lâu ngày mới hiểu được, không có việc ngủ một đêm sáng ra giác ngộ.

Triết gia Krishnamurti cho rằng Open mind (tâm rộng mở) sẽ đón nhận những luồng gió mới. Tôi đã áp dụng open mind xuyên suốt từ năm 1973 đến nay. Tôi có thể đọc kinh sách Bắc Tông, Nam Tông, Lão Trang, Khổng, Kinh dịch, Tử vi, Cao đài, Hoà Hảo v.v. mà không dính mắc vào một truyền thống nào cả. Trải qua suốt 47 năm đi tìm hiểu và cuối cùng tôi nhận thấy chân lý trong năm bộ Kinh Nikaya chính do Đức Phật Gotama đã thuyết.

Năm 1976, nhờ đọc cuốn Không học của Không Tử, tôi được biết người thông minh học một lần thì bằng người dốt học 10 lần. Tôi luôn thấy mình dốt và cần cố gắng học nhiều hơn nữa để bằng người thông minh và tôi đã áp dụng điều này từ đó cho đến nay.

Trong Đạo Đức kinh, Lão Tử có viết “Trí giả bất ngôn, ngôn giả bất tri”. Có nghĩa là biết thì không nói và nói thì không biết.

Người học Phật biết rõ Tứ Thánh đế không cần diễn dịch nhiều ngôn từ, nếu còn dùng ngôn từ diễn đạt bốn chân lý vì chưa thấy sự thật.

Từ năm 2009 đến năm 2021, tôi đã nghe và đọc năm bộ kinh Nikaya. Trong suốt 11 năm qua, bản thân tôi đã có nhiều trí tuệ được phát sanh nhờ học và hành trì năm bộ kinh này.

Tôi khi xưa đã đọc câu chuyện *Người mù sờ voi* trong cuốn *Cổ học tinh hoa* vào những ngày đầu đến Sài Gòn. Khi đọc kinh Tiểu bộ một tôi đã thấy câu chuyện *Người mù sờ voi*. Điều này chứng tỏ ông bà tổ tiên xưa đã được tiếp cận kinh Phật từ rất lâu. Nếu ai muốn phát triển trí tuệ nên dành nhiều thời gian đọc năm bộ kinh Nikaya vì tui khôn của loài người nằm ở năm bộ kinh Nikaya mà ít ai biết. Tôi đã trải qua 11 năm học không biết mệt, không biết chán trong thời gian dài, do vậy mà đã được nhiều lợi lạc, trí tuệ phát sanh từ việc học và hành trì kinh.

Phần III của cuốn sách này nói về khổ và nguyên nhân khổ. Trong phần này hành giả cần chứng nghiệm duyên Thức, duyên Lục

Nhập, duyên Xúc, duyên Thọ, duyên Ái và duyên Vô minh. Nếu không chứng nghiệm được dù có đọc vạn cuốn kinh cũng chỉ là huyền thoại thôi.

Chúc mừng những học viên lớp chứng ngộ Tứ Thánh đế đã gieo được những hạt giống Tứ Thánh đế, Lý Duyên khởi, Bát Thánh đạo. Những hạt giống này sẽ phát triển và trở quả dị thực trong tương lai. Nếu tương lai có những học viên mới muốn theo học lớp chứng ngộ Tứ Thánh đế cũng sẽ được gieo vào tâm quý vị những hạt giống giải thoát và chấm dứt khổ đau trong đời này hoặc đời sau. Ngoài hạt giống Tứ Thánh đế ra, sẽ không có những hạt giống nào khác giúp quý vị thoát khỏi sanh tử, luân hồi.

Tôi không hy vọng quý vị hiểu được hết những gì tôi muốn trình bày trong sách. Tuy nhiên, những hạt giống Tứ Thánh đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo sẽ gieo trong tâm quý vị và phát triển trong vị lai.

Quý vị nào có thắc mắc về những nội dung cuốn sách này hay những lời kinh trích dẫn có thể email hay vào google meet cho tôi để làm sáng tỏ. Chúc quý vị thành công khi đọc tập sách này.

Tác giả

LỜI MỞ ĐẦU

Tôi thấy có nhiều kinh sách và những bài giảng trên Youtube về kinh Phật, nhất là đã có năm bộ Kinh Nikaya do Thầy Thích Minh Châu dịch từ Pali ra Việt. Bây giờ có viết nữa chỉ làm rắc rối thêm. Vào tháng 4 năm 2020, do dịch Covid-19, nhà nước Úc trợ cấp cho người dân Úc một số tiền hằng tháng. Tôi đã tiết kiệm được khoảng 60 triệu đồng nên có ý định ấn tống tập sách “Tứ Thánh đế là tối thượng” và có những học viên của lớp chứng ngộ Tứ Thánh đế đã đóng góp thêm nữa nên có tập sách này ra đời.

Học viên Võ Thị Hoàng Yến ở Việt Nam lo phần ấn tống tập sách này và cùng với một số học viên khác đóng góp lên trên 180 triệu đồng cuốn sách dự định sẽ xuất bản vào khoảng cuối tháng 4 năm 2021. Thành thật cảm ơn học viên Yến và những học viên khác đã đóng góp cho việc in ấn cuốn sách tựa đề “Tứ Thánh đế là tối thượng”.

Tại sao tôi chọn tựa đề Tứ Thánh đế là tối thượng?

Tôi đã trải qua trên 47 năm đi tìm hiểu và đọc đủ loại sách như kinh sách Đại thừa, Lão Tử, Trang Tử, Khổng Tử, Khoa học, Kinh dịch v.v. và năm bộ kinh Nikaya trên 11 năm. Tác giả có thể khẳng định rằng giáo lý căn bản Đức Phật Gotama thuyết nằm trong Tứ Thánh đế không ngoài gì khác. Nếu không có Tứ Thánh đế không thể chấm dứt luân hồi. Vì vậy, khi Đức Phật thuyết kinh Chuyển Pháp luân đã rung động 10 ngàn thế giới, giống như tiếng chuông thức tỉnh chúng sanh sau một giấc ngủ dài để học Tứ Thánh đế mà thoát khổ.

Tác giả có trích một đoạn kinh cho biết những ai đi rao giảng những gì Như Lai không nói mà cho rằng Như Lai nói sẽ bị tội phá hoại Tăng và sẽ bị đọa địa ngục một kiếp. Tác giả tin đoạn kinh đó nên trong tập sách này có trích dẫn nguyên văn trong kinh Pali Việt do Thầy Minh Châu dịch (Kinh Tăng chi Tập II, NXB Tôn Giáo, Hà Nội, 2015) và tôi đã chứng nghiệm bốn chân lý đúng như Đức Phật đã thuyết chứ không tin suông mà không chứng nghiệm gì cả.

Lão Tử có viết một câu trong Đạo Đức kinh: “Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri” có nghĩa là biết thì không còn gì để nói, còn nói nhiều thì chưa biết. Đức Phật thuyết năm bộ kinh Nikaya thì sao? Đức Phật có Tha tâm thông, Ngài biết tâm chúng sanh nên chỉ nói cái gì người nghe cần thôi để giúp họ giải thoát. Do thuyết giảng cho nhiều đối tượng khác nhau suốt 45 năm nên dồn lại thành 5 bộ kinh.

Thấy biết Niết Bàn là tự mỗi hành giả tự biết còn “Như Lai chỉ là người chỉ đường”.

Tôi thấy 5 bộ kinh Nikaya có quá nhiều bài kinh rất phức tạp, rất khó hiểu và ít ai chịu bỏ thời gian học cho đến nơi, cho đến chốn. Tập sách này ra đời có mục đích trình bày những điều cốt lõi trong kinh và cũng như trình bày theo thứ tự mà Chư Phật quá khứ, hiện tại, tương lai đều thuyết như vậy, Kinh Trung bộ số 91 và Kinh Trường bộ số 14 có viết như sau:

“Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuận thực, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng

và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo”.

Đáng lý ra, tôi đã có ý định viết Tứ Thánh đế trước rồi mới đến phần sơ thiện. Tuy nhiên có nhiều vị không thể trực tiếp lãnh hội Tứ Thánh đế được nên giới thiệu Sơ thiện cho những ai chưa biết về Phật Pháp nên học trước còn những vị nào có trình độ cao hay căn cơ cao đọc thẳng vào Tứ Thánh đế mà không phải đọc Sơ thiện trước.

Biển học là mênh mông mà xét thấy kiến thức bản thân vẫn còn có chỗ hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót trong tác phẩm này. Kính mong quý vị độc giả hoan hỷ lượng thứ và tôi mong nhận được sự góp ý chân thành để tác phẩm nếu tái bản sẽ được hoàn thiện hơn.

Những độc giả nào đọc cuốn sách này mà phát sanh tâm hoan hỷ, tôi chúc mừng quý vị sắp có những hạt giống Tứ Thánh đế. 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo sẽ được gieo vào tâm và sẽ giúp quý vị thoát khỏi ra tam giới trong đời này hay đời vị lai.

TẠI SAO TỬ THÁNH ĐẾ LÀ TỐI THƯỢNG?

Trong quá trình đi tìm hiểu Phật Pháp, tôi thấy có những quan điểm cho rằng có những Pháp khác cao hơn Tử Thánh đế trong đạo Phật. Nếu những người học Phật không đọc trọn năm bộ kinh Nikaya khó có thể biết Pháp nào là tối thượng trong Phật giáo để chấm dứt khổ đau vĩnh viễn. Vì họ chưa có duyên được đọc kinh Nikaya và chưa được chứng nghiệm Niết Bàn (Diệt khổ) nên tưởng về Niết Bàn và cho rằng Pháp mình đang thọ trì là cao hơn hết.

Trong đạo Phật, Đức Phật toàn giác nào cũng chứng được Tam minh: Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lộ tận minh. Tôi đã trải qua nhiều năm học kinh sách Bắc tông và Nam tông, đã khám phá ra bài kinh “Chuyển Pháp Luân” do Thế Tôn đã thuyết tại vườn Lộc uyển là pháp dẫn đến chứng được Lộ tận minh. Sau đây tôi sẽ trích vài đoạn kinh và giải thích tại sao?

Bài kinh thứ nhất

Trong kinh Trung Bộ số 4 - Kinh Sợ hãi khiếp đảm, viết:

Này Bà-la-môn, Ta ly dục, ly các ác pháp, chứng và trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm với tứ.

Diệt tầm, diệt tứ, Ta chứng và trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Ly hỷ trú xả, chánh niệm tinh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng và an trú Thiền thứ ba.

Xả lạc và xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, Ta chứng và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng trí. Ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: “Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, các món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ này. Tại chỗ này, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, các món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ này, Ta được sanh ra ở đây”. Như vậy Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Bà-la-môn, trong đêm canh đầu Ta chứng được minh thứ nhất, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến sanh tử trí về chúng sanh. Ta với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ

thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ác hạnh về lời nói, ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Này Bà-la-môn, trong đêm canh giữa, Ta chứng được minh thứ hai, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Ta thắng tri như thật: “Đây là khổ”, thắng tri như thật: “Đây là nguyên nhân của khổ”, thắng tri như thật: “Đây là khổ diệt”, thắng tri như thật: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, thắng tri như thật: “Đây là những lậu hoặc”, thắng tri như thật: “Đây là nguyên nhân các lậu hoặc”, thắng tri như thật: “Đây là các lậu hoặc diệt”, thắng tri như thật: “Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc diệt”.

Nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên trí hiểu biết: Ta đã giải thoát. Ta đã

thắng tri: “Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”.

Này Bà-la-môn trong đêm canh ba, Ta chứng được minh thứ ba, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Bài kinh thứ 2

Trong kinh Tăng Chi Sáu Pháp - VI. Đại Phẩm - (IX) (63) Một Pháp Môn Quyết Trạch, viết:

9. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các lậu hoặc... cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên nào đã được nói như vậy? Này các Tỳ-kheo, có ba lậu hoặc này: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

10. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sanh khởi? Vô minh, này các Tỳ-kheo, là các lậu hoặc sanh khởi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sai biệt? Này các Tỳ-kheo, có các lậu hoặc đưa đến địa ngục, có các lậu hoặc đưa đến bàng sanh, có các lậu hoặc đưa đến ngã quý, có các lậu hoặc đưa đến thế giới loài người, có các lậu hoặc đưa đến thế giới chư Thiên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc sai biệt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc dị thực? Này các Tỳ-kheo, khi nào vì vô minh cái gì sanh khởi, một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc dị thực.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc đoạn diệt? Vô minh đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là các lậu đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt. Tức

là chánh tri kiến... chánh định. Khi nào, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các lậu hoặc là như vậy, rõ biết các lậu hoặc sanh khởi như vậy, rõ biết các lậu hoặc sai biệt như vậy, rõ biết các lậu hoặc dị thực như vậy, rõ biết các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các lậu hoặc đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các lậu hoặc... cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này đã được nói như vậy.

11. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các nghiệp... cần phải biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt được nói như vậy. Do duyên gì được nói như vậy?

13. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ sanh khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thực, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên gì đã được nói như vậy?

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi khổ não là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

14. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ sanh khởi? Ái, này các Tỳ-kheo, là khổ sanh khởi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ sai biệt? Này các Tỳ-kheo có khổ lớn, có khổ nhỏ, có khổ chậm biến, có khổ mau biến. Này các Tỳ-kheo, đây là khổ sai biệt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ dị thực? Này các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, ưu sầu, bi

thâm, than van, đập ngực, khóc lóc, đi đến bất tỉnh; do bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, nên đi tìm phía bên ngoài xem có ai biết được một câu, hai câu thân chủ đề đoạn diệt khổ này.

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng khổ đem lại kết quả mê loạn, đem lại kết quả tìm kiếm. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là khổ dị thực.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt?

Ái đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là khổ đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến khổ đoạn diệt. Đó là chánh kiến... chánh định. Này các Tỳ-kheo, khi nào Thánh đệ tử rõ biết khổ như vậy, rõ biết khổ sanh khởi như vậy, rõ biết khổ sai biệt như vậy, rõ biết khổ dị thực như vậy, rõ biết khổ đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là khổ đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ sanh khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thực, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

Hai bài kinh trên cho biết Đức Phật muốn chứng được Lưu tận minh, Ngài đã áp dụng Tứ đế vào hai đối tượng Khổ và Lưu hoặc để biết Khổ và Lưu hoặc để chấm dứt. Sau đó Ngài đã tuyên tuyên bố: “Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên trí hiểu biết: Ta đã giải thoát. Ta đã thắng tri: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”.

Khổ là những cảm thọ khó chịu, ngày nào ai cũng gặp nhưng không để ý thôi. Khổ Tập là nhân sanh khổ, không có tự nhiên sanh, chính là Ái. Khổ Diệt là sự chấm dứt khổ = Niết Bàn, cần diệt ái hoàn toàn.

Khổ Diệt Đạo là phương pháp hay con đường chấm dứt khổ chính là Thánh đạo Tám ngành.

Lậu hoặc là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

Lậu hoặc là rỉ ra như bệnh lậu, như cây khô sanh ra nấm, như từ gạo, nếp lên men. Dục lậu do từ những sự ham muốn rỉ ra các chúng sanh như người, chư thiên, ngạ quỷ, bàng sanh, địa ngục. Hữu lậu do tu thiền chứng được các tầng thiền cho đó là thường hằng (không sanh diệt) rỉ ra cõi sắc. Vô minh lậu do không biết Tứ Thánh đế nên rỉ ra ba cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

Lậu hoặc Tập khởi chính là Vô minh.

Lậu hoặc Diệt chính là diệt Vô minh.

Lậu hoặc diệt Đạo chính là Bát Thánh đạo.

Do biết áp dụng Tứ đế vào đối tượng Khổ và Lậu hoặc phát sanh ra hiểu biết *“Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”*.

Như vậy, nếu chúng ta không thấu rõ Tứ Thánh đế thì không thể nào chứng được Lậu tận minh và vẫn phải luân hồi vào ba cõi, cho dù quý vị có nhân danh những pháp cao siêu mà quý vị đang hành trì, quý vị lạc đường nhưng cứ tưởng mình đi đúng đường. Do đó, những ai không thấy Tứ Thánh đế là Tối Thượng thì xem như sự chấm dứt khổ của quý vị không xảy ra và quý vị vẫn phải luân hồi.

NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC HỌC PHẬT PHÁP

Đa số kinh Phật bằng tiếng Việt ngày nay dịch từ tiếng Hán hoặc có một số kinh sách dịch từ tiếng Anh. Tuy nhiên, số lượng kinh sách nhiều không quan trọng, mà quan trọng hơn kinh sách đó có thực sự do Đức Phật thuyết hay do người đời sau sáng tác.

Sau khi đã nghiên cứu nhiều kinh sách đại thừa và năm bộ kinh Nikaya. Tôi nhận thấy Đức Phật dạy rất đơn giản do khó thực hành nên người học Phật đời sau đã sáng tạo ra nhiều lý luận và nhiều cách tu tập khác nhau dẫn đến việc hành giả khó chứng ngộ Niết Bàn không và phải luân hồi trong tam giới. Có nhiều lý do khiến người học Phật không hiểu lời Đức Phật dạy như:

Việc phân biệt kinh nào là do Đức Phật thuyết là vấn đề rất khó cho những người học Phật Pháp ngày nay. Có một số người không chứng nghiệm nhưng vẫn đi rao giảng những điều Đức Phật không dạy, họ sẽ phạm tội phá hoà hợp Tăng. Vì vậy, những ai đi giảng Phật Pháp cần cẩn trọng tìm hiểu kỹ và chứng nghiệm những lời Đức Phật dạy trước khi đi giảng.

Kinh Nikaya ngày xưa chỉ truyền tụng bằng âm thanh trong một thời gian khá lâu trước khi được viết bằng lá bối. Những danh từ Phật Pháp thường khó hiểu, vì vậy những người học Phật Pháp về sau dùng cái tưởng của họ để diễn dịch nên những danh từ chế định sai rất nhiều.

Do việc dịch kinh Phật từ tiếng Hán và tiếng Pali sang tiếng Việt thời xưa còn nhiều hạn chế, nên khi dịch ra tiếng Việt có một số đoạn kinh rất khó hiểu và sai lệch làm cho sự hiểu kinh Phật càng khó khăn hơn. Bên cạnh đó một số dịch giả sử dụng những danh từ tiếng Việt để dịch kinh từ tiếng Hán hay tiếng Pali mà không dựa trên quy chuẩn nào nên người học cũng tùy theo những danh từ đó mà hiểu theo cách nào cũng đúng.

Một số người giảng những danh từ chế định về 12 nhân duyên, về Bát Thánh đạo tự suy diễn về những từ này mà không tìm hiểu kỹ kinh điển nên đã giảng sai lời Đức Phật dạy khiến người học Phật không chứng nghiệm được.

Rất nhiều người học kinh Phật mà không chứng nghiệm những điều Đức Phật đã dạy trong kinh, họ chỉ thuần túy tin vào những từ ngữ đó và không cần kiểm chứng chúng biểu thị cái gì và có thật trong cuộc sống hiện tại hay không?

Ngôn ngữ là những âm thanh. Đây là một phương tiện truyền đạt giữa con người với con người để hiểu nhau do loài người quy ước đặt ra. Người xưa đã chuyển ký hiệu âm thanh thành ký tự viết trên lá bối vào khoảng 500 năm sau khi Đức Phật diệt độ và viết trên giấy ngày nay. Đây cũng là một dạng truyền thông giữa con người với con người qua ký tự để hiểu nhau. Vì vậy, người học cần phải đạt ý quên lời hoặc phải chứng nghiệm những lời đó chứ không nên ôm văn tự tụng đọc suốt ngày, điều này chẳng đem lại ích lợi gì. Người học kinh cần phải biết ngôn từ dùng trong kinh dùng để biểu thị một vấn đề có thật, vì vậy họ phải phải biết quên lời thấy cái thật đó. Ví dụ, từ Khổ biểu thị sự thật về khổ, người học cần chứng nghiệm cái khổ chứ không nên tụng đọc ra rả về chữ

Khô mà không hiểu về khô, điều này sẽ không đem lại ích lợi gì cho người học.

Phật tử Việt Nam được biết đến năm bộ kinh Nikaya do hòa thượng Thích Minh Châu dịch được Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành năm 1991. Để học, hiểu và chứng nghiệm kinh cần một thời gian rất dài. Nếu người học dành thời gian ít thì sẽ khó mà thấu hiểu và chứng nghiệm được. Rất nhiều người học Phật Pháp không nhận ra duyên Lục nhập rất quan trọng nên không nhận biết sự nguy hiểm khi mất nhập kinh sách, tai nhập những bài giảng trên YouTube, Facebook v.v. vì những gì nhập vào sẽ sanh ra khô về sau theo tiến trình 12 nhân duyên. Vì vậy, người học phải cẩn kiểm chứng những thông tin thu nhận qua mắt, qua tai có đúng hay không, nếu không kiểm chứng thì hậu quả không lường trước.

Người học kinh Nikaya có thể không dễ dàng để hiểu vì vậy cần phải tìm các danh từ có định nghĩa rõ ràng để học thuộc và tìm các bài kinh có ví dụ thì có thể hiểu và cuối cùng cần chứng nghiệm những từ ngữ mà đã có định nghĩa chứ không phải ngồi tưởng về những từ ngữ trong kinh không tốt. Hơn nữa, đọc một bài kinh cần có đạt ý quên lời chứ không nên bám vào những lời mà không đạt ý chính kinh sẽ không tốt.

Có nhiều lý do cản trở người học Phật ngày nay không chứng bực Thánh được mặc dù kinh sách khá nhiều và có nhiều bài giảng của nhiều vị giảng sư nổi tiếng khắp nơi. Trải qua hơn 11 năm nghiên cứu và suy tư về năm bộ kinh Nikaya, tôi đã nhận ra rằng bài kinh Tứ Thánh đế là con đường duy nhất để chứng được Lộ tận minh. Do bài kinh này được thuyết cho những vị có căn cơ cao sau khi các vị đã trải qua việc bố thí, trì giới, các cõi trời, vị ngọt nguy hiểm xuất ly

của dục rồi mới được nghe Đức Phật thuyết Tứ Thánh đế sau cùng. Bài kinh này rất quan trọng, tuy nhiên có một số người học Phật pháp không rốt ráo đã vô tình hạ thấp Tứ Thánh đế xuống chỉ dành cho những vị nào có trình độ thấp học trước, chờ đến thời kỳ cuối Đức Phật thuyết giảng những Pháp cao siêu hơn. Theo tôi đó là những suy nghĩ rất sai lầm.

MỘT SỐ BÀI KINH LIÊN HỆ TỨ THÁNH ĐẾ

Người học Phật pháp hãy đọc và suy tư bài kinh Chuyển Pháp Luân mà Đức Phật đã thuyết. Và có khả năng giúp chúng sanh thoát khỏi tam giới. Nếu như một ông vua khi ra lệnh thì sẽ có tầm ảnh hưởng trong cả nước, còn một ông tỉnh trưởng ra lệnh thì uy quyền chỉ có tầm ảnh hưởng trong tỉnh đó thôi. Kinh Chuyển Pháp Luân có uy lực vô cùng lớn

Trong kinh Tương ưng 5 - Tương Ứng Sự Thật- II. Phẩm Chuyển Pháp Luân viết :

11. I. Như Lai Thuyết

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Bàrànasi, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai.

2) Tại đây, Thế Tôn bảo chúng năm Tỳ-kheo:

-- Có hai cực đoan này, này các Tỳ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là hai?

3) Một là đắm say trong các dục (kàmesu), hạ liệt, đê tiện, phạm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỳ-kheo, là con đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) Và thế nào là con đường Trung đạo, này các Tỳ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường trung đạo, này các Tỳ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

5) Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỳ-kheo. Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, câu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

6) Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỳ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

7) Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.

8) Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định.

9) Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ đã được liễu tri, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

10) Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh...

11) Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

12) Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

13) Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, trong bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta; thời này các Tỳ-kheo, cho đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác.

14) Và cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, trong bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta; cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần

chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: “Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa”.

15) Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm Tỳ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Phật dạy. Trong khi lời dạy này được tuyên bố, Tôn giả Kondanna khởi lên pháp nhãn thanh tịnh, không cấu uế như sau: “Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt”.

16) Và khi Pháp luân này được Thế Tôn chuyển vận như vậy, chư Thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên: “Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời”.

17) Sau khi được nghe tiếng chư Thiên ở cõi đất, Tứ đại Thiên vương thiên lên tiếng nói lên: “Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời”.

18) Sau khi được nghe tiếng của chư Thiên ở Tứ đại Thiên vương thiên, thời chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba... chư Thiên Yà mà... chư Thiên Tusità... chư Hóa lạc thiên... chư Tha hóa tự tại thiên... chư Thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên: “Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận... bất cứ một ai ở đời”.

19) Như vậy, trong sát-na ấy, trong khoảnh khắc ấy, trong giây phút ấy, tiếng ấy lên đến Phạm thiên giới. Và mười ngàn thế giới

chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và một hào quang vô lượng, quảng đại phát chiếu ra ở đời, vượt quá uy lực chư Thiên.

20) Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây: “*Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna (Kiều-trần-như)! Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna!*”

Như vậy Tôn giả Kondanna được tên là Annata Kondanna (A-nhã Kiều-trần-như).

Bài Kinh Chuyển Pháp Luân giúp cho người học Phật pháp có thể tránh xa được hai cực đoan là dục lạc và tự làm mình khổ. Đồng thời chỉ ra Thánh đạo Tám ngành là con đường Trung đạo sẽ dẫn hành giả đến sự chấm dứt khổ. Trong bài kinh này Khổ đế là quả khổ đã trình bày khá chi tiết, còn Khổ Tập đế là nguyên nhân khổ đã trình bày tổng quát, còn phân biệt thuyết là Lý Duyên khởi được đề cập trong các bài kinh khác. Khổ Diệt đế là Niết Bàn đã trình bày tổng quát còn phân biệt thuyết là Lý Duyên diệt được nói trong bài kinh khác. Khổ Diệt Đạo đế là Bát Chánh được trình bày một cách tổng quát còn phân biệt thuyết hành giả cần liên hệ đến những bài kinh khác để biết rõ ràng.

Khổ Thánh đế cần phải liễu tri. Khổ Tập Thánh đế cần phải đoạn tận. Khổ Diệt Thánh đế cần phải chứng ngộ. Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập. Bốn câu này rất quan trọng được giải thích rõ ràng trong tập sách này.

Bài kinh Vô Thượng Pháp luân đã vang lên đến chư Thiên cõi dục, chư Thiên cõi sắc và đã làm rung chuyển 10 ngàn thế giới và có một vị đã chứng bậc Thánh dự lưu.

Đức Phật đã tuyên thuyết bài kinh Chuyển Pháp Luân một cách tổng quát và không có chi tiết về Khổ Tập, về Khổ Diệt và về Khổ Diệt Đạo. Vì vậy trong năm bộ kinh Nikaya sẽ có những bài kinh khác làm sáng tỏ Tứ Thánh đế. Bên cạnh đó Đức Phật còn nói rất rõ ràng về con đường Trung đạo Thánh đạo tám ngành đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết Bàn. Nhưng tại sao ngày nay, nhiều người học Phật không tin tưởng tuyệt đối vào con đường tám ngành này để tu tập, có lẽ do chưa đủ duyên để gặp được chánh pháp.

Sau đây là một bài kinh được trích để thấy Đức Phật đã nói rõ Khổ Tập là Lý Duyên khởi và Khổ Diệt là Lý Duyên Diệt.

Trong kinh Tăng Chi Ba Pháp - VII. Phẩm Lớn - 61 Sở y xứ, viết:

9.- Bốn thánh đế này, này các Tỳ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến? Do chấp thủ sáu giới, này các Tỳ-kheo, nên có nhập thai. Do có nhập thai, nên có danh sắc. Do duyên danh sắc, nên có sáu xứ. Do duyên sáu xứ, nên có xúc. Do duyên xúc, nên có thọ. Với người có cảm thọ, này các Tỳ-kheo, Ta nêu rõ: “Đây là khổ”, Ta nêu rõ: “Đây là khổ tập; Ta nêu rõ: “Đây là khổ diệt”, Ta nêu rõ: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”.

10.- Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế?

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi, khổ, ưu, não là khổ. Điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Này các Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế.

11.- Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập?

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên sắc, danh sắc duyên sáu xú, sáu xú duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập.

12.-Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt?

Do vô minh diệt không có tàn dư, nên các hành diệt. Do hành diệt, nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xú diệt. Do sáu xú diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt toàn bộ của khổ uẩn này. Này các Tỳ-kheo, Đây gọi là Thánh đế về Khổ diệt.

13.-Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt?

Đây là Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là Thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt.

Bốn Thánh đế này, này các Tỳ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không có uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Đoạn kinh này cũng cho biết rằng sự hình thành bào thai con người từ sự chấp thủ sáu giới chính là Hỏa giới, Thủy giới, Thổ giới, Phong giới, Không giới, Thức giới. Như vậy chữ Thức giới chính là Thức trong 12 nhân duyên.

Như vậy có thể nói rằng người học Phật nếu không giác ngộ thì sẽ không thông hiểu được Bốn Thánh đế.

Trong kinh Trường Bộ số 16. Đại Bát Niết Bàn, viết:

1. Rời Thế Tôn gọi tôn giả Ananda: “Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Kotigàma”

- “Xin vâng, bạch Thế Tôn”. Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rời Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến Kotigàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Kotigàma.

2. Thế Tôn nói với các vị Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi. Bốn Thánh đế ấy là gì?

Này các Tỳ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỳ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Tập Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỳ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỳ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Đạo Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm,

Ta và các Ngươi. Này các Tỳ-kheo khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu; khi Khổ Tập Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu; khi Khổ Diệt Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, thời hữu ái được diệt trừ, sự dặt dẫ đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa.

3. Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ lại nói thêm:

- Chính vì không thấy như thật Bốn Thánh đế nên có sự luân chuyển lâu ngày trong nhiều đời. Khi những sự thực này được nhận thức, nguyên nhân của một đời sống khác được trừ diệt, khi khổ căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa.

Đoạn kinh trên đã khẳng định rằng nếu không giác ngộ, không thông hiểu Tứ Thánh đế thì con người còn trôi lăn trong luân hồi và không có đến được với Niết Bàn. Bạc Đạo sư đã nói như vậy mà chúng sanh không nghe lời dạy của Ngài thì còn đau khổ triền miên.

Có một bài kinh mà Đức Phật đã thuyết dạy cho người xuất gia cần ghi nhớ Tứ Thánh đế suốt đời, bài kinh đã nói lên sự quan trọng của Tứ Thánh đế như thế nào?

Trong kinh Tăng Chi Ba Pháp - II. Phẩm Người Đóng Xe - 12.- Ba Chỗ, viết:

“Này các Tỳ-kheo, có ba pháp này, một Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ. Thế nào là ba?

Tại chỗ nào, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa; xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; đây là pháp thứ nhất, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, tại chỗ nào, Tỳ-kheo như thật biết rõ: “Đây là khổ”, như thật rõ biết: “Đây là khổ tập”, như thật rõ biết: “Đây là khổ diệt”, như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”; đây là pháp thứ hai, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, tại chỗ nào, một Tỳ-kheo, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; đây là pháp thứ ba, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ”.

Tại sao người xuất gia cần phải trọn đời ghi nhớ Tứ Thánh đế? Việc ghi nhớ Tứ Thánh đế sẽ giúp những người tu hành chấm dứt sanh tử. Nếu ghi nhớ những gì khác Tứ Thánh đế thì không hết khổ đau.

Có một con đường xưa cũ mà những bậc Chánh Đẳng Giác quá khứ, hiện tại, tương lai đều phải đi qua.

Trong kinh Tương Ưng 2 - Tương Ưng Nhân Duyên (c) - VII. Đại Phẩm Thứ Bảy - V. Thành Ấp (Tập 12.5, Đại 2,80b) (Tăng 384, Đại 2) (S.ii,104), viết:

1) ... *Tại Sàvatthi.*

2) -- *Thuở xưa, này các Tỳ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: “Thập9t sự thế giới này bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết xuất ly khỏi già*

và chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến xuất ly khỏi già và chết”.

3) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu? Do cái gì, già chết sanh khởi?”

4) Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do sanh có mặt nên già chết hiện hữu. Do duyên sanh, nên già chết sanh khởi”.

5) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì có mặt, hữu hiện hữu? Thủ hiện hữu? Ái hiện hữu? Thọ hiện hữu? Xúc hiện hữu? Sáu xír hiện hữu? Danh sắc hiện hữu? Do duyên cái gì, danh sắc sanh khởi?”

6) Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do thức có mặt nên danh sắc hiện hữu. Do duyên thức nên danh sắc sanh khởi”.

7) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì có mặt, thức hiện hữu. Do duyên cái gì, thức sanh khởi?”

8) Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do danh sắc có mặt nên thức hiện hữu. Do duyên danh sắc nên thức sanh khởi”.

9) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: “Thức này trở lui, không đi xa hơn danh sắc. Xa đến như vậy, chúng ta bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, bị tái sanh, nghĩa là do duyên danh sắc, thức sanh khởi. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi. Do duyên danh sắc, sáu xír sanh khởi. Do duyên sáu xír, xúc sanh khởi...”. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

10) “Tập khởi, tập khởi”. Nay các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

11) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu? Do cái gì diệt, già chết diệt?”

12) Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do sanh không có mặt, nên già chết không hiện hữu. Do sanh diệt, nên già chết diệt”.

13) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì không có mặt, sanh không hiện hữu? Hữu không hiện hữu? Thủ không hiện hữu? Ái không hiện hữu? Thọ không hiện hữu? Xúc không hiện hữu? Sáu xứ không hiện hữu? Danh sắc không hiện hữu? Do cái gì diệt, danh sắc diệt?”

14) Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do thức không có mặt, danh sắc không hiện hữu. Do thức diệt nên danh sắc diệt”.

15) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Do cái gì không có mặt, thức không hiện hữu? Do cái gì diệt, nên thức diệt?”

16) Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: “Do danh sắc không có mặt, thức không hiện hữu. Do danh sắc diệt nên thức diệt”.

17) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Ta đã chứng đắc con đường này đưa đến giác ngộ, tức là do danh sắc diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt...(như trên)...Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt”.

18) “Đoạn diệt, đoạn diệt”. Nay các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

19) Ví như, nay các Tỳ-kheo, một người khi đi qua một khu rừng, một chặng núi, thấy được một con đường cũ, một đạo lộ cũ do những người xưa đã từng đi qua. Người ấy đi theo con đường ấy, trong khi đi theo con đường ấy, người ấy thấy được một cổ thành, một cố đô do người xưa ở, với đầy đủ vườn tược, đầy đủ rừng cây, đầy đủ hồ ao với thành lũy đẹp đẽ.

20) Rồi nay các Tỳ-kheo, người ấy báo cáo với vua hay vị đại thần: “Chư tôn hãy biết, trong khi đi ngang một khu rừng, một chặng núi, tôi thấy được một con đường cũ, một đạo lộ cũ do những người xưa đã từng đi qua. Tôi đã đi theo con đường ấy và thấy được một cổ thành, một cố đô do người xưa ở, với đầy đủ vườn tược, đầy đủ rừng cây, đầy đủ hồ ao, với thành lũy đẹp đẽ. Thưa các Tôn giả, hãy xây dựng lại ngôi thành ấy”.

21) Rồi nay các Tỳ-kheo, vị vua hay vị đại thần cho xây dựng lại ngôi thành ấy. Và ngôi thành ấy, sau một thời gian lớn lên và trở thành một thành phố phồn vinh, thịnh vượng, đông đúc, tràn đầy người ở.

Cũng vậy, nay các Tỳ-kheo, Ta đã thấy một con đường cũ, một đạo lộ cũ do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua.

22) Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là con đường cũ, đạo lộ cũ ấy do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua? Đây chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Con đường ấy, nay các Tỳ-kheo, là con đường cũ, đạo lộ cũ do các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua. Ta đã đi theo con đường

ấy. Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ già chết; Ta thấy rõ già, chết tập khởi; Ta thấy rõ già chết đoạn diệt; Ta thấy rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt.

23-31) Ta đã đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy; Ta thấy rõ sanh... Ta thấy rõ hữu... Ta thấy rõ thủ... Ta thấy rõ ái... Ta thấy rõ thọ... Ta thấy rõ xúc... Ta thấy rõ sáu xứ... Ta thấy rõ danh sắc... Ta thấy rõ thức...

32) Ta đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ các hành; Ta thấy rõ các hành tập khởi; Ta thấy rõ các hành đoạn diệt, Ta thấy rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt.

33) Cái được Ta biết rõ, Ta đã tuyên bố cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ được biết. Nay các Tỳ-kheo, tức là Phạm hạnh này, phồn vinh, thịnh vượng, quảng đại, chúng đa, người nhiều và được chư Thiên, loài Người khéo léo trình bày.

Bài kinh *Con đường xưa cũ* đã chỉ ra cho người tu như lý tư duy từ duyên Già chết, duyên Sanh, duyên Hữu... duyên Hành, Duyên Vô minh. Đây là chính là về Lý duyên khởi đi từ Vô minh cho đến Sanh, duyên Già chết.

Người tu theo con đường xưa cũ, áp dụng Tứ đế vào 11 Duyên trong 12 Duyên để thấy rõ, biết rõ duyên này gì, duyên kia là gì vì sao nó sanh, vì sao nó diệt và làm sao thực hiện để diệt nó v.v..

Đồng thời người tu theo con đường xưa cũ là tu tập hay thực hành bát Thánh đạo sẽ hết khổ.

Cũng có một đoạn kinh khác trình bày có sự khác nhau giữa Như Lai và đệ tử Như Lai viết như sau: “*Này Bà-la-môn, Thế Tôn là*

bậc làm khơi dậy con đường trước đây chưa được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói; là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và các đệ tử Ngài là những vị sống hành đạo và tùy hành đạo và sẽ thành tựu (những pháp ấy) về sau”.

Qua bài kinh này con đường xưa cũ đã được phơi bày. Những ai hữu duyên với con đường xưa cũ mà cứ thế bước đi thì sẽ hết khổ vì bài kinh con đường xưa cũ đã chỉ ra cách áp dụng Tứ Thánh đế vào 11 Nhân trong 12 Nhân duyên để biết cách diệt từng duyên. Vì vậy mỗi duyên trong 12 duyên mà không biết Tứ đế thì không thể nào hiểu được khổ Tập thì làm sao diệt khổ được.

Có một bài kinh nữa xác quyết rằng chỉ có Tứ Thánh đế là điều ta nói sẽ đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết Bàn, đó là bài kinh Rừng Simsapà trích trong kinh Tương ưng 5 - Đại phẩm.

Trong kinh Tương Ưng 5 - Chương XII Tương Ưng Sự Thật
(a) - IV. Phẩm Rừng Simsapà - 31.I. Simsapà, viết:

1) Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại rừng Simsapà.

2) Rồi Thế Tôn lấy tay nhặt lên một ít lá Simsapà, rồi bảo các Tỳ-kheo:

-- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một số ít lá Simsapà mà Ta nắm lấy trong tay, hay lá trong rừng Simsapà?

-- Thật là quá ít, bạch Thế Tôn, một ít lá Simsapà mà Thế Tôn nắm lấy trong tay, và thật là quá nhiều lá trong rừng Simsapà.

3) -- Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, thật là quá nhiều, những gì Ta đã thắng tri mà không nói cho các Ông! Thật là quá ít những gì mà Ta đã nói ra!

4) Nhưng tại sao, này các Tỳ-kheo, Ta lại không nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, những điều ấy không liên hệ đến mục đích, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta không nói lên những điều ấy.

5) Và này các Tỳ-kheo, điều gì mà Ta nói? “Đây là Khổ”, này các Tỳ-kheo, là điều Ta nói. “Đây là Khổ tập”, là điều Ta nói. “Đây là Khổ diệt”, là điều Ta nói. “Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt”, là điều Ta nói.

6) Nhưng tại sao, này các Tỳ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, những điều ấy liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta nói lên những điều ấy.

7) Do vậy, này các Tỳ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là Khổ”... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt”.

Qua bài kinh này đã cho chúng ta thấy trí tuệ bao la nhiều như lá trong rừng nhưng không đưa đến chắm dứt khổ. Những điều Đức Phật đã thuyết chỉ ít như nắm lá trong tay Đức Phật, nhưng những lời Phật thuyết đó sẽ giúp chúng sanh thoát khổ, chắm dứt khổ. Đức Phật nói “này các Tỳ-kheo, điều gì mà Ta nói? “Đây là Khổ”, này các Tỳ-kheo, là điều Ta nói. “Đây là Khổ tập”, là điều Ta nói. “Đây là Khổ diệt”, là điều Ta nói. “Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt”, là điều Ta nói”. Xem hình minh họa về nắm lá trong tay Đức Phật là

quan trọng nhất còn những chiếc lá trong rừng không dẫn đến chám dứt khổ trang 466.

Ngày đầu tiên Đức Phật thuyết Kinh Chuyển Pháp Luân đã nói Bát Thánh đạo sẽ dẫn đến Niết Bàn và cho đến ngày cuối cùng trước giờ Ngài nhập Niết Bàn vẫn nhắc đến Bát Thánh đạo nếu tu tập sẽ đạt được bốn Thánh quả. Điều này được Đức Phật nói trong kinh Trường bộ số 16 như sau:

23. Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Subhadda ở tại Kusinàrà. Du sĩ ngoại đạo Subhadda được nghe: “Tối nay canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ”.

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda suy nghĩ: “Ta nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lạp lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: “Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu. Và đêm nay, vào canh cuối cùng Sa-môn Gotama sẽ diệt độ”. Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm ta. Ta tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho ta”.

24. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đi đến Upavattana, khu rừng Sàla của dân Mallà, đến tại chỗ tôn giả Ananda và thưa với tôn giả:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cao lạp lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: “Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ”. Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

Lần thứ hai, du sĩ ngoại đạo Subhadda... Lần thứ ba, du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: “Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ”. Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Lần thứ ba, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

25. Thế Tôn nghe được câu chuyện của tôn giả Ananda với du sĩ ngoại đạo Subhadda, Ngài liền nói với tôn giả Ananda:

- Thôi Ananda, chớ có ngăn trở Subhadda, Ananda, hãy để cho Subhadda được phép yết kiến Như Lai. Những gì Subhadda hỏi Ta là hỏi để hiểu biết chớ không phải để phiền nhiễu Ta. Và những gì Ta trả lời các câu hỏi, Subhadda sẽ hiểu ý nghĩa một cách mau lẹ.

Tôn giả Ananda liền nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Nay Hiền giả Subhadda, hãy vào. Thế Tôn đã cho phép Hiền giả.

26. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đến chỗ Thế Tôn, nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là những vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pàrana Kassapa, Makkhali Gosàla, Ajita Kesakambali, Pakadha Kaccàyana, Sanjaya Belatthiputta, Nigantha Nàthaputta, tất cả những vị này có phải là giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ?

- Thôi Subhadda, hãy để vấn đề này yên một bên: “Tất cả những vị này có phải là đã giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ”. Nay Subhadda, Ta sẽ thuyết pháp cho Ngươi. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Du sĩ ngoại đạo Subhadda vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

27. - Nay Subhadda, trong pháp luật nào không có Bát Thánh đạo, thời ở đây không có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn. Nay Subhadda trong pháp luật nào có Bát Thánh đạo, thời ở đây có đệ nhất Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đây cũng có đệ tứ Sa-môn. Nay Subhadda, chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Nay Subhadda, nếu những vị Tỳ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán.

Nay Subhadda, năm hai mươi chín,

Ta xuất gia hướng tìm chân thiện đạo.

Trải năm mươi năm với thêm một năm

Từ khi xuất gia, này Subhadda,

Ta là du sĩ tu Trí, tu Đức.

Ngoài lãnh vực này, không có Sa-môn đệ nhất cũng không có Sa-môn đệ nhị, cũng không có Sa-môn đệ tam, cũng không có Sa-môn đệ tứ. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những Tỳ-kheo sống chơn chánh, thì đời này không vắng những vị A-la-hán.

Như vậy chúng ta thấy ngày đầu tiên khi thuyết Kinh Chuyển Pháp Luân Đức Phật đã giới thiệu Thánh đạo Tám ngành sẽ dẫn đến Niết Bàn và cho đến những thời khắc sau cùng trước khi Nhập Niết Bàn ngài vẫn lặp lại Thánh đạo Tám ngành sẽ dẫn đến tứ Thánh quả. Những lời dạy của Đức Phật luôn nhất quán và xuyên suốt từ những ngày đầu cho đến ngày cuối ngài vẫn luôn nói đến sự quan trọng của Bát Thánh đạo.

Đức Phật đã xác quyết chỉ có thực hành bát Thánh đạo mới đạt bốn bậc Thánh. Có một đoạn trong bài kinh Trung bộ số 107 viết như sau:

“Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, này Bà-la-môn, Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường”.

Một đoạn kinh khác trong Kinh Trung bộ số 22 cũng viết như sau: *“Chư Tỳ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ”.*

Những bài kinh đã nêu trên khuyên Phật tử chú tâm học Tứ Thánh đế mà khổ Tập là Lý Duyên Khởi và Khổ Diệt là Lý Duyên Diệt và Đạo đế là bảy con đường nhưng Thánh đạo Tám ngành và Tứ Niệm Xứ được nhắc nhiều nhất so với năm con đường kia. Chúng ta nên cố gắng rõ biết Tứ Thánh đế để có quả Thánh Dự Lưu trước.

Ngày nay có một số quý vị tự xưng là đệ tử Như Lai không rao giảng Tứ Thánh đế mà lo đi rao giảng những điều Như Lai không thuyết. Việc này sẽ khiến vị đó bị đọa địa ngục một kiếp, vì vậy các quý vị hãy suy nghĩ kỹ về bài kinh Phá hoà hợp Tăng trích trong kinh Tăng chi 10 pháp cho kỹ trước khi giảng.

PHÁ HÒA HỢP TĂNG

Trong kinh Tăng Chi Mười Pháp - IV. Phạm Upàli Và Ananda - (V) (35) Phá Hoà Hợp Tăng, viết:

1. - *Phá hòa hợp tăng, phá hòa hợp tăng, bạch Thế Tôn được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là phá hòa hợp Tăng?*

2. - *Ở đây, này Upàli, các Tỳ-kheo thuyết phi pháp là pháp; thuyết pháp là phi pháp; thuyết phi luật là luật; thuyết luật là phi luật; thuyết điều Như Lai không nói, không thuyết, là điều Như Lai nói, Như Lai thuyết; thuyết điều Như Lai có nói, có thuyết, là điều Như Lai không nói, không thuyết; thuyết điều Như Lai thường không sở hành là điều Như Lai thường sở hành; thuyết điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai không thường sở hành; thuyết điều Như Lai không chế đặt là điều Như Lai chế đặt; thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt.*

Chính do mười sự này, họ phá hoại, họ chia rẽ, họ hành bất động yết-ma, họ tuyên đọc giới bốn Pàtimokkha khác biệt. Cho đến như vậy, này Upàli, là chúng Tăng bị phá hoại.

Đoạn kinh trên cho biết rằng căn trọng cái gì Như Lai không nói, không thuyết là mà cho rằng Như Lai có nói có thuyết là tội phá hoà hợp tăng. Sau đây xin trích dẫn tội phá hoà hợp tăng như thế nào?

QUẢ CỦA PHÁ HÒA HỢP TĂNG

Trong kinh Tăng Chi Mười Pháp - IV. Phạm Upàli Và Ananda - (V) (38) Phá Hòa Hợp Tăng, viết:

(VIII) (38) Quả Của Phá Hòa Hợp Tăng

1. - *Phá hoại Tăng hòa hợp, đem lại kết quả gì?*
2. - *Này Ananda, đem lại tội ác kéo dài đến một kiếp.*
3. - *Bạch Thế Tôn, tội ác gì kéo dài một kiếp?*
4. - *Này Ananda, bị nấu trong địa ngục một kiếp.*

Kẻ phá hòa hợp Tăng

Bị rơi vào đọa xứ,

Bị rơi vào địa ngục

Kéo dài đến một kiếp;

Ưu thích sự bất hòa,

An trú trên phi pháp,

An ôn các khổ ách,

Lại xa lìa, từ bỏ;

Ai phá sự hòa hợp,

Của Tăng chúng Tỳ-kheo,

Trong một kiếp, người ấy,

Bị địa ngục nung nấu.

Như vậy với những lời dạy Đức Phật chúng ta hãy cẩn trọng tìm hiểu cho kỹ rồi mới đi rao giảng, nếu không chúng ta sẽ rơi vào tội phá hợp Tăng đọa địa ngục một kiếp.

Bài kinh Chuyển Pháp Luân nói tổng thuyết về Tứ Thánh đế chỉ dành cho những ai có căn cơ cao mới thấu hiểu được. Ngày nay chúng ta sống trong thời đại văn minh và phát triển nên có nhiều vấn đề tác động đến dục nhiều làm sao hiểu được Tứ Thánh đế nên về sau loài người đã diễn dịch sai Tứ Thánh đế và đã phát sanh nhiều pháp môn khác nhau sẽ bị tội phá hoà tăng mà không hề hay biết cứ tưởng rằng mình đang rao giảng chánh pháp.

Không lẽ Đức Phật ra đời chỉ giảng cho những người có căn cơ cao như năm anh em Kiều Trần Như hay dành cho 1250 vị Thánh A La Hán sao. Đức Phật có một cách giảng khác dành cho những ai còn nhiễm nhiều bụi đời.

Bài kinh Trung bộ số 91 cho biết Đức Phật đã dạy tuần tự cho những ai còn vương nhiều “bụi đời” như sau:

Trong kinh Trung Bộ số 91, Kinh Brahmàyu có viết:

Rồi Bà-la-môn Brahmayu suy nghĩ như sau: “Nay Sa-môn Gotama đã cho phép ta. Vậy ta nên hỏi Sa-môn Gotama về mục đích hiện tại hay tương lai”. Rồi Bà-la-môn Brahmayu suy nghĩ: “Ta đã thiện xảo về mục đích hiện tại và các người khác hỏi ta về mục đích hiện tại. Vậy ta hãy hỏi Sa-môn Gotama về mục đích tương lai”. Rồi Bà-la-môn Brahmayu dùng bài kệ thưa Thế Tôn:

Thế nào (là) Bà-la-môn?

Thế nào thông Vệ-đà?

Thế nào là ba minh?

Thế nào gọi cát tường?

Thế nào là ứng cúng?

Thế nào bậc Viên mãn?

Thế nào bậc Mâu-ni?

Thế nào gọi Phật-đà?

Rồi Thế Tôn dùng bài kệ trả lời Bà-la-môn Brahmayu:

Ai biết được đời trước,

Thấy thiện thú, ác thú,

Đoạn tận được tái sanh,

Thắng trí được viên thành,

Vị ấy gọi Mâu-ni.

Ai biết tâm thanh tịnh,

Giải thoát gọi tham dục,

Sanh tử đều đoạn tận,

Phạm hạnh được viên thành,

Thông đạt như thiết pháp,

Vị ấy xưng Phật-đà.

Khi được nghe vậy, Bà-la-môn Brahmayu từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, cúi đầu xuống dưới chân Thế Tôn, dùng miệng hôn xung quanh chân Thế Tôn, lấy tay sờ xung quanh và tự xưng danh:

-- Thưa Tôn giả Gotama, con là Bà-la-môn Brahmayu.

Và hội chúng ấy tâm tư trở thành kinh dị, vi diệu: “Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay, đại uy lực, đại thần lực của vị Sa-môn đã khiến cho Bà-la-môn Brahmayu này, với danh tiếng, danh vọng như vậy, lại hạ mình tối đa như vậy”. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Brahmayu:

-- Thôi vừa rồi, Bà-la-môn, hãy đứng dậy. Ông hãy ngồi trên ghế của Ông vì tâm của Ông đã hoan hỷ đối với Ta.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đứng dậy, liền ngồi trên ghế của mình. Rồi Thế Tôn thứ lớp thuyết pháp cho Bà-la-môn Brahmayu, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi Trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Brahmayu đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần bạch, được gột rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, chính tại chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Brahmayu: “Phàm pháp gì được tập khởi lên đều bị tiêu diệt”. Bà-la-môn Brahmayu thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tin, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư. Bà-la-môn Brahmayu liền bạch Thế Tôn:

Ý chính đoạn kinh là thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi Trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Brahmayu đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo”.

Hơn nữa theo kinh Tăng chi tám pháp - Phẩm Gotami viết rằng: “Này Ananda, nếu nữ nhân không được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, thời này Ananda, Phạm hạnh được an trú lâu dài, và diệu pháp được tồn tại đến một ngàn năm. Vì rằng, này Ananda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, này Ananda, Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài, thời này Ananda, diệu pháp được tồn tại năm trăm năm”.

Thời gian đã vượt quá 500 năm rồi, những ai có hữu duyên với chánh pháp do Như Lai thuyết thì vẫn có thể tìm thấy trong năm bộ kinh Nikaya.

Bài kinh Lối Cây cho biết muốn chứng ngộ Niết Bàn, người học Phật Pháp cần biết rõ ràng những bước đi cần thiết trước khi đi tìm Lối Cây tức là Niết Bàn.

Như vậy, Tứ Thánh đế được thuyết sau cùng sau khi hành giả đã viên mãn bố thí, viên mãn giới, biết và tin các cõi trời dục giới do bố thí và giữ giới mà có, biết vị ngọt, nguy hiểm, biết xuất ly của dục lạc, sau cùng thuyết Tứ Thánh đế để chứng lậu tận minh, không sanh lại tam giới nữa.

B. NỘI DUNG

PHẦN I

BỐ THÍ, TRÌ GIỚI, CÁC CỠ TRỜI DỤC GIỚI

Ba đời chư Phật đều bắt đầu dạy căn bản về bố thí, trì giới và các cõi trời cho loài người chứ không dạy Tứ Thánh đế là căn bản như nhiều người học Phật Pháp thường đi rao giảng trên mạng và trên sách vở. Tại sao những người Phật tử phải thực hành những điều trên?

Bố thí sẽ giúp cho chúng sinh có quả báo về vật chất sung túc nên giúp cuộc sống con người có nhiều an lạc. Nếu chúng sinh vô minh sanh ra tâm keo kiệt khi sanh ra đời nghèo túng, sống thiếu thốn và phát sanh ra những bất thiện.

Chư Phật dạy về trì giới để giúp chúng sinh không rơi vào đọa xứ như địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh. Ba đọa xứ này rất đau khổ, do vậy người Phật tử phải trì năm giới tối thiểu sẽ sanh lại làm người hoặc sanh vào sáu cõi trời dục giới hưởng thiên lạc. Đức Phật dạy Phật tử phải có niềm tin Phật bất động, niềm tin Pháp bất động, niềm tin Tăng bất động. Đây là điều kiện cần có để giúp Phật tử thành tựu giới, nếu không tin thì không thực hành giới được.

Chư Phật có Thiên nhân Minh thấy chúng sanh thành tựu bố thí, thành tựu giới sẽ sanh vào sáu cõi trời dục giới hưởng thiên lạc nên thuyết về các cõi trời.

Theo Lý Duyên Khởi, do duyên Vô minh sanh ra Hành gồm có ý hành, khẩu hành, thân hành sẽ sanh vào tam giới: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Tất cả chúng sanh cứ quanh quẩn ba cõi này. Cõi dục gồm hạnh phúc và những đau khổ, còn cõi sắc và cõi vô sắc chỉ là những cảm thọ lạc hỉ không có cảm thọ khổ. Để không còn sanh lại thế gian, người học Phật cần giác ngộ Tứ Thánh đế nhưng biết bốn chân lý này vô cùng khó khăn. Chúng sanh ra đời gặp được một Đức Phật toàn giác xuất hiện trên thế gian này rất hy hữu, nếu không gặp Ngài thì chúng ta vô minh và cứ tiếp tục hành động để luân hồi mãi mãi. Ngày nay Đức Phật đã diệt độ rồi chỉ còn năm bộ kinh Nikaya đã dạy Tứ Thánh đế rất đầy đủ, nếu người học Phật chịu khó tìm hiểu và chứng nghiệm có thể ra khỏi tam giới.

Người học Phật mà căn cơ Sơ thiện nên cố gắng tu tập bố thí, tu tập giới. Cuối cùng sẽ sanh vào Thiên giới hưởng Thiên lạc rất lâu dài mà tuổi thọ từ 9 triệu năm và cho đến cõi trời Tha hoá tự tại có tuổi thọ 9126 triệu năm so với tuổi thọ loài người 100 năm quá nhỏ nên cố gắng tu tập bố thí và giới. Phật tử dù chưa là bậc Thánh hãy thực hành bố thí và trì giới hằng ngày rất tốt cho đời sau.

Chương 1

BỒ THÍ

Tại sao cần phải bố thí?

Đây là bước đầu giảm bớt khổ, đang đi trên con đường dẫn đến hạnh phúc, nếu không biết bố thí sẽ khổ rất nhiều. Ví dụ một người biết trồng lúa sẽ sanh ra nhiều lúa sau một thời gian đã gieo. Tương tự khi bố thí sẽ sanh ra nhiều của cải, vật chất. Hành động bố thí thuộc về ý hành thiện.

Bồ thí là cho một người khác một cái gì đó như tiền bạc, thức ăn uống, sàng tọa, thuốc men, nếu cho cha mẹ hay các vị tu hành thường gọi là “Cúng dường” để tỏ sự cung kính. Có hai loại bố thí: bố thí vật chất và bố thí Pháp nhưng bố thí Pháp là cao thượng nhất vì Pháp giúp chúng sanh biết thế nào là thiện, biết thế nào là ác để tránh ác làm lành, sẽ được quả lành trong đời này và đời sau. Khi bố thí vật chất có thể giúp chúng sanh được ấm no nhất thời nhưng vì không biết Pháp nên làm những điều ác mà không làm điều thiện vì vậy tiếp tục khổ nữa trong hiện tại và trong tương lai.

Sau đây là bài kinh cho biết vì sao giàu có hay nghèo khổ, vì sao chết yểu hay sống lâu v.v.. Trong kinh Trung bộ số 135 viết:

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc).

Rồi thanh niên Subha Todeyyaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

-- Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì giữa loài Người với nhau, khi họ là loài Người, lại thấy có người liệt, có người ưu?

Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi thấy có người đoản thọ, có người trường thọ; chúng tôi thấy có người nhiều bệnh, có người ít bệnh; chúng tôi thấy có người xấu sắc, có người đẹp sắc; chúng tôi thấy có người quyền thế nhỏ, có người quyền thế lớn; chúng tôi thấy có người tài sản nhỏ, có người tài sản lớn; chúng tôi thấy có người thuộc gia đình hạ liệt, có người thuộc gia đình cao quý; chúng tôi thấy có người trí tuệ yếu kém, có người có đầy đủ trí tuệ.

Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, giữa loài Người với nhau, khi họ là loài Người, lại thấy có người liệt, có người ưu?

-- Nay Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, ngọc cụ, nhà cửa, đèn đuốc. Do nghiệp ấy.. đọa xứ... tài sản nhỏ. Con đường đưa đến tài sản o thú... nhiều tài sản. Con đường đưa đến nhiều tài sản nhỏ... ngọc cụ, nhà cửa, đèn đuốc.

Bồ thí là hạt giống sẽ có những quả tốt đẹp thuộc về vật chất như nhà cửa, xe hơi, có nhiều tài sản khác v.v. vì do bồ thí hay cúng dường mà trở ra chứ không phải ngẫu nhiên mà có nhưng đa số loài người không có thiên nhãn minh nên nói do mình tài giỏi hay may mắn.

Bài kinh Trung bộ số 142 sẽ giải thích có 14 thừa ruộng phước để biết cúng dường, người học Phật nên tham khảo trước khi bồ thí, cúng dường. Bồ thí không phải là chuyện dễ cần phải tập lâu ngày sẽ quen và sẽ bồ thí dễ dàng.

1. Căn bản bồ thí

Bồ thí thuộc ý hành nên có tám cách bồ thí chỉ có cách thứ 7 và thứ 8 là tốt nhất còn bồ thí do tâm tham, tâm sân, tâm si thường không tốt lắm.

Trong Kinh Tăng Chi Tám Pháp - (33) Căn Bản Bồ Thí, viết:

1. - *Này các Tỳ-kheo, có tám căn bản để bồ thí. Thế nào là tám?*

2. *Vì lòng dục nên bồ thí; vì sân hận nên bồ thí; vì ngu si nên bồ thí; vì sợ hãi nên bồ thí; vì nghĩ rằng: “Trước tổ tiên đã bồ thí, trước đã làm. Ta không xứng đáng là người để truyền thống này bị bỏ phứt” nên bồ thí; vì nghĩ rằng: “Sau khi cho bồ thí này, khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này” nên bồ thí; vì nghĩ rằng: “Khi ta bồ thí này, tâm được tịnh tín, do hân hoan, hỷ được sanh” nên bồ thí; để trang nghiêm tâm, trang bị tâm, nên bồ thí.*

Này các Tỳ-kheo, có tám căn bản để bồ thí này.

2. Người được nhận cúng dường như thừa ruộng

Bài kinh Thừa Ruộng sau đây cho biết Người Tu được ví như đám ruộng tốt hay xấu, nếu ruộng xấu thì trồng lúa trở ra quả nhỏ, nếu ruộng tốt khi trồng sẽ có quả lớn. Tương tự Người Tu thực hành Bát Chánh đạo là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Đây là người được ví như là thừa ruộng tốt nên khi cúng dường sẽ có quả rất lớn. Vì người thực hành bát Thánh đạo sẽ chứng một trong tám bậc Thánh nên người học Phật cần đọc thêm bài kinh Phân biệt cúng dường sẽ cho biết tám bậc Thánh.

Kinh Tăng Chi Tám Pháp - (34) Thừa Ruộng, viết:

1.- *Này các Tỳ-kheo, hột giống được gieo vào thừa ruộng thành tựu tám chi phần được xem là không quả lớn, không vị ngọt lớn, không phải địa điểm tăng thịnh. Thế nào là thành tựu tám chi phần?*

2. *Này các Tỳ-kheo, ở đây thừa ruộng lồi lên lõm xuống, đầy đá và sạn, đất mặn, không có bề sâu, không có chỗ nước chảy ra, không có chỗ nước chảy vào, không có nước chảy, không có bờ đê. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hột giống được gieo vào thừa ruộng thành tựu được tám chi phần được xem là không quả lớn, không vị ngọt lớn, không phải địa điểm tăng thịnh. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần, không có quả lớn, không lợi ích lớn, không có rung cảm lớn. Thế nào là thành tựu tám chi phần?*

3. *Ở đây, này các Tỳ-kheo, các Sa-môn, các Bà-la-môn có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Như vậy, này các Tỳ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-*

môn thành tựu tám chi phần, không có quả lớn, không lợi ích lớn, không có rung cảm lớn.

4. *Này các Tỳ-kheo, hột giống được gieo vào thửa ruộng thành tựu tám chi phần được xem là có quả lớn, có vị ngọt lớn, là địa điểm tăng thịnh. Thế nào là thành tựu tám chi phần?*

5. *Này các Tỳ-kheo, ở đây thửa ruộng không lồi lên lõm xuống, không có đầy đá và sạn, không có đất mặn, có bề sâu, có chỗ nước chảy ra, có chỗ nước chảy vào, có nước chảy, có bờ đê. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hột giống được gieo vào thửa ruộng thành tựu tám chi phần được xem là có quả lớn, có vị ngọt lớn, là địa điểm tăng thịnh. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần, có quả lớn, lợi ích lớn, có rục rờ lớn, có rung cảm lớn. Thế nào là thành tựu tám chi phần?*

6. *Ở đây, này các Tỳ-kheo, các Sa-môn, các Bà-la-môn có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Như vậy, này các Tỳ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần, có quả lớn, lợi ích lớn, có rục rờ lớn, có rung cảm lớn.*

Khi ruộng được đầy đủ

Hột giống gieo đầy đủ

Khi mưa xuống đầy đủ

Lúa gặt được đầy đủ

Tai họa không có mặt

Tăng trưởng được đầy đủ

Rộng lớn được đầy đủ

Kết quả được đầy đủ

Cũng vậy, sự bố thí

Giữa những người đủ giới

Và vật liệu bố thí

Cũng được sắm đầy đủ

Đưa đến sự đầy đủ

Vì sở hành đầy đủ

Vậy ai muốn đầy đủ

Phải tự mình đầy đủ

Phục vụ người đủ tuệ

Như vậy thành công đủ

Đầy đủ trí và đức

Với tâm được đầy đủ

Làm nghiệp được đầy đủ

Lợi ích được đầy đủ

Như thật biết cuộc đời

Đạt được kiến đầy đủ

Đường đầy đủ đi đến

Tiến đến ý đầy đủ

Vứt bỏ mọi cấu uế

Đạt Niết-bàn cụ túc

Giải thoát mọi khổ đau

Tức đầy đủ vẹn toàn.

Bài kinh trên cho biết những hành động bố thí vật chất đến người khác được ví như là hạt giống và thửa ruộng được ví như là người nhận vật đã cho. Như vậy bố thí có quả lớn hay quả nhỏ tùy vào người nhận có tu tập nhiều hay không. Hãy tham khảo Kinh Trung bộ số 142.

Bố thí là bước đầu tiên sẽ giúp con người bớt khổ về thân. Quy luật nhân quả vận hành trên con người chỉ có Đức Phật biết và nói lại cho chúng ta. Vì vậy khi một người Quy y Phật là phải tin tuyệt đối về Tam Minh của Đức Phật. Nếu chúng ta nghèo do không bố thí. Nếu chúng ta giàu phải biết rằng do kiếp trước hay kiếp này có bố thí.

3. Bố thí Pháp

Những bài kinh Tăng chi 4 pháp được trích ra đây sẽ giúp cho những ai mà muốn giúp người khác giống như mình gọi là lợi mình và lợi người nên suy tư những lời dạy trong bài kinh sau đây:

3.1. Nhiếp phục Tham, Sân, Si.

Trong kinh Tăng Chi Bốn Pháp - Phàm Asura (A-tu-la) - (96) Lợi Mình (1), viết:

1. - *Này các Tỳ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?*

Hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người; hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình; hạng người không hướng đến lợi mình, không hướng đến lợi người; hạng người hướng đến lợi mình và lợi người.

2. *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người?*

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người hướng đến nhiếp phục tham cho mình, không khích lệ người khác nhiếp phục tham, hướng đến nhiếp phục sân cho mình... nhiếp phục si cho mình, không khích lệ người khác nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người.

3. *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình?*

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người không hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình, khích lệ nhiếp phục tham cho người, không hướng đến nhiếp phục sân cho tự mình... không hướng đến nhiếp phục si cho tự mình, khích lệ nhiếp phục si cho người. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình.

4. *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người không hướng đến lợi mình, không hướng đến lợi người?*

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người không hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục tham, không nhiếp phục sân cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp

phục sân... không nhiếp phục si cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người không hướng đến lợi mình, không hướng đến lợi người.

5. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình, và khích lệ người khác nhiếp phục tham, hướng đến nhiếp phục sân cho tự mình... hướng đến nhiếp phục si cho tự mình và khích lệ người khác nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi ích cho mình và cho người.

Này các Tỳ-kheo, bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

3.2. Lợi ích cho mình

Trong kinh Tăng Chi Bốn Pháp - Phạm Asura (A-tu-la) - (97)
Lợi Mình (2), viết:

1. (Như kinh (96), đoạn đầu)

2. - Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người, mau mắn nhận xét trong các thiện pháp, thọ trì các pháp đã được nghe, suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì, sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; nhưng không phải là người thiện ngôn, khéo nói, dùng những lời tao nhã, phát âm chính xác, rõ ràng, khiến cho nghĩa lý được minh bạch; không phải là người thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình, không có lợi người.

3. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi người, không có lợi mình?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người không mau mắn nhận xét trong các thiện pháp, không thọ trì các pháp đã được nghe, không suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì, không có sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp, thực hành pháp tùy pháp; là người thiện ngôn, khéo nói, dùng những lời tao nhã, phát âm chính xác rõ ràng, khiến cho nghĩa lý được minh bạch; là người thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi người, không có lợi mình.

4. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người, không hướng đến lợi mình và lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người không có mau mắn nhận xét trong các thiện pháp... không có sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; không phải là người thiện ngôn, khéo nói... làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy này các Tỳ-kheo, là hạng người không hướng đến lợi mình và lợi người.

5. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người mau mắn nhận xét trong các thiện pháp... sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp. Là người thiện ngôn, khéo nói... làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người.

Này các Tỳ-kheo, có bốn hạng người có mặt, hiện hữu ở đời.

3.3. Lợi cho mình - Những Học Pháp

Trong Kinh Tăng Chi Bốn Pháp - Phẩm Asura (A-tu-la) - (99)
 Những Học Pháp, viết:

1. - *Này các Tỳ-kheo, có bốn hạng người có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?*

Hướng đến lợi mình, không lợi người; hướng đến lợi người, không lợi mình; không hướng đến lợi mình, lợi người; hướng đến lợi mình, lợi người.

2. *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người?*

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người tự mình từ bỏ sát sanh, không khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho, không khích lệ người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục, không khích lệ người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục;... tự mình từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu; nhưng không khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người.

3. *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình?*

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người tự mình không từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình không từ bỏ lấy của không cho;... tự mình không bỏ tà hạnh trong các dục;... tự mình không từ bỏ nói láo... tự mình không từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu; khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình.

4. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người không hướng đến lợi mình, lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người tự mình không từ bỏ sát sanh, không khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình không từ bỏ lấy của không cho;... tự mình không từ bỏ tà hạnh trong các dục;... tự mình không từ bỏ nói láo... tự mình không từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu; không khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người không hướng đến lợi mình, lợi người.

5. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người tự mình từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho... tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục... tự mình từ bỏ nói láo... tự mình từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu, khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người.

Này các Tỳ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

Những bài kinh đã nêu trên vừa đủ có thể giúp những người học Phật biết bố thí sẽ đem lại lợi ích cho mình và cho người.

Bố thí vật chất chỉ giúp con người ấm no nhất thời còn bố thí Pháp sẽ giúp con người có hạnh phúc lâu dài hoặc có thể chấm dứt khổ đau vĩnh viễn. Ví dụ giúp cho một người một bữa ăn thì chỉ no

ngày hôm đó, nhưng ngày mai có thể đói tiếp, nếu giúp họ học một nghề thì tự họ có thể nuôi thân suốt đời. Tương tự như vậy một người không biết giữ năm giới hay tám giới sẽ tạo vô số ác nghiệp sẽ sanh ra quả khổ dài lâu nhưng nhờ bậc thiện trí thức dạy cho mình học năm giới hay học tám giới và biết bố thí vật chất sẽ sanh ra quả tốt đến với mình. Khi giúp một người biết giữ giới, biết hành thiện là bố thí Pháp, còn khi giúp một người có thức ăn, thức uống hay có quần áo hay có thuốc men hay có tiền bạc gọi là bố thí vật chất.

Những người sống tại gia có thể vừa bố thí vật chất và bố thí pháp. Những người xuất gia do không làm ra tiền bạc hay vật chất nên chỉ có thể bố thí pháp là chính. Tuy nhiên trong kinh có một vị xuất gia rồi nhưng hay tin cha mẹ mình già yếu, nghèo khổ. Ngài đi khất thực rồi chia phần ăn cho cha mẹ mình. Đây là một thầy tu có hiếu. Những người xuất gia lo tu thoát khỏi tam giới là quan trọng như vậy người tu hành sẽ là ruộng phước vô thượng ở đời cho ai cúng dường.

3.4. Kết luận chương 1

Bố thí vật chất sẽ giúp cho bớt khổ trong vòng luân hồi, nhưng quả trở lớn hay nhỏ tùy thuộc vào thửa ruộng tốt như những thầy tu theo bát Thánh đạo hoặc thửa ruộng xấu như những thầy tu không thực hành bát Thánh đạo quả tốt trở rất nhỏ. Quả trở tốt mà hưởng trọn vẹn hay không phụ thuộc vào tâm khi bố thí.

Theo bài kinh Căn bản bố thí cho biết cách bố thí thứ 7 và cách thứ 8 là tốt nhất vì khi trở quả sanh ra ít đau khổ còn sáu cách bố thí kia khi trở ra quả có nhiều phiền não. Bố thí pháp thì cao thượng hơn vì giúp chúng sanh thoát khỏi ba đường ác: Bàng sanh, địa ngục, ngạ quỷ nên được chư Phật giảng dạy để giúp chúng sanh biết và thực

hành sẽ có hạnh phúc ở các cõi trời dục giới mặc dù con đường luân hồi còn dài nhưng ít ra cũng một khoảng thời gian hưởng lạc cõi người và cõi trời. Bài Kinh Trung bộ số 142 - khuyến khích Phật tử nên giúp đỡ những người thân của mình nên thành tựu năm giới, tin Tam bảo bất động và không nghi ngờ về Tứ Thánh đế.

Chương 2

TRÌ GIỚI

Tại sao phải trì giới?

Trì giới sẽ giảm khổ nhiều hơn nữa so với bố thí vì nhờ có giới không rơi vào ba đường ác và được sanh làm người hay chư thiên hưởng lạc không còn đau khổ nhiều. Nếu giới không thành tựu thì không thể nào chấm dứt khổ trong tương lai. Giới được ví như là hàng rào để bảo vệ Phật tử không rơi vào những đường ác.

Người học Phật giữ năm giới, tám giới, mười giới hay hằng trăm giới đều thu tóm trong ba giới: ý hành, khẩu hành, thân hành. Vì vậy Phật tử tìm hiểu ba hành này cho kỹ trong cuốn sách “Tứ Thánh đế là tối thượng”. Trong kinh có một vị tỷ kheo học trên hai trăm giới không thuộc và muốn hoàn tục nhưng tiếng đồn đến bậc Đạo sư. Đức Phật nói cho ông ta học ba giới và đã hỏi vị Tỷ kheo có thuộc được không? Vị Tỷ kheo trả lời thuộc. Vậy ba giới ấy là gì? Chính là ý hành giới, khẩu hành giới, thân hành giới. Sau đó không bao lâu thì vị này chứng Thánh A la hán (kinh Tiểu bộ).

1. Năm giới

Người cư sĩ cần thực hành hằng ngày năm giới này sẽ sinh làm người hoặc chư thiên. Nếu không thực hành giới sẽ rơi vào ba đường ác: Ngạ quỷ, bàng sanh, địa ngục.

Trong Kinh Tương Ưng 5 - Chương XI Tương Ưng Dự
Lưu (b) - IV. Phẩm Phước Đức Sung Mãn - 37. VII. Mahànàma
(S.v,395), viết:

1) *Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, trong khu vườn cây bàng.*

2) *Rồi họ Thích Mahànàma đi đến Thế Tôn, sau khi đến... ngồi xuống một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thế Tôn:*

3) -- *Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ?*

-- *Ai quy y Phật, này Mahànàma, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ.*

4) -- *Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ giới?*

-- *Này Mahànàma, người cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ giới.*

5) -- *Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ tín?*

-- *Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: “Đây là bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn”. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ tín.*

6) -- *Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn là người cư sĩ đầy đủ lòng bố thí?*

-- Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích thú chia sẻ vật bố thí. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ bố thí.

7) -- Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ?

-- Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt (các pháp), trí tuệ các bậc Thánh thể nhập (các pháp), đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ.

Người cư sĩ có trí tuệ sanh diệt tức là trí tuệ về Tứ Thánh đế. Như vậy bài kinh này cho biết học và thực hành bài kinh trên có bậc Thánh dự lưu.

2. Quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng (Thánh dự lưu)

Trong kinh Tăng Chi Tám Pháp - III. Phẩm Gia Chủ - (V) (25) Thích Tử Mahanama, viết:

1. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, ở khu vườn Nigrodha. Rồi Thích tử Mahànàma đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Thích tử Mahànàma bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là người nam cư sĩ?

- Này Mahànàma, khi nào quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, cho đến như vậy, này Mahànàma, là người nam cư sĩ.

2. - Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người nam cư sĩ giữ giới?

- Nay, Mahànàma, khi nào người nam cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu, cho đến như vậy, là người nam cư sĩ giữ giới.

3. - Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người nam cư sĩ thực hành, vì tự lợi chứ không vì lợi tha?

- Nay Mahànàma, khi nào nam cư sĩ thành tựu lòng tin cho mình, không có khích lệ người khác thành tựu lòng tin; thành tựu giữ giới cho mình, không có khích lệ người khác thành tựu giữ giới, thành tựu bố thí cho mình, không khích lệ người khác thành tựu bố thí; muốn tự mình đi đến yết kiến các Tỳ-kheo, không có khích lệ người khác đi đến yết kiến các Tỳ-kheo; chỉ tự mình muốn nghe diệu pháp, không khích lệ người khác nghe diệu pháp; tự mình thọ trì những pháp đã được nghe, không khích lệ người khác thọ trì những pháp đã được nghe; tự mình suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì, không khích lệ người khác suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì; sau khi tự mình biết nghĩa, biết pháp, thực hiện tùy pháp, đúng Chánh pháp, không khích lệ người khác thực hiện tùy pháp, đúng Chánh pháp. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là nam cư sĩ thực hành vì tự lợi, không phải vì lợi tha.

4. - Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là nam cư sĩ thực hành vừa tự lợi, vừa lợi tha?

- Nay Mahànàma, khi nào nam cư sĩ tự mình thành tựu lòng tin và khích lệ người khác thành tựu lòng tin; khi nào tự mình giữ

giới và khích lệ người khác giữ giới; khi nào tự mình bố thí và khích lệ người khác bố thí; khi nào tự mình muốn đi đến yết kiến các Tỳ-kheo và khích lệ người khác đi đến yết kiến các Tỳ-kheo; khi nào tự mình muốn nghe diệu pháp và khích lệ người khác nghe diệu pháp; khi nào tự mình thọ trì những pháp đã được nghe và khích lệ người khác thọ trì những pháp đã được nghe; khi nào tự mình suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì và khích lệ người khác suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì; sau khi tự mình biết nghĩa, biết pháp, thực hiện pháp đúng Chánh pháp, khích lệ người khác sau khi biết nghĩa biết pháp, thực hiện pháp đúng Chánh pháp. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là nam cư sĩ thực hành vì tự lợi và lợi tha.

Bài kinh trên cho biết tự mình thành tựu giới và niềm tin Tam Bảo rồi nên giúp người khác nữa cũng thành tựu như mình gọi là lợi mình lợi người.

3. Cư sĩ chứng Thánh dự lưu

Trong kinh Tăng Chi Bốn Pháp - VI. Phẩm Nguồn Sanh Phước - (II) (52) Nguồn Sanh Phước (Với Cư Sĩ) (2), viết:

1. - Này các Tỳ-kheo, có bốn nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện... hạnh phúc, an lạc. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với lòng tịnh tín bất động đối với Phật; bậc Thế Tôn ấy là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn... Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ nhất... hạnh phúc an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, Pháp được Thế Tôn khéo nói, thiết

thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Đây các Tỳ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ hai... hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, Thiện hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử này của Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được đánh lễ, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Đây các Tỳ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ ba... hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với những giới được bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị bẻ vụn, không bị điểm chấm, không bị ướm nhiễm, đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định. Đây các Tỳ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ tư... hạnh phúc, an lạc.

Này các Tỳ-kheo, bốn nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này, đem lại an lạc, thuộc Thiên giới, là quả lạc dị thực, dẫn đến cõi Trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

2.

Ai tin tưởng Như Lai,

Bất động, khéo an trú,

Ai tin giới, hiền thiện,

Bậc Thánh khen, mến chuộng.

Ai tịnh tín chúng Tăng,

Với cái nhìn chánh trực,

Người ấy được họ gọi,

Không phải là người nghèo.

Đòi sống người như vậy,

Không phải đòi trống rỗng,

Do vậy tín và giới,

Tịnh tín và thắng pháp,

Bậc trí chú tâm niệm,

Lời dạy của chư Phật.

Bài kinh trên cho biết người cư sĩ chứng được Thánh dự lưu là nguồn phước vô lượng.

4. Bát quan trai (tám giới)

Bát quan trai giới cần thực hành ý hành thiện, khẩu hành thiện, và thân hành thiện sẽ giúp chúng sanh hưởng lạc ở các cõi trời dục giới.

Trong kinh Tăng Chi Tám Pháp - V. Phẩm Ngày Trai Giới - (I)
(41) Các Trai Giới, viết:

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvavatthi tại Jetanava, khu vườn ông Anàthapindika, ở đây Thế Tôn gọi các Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo”, - “Bạch Thế Tôn”.

Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. - Này các Tỳ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần, được thực hành thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rục rờ lớn; có biến mãn lớn. Như thế nào, này các Tỳ-kheo, là ngày trai giới thành tựu tám chi phần, được thực hành thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rục rờ lớn; có biến mãn lớn?

3. Ở đây, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành trai giới”. Đây là chi phần thứ nhất được thành tựu.

4. “Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng đoạn tận lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới”. Đây là chi phần thứ hai được thành tựu.

5. “Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lánh, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lánh, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới”. Đây là chi phần thứ ba được thành tựu.

6. “Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới”. Đây là chi phần thứ tư được thành tựu.

7. “Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận đắm say men rượu men, rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng đoạn tận đắm say men rượu men, rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới”. Đây là chi phần thứ năm được thành tựu.

8. “Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới”. Đây là chi phần thứ sáu được thành tựu.

9. “Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch, không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu,

dầu thoa và các thời trang. Hôm nay, đêm nay và ngày nay, ta cũng từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc diễn kịch, không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới”. Đây là chi phần thứ bảy được thành tựu.

10. “Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận, không dùng các giường cao, giường lớn, từ bỏ không dùng các giường cao, giường lớn. Hôm nay, đêm nay và ngày nay, ta cũng đoạn tận, không dùng các giường cao, giường lớn, từ bỏ không dùng các giường cao, giường lớn. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới”. Đây là chi phần thứ tám được thành tựu.

Này các Tỳ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần được thực hành như vậy, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rục rờ lớn, có biến mãn lớn.

Bài kinh trên cho biết rằng nếu thành tựu 8 giới thì phước rất lớn.

Trong kinh Tăng Chi Tám Pháp - IV. Phẩm Bồ Thí - (IX) (39) Nguồn Nước Công Đức, viết:

1.- Này các Tỳ-kheo, có tám nguồn nước công đức này, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc làm nhơn sanh Thiên, quả dị thực an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc. Thế nào là tám?

2. Ở đây, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử quy y Phật. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ nhất, là nguồn nước thiện... hạnh phúc, an lạc.

3. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử quy y Pháp. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ hai, là nguồn nước thiện... hạnh phúc, an lạc.

4. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử quy y Tăng. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ ba, là nguồn nước thiện... hạnh phúc, an lạc.

5. Này các Tỳ-kheo, có năm bố thí này, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày, được biết là truyền thống cổ xưa, trước không tạp loạn, hiện tại không tạp loạn, tương lai không tạp loạn, không bị những Sa-môn, những Bà-la-môn có trí khinh thường. Thế nào là năm?

6. Ở đây, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh. Này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh, không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỳ-kheo, đây là bố thí thứ nhất, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày... không bị những Sa-môn, những Bà-la-môn có trí khinh thường. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ tư, là nguồn nước thiện... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

7. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho... Này các Tỳ-kheo, đây là bố thí thứ hai, là đại bố thí,... Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ năm, là nguồn nước thiện,... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục... Này các Tỳ-kheo, đây là bố thí thứ ba, là đại bố thí,... Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ sáu, là nguồn nước thiện... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo... Này các Tỳ-kheo, đây là bố thí thứ tư, là đại bố thí,... Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ bảy, là nguồn nước thiện... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận đắm say rượu men, rượu nẫu, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu. Này các Tỳ-kheo, vị Thánh Đệ Tử đoạn tận đắm say rượu men, rượu nẫu, từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh, không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỳ-kheo, đây là bố thí thứ năm, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày,... không bị những Sa-môn, những Bà-la-môn có trí khinh thường. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ tám, là nguồn nước thiện,... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Này các Tỳ-kheo, có tám nguồn nước công đức này, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc làm nhưn sanh Thiên, quả dị thực an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Bài kinh trên cho biết có những nguồn công đức rất lớn. Vì vậy những người cư sĩ tại gia nên thực hành hằng ngày bài kinh trên.

5. Thập Giới (Dasasikkhàpada) (10 Giới)

Muốn thành mười giới cần thực hành ý hành thiện, thực hành khẩu hành thiện, thực hành thân hành thiện sẽ hưởng lạc ở các cõi trời dục giới.

1. *Đệ tử thực hành giới tránh sát sanh.*

2. *Đệ tử thực hành giới tránh lấy của không cho.*

3. *Đệ tử thực hành giới tránh tà hạnh trong các dục.*

4. *Đệ tử thực hành giới tránh nói láo.*

5. *Đệ tử thực hành giới tránh mọi cơ hội buông lung phóng dật do uống rượu hoặc các thứ men say.*

6. *Đệ tử thực hành giới tránh ăn phi thời.*

7. *Đệ tử thực hành giới tránh múa, hát, nhạc, kịch.*

8. *Đệ tử thực hành giới tránh cơ hội đeo vòng hoa và trang điểm với hương liệu, dầu xoa.*

9. *Đệ tử thực hành giới tránh dùng giường cao và rộng.*

10. *Đệ tử thực hành giới tránh nhận vàng bạc.*

Người cư sĩ đã thực hành những giới đã nêu trên viên mãn sẽ được sanh vào các cõi trời dục giới để hưởng phước lâu dài.

Giới rất quan trọng cho người tại gia và xuất gia nhưng người sống tại gia thường không thành tựu được. Vì không có giới chắc chắn sẽ sanh vào ba đường ác vô cùng đau khổ nhưng vì vô minh nên

thường tạo ác nghiệp rất nhiều. Phước cho ai ra đời mà biết năm giới, tám giới, mười giới, tin Tam bảo, biết Tứ Thánh đế và lo thực hành sẽ giúp chúng sanh sống hạnh phúc và thoát khổ.

6. Kết luận chương 2

Giới là hàng rào giúp chúng sanh không rơi vào ba hố thẳm: nga quý, bàng sanh, địa ngục vì một khi đã rơi vào đó khổ vô cùng. Con người ngày nay vì ham danh lợi mà tạo các nghiệp ác về sau sẽ đau khổ trong các cõi đó. Có thể tham khảo bài kinh Trung bộ số 130 nói cảnh khổ địa ngục. Nếu như người học Phật không tin Thiên nhân minh của Đức Phật do vì tà kiến quá sâu dày.

Thành tựu năm giới, tám giới hay mười giới do người học Phật tin tuyệt đối về Tam minh của Đức Phật. Nếu không tin thì giới không thể thành tựu và chắc chắn khi chết sẽ vào ba đường ác. Chúng ta cố gắng thành tựu giới hằng ngày khi chết tâm bình thản sẽ sanh vào các cõi trời dục giới hay cõi người.

Chương 3

CÁC CÔI TRỜI DỤC GIỚI

Thế Tôn Gotama với Thiên Nhân siêu nhân đã thấy các cõi trời và nói lại cho chúng ta biết chứ phàm nhân không thấy được. Những người học Phật đã thành tựu năm giới hoặc tám giới hoặc mười giới sẽ sanh vào một trong sáu cõi trời dục giới để hưởng phước. Người học Phật thành tựu giới ví như công lao học tập vất vả bao nhiêu năm và bây giờ được lãnh cái bằng tốt nghiệp. Nếu những người học Phật không tin có các cõi trời thì việc thành tựu giới không có. Người học Phật biết rằng Đức Phật có ân đức Minh Hạnh Túc tức là Ngài có tam minh: Túc mạng minh - Ngài có thể nhớ vô số kiếp quá khứ của Ngài. Thiên nhân minh hay Sinh tử minh - Ngài thấy chúng sanh khi chết sanh vào địa ngục do ác nghiệp. Thấy chúng sanh làm thiện nghiệp sanh vào các cõi trời. Phật tử phải tin tuyệt đối Tam minh của Đức Phật nên cố gắng thành tựu giới.

Nhờ tu Bát Quan Trai mà được tái sanh vào sáu cõi trời dục giới có tuổi thọ rất lâu dài so với tuổi thọ của loài người chỉ có 80 năm quá ngắn. Vì vậy phải thực hành Bát Quan Trai hằng ngày.

Trong Kinh Tăng Chi Tám Pháp - V. Phẩm Ngày Trai Giới - (II)
(42) Ngày Trai Giới, viết:

Này các Tỳ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần, được thực hành thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rục rờ lớn; có biến mãn lớn. Đến như thế nào là quả lớn? Đến như thế nào là lợi ích lớn? Đến như thế nào là rục rờ lớn? Đến như thế nào là biến mãn lớn?

4. Ví như, này các Tỳ-kheo, có người áp đặt chủ quyền cai trị trên mười sáu quốc độ lớn này tràn đầy bảy báu, như Anga, Magadha, Kàsikosala, Vajji, Ceti, Vamsà, Kurù, Pancàlà, Macchà, Sùrasenà, Asska, Avantì, Gandhàrà, Kambojà. Nhưng chủ quyền ấy không bằng một phần mười sáu của một ngày trai giới thành tựu tám chi phần. Vì có sao? Nhỏ nhoi, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên.

1. Cõi trời Tứ Thiên Vương

5. Năm mươi năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên Bốn thiên vương. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Năm trăm năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên Bốn thiên vương. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ-kheo: “Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên Bốn thiên vương”. Do vậy, Ta nói: “Nhỏ nhoi thay, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên”.

Quy ra tuổi của loài người là $500 \times 50 \times 360 = 9.000.000$ năm nhân gian.

2. Cõi trời Ba mươi ba

6. Một trăm năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Ba mươi ba. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Một ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Ba mươi ba. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ-kheo: “Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày

trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên cõi trời Ba mươi ba”. Do vậy, Ta nói: “Nhỏ nhoi thay, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên”.

Quy ra tuổi của loài người là $1000 \times 100 \times 360 = 36.000.000$ năm nhân gian.

3. Cõi trời Dạ ma

7. Hai trăm năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Yàma. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Hai ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Yàma. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ-kheo: “Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên cõi trời Yàma”. Do vậy, Ta nói: “Nhỏ nhoi thay, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên”.

Quy ra tuổi của loài người là $2000 \times 200 \times 360 = 144.000.000$ năm nhân gian.

4. Cõi trời Đâu Xuất

Bốn trăm năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Tusitā (Đâu-Xuất). Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Bốn ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Tusitā. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ-kheo: “Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng

trú với chư Thiên cõi trời Tusitā”. Do vậy, Ta nói: “Nhỏ nhoi thay, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên”.

Quy ra tuổi của loài người là $4000 \times 400 \times 360 = 576.000.000$ năm nhân gian.

5. Cõi trời Hoá lạc

Tám trăm năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Hóa lạc. Tám ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Hóa lạc. Sự kiện này có xảy ra,... với hạnh phúc chư Thiên”.

Quy ra tuổi của loài người là $8000 \times 800 \times 360 = 2.304.000.000$ năm nhân gian.

6. Cõi trời Tha hoá Tự tại

Mười sáu trăm năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Tha hóa Tự tại. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Mười sáu ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Tha hóa Tự tại. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ-kheo: “Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên cõi trời Tha hóa Tự tại. Do vậy, Ta nói: “Nhỏ nhoi thay, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên”.

Quy ra tuổi của loài người là $16000 \times 1600 \times 360 = 9.216.000.000$ năm nhân gian.

Chớ giết hại loại sanh

Chớ lấy của không cho

Chớ nói lời nói láo

Chớ uống thứ rượu say

Từ bỏ phi Phạm hạnh

Từ bỏ không dâm dục

Không ăn vào ban đêm

Tránh không ăn phi thời

Không mang các vòng hoa

Không dùng các hương liệu

Hãy nằm trên tám thảm

Trái dài đất làm giường

Chính hạnh trai giới này

Được gọi có tám phần

Do Đức Phật nói lên

Đưa đến đoạn tận khổ

Mặt trăng và mặt trời

Cả hai thấy lành tốt

Chỗ nào chúng đi tới,
Chúng chói sáng hào quang
Chúng làm mây sáng chói
Giữa hư không chúng đi
Trên trời chúng chói sáng
Sáng rực mọi phương hướng
Trong khoảng không gian ấy
Tài sản được tìm thấy
Trân châu và ngọc báu
Lưu ly đá cầu may
Vàng cục trong lòng đất
Hay loại Kancana
Cùng loại vàng sáng chói
Được gọi Hataka
Tuy vậy chúng giá trị
Chỉ một phần mười sáu
Vời hạnh giữ trai giới
Đầy đủ cả tám mặt

Kẻ cả ánh sáng trắng

Với cả vòm trời sao

Vậy người nữ, người nam

Giữ gìn theo tịnh giới

Hành Bồ-tát trai giới

Đầy đủ cả tám mặt

Làm các thiện công đức

Dem lại nhiều an lạc

Được sanh lên cõi trời

Không bị người cười chê.

7. Kết luận chương 3

Đức Phật với Thiên nhân siêu nhân thấy sáu cõi trời dục giới có thật. Có cõi trời Tứ Thiên Vương mà có tuổi thọ 9 triệu năm và có cõi trời Tha Hóa Tự Tại có tuổi thọ cao nhất là 9216 triệu năm thì so với 80 - 100 tuổi của loài người quá ít. Như vậy, người học Phật tu tối thiểu là Bát Quan Trai hằng ngày sẽ được sinh vào một trong sáu cõi trời dục giới để hưởng hạnh phúc lâu dài.

Kết luận cho phần I

Phần I chỉ dành cho những người học Phật bắt đầu tìm hiểu Phật Pháp và chưa biết gì nên Đức Phật dạy những bước cơ bản như Bồ Thí, Trì giới, Các cõi trời dục giới. Đây là những hạnh phúc sẽ có được nếu

biết bố thí và biết trì giới sẽ sanh thiên. Vì Thế Tôn với Thiên Nhân minh siêu nhân thấy các cõi trời do tu bố thí và trì giới mà sanh lên.

Cõi dục giới có hai hướng đi: Hướng thiện gồm có ý hành thiện, khẩu hành thiện, thân hành thiện sẽ sanh làm người hay chư thiên. Hướng ác gồm có ý hành ác, khẩu hành ác, thân hành ác sẽ sanh làm bàng sanh, ngạ quỷ, địa ngục.

Nếu Phần I thuộc về căn bản Phật giáo hiện nay thế gian có mấy người thành tựu được năm giới. Cho nên trong Kinh Tương ưng 5 Phẩm sanh thú cho biết rằng: khi con người chết được tái sanh làm người như đất dính trên đầu 10 ngón tay còn số người chết tái sanh vào ba đường ác nhiều như đất trên quả địa cầu.

PHẦN II

VỊ NGỌT, NGUY HIỂM, XUẤT LY DỤC

Vị ngọt, nguy hiểm, xuất ly dục dành cho hàng xuất gia còn cư sĩ chỉ học Phần II khi đã hoàn tất Phần I - Bồ thí, trì giới và sống cách ly với gia đình. Sự ly dục tức là sự từ bỏ những ham muốn về năm cảnh: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc. Nếu còn sống với gia đình thì không thể ly dục. Còn người xuất gia đã từ bỏ đời sống gia đình nên tu tập Phần II.

Phần II gồm có: Chương 1 nói về vị ngọt, sự nguy hiểm, xuất ly về Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp và vị ngọt về Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý. Chương 2 nói về các cõi trời sắc giới do sự thành tựu ly dục.

Phần II này rất khó tu tập. Những người học Phật muốn tu tập phần này cần sống xa thành phố và ở những nơi hoang vắng thì chuyện ly dục mới sanh khởi. Ngày xưa đời sống rất đơn giản nên dễ chứng sơ thiền còn ngày nay dục có khắp nơi. Nếu không tránh được dục lạc thì chuyện tu chứng sơ thiền vô cùng khó khăn. Theo thiền ý người cư sĩ khó tu phần này được trừ khi sống một mình. Nếu chứng Thánh tối đa là bậc Thánh nhứt lai còn Thánh bất lai không xảy ra nếu như gần chết buông hết thì may ra chứng bậc Thánh bất lai.

Chương 1

VỊ NGỌT, SỰ NGUY HIỂM, SỰ XUẤT LY DỤC

Những bài kinh dưới đây sẽ giúp cho những hành giả hiểu rõ vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của dục. Từ đó tâm của những vị ấy ly tham, tâm giải thoát khởi lên. Để bước vào giai đoạn này hành giả đã thành tựu bố thí và giới. Sau khi thành tựu sự ly dục sẽ sanh vào các cõi trời sắc giới mà tuổi thọ vô lượng. Do đó phần II rất khó cho những người học Phật còn nhiều sự ham muốn.

Bài kinh 1- Chánh Giác

Trong kinh Tương Ưng 4 - Chương I Tương Ưng Sáu Xứ (a) - Phần Một - Năm Mươi Kinh Thứ Nhất - II. Phẩm Song Đôi, viết:

13.I. Chánh Giác (1) (S.iv,6)

1) Sàvatthi...

2) -- Thuở trước, này các Tỳ-kheo, khi Ta chưa giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: “Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của mắt? Cái gì là vị ngọt... của tai? Cái gì là vị ngọt... của mũi? Cái gì là vị ngọt... của lưỡi? Cái gì là vị ngọt... của thân? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của ý?”.

3-7) *Này các Tỳ-kheo, về vấn đề này Ta suy nghĩ như sau: “Do duyên với mắt, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của mắt. Mắt vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của mắt. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với mắt là xuất ly của mắt... của tai... của mũi... của lưỡi... của thân...*

8) *Do duyên với ý, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của ý. Ý vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của ý. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với ý là xuất ly của ý”.*

9) *Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

10) *Và cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta đã như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm và xuất ly là xuất ly, thời khi ấy, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn chư Thiên và loài Người, Ta xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

11) *Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: “Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sinh nữa”.*

Bài kinh 2 - Chánh giác

Trong kinh Tương Ưng 4 - Chương I Tương Ưng Sáu Xứ (a) - Phần Một - Năm Mươi Kinh Thứ Nhất - II. Phẩm Song Đôi - 14.II. Chánh Giác (2) (S.iv,8), viết:

14.II. Chánh Giác (2) (S.iv,8)

1) ...

2) -- Thuở trước, này các Tỳ-kheo, khi Ta chưa giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: “Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của các sắc?... của các tiếng... của các hương... của các vị... của các xúc? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của các pháp?”

3) Về vấn đề này, này các Tỳ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: “Do duyên các sắc, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của các sắc. Các sắc vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của các sắc. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với các sắc, đấy là xuất ly của các sắc.

4-7) ... các tiếng... các hương... các vị... các xúc...

8) Do duyên các pháp, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của các pháp. Các pháp vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của các pháp. Nhiếp phục dục tham, đoạn tận dục tham đối với các pháp, đấy là xuất ly của các pháp”.

9-10) Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, đối với sáu ngoại xứ này, Ta không như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác... Ta xác chứng Ta đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

11) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: “Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sinh nữa”.

15.III. Vị Ngọt (1) (S.iv,8)

1) ...

2) -- Nay các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của mắt. Có vị ngọt nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của mắt. Có nguy hiểm nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Nguy hiểm của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu xuất ly của mắt. Có xuất ly nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

3-6) Nay các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của tai... của mũi... của lưỡi... của thân...

7) Nay các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của ý. Có vị ngọt nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của ý. Có nguy hiểm nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Nguy hiểm của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu xuất ly của ý. Có xuất ly nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

8-9) Cho đến khi nào, nay các Tỳ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là sự xuất ly...

10) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: “Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sinh nữa”.

16.IV. Vị Ngọt (2) (S.iv,9)

1) ...

2) -- *Này các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của các sắc. Có vị ngọt nào của các sắc, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các sắc. Có nguy hiểm nào của các sắc, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.*

3-6) ...*các tiếng... các hương... các vị... các xúc...*

7) *Này các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của các pháp. Có vị ngọt nào của các pháp, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của các pháp như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các pháp. Có nguy hiểm nào của các pháp, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của pháp như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.*

8-9) *Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, đối với sáu ngoại xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly...*

10) *Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: “Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sinh nữa”.*

17.V. Nếu Không Có (1) (S.iv,10)

1) ...

2) -- *Nếu mắt không có vị ngọt, này các Tỳ-kheo, chúng sanh có thể không tham luyến mắt. Và vì rằng, này các Tỳ-kheo, mắt có vị ngọt nên chúng sanh tham luyến mắt.*

3) Nếu mắt không có nguy hiểm, này các Tỳ-kheo, thời chúng sanh có thể không nhàm chán đối với mắt. Và vì rằng mắt có nguy hiểm nên chúng sanh nhàm chán đối với mắt.

4) Nếu mắt không có xuất ly, này các Tỳ-kheo, thời chúng sanh không có thể xuất ly khỏi mắt. Và vì rằng mắt có xuất ly nên chúng sanh có xuất ly khỏi mắt.

5-7) Nếu tai không có vị ngọt...

8-10) Nếu mũi không có vị ngọt...

11-13) Nếu lưỡi không có vị ngọt...

14-16) Nếu thân không có vị ngọt...

17) Nếu ý không có vị ngọt, này các Tỳ-kheo, thời chúng sanh có thể không tham luyến đối với ý. Và vì rằng ý có vị ngọt, này các Tỳ-kheo, nên chúng sanh có tham luyến đối với ý.

18) Nếu ý không có nguy hiểm, này các Tỳ-kheo, thời chúng sanh có thể không nhàm chán đối với ý. Và vì rằng ý có nguy hiểm, này các Tỳ-kheo, nên chúng sanh có nhàm chán đối với ý.

19) Nếu ý không có xuất ly, này các Tỳ-kheo, thời chúng sanh không xuất ly ra khỏi ý. Và vì rằng ý có sự xuất ly, này các Tỳ-kheo, nên chúng sanh xuất ly ra khỏi ý.

20) Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, chúng sanh đối với sáu nội xứ này không như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly; cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy cùng với các thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và

loài Người, đã không sống với tâm được ly chấp trước, ly hệ phược, được giải thoát, không bị giới hạn.

21) Và vì rằng, này các Tỳ-kheo, chúng sanh đối với sáu nội xứ này đã như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly; cho nên, này các Tỳ-kheo, các chúng sanh cùng với các thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, đã sống với tâm được ly chấp trước, ly hệ phược, được giải thoát, không bị giới hạn.

Này các Tỳ-kheo, các Du sĩ ngoại đạo nói như vậy cần được trả lời như sau: “Chư Hiền, thế nào là vị ngọt các dục? Thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly? Thế nào là vị ngọt các sắc pháp, thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly? Thế nào là vị ngọt các cảm thọ, thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly?” Này các Tỳ-kheo, khi được hỏi vậy, các Du sĩ ngoại đạo không thể trả lời được và sẽ bị mắc vào các khó khăn khác. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì vấn đề này không thuộc khả năng hiểu biết của họ. Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy một ai trong thế giới này với chư Thiên, Mara, Phạm thiên, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, mà câu trả lời các câu hỏi được chấp nhận, trừ Như Lai, đệ tử Như Lai và những ai được nghe hai vị này.

Bài kinh 3 - Đại kinh Khổ uẩn

Trong Kinh Trung Bộ số 13. Đại kinh Khổ uẩn, viết:

Giải thích vị ngọt, nguy hiểm, xuất ly dục rất rõ ràng.

(Vị ngọt các dục)

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là vị ngọt các dục? Này các Tỳ-kheo,

có năm pháp tạng trường dục này: Các sắc pháp do nhãn căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn, các tiếng do nhĩ căn nhận thức... các hương do tỷ căn nhận thức... các vị do thiệt căn nhận thức... các xúc do thân căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn. Đây các Tỳ-kheo, có năm pháp tạng trường dục như vậy. Đây các Tỳ-kheo, y cứ vào năm pháp tạng trường dục này, có lạc hỷ khởi lên, như vậy là vị ngọt các dục.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là sự nguy hiểm các dục? Ở đây, này các Tỳ-kheo, có thiện nam tử nuôi sống với nghề nghiệp, như đếm ngón tay, như tính toán, như ước toán, như làm ruộng, như buôn bán, như chăn bò, như bán cung, như làm công cho vua, như làm một nghề nào khác. Người ấy phải chống đỡ lạnh, phải chống đỡ nóng, phải chịu đựng sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng, mặt trời, các loài bò sát, bị chết đói chết khát. Đây các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục.

Này các Tỳ-kheo, nếu thiện nam tử ấy nỗ lực như vậy, tinh cần như vậy, tinh tấn như vậy, nhưng các tài sản ấy không được đến tay mình, vị ấy than vãn, buồn phiền khóc than, đấm ngực, mê man bất tỉnh: “Ôi! Sự nỗ lực của ta thật sự là vô ích, sự tinh cần của ta thật sự không kết quả”. Đây các Tỳ-kheo, như vậy, là sự nguy hiểm các dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Này các Tỳ-kheo, nếu thiện nam tử ấy nỗ lực như vậy, tinh cần như vậy, tinh tấn như vậy, và các tài sản ấy được đến tay mình, vì phải hộ trì các tài sản ấy, vị ấy cảm thọ sự đau khổ, ưu tư: “Làm sao các vua chúa khỏi cướp đoạt chúng, làm sao trộm cướp khỏi cướp

đoạt chúng, làm sao lửa khỏi đốt cháy, nước khỏi cuốn trôi, hay các kẻ thừa tự không xứng đáng khỏi cướp đoạt chúng?” Dầu vị ấy hộ trì như vậy, giữ gìn như vậy, vua chúa vẫn cướp đoạt các tài sản ấy, trộm cướp vẫn cướp đoạt, lửa vẫn đốt cháy, nước vẫn cuốn trôi hay các kẻ thừa tự không xứng đáng vẫn cướp đoạt chúng. Vị ấy than vãn, buồn phiền, khóc than, đấm ngực, mê man bất tỉnh: “Cái đã thuộc của ta, nay ta không có nữa”. Đây các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, vua tranh đoạt với vua, Sát-đế-lị tranh đoạt với Sát-đế-lị, Bà-la-môn tranh đoạt với Bà-la-môn, gia chủ tranh đoạt với gia chủ, mẹ tranh đoạt với con, con tranh đoạt với mẹ, cha tranh đoạt với con, con tranh đoạt với cha, anh em tranh đoạt với anh em, anh tranh đoạt với chị, chị tranh đoạt với anh, bạn bè tranh đoạt với bạn bè. Khi họ đã dấn mình vào tranh chấp, tranh luận, tranh đoạt; họ công phá nhau bằng tay; họ công phá nhau bằng đá; họ công phá nhau bằng gậy; họ công phá nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Đây các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ dàn trận hai mặt, và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Đây các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ công phá thành quách mới trét vôi hồ và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Ở đây, họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ đổ nước phân sôi, họ đê bẹp nhau bằng đá, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ đột nhập nhà cửa, họ cướp giết đồ đạc, họ hành động như kẻ cướp, họ phục kích các đường lớn, họ đi đến vợ người. Các vua chúa khi bắt được một người như vậy liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc dầu, họ dùng hình phạt bôi đờn hình (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò), họ dùng hình phạt la hầu khâu hình... Hỏa man hình (lấy lửa đốt thành vòng hoa)... chúc thủ hình (đốt tay)... khu hành hình (lấy rom bện lại rồi siết chặt)... bì y hình (lấy vỏ cây làm áo)... linh dương hình (hình phạt con dê núi)... câu nhục hình (lấy câu móc vào thịt)... tiền hình (cắt thịt thành hình đồng tiền)... khối tráp hình... chuyển hình... cao đập dài... họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm của dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý. Do họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các

ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý, khi thân hoại mạng chung, họ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, đưa đến đau khổ tương lai, là khổ uẩn, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nhân duyên, do chính dục làm nhân.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là sự xuất ly các dục? Nay các Tỳ-kheo, đây là sự điều phục dục tham đối với các dục, sự đoạn trừ dục tham, như vậy là sự xuất ly các dục.

Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri vị ngọt các dục là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định sẽ không như thật tuệ tri các dục của họ, họ cũng không có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các dục, sự kiện như vậy không thể xảy ra. Nay các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào như thật tuệ tri vị ngọt các dục là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định sẽ như thật tuệ tri các dục của họ, họ cũng có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các dục, sự kiện như vậy có xảy ra.

(Vị ngọt các sắc pháp)

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là vị ngọt các sắc pháp? Nay các Tỳ-kheo, như các thiếu nữ Sát-đế-lị, thiếu nữ Bà-la-môn hay thiếu nữ Gia chủ, tuổi khoảng độ mười lăm hay mười sáu tuổi, không quá lớn, không quá thấp, không quá ốm, không quá mập, không quá đen, không quá trắng, này các Tỳ-kheo, có phải trong thời ấy, họ đạt đến mỹ diệu tối thượng, sắc đẹp tối thượng?

-- Bạch Thế Tôn, phải.

-- Nay các Tỳ-kheo, y cứ sắc đẹp mỹ diệu ấy khởi lên lạc thọ và hỷ thọ, như vậy là vị ngọt các sắc pháp.

Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là sự nguy hiểm các sắc pháp? Nay các Tỳ-kheo, ở đây người ta có thể thấy bà chị ấy trong một thời khác, khoảng tám mươi tuổi, chín mươi tuổi hay một trăm tuổi, già yếu, cong như nóc nhà, lưng còm, phải dựa gậy để chống đỡ, vừa đi vừa run rẩy, đau ốm, tuổi trẻ đã tận, râu rụng, tóc bạc, hư rụng, sỏi đầu, da nhăn, tay chân bị khô nứt tái xám. Nay các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của người đó nay đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

-- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

-- Nay các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa nay các Tỳ-kheo, người ta có thể thấy bà chị ấy bị bệnh hoạn đau khổ, trầm bệnh, nằm đắm mình trong phân tiểu của mình, phải có người nâng dậy, phải có người đỡ nằm. Nay các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của người đó nay đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

-- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

-- Nay các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, người ta thấy cô gái ấy, thi thể bị quăng vào nghĩa địa, một ngày hay hai ngày hay ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra. Nay các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu sắc đẹp xưa kia của cô gái đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

-- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

-- Nay các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, người ta thấy cô gái ấy, thi thể bị quăng vào nghĩa địa, bị các loài quạ ăn, hay bị các loài diều hâu ăn, hay bị các chim kên ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài giả can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn. Nay các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của cô gái nay đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

-- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

-- Nay các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, người ta thấy cô gái ấy, thi thể bị quăng trong nghĩa địa, với các bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại... với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột bộ xương, không còn thịt, không có máu, còn được gân cột lại, chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia, ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương móng, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu. Nay các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của cô gái nay đã biến mất, và sự nguy hiểm đã hiện ra?

-- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

-- Nay các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, người ta thấy cô gái ấy, thi thể bị quăng vào nghĩa địa, chỉ có toàn xương trắng màu vỏ ốc... chỉ còn một đống xương lâu hơn một năm... chỉ còn các xương thối trở thành bột. Nay

các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của cô gái nay đã biến mất, và sự nguy hiểm hiện ra?

-- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

-- Nay các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp.

Này các Tỳ-kheo và thế nào là sự xuất ly các sắc pháp? Nay các Tỳ-kheo, đây là sự điều phục dục tham đối với các sắc pháp, sự đoạn trừ dục tham, như vậy là sự xuất ly các sắc pháp.

Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri vị ngọt các sắc pháp là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định sẽ không như thật tuệ tri các sắc pháp của họ, họ cũng không có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các sắc pháp, sự kiện như vậy không xảy ra. Nay các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào như thật tuệ tri vị ngọt các sắc pháp là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định như thật tuệ tri các sắc pháp của họ, họ cũng có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các sắc pháp, sự kiện như vậy có xảy ra.

(Vị ngọt các cảm thọ)

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là vị ngọt các cảm thọ? Ở đây các Tỳ-kheo ly các dục, ly các bất thiện pháp, tự chứng và an trú vào Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Trong khi ấy, nếu vị ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, trong khi ấy vị ấy cảm giác một cảm thọ vô hại. Nay các Tỳ-kheo, tối thượng vô hại ấy, Ta nói là vị ngọt các cảm thọ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú vào Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm... Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiên thứ ba... Tỳ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiên thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Trong khi ấy nếu vị ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, trong khi ấy vị ấy cảm giác một cảm thọ vô hại. Này các Tỳ-kheo, tối thượng vô hại ấy, Ta nói là vị ngọt các cảm thọ.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sự nguy hiểm các cảm thọ? Này các Tỳ-kheo, các cảm thọ là vô thường, khổ, biến hoại, như vậy là sự nguy hiểm các cảm thọ.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sự xuất ly các cảm thọ? Này các Tỳ-kheo, sự điều phục dục tham đối với các cảm thọ, sự đoạn trừ dục tham, như vậy gọi là sự xuất ly các cảm thọ.

Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri vị ngọt các cảm thọ là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định sẽ không như thật tuệ tri các cảm thọ của họ, họ cũng không có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các cảm thọ, sự kiện như vậy không xảy ra. Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào như thật tuệ tri vị ngọt các cảm thọ là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định như thật tuệ tri các cảm thọ của họ, họ có thể đặt các người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các cảm thọ, sự kiện như vậy có xảy ra.

Dựa vào những đoạn kinh trên, người học Phật cần biết vị ngọt, nguy hiểm của sáu ngoại xứ cũng như sáu nội xứ. Sau đó sẽ xuất ly

Sáu nội xứ và sáu ngoại xứ là những vị ngọt khả hỷ, khả lạc chính là nguyên nhân dẫn đến tham đắm. Nếu không biết sáu nội xứ, sáu ngoại xứ là vô thường biến hoại dẫn đến đau khổ trong hiện tại và tương lai. Người học Phật nên chứng nghiệm qua duyên Thọ và tham khảo bài kinh 137 - Trung Bộ thì sẽ xuất ly sanh khởi.

Chương 2

CÔI TRỜI SẮC GIỚI

Chương này rất khó và chỉ dành cho những ai ly dục sắc, thanh, hương, vị, ly dục xúc. Nhiều cư sĩ thời đại này ly dục rất khó nên chương này dành cho những người xuất gia. Những ai có thiên định hay ly dục được sẽ sanh vào một trong 15 cõi trời sắc giới có tuổi thọ vô lượng.

Trong Kinh Tăng Chi Bốn Pháp - XIII. Phạm Sợ Hải - (V) (125) Từ (1), viết:

1. - Có bốn hạng người này, này các Tỳ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người với tâm, cùng khởi với từ, biến mãn một phương rồi an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú biến mãn với tâm cùng khởi với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy ném được vị ngọt của Thiên ấy, ái luyến Thiên ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiên ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Phạm chúng Thiên. Một kiếp, này các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở cõi Phạm chúng Thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy,

đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý. Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết vẹn tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Nay các Tỳ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

2. Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người với tâm cùng khởi với bi... với tâm cùng khởi với hỷ... với tâm cùng khởi với xả, biến mãn một phương rồi an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú biến mãn với tâm cùng khởi với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiên ấy, ái luyến Thiên ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiên ấy, không có thói đọa; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Quang âm Thiên. Hai kiếp, nay các Tỳ-kheo, là thọ mạng của các chư Thiên ở Quang âm Thiên... được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Biến tịnh Thiên. Bốn kiếp, nay các Tỳ-kheo là thọ mạng của chư Thiên ở cõi Biến Tịnh Thiên... được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Quảng quả Thiên. Năm kiếp, nay các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở cõi Quảng quả Thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ của chư Thiên ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý. Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Nay các Tỳ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

Nay các Tỳ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

Bài kinh - Hạng Người Sai Khác

Trong kinh Tăng Chi Bốn Pháp - XIII. Phẩm Sợ Hãi - (III)
(123) Hạng Người Sai Khác (1), viết:

(III) (123) Hạng Người Sai Khác (1)

1. - Có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

● **Tuổi thọ sơ thiên**

Cõi Phạm chúng Thiên là một kiếp là vô lượng không nói con số.

1- Chư thiên Phạm chúng... 2- với chư thiên Quang thiên... 3- chư thiên Thiếu Quang thiên... 4- chư thiên Vô lượng quang thiên.

Như vậy Sơ thiên có bốn cõi nhưng dẫn đầu là Phạm chúng Thiên đến Vô lượng quang Thiên, đại diện tuổi thọ Phạm chúng thiên là một kiếp vô lượng.

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vị ấy ném được vị ngọt của Thiên ấy, ái luyến Thiên ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiên ấy, không có thói đọa; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở Phạm chúng thiên. Một kiếp, này các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Phạm chúng Thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý. Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập

Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Nay các Tỳ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

● Tuổi thọ Nhị thiên

Cõi Quang âm Thiên là hai kiếp là tuổi thọ vô lượng.

5- Chư thiên Quang âm thiên... 6- chư thiên Tịnh thiên... 7- chư thiên Thiểu tịnh thiên... 8- chư thiên Vô lượng tịnh thiên...

Như vậy Nhị thiên có bốn cõi nhưng dẫn đầu là Quang âm Thiên mà có tuổi thọ vô lượng.

2. Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, chứng đạt và an trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiên ấy... được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Quang âm Thiên. Hai kiếp này, nay các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Quang âm thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú... Đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

● Tuổi thọ Tam thiên

Cõi Biến tịnh Thiên là bốn kiếp là tuổi thọ vô thường.

3. Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiên thứ ba, vị ấy nếm được vị ngọt của Thiên ấy... được sanh cộng trú với chư Thiên ở Biến tịnh Thiên. Bốn kiếp, nay các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Biến tịnh Thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú... Đây là sự

đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

● **Tuổi thọ Tứ thiên**

Quãng quả Thiên, năm kiếp là tuổi thọ vô lượng.

với chư thiên Quảng quả thiên...

4. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiên thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy ném được vị ngọt của Thiên ấy, ái luyến Thiên ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiên ấy, không có thói đọa; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở Quảng quả Thiên. Năm kiếp, này các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng các chư Thiên ở Quảng quả Thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý. Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỳ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

Này các Tỳ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

Như vậy, chúng sơ thiên sẽ cộng trú với chư thiên Phạm chúng Thiên có tuổi thọ một kiếp vô lượng (không có con số). Đối với phàm phu hưởng hết tuổi thọ sẽ sanh địa ngục, bàng sanh, ngã quý nhưng đệ tử Như Lai hưởng hết tuổi thọ hiện hữu ấy xong nhập Niết Bàn. Chúng nhị thiên sẽ cộng trú với chư thiên ở cõi Quang âm thiên

có tuổi thọ hai kiếp vô lượng. Nếu là phạm phu khi hưởng hết tuổi thọ sanh vào ba đường ác. Nếu là đệ tử Như Lai hưởng hết tuổi thọ sẽ nhập Niết Bàn. Chúng tam thiên sẽ cộng trú chư thiên với Biên tịnh Thiên có tuổi thọ bốn kiếp vô lượng. Đệ tử Như Lai hưởng hết tuổi thọ sẽ nhập Niết Bàn nhưng phạm phu hết tuổi thọ luân hồi ba đường ác. Chúng tứ thiên sẽ cộng trú với chư thiên ở Quảng quả Thiên có tuổi thọ năm kiếp. Đệ tử Như Lai sẽ nhập Niết Bàn khi hết tuổi thọ còn phạm phu sẽ luân hồi khi hết tuổi thọ.

● Cõi Tịnh cư Thiên dành cho bậc Thánh Bất Lai

*với chư thiên Vô phiền thiên... với chư thiên Vô nhiệt thiên...
với chư thiên Thiện hiện thiên... với chư thiên Thiện kiến thiên... với
chư thiên Sắc cứu kính thiên...*

Tiểu kết

Phần II chỉ dành cho những người xuất gia đã từ bỏ gia đình sống một mình nên có thể từ bỏ sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục, xúc dục.

Những người cư sĩ tại gia đã thành tựu được Phần I thì có thể bước vào Phần II. Phần này tu tập không còn sự ham muốn về năm cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc là rất khó. Đây là sự khó khăn cho những người học Phật trong thời đại này. Tuy nhiên những ai thật sự muốn chấm dứt khổ phải có quyết tâm. Những bài kinh nêu ra ở trên mà Đức Phật đã thuyết cho ai muốn ly dục có thể tìm hiểu và thực hành.

PHẦN III

KHỔ THÁNH ĐẾ VÀ KHỔ TẬP THÁNH ĐẾ

Khổ Thánh đế là sự thật Thánh về khổ diễn tả những trạng thái vui buồn, hạnh phúc đau khổ của con người. Đây cũng gọi là quả khổ mà ai cũng gặp hằng ngày và nhận biết. Khổ do duyên xúc sanh và xúc diệt thì khổ sẽ mất.

Khổ Tập Thánh đế là sự thật Thánh đế về nguyên nhân khổ là tham ái. Nếu nói đầy đủ Khổ Tập là 12 nhân duyên, trong khi Khổ đế ai cũng nhận biết nhưng Khổ Tập đế khó nhận biết, khó thấy vì khổ tập sanh khởi rất nhanh, không có thời gian. Từ lúc có khổ tập đến khi nào sanh ra khổ đế cần có thời gian. Vì lý do này có những người trên thế gian không chấp nhận có nguyên nhân sanh ra quả khổ hay quả hạnh phúc. Như vậy Khổ Tập chính là tướng cướp giấu mặt để gây khổ đau cho chúng sanh. Trước khi thực hành Đạo Đế, hành giả cần phải biết rõ Khổ tập. Nếu không nhận ra Khổ tập thì thực hành Bát Chánh Đạo không thành công.

Trong bài kinh Chuyển Pháp Luân, Khổ Tập Thánh đế, Khổ Diệt Thánh đế và Bát Chánh Đạo đã trình bày dưới dạng tổng thuyết chứ không phải biệt thuyết. Đây là lý do mà người đời về sau không biết Biệt thuyết Khổ Tập chính là 12 nhân duyên. Định nghĩa về Khổ Tập và Khổ Diệt được nói rõ trong kinh Tăng chi Ba pháp.

Trong kinh Tăng Chi Ba Pháp - VII. Phẩm Lớn - 61.- Sở y xứ, viết:

Bốn thánh đế này, này các Tỳ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến? Do chấp thủ sáu giới, này các Tỳ-kheo, nên có nhập thai. Do có nhập thai, nên có danh sắc. Do duyên danh sắc, nên có sáu xứ. Do duyên sáu xứ, nên có xúc. Do duyên xúc, nên có thọ. Với người có cảm thọ, này các Tỳ-kheo, Ta nêu rõ: “Đây là khổ”, Ta nêu rõ: “Đây là khổ tập; Ta nêu rõ: “Đây là khổ diệt”, Ta nêu rõ: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế?

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi, khổ, ưu, não là khổ. Điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Này các Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập?

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập.

Đoạn kinh trên xác quyết rằng Thánh đế về Khổ Tập là Lý Duyên Khởi. Tổng thuyết Lý Duyên khởi được trình bày rõ ràng trong kinh Tiểu Bộ Tập 1.

TỔNG THUYẾT VỀ LÝ DUYÊN KHỞI

Trong kinh Tiểu Bộ 1 - Kinh Phật Tự Thuyết - Chương Một Phẩm Bồ Đề - (I) (Ud 1), viết:

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjarà, dưới gốc cây Bồ đề, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày ngồi trong một thế ngồi kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy, trong đêm canh thứ nhứt, khéo thuận chiều tác ý lý Duyên khởi: “Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Tức là duyên vô minh, có các hành; duyên các hành, có thức; duyên thức, có danh sắc; duyên danh sắc, có sáu xứ; duyên sáu xứ, có xúc; duyên xúc, có thọ; duyên thọ, có ái; duyên ái, có thủ; duyên thủ, có hữu; duyên hữu, có sanh; duyên sanh, có già, chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là sự tập khởi của khổ uẩn này”.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

1. Thật sự, khi các pháp,

Có mặt, hiện khởi lên,

Đối vị Bà-la-môn,

Nhiệt tâm hành thiền định,

Khi ấy, với vị ấy,

Các nghi hoặc tiêu trừ,

Vì quản trị hoàn toàn,

Pháp cùng với các nhân

Dẫn xuất hai bài kinh trên cho biết phần tổng thuyết về 12 Nhân Duyên còn phân biệt thuyết Lý Duyên khởi được trình bày trong Kinh Tương ưng Tập 2.

BIỆT THUYẾT VỀ LÝ DUYÊN KHỞI

Trong kinh Tương Ứng 2 - Tương Ứng Nhân Duyên (a) - I. Phẩm Phật Đà. - II. Phân Biệt -- (Tập 12.16, Đại 2,85a) (S.ii,2), viết:

1) *Trú ở Sàvatthi (Xá-vệ).*

2) -- *Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết và phân tích cho các Ông về lý Duyên khởi. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiêm, Ta sẽ giảng.*

-- *Thưa vâng, bạch Thế Tôn.*

Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) *Thế Tôn nói như sau:*

-- *Này các Tỳ-kheo, thế nào là lý Duyên khởi? Này các Tỳ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.*

4) *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là già, chết? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị già, yếu, suy nhược, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ tàn lụi, các căn chín muồi. Đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, sự từ bỏ, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn hư hoại, thân thể vứt bỏ. Đây gọi là chết. Như vậy, đây là già, đây là chết. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là già, chết.*

5) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sanh? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị sanh, xuất sanh, giáng sanh, đản sanh, sự xuất hiện các uẩn, sự thành tựu các xứ. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là sanh.

6) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hữu? Này các Tỳ-kheo, có ba hữu này: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hữu.

7) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là thủ? Này các Tỳ-kheo, có bốn thủ này: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là thủ.

8) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là ái? Này các Tỳ-kheo, có sáu ái này: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là ái.

9) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là thọ? Này các Tỳ-kheo, có sáu thọ này: thọ do nhãn xúc sanh; thọ do nhĩ xúc sanh; thọ do tỷ xúc sanh; thọ do thiệt xúc sanh; thọ do thân xúc sanh; thọ do ý xúc sanh. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là thọ.

10) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là xúc? Này các Tỳ-kheo, có sáu xúc này: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là xúc.

11) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sáu xứ? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là sáu xứ.

12) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là danh sắc? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý; đây gọi là danh. Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra; đây gọi là sắc. Như vậy, đây là danh, đây là sắc. Đây gọi là danh sắc.

13) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là thức? Này các Tỳ-kheo, có sáu thức thân này: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là thức.

14) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hành? Này các Tỳ-kheo, có ba hành này: thân hành, khẩu hành, ý hành. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hành.

15) Này các Tỳ-kheo, thế nào là vô minh? Này các Tỳ-kheo, không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết Con đường đưa đến Khổ diệt. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là vô minh.

Phần tổng thuyết và biệt thuyết về Lý Duyên khởi đã được trình bày ở trên. Làm sao người Phật tử hiểu được Lý Duyên khởi là điều quan trọng. Tác giả xin trình bày ra đây quan điểm cá nhân như sau:

Lý Duyên Khởi được biểu thị bằng sơ đồ sau.

Vô minh ⇔ **Hành** ⇔ **Thức** ⇔ **Danh Sắc** ⇔ **lục nhập** ⇔ **Xúc** ⇔ **Thọ** ⇔ **Ái** ⇔ **Thủ** ⇔ **Hữu** ⇔ **Sanh** ⇔ **Già chết**, sầu bi, khổ ưu não.

Lý Duyên Khởi biểu thị hai đế là Khổ đế và Khổ Tập đế trong Tứ Thánh đế.

Sự sắp xếp Lý Duyên khởi theo Khổ đế và Khổ tập đế sẽ thành bốn nhóm như sau.

Nhóm 1: Vô minh ⇔ **Hành** ⇔ **Thức**

Có thể gọi chung là Nghiệp cũ hay Khổ tập tiêu biểu là nghiệp quá khứ đã tạo ra quả khổ hiện tại.

Nhóm 2: Danh Sắc ⇨ Lục nhập ⇨ Xúc ⇨ Thọ

Có thể gọi chung bốn duyên này là quả Khổ hiện tại hay Khổ để tiêu biểu những gì đang xảy ra mà nổi bật nhất là duyên Thọ.

Nhóm 3: Ái ⇨ Thủ ⇨ Hữu.

Có thể gọi chung ba duyên này là Nghiệp mới hình thành tiêu biểu những quả khổ trong tương lai có nghĩa là có thể xảy ra trong kiếp sống hiện tại hoặc sau khi chết.

Nhóm 4: Sanh ⇨ Già chết, sầu bi, khổ ưu não.

Có thể gọi chung hai duyên : Sanh, Già chết là quả khổ tương lai nhưng đáng nói nhất sau khi chết tái sanh vào ba đường ác.

Cụ thể hơn khi áp dụng Lý duyên khởi vào đời sống con người qua ba thời thì việc hiểu Lý Duyên khởi dễ dàng hơn. Do có quá khứ thì có hiện tại và do có hiện tại sẽ có tương lai.

Quá khứ chúng ta đã từng có năm uân hay lục nhập vì vô minh đã tạo nghiệp để tái sanh vào kiếp sống hiện tại. Do có sáu giác quan phát sanh ra những cảm thọ vui buồn của kiếp người. Từ kiếp hiện tại mà Vô minh nữa sẽ tạo nghiệp mới để tái tạo lại sáu giác quan cho tương lai và cũng sẽ có những cảm thọ vui buồn tùy sanh vào ba đường ác hay cõi người, cõi trời.

Lý do đó nên đã sắp xếp 12 Nhân Duyên theo kiếp luân hồi của chúng sanh như sau:

Nghiệp cũ đã sinh ra quả khổ hiện tại và từ kiếp sống hiện tại tạo nghiệp mới sẽ sanh lại quả khổ trong tương lai.

Dù Đức Phật có xuất hiện ở đời hay không, định lý duyên khởi này: “Do cái này sanh, cái kia sanh” luôn luôn là chân lý. Tuy nhiên

Đức Phật là người đã khám phá ra và chỉ dạy cho chúng ta biết để tránh nhiều đau khổ trong cuộc đời này.

Chúng ta hằng ngày suy tư và chiêm nghiệm chân lý này “Do cái này sanh, cái kia sanh”. Điều này giúp chúng ta biết tất cả những biến cố đến với ta đều có lý do hết, không có vấn đề ngẫu nhiên. Thấy được vậy tâm chúng ta sẽ an nhiên tự tại trước những vấn đề hạnh phúc và đau khổ.



Đây là sơ đồ Lý Duyên khởi có thêm Thức hiện tại sanh khởi bởi duyên sáu nội xứ và sáu ngoại xứ còn gọi là lục nhập. Thức hiện tại sanh khởi duyên Xúc.

Chương 1
NGHIỆP CŨ

Chương này giúp người học Phật biết được con người từ đâu có mặt trên thế gian này do Thế Tôn Gotama đã nói cho loài người và loài trời biết. Chánh pháp từ thời của Đức Phật Ca Diếp đã diệt cho đến nay mới xuất hiện lại trên gian này. Đức Phật toàn giác Gotama đã khám phá ra Lý duyên khởi, Tứ Thánh đế và đã dạy lại cho loài người và chư thiên để chấm dứt khổ đau. Đặc biệt từ khi Đức Phật Ca Diếp đã nhập Niết bàn và cho đến khi giáo pháp của Đức Phật Gotama diệt sẽ không có một ai hơn hay bằng Thế tôn Gotama.

Mặc dù Thế Tôn đã nhập Niết Bàn cách đây trên 25 thế kỷ nhưng Phật pháp vẫn còn trong năm bộ Kinh Nikaya do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch từ tiếng Pali ra tiếng Việt và đã được xuất bản ở Việt Nam. Dù không gặp Đức Phật và Thánh chúng nhưng những lời dạy trong 5 bộ kinh Nikaya sẽ giúp chúng ta có thể hình dung ra những con người sống thời xưa không có vật chất sung túc nhưng đã chứng các bậc Thánh rất nhiều. Ngày nay con người hưởng thụ dục lạc quá nhiều làm sao chúng Thánh được nên kiếp sau sẽ chịu những quả khổ trong ba đường ác.

Tất cả những vị Phật toàn giác quá khứ, hiện tại, tương lai đều có 10 ân đức và 10 Như Lai lực giống nhau để rống tiếng con sư tử trong các hội chúng và Chuyển Phạm luân (bánh xe). Hy vọng những ai sau khi đọc Lý Duyên khởi, khởi lên niềm tin 10 ân đức và 10 Như Lai lực là phước đức của quý vị.

Nghiệp cũ có ba duyên như sau:

Vô minh ⇔ Hành ⇔ Thức

Nghiệp là những hành động đã làm trong kiếp quá khứ mà chúng ta đã không nhớ được và phải đợi đến khi chúng ta chứng được Túc mạng minh. Điều này rất khó cho con người sống thời đại này có được Túc mạng minh. Vì vậy chuyện con người ngày nay biết rằng những cảm thọ khổ, những cảm thọ lạc do nghiệp cũ đời trước là chuyện khó chấp nhận.

★ Sự hy hữu của Đức Phật toàn giác xuất hiện trên thế gian

May mắn cho chúng ta khi Đức Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian. Điều này rất rất hy hữu. Ngài có 10 ân đức: Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. Mười ân đức sẽ được giải thích chi tiết trong phần phụ lục của cuốn sách này.

Trong Kinh Trung bộ số 12. Đại kinh Sư Tử Hống, viết về Mười Như Lai Lực, như sau:

★ Mười Như Lai lực có thể rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng

“Này Sariputta, Như Lai có đầy đủ mười Như Lai lực, chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Nguưu Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là mười?”

★ Như Lai như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ Như vậy là Như Lai lực của Như Lai.

Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ (Tri thị xứ phi xứ lực). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, và chuyển Phạm luân.

Như lai biết rõ xứ, phi xứ có nghĩa làm ác có quả báo ác không có chuyện có quả lành. Tương tự làm thiện có quả thiện không có chuyện có quả báo ác. Phân biệt rõ ràng thiện ác.

★ Như Lai như thật tuệ tri quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại.

Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại (Tri tam thế nghiệp báo lực). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

Như Lai căn cứ vào nghiệp quá khứ, hiện tại, tương lai biết quả báo thế nào, khả năng này con người thời nay không có được.

★ Như Lai như thật tuệ tri con đường đưa đến tất cả cảnh giới.

Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri con đường đưa đến tất cả cảnh giới (Tri nhứt thiết đạo trí lực). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

Như Lai biết rõ con đường nào dẫn đến các cõi trời dục giới và sắc giới.

★ Như Lai như thật tuệ tri thế giới với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại, nhiều sai biệt.

Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri thế giới với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại, nhiều sai biệt (Trí thế gian chủng chủng tánh lực). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

Như Lai biết mọi cảnh giới sai biệt, nhiều chủng loại sai biệt vì đâu như vậy

★ Như Lai như thật tuệ tri chí hướng sai biệt của các loại hữu tình.

Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri chí hướng sai biệt của các loại hữu tình (Trí tha chúng sanh chương chương dục lực). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... chuyển Phạm luân.

★ Như Lai như thật tuệ tri những căn thượng hạ của các loài hữu tình, loài Người.

Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri những căn thượng hạ của các loài hữu tình, loài Người (Trí tha chúng sanh chư căn thượng hạ lực). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

Như Lai biết trình độ khác nhau của loài người và chư thiên nên chỉ cho phương pháp tu tập.

★ Như Lai như thật tuệ tri sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các Thiên, chứng về Thiên, về giải thoát, về định.

Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các Thiên, chứng về Thiên, về giải

thoát, về định (Tri chú Thiên tam muội lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

★ Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời.

Lại nữa, nay Sariputta, Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều thành hoại kiếp. Ngài nhớ rằng: “Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây”. Như vậy, Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

Đây chính là chính Túc mạng minh có khả năng nhớ được vô số kiếp trước.

★ Như Lai với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rõ ràng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu.

Lại nữa, nay Sariputta, Như Lai với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rõ ràng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng

sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời và về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Các chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, về lời và về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, Như Lai với thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

Đây chính là Thiên nhân minh hay sanh tử minh thấy được chúng sanh chết đi về đâu.

★ Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc tự mình chứng tri, chứng ngộ, thành tựu và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát

Lại nữa, này Sariputta, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc tự mình chứng tri, chứng ngộ, thành tựu và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nay Sariputta, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân.

Như Lai lực thứ 10 chính là đã chứng ngộ được Vô lậu tận minh, không còn sanh lại thế gian.

Này Sariputta, Như Lai có đầy đủ mười Như Lai lực. Chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Nguru Vương, rống tiếng rống sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân.

Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy mà còn nói: “Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trặc nghiệm, thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau”. Này Sariputta, nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy; không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên. Này Sariputta, như Tỳ-kheo thành tựu giới hạnh, thành tựu Thiền định, thành tựu trí tuệ có thể chứng được chánh trí ngay trong hiện tại. Này Sariputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy. Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên”.

Đức Thế Tôn đã tuyên bố rằng Ngài đã có 10 Như Lai lực, có ai đã nói sai về ngài mà không từ bỏ lời nói ấy sẽ rơi vào địa ngục.

Ngày hôm nay đã có duyên gặp Lý duyên khởi này do nhiều đời quá khứ cũng đã có tu tập. Người học Phật nên tìm hiểu nghiệp quá khứ cho rõ ràng. Dựa theo Lý duyên khởi: “Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh”. Người học Phật cần quan sát và chiêm nghiệm chân lý trên có đúng trong cuộc sống hằng ngày hay không?

Hãy chiêm nghiệm Lý duyên khởi này nhiều tháng, nhiều năm sẽ thấy đúng như vậy sẽ giúp phá tan bớt màn vô minh. Trong kinh

có đoạn có viết: “Ai thấy được lý duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy thấy được lý duyên khởi”. Người học Phật, nếu không thấy Lý duyên khởi thì xem như không thấy được Pháp (Niết Bàn).

1. Vô minh

Vô lượng kiếp quá khứ luân hồi không biết điểm khởi đầu, do vô minh đã tạo ra nghiệp nên sanh ra đời này. Vô minh có thức ăn nên vô minh sẽ còn dài dài và chúng ta sẽ luân hồi không biết đến khi nào sẽ dừng lại.

Rất nhiều sách viết về Phật giáo không trích dẫn kinh về định nghĩa từ “Vô minh” nên đã dẫn giải sai lời Đức Phật dạy. Đây là một vấn đề gây khó khăn cho việc học Phật. Người học Phật nên y cứ vào lời Đức Phật dạy và tìm hiểu mà không nên suy diễn về từ Vô minh.

Vô minh là mắt xích đầu tiên trong Lý duyên khởi, nếu hiểu sai từ Vô minh sẽ dẫn đến hiểu sai toàn bộ Lý Duyên Khởi. Người học Phật nên suy tư cho sâu về định nghĩa danh từ Vô minh để phá vỡ màn Vô minh. Theo Kinh Tăng Chi Mười Pháp có định nghĩa về thức ăn Vô minh.

1.1. Thức ăn Vô minh

Trong Kinh Tăng Chi Mười Pháp - VII. Phẩm Song Đôi - (I) (61) Vô Minh, viết:

Như vậy, này các Tỷ-kheo, không giao thiệp với bậc Chân nhân được viên mãn, thời làm viên mãn không có nghe diệu pháp; không có nghe diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn không có lòng

tin; không có lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn phi như lý tác ý; phi như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn không chánh niệm tỉnh giác; không chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn không chế ngự; các căn không chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba ác hành; ba ác hành được viên mãn, thời làm viên mãn năm triền cái, năm triền cái được viên mãn, thời làm viên mãn vô minh.

Như vậy, đây là thức ăn cho vô minh này, và như vậy là sự viên mãn. Sự sắp lại theo thứ tự như sau.

- Không giao thiệp bậc chân nhân được viên mãn.

Vô minh cứ dày đặc nếu mỗi lần sinh ra đời không gặp bậc Chân nhân như Thế tôn Gotama hay những đệ tử của Ngài, không thể nghe được diệu pháp thì Vô minh cứ chùng chất lên. Khi chúng ta sinh ra đời đã không còn gặp Đức Phật nữa nhưng diệu pháp Ngài còn trong năm bộ kinh Nikaya lưu truyền đến bây giờ. Như vậy chúng ta cố gắng tìm hiểu diệu pháp rốt ráo, thì vô minh sẽ biến mất.

- Thời làm viên mãn không nghe diệu pháp.

Diệu pháp là 5 bộ kinh Nikaya hoặc nói gọn là Tứ Thánh đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh Đạo. Vì không gặp bậc Chân nhân nên không nghe diệu pháp. Đa số loài người sinh ra trong thời kỳ này khó mà nghe diệu pháp được vì vật chất.

- Không có lòng tin được viên mãn.

Lòng tin tức là tin mười ân đức của Đức Phật như sau: “A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. Không nghe Diệu pháp nên không có lòng tin 10 ân đức.

- Thời làm viên mãn Phi như lý tác ý.

Này các Tỳ-kheo, do không như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng.

Không có lòng tin nên dẫn đến phi như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Phi như lý tác ý là không tác ý đến Tứ Thánh đế.

- Thời làm viên mãn Không chánh niệm tỉnh giác.

Chánh niệm là ghi nhớ, tỉnh giác là biết rõ, không chánh niệm tỉnh giác là không ghi nhớ và không biết rõ những gì đang diễn tiến. Do đó không có tác ý đến Tứ Thánh đế dẫn đến không chánh niệm tỉnh giác.

- Thời làm viên mãn các căn không chế ngự.

Các căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không chế ngự. Do không chánh niệm tỉnh giác dẫn đến 6 giác quan phóng dật, không chế ngự được.

- Làm viên mãn ba ác hành.

Ba ác hành là ý hành, khẩu hành, thân hành. Do không chế ngự sáu căn dẫn đến ba ác hành viên mãn

- Năm triền cái viên mãn

Năm triền cái là tham, sân, hôn trầm thùỳ miên, hoài nghi, trạo hối. Do ba ác hành viên mãn dẫn đến năm triền cái viên mãn.

- Vô minh viên mãn

Do năm triền cái viên mãn dẫn đến vô minh viên mãn.

1.2. Thế nào là Vô minh?

Trong Kinh Tương Ưng 2 - Chương I Tương Ưng Nhân Duyên (a) - I. Phạm Phật Đà - II. Phân Biệt - (Tập 12.16, Đại 2,85a) (S.ii,2), viết:

Này các Tỳ-kheo, không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết Con đường đưa đến Khổ diệt. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là vô minh..

Đây là định nghĩa được nêu trong Kinh Tương ưng 2- Tương ưng nhân duyên, người học Phật nên suy tư định nghĩa như vậy có hợp lý hay không?

Theo định nghĩa trên khi hội đủ bốn yếu tố trên gọi là Vô minh, bước đầu học Phật gặp được định nghĩa từ Vô minh và hiểu rõ từ này sẽ giúp người học Phật hiểu được vì sao chúng ta hiện hữu trên cõi đời này.

★ Không rõ biết khổ.

Từ khổ rất đơn giản nhưng để biết rõ khổ rất khó, có những cái khổ như bị sanh, bị bệnh, bị già, bị chết, ít người biết nên không ai quan tâm nguyên nhân sanh khổ nên không có nhu cầu tìm hiểu để chấm dứt khổ.

★ Không rõ biết nguyên nhân khổ.

Đa số con người không biết nguyên nhân khổ nên luân hồi mãi mãi, để biết được nguyên nhân sanh khổ là vấn đề nan giải của loài người.

★ Không rõ biết diệt khổ.

Đã không biết khổ và nguyên nhân khổ làm sao biết được diệt khổ nên luôn luôn khởi ra tham, sân, si.

★ Không rõ biết con đường diệt khổ.

Không biết khổ thì làm sao biết nguyên nhân khổ, biết được diệt khổ và biết được con đường diệt khổ. Vì vậy vô minh tạo ra vô số nghiệp để đi luân hồi trong ba cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

1.3. Kết luận

Duyên Vô minh là điểm bắt đầu gây ra đau khổ. Nếu những ai được sanh ra vào thời gian này còn gặp được năm bộ kinh Nikaya thì rất có phước vì Đức Phật đã định nghĩa Vô minh rất rõ ràng. Tiếc thay rằng con người bị ngũ dục chi phối quá nhiều nên có nhiều người không chịu tìm hiểu Vô minh là gì để thoát khổ. Duyên Vô minh có thức ăn là không gặp bậc Chân nhân không nghe được diệu pháp,... thì duyên Vô minh sẽ tồn tại rất lâu dài đồng nghĩa sẽ còn đau khổ triền miên. Hữu duyên cho ai biết được Tứ Thánh đế sẽ diệt được Vô minh hết luân hồi, hết khổ đau.

2. Duyên Hành

Thế nào là hành?

Định nghĩa 1: *Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là hành.*

Định nghĩa 2: *Này các Tỳ-kheo, có ba hành này: thân hành, khẩu hành, ý hành. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là hành..*

Định nghĩa 3: *Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý..*

Hành hay Nghiệp là sáu tư dẫn đến ý hành, khẩu hành, thân hành.

Đơn giản lại định nghĩa Hành là ý hành, khẩu hành, thân hành.

Định nghĩa ý hành thiện ác, khẩu hành thiện ác và thân hành thiện ác đều trích từ Kinh Trung bộ số 41.

2.1. Ý hành

Trong kinh Tương Ứng 2 - Tương Ứng Nhân Duyên (b) - VI. Phẩm Cây - I. Tư Lường (Tập 12.10, Đại 2,82c) (S.ii,80), viết:

Dự tính làm phước hành, thức (của người ấy) đi đến phước. Nếu người ấy dự tính làm phi phước hành, thức (của người ấy) đi đến phi phước. Nếu người ấy dự tính làm bất động hành, thức (của người ấy) đi đến bất động.

Ý là gốc nên chọn ý mà không chọn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân nên chỉ nói ý hành là đủ. Ý hành gồm có: ý hành thiện, ý hành ác, ý hành bất động.

a) Ý hành thiện

- Không tham: *Không có tham ái, không tham lam tài vật của kẻ khác, không nghĩ rằng: “Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình.*

- Không sân: *Lại có người không có tâm sân, không có khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: “Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không oán thù, không nhiễu loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân!*

- Chánh kiến: *Có chánh kiến, không có tưởng điên đảo, nghĩ rằng: “Có bố thí, có kết quả của bố thí, có tế lễ, có cúng dường, các*

hành vi thiện ác có kết quả dị thực, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trong đời, có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau”.

b) Ý hành ác

- Tham: *Tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: “Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!*

- Sân: *Lại có người có tâm sân, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: “Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tàn hại, hay mong chúng không còn tồn tại.*

- Tà kiến: *Không có bố thí, không có kết quả của bố thí, không có tế lễ, không có cúng dường, các hành vi thiện ác, không có kết quả dị thực, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, trong đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chính hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau.*

Một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

c) Ý hành bất động

Tâm bất động trước năm cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc do chứng đắc các tầng thiên sắc giới và bốn tầng thiên vô sắc giới, tâm các vị không còn tham sân si nhưng chưa hết vô minh.

2.2. Khẩu hành

Có ý hành rồi dẫn đến khẩu hành nhưng có khẩu hành thiện và khẩu hành ác.

a) Khẩu hành thiện

- Không nói láo

Từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: “Này người kia, hãy nói những gì Ông biết”, nếu biết, người ấy nói: “Tôi biết”; nếu không biết, người ấy nói: “Tôi không biết”; hay nếu không thấy, người ấy nói: “Tôi không thấy”; nếu thấy, người ấy nói: “Tôi thấy”. Như vậy, lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì.

- Không nói hai lưỡi

Từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

- Không nói lời độc ác.

Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói nhu

hòa, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, người ấy nói những lời như vậy.

Không nói lời phù phiếm

Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, người ấy nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi. Như vậy, này các Gia chủ, có bốn loại khẩu hành đúng pháp, đúng chánh đạo.

b) Khẩu hành ác

- Nói láo

Này các Gia chủ, có người vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: “Này người kia, hãy nói những gì Ông biết”; dầu cho người ấy không biết, người ấy nói: “Tôi biết”; dầu cho người ấy biết, người ấy nói: “Tôi không biết”; hay dầu cho người ấy không thấy, người ấy nói: “Tôi thấy”; hay dầu cho người ấy thấy, người ấy nói: “Tôi không thấy”. Như vậy, lời nói của người ấy trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì.

- Nói hai lưỡi

Và người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia, nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ

kia, đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy ly gián những kẻ hòa hợp hay xúi dục những kẻ ly gián, ưa thích phá hoại, vui thích phá hoại, thích thú phá hoại, nói những lời đưa đến phá hoại.

- Nói lời độc ác

Và người ấy là người nói lời thô ác. Bất cứ lời gì thô ác, tàn ác, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phần nộ, không đưa đến Thiên định, người ấy nói những lời như vậy.

- Nói lời phù phiếm

Nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi pháp, nói những lời phi luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời, nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích.

2.3. Thân hành

Có thân hành sẽ dẫn đến thân hành thiện và thân hành ác.

a) Thân hành thiện

- Không sát sanh

Có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.

- Từ bỏ lấy của không cho

Từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy.

- Từ bỏ tà hạnh

Từ bỏ sống theo tà hạnh đối với các dục, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa.

b) Thân hành ác

- Sát sanh

Ở đây, này các Gia chủ, có người sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đã thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình.

- Trộm cắp

Người này lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy.

- Tà hạnh

Người ấy sống tà hạnh đối với các dục lạc, giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa.

Những định nghĩa về ý hành thiện, ý hành ác, khẩu hành thiện, khẩu hành ác, thân hành thiện, thân hành ác vừa nêu trên được trích dẫn từ Kinh Trung bộ số 41. Kinh Sàleyyaka.

2.4. Kết luận về Duyên Hành

Duyên Hành là những hành động đã từng tạo ra quá khứ gồm có ba phần: ý hành, khẩu hành, thân hành. Cõi dục là cõi âm dương có hai hướng: Có ý hành thiện sanh vào cõi người và cõi trời như chúng ta hôm nay được làm người do ý hành thiện và có ý hành ác sanh vào ba đường ác: địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ. Có ý hành bất động sanh vào Cõi sắc giới tức là cõi nhất nguyên (không có thiện, ác) và cõi vô sắc (không có hình tướng). Nếu trong kiếp sống này mà chúng ta Vô minh tiếp tục tạo ra ý hành thiện, ý hành ác, ý hành bất động vẫn luân hồi. Chúng ta biết duyên Vô minh, duyên Hành... do Đức Phật đã nói. Tuy nhiên chúng ta có thể kiểm chứng tâm chúng ta hằng ngày có khởi ra ba hành liên tục hay không? Nếu khởi ra ý hành thiện có đem đến an lạc không? Nếu khởi ra khẩu hành thiện có đem đến an lạc không? Nếu khởi ra thân hành thiện có đem đến an lạc không? Tương tự tâm chúng ta khởi ra ý hành ác, khẩu hành ác, thân hành ác có đem đến đau khổ hay không?

3. Thức quá khứ

Trong Kinh Tương Ưng 2 - Tương Ưng Nhân Duyên (a) - I. Phẩm Phật Đà. - II. Phân Biệt -- (Tập 12.16, Đại 2,85a) (S.ii,2), viết:

Thế nào là Thức? Nay các Tỳ-kheo, có sáu thức thân này: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Nay các Tỳ-kheo, đây gọi là thức.

Ý thức do duyên ý với pháp sanh khởi ý thức vì vậy cần ý căn (vật chất) để tồn tại. Khi 6 giác quan (vật chất) quá khứ đã tan rã. Thức cần có vật chất tức thì để hiện hữu (không có chuyện 49 ngày đi tái sanh). Nếu không có ý căn thì thức sẽ biến mất do đó khi chết thức tái sanh cần có vật chất để tạo thành danh sắc.

Trong Kinh Trung Bộ số 38. Đại kinh Đoạn tận ái, viết:

- Nhãn thức

Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức.

- Nhĩ thức

Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức.

- Tỷ thức

Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên và tỷ thức.

- Thiệt thức

Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức.

- Thân thức

Do duyên thân và các xúc, thức sanh, và thức ấy có tên là thân thức.

- Ý thức

Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

Có nhiều người học Phật cho rằng Thức trong 12 nhân duyên là Thức của kiếp sống hiện tại và tin một cách mù quáng mà không suy tư và kiểm chứng. Do họ không chịu học hết năm bộ kinh Nikaya nên sanh khởi sự sai lầm nghiêm trọng. Điều này đã ảnh hưởng rất nhiều đến những Phật tử luôn luôn tin tưởng ở họ. Tác giả có dẫn chứng bài kinh Đoạn Tận ái Kinh Trung bộ số 38, Kinh Tăng chi ba pháp và Kinh Tương ưng ba về năm uẩn.

Trong 12 nhân duyên có hai hành: Hành là nghiệp quá khứ, Ái là hành hiện tại. Có hai thức quá khứ và thức hiện tại. Có hai Vô minh thuộc về quá khứ và hiện tại. Có hai sanh: Danh sắc hay sáu nội xứ là sanh hiện tại và Sanh trong 12 Duyên thuộc về tương lai sau khi chết. Vì không tìm hiểu kỹ bài kinh số 38 có định nghĩa về danh sắc tức là bào thai có sự sống. Nếu quá khứ không có thức thì sao sanh ra kiếp sống này. Do có thức cũ khi thân tứ đại mất thì thức cũ cần có tứ đại thô sơ (tinh trùng và trứng) để tái tạo bào thai nếu thức cũ không có tứ đại thì không sanh ra lại đồng nghĩa sanh đã tận. Thức cần có vật chất (sáu nội xứ) để tâm biểu lộ ra. Khi có sáu nội xứ mới bắt đầu nhập sáu cảnh mới sanh ra sáu thức mới. Khi có sáu nội xứ mới thì ý thức cũ từ từ lắng xuống và ý thức mới tăng trưởng nên không thể sanh năm thức cũ lại.

4. Kết luận chương 1

Lý do Thức sắp xếp sau cùng trong ba duyên: Vô minh, Hành, Thức là do khi chết cái biết cần có vật chất để tái tạo lại Danh Sắc.

Chương này trình bày những gì thuộc quá khứ mà con người không có khả năng biết được nên nghi ngờ không có những kiếp sống trước và đã tạo những hành động ác để trở ra những quả khổ trong kiếp sống hiện tại. Làm thế nào biết được chúng ta đã từng sống nhiều đời đã qua. Đây là vấn đề nan giải cho loài người và con người ngày nay cũng đã không tìm ra câu trả lời chính xác được. Vì không có một ai trong thế giới ngày nay đã chứng được Tứ thiên để có thể thấy được vô số kiếp quá khứ của mình trừ Đức Phật và những đệ tử của Ngài. Chứng tứ thiên cần phải ly dục về sắc, về thanh, về hương, về vị, về xúc thì mới vào sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên được, nhưng con người hôm nay lấy dục làm nền móng để hưởng thụ dục lạc thì làm sao biết được những đời sống quá khứ của mình.

Trong thời Đức Phật đã có nhiều cư sĩ không có khả năng Túc mạng Minh nhưng vẫn chứng bậc Thánh Dự lưu là vì họ tin tuyệt đối vào Phật, Pháp, Tăng mà tin Phật là tin 10 ân đức. Nếu những người học Phật mà không tin vào 10 ân đức của Đức Phật sẽ không đồng thanh tương ứng với đạo Phật thì không có gì có thể giúp được.

Theo định Lý Duyên khởi cho biết rằng bất cứ cái gì xảy ra đều có nguyên nhân như một con người sanh ra đời có nguyên nhân chứ không có vấn đề ngẫu nhiên hay do ai tạo ra. Tương tự những hạnh phúc hay đau khổ đang cảm nhận đều có nguyên nhân. Người học Phật có thể kiểm chứng định lý Duyên khởi có đúng hay không chứ không tin mù quáng.

Nghiệp quá khứ là những gì đã tạo ra rồi khi có đủ duyên thì trở ra quả, người học Phật không suy nghĩ nhiều về nghiệp quá khứ. Nếu quá khứ không tạo nghiệp chắc chắn không có gì xảy ra. Nếu vô minh đã tạo nghiệp rồi nên chấp nhận cả những quả tốt đẹp và những quả xấu mà không tham đắm quả tốt và không sân hận quả xấu. Biết như vậy có sự坦然 nhiên và có sự giải thoát những vui buồn trong cuộc sống hiện tại.

Chương 2

QUẢ KHỔ HIỆN TẠI

Quả khổ hiện tại có các duyên sau:

Danh Sắc ⇔ Lục nhập ⇔ Xúc ⇔ Thọ

Tại sao quả khổ hiện tại có bốn duyên xin trích dẫn một đoạn như sau:

“Chính do duyên nào đã được nói đến? Do chấp thủ sáu giới, này các Tỳ-kheo, nên có nhập thai. Do có nhập thai, nên có danh sắc. Do duyên danh sắc, nên có sáu xứ. Do duyên sáu xứ, nên có xúc. Do duyên xúc, nên có thọ. Với người có cảm thọ, này các Tỳ-kheo, Ta nêu rõ: “Đây là khổ”, (Kinh tạng chi 3 pháp).

Như vậy cảm thọ khổ là quả do duyên Xúc sanh nhưng duyên Xúc do duyên Lục nhập sanh, nhưng duyên Lục nhập do duyên Danh sắc sanh. Những duyên Danh sắc, Lục nhập, Xúc là những nhân liên tục từ lúc bỏ thân xác kiếp trước để có Danh sắc rất vi tế hiện tại và phát triển thành Lục nhập (một đứa trẻ sơ sinh). Từ lúc sanh ra đã tự động thâm vào sáu ngoại xứ để hình thành sáu cái biết hiện tại và tự động sinh ra sáu Xúc rồi sanh ra sáu Thọ.

Từ khi xuất hiện Danh sắc phát triển một thời gian mới thành hình sáu Xúc phát sanh cái khổ nhưng khổ uẩn sẽ tăng lên khi tuổi đời tăng lên. Như vậy trước khi có quả khổ hiện tại cần trải qua nhiều

giai đoạn từ duyên Danh sắc, Lục nhập, Xúc chứ không có việc cảm thọ khổ đột ngột xảy ra liền.

Trước khi xuất hiện khổ phải theo tiến trình như sau:

Danh Sắc ⇒ Lục nhập ⇒ Xúc ⇒ Thọ (khổ)

1. Khổ Thánh để cần phải liễu tri

Trong Tứ Thánh đế, Khổ Thánh đế đã được trình bày đầu tiên phải có lý do là quả khổ đang tồn tại liên tục trong cuộc đời nhưng nếu không nhận ra sự khổ thì chuyện chấm dứt khổ không xảy ra. Đức Phật đã dạy có tám quả khổ mà con người ai cũng thường gặp như sau: sanh là khổ, bệnh là khổ, già là khổ, chết là khổ, thương nhau mà chia lìa là khổ, gặp nhau mà không ưa là khổ, muốn không được là khổ, tóm lại có 5 thủ uẩn là khổ.

Người học Phật cần hiểu rõ 8 cái khổ này để chấm dứt ví như một người đang có bệnh mà không nhận biết mình bị bệnh thì làm sao có nhu cầu đi chữa bệnh.

Làm thân người có thể biết những đau khổ và những hạnh phúc. Những cảm thọ lạc của chúng sanh sống trên sáu cõi trời dục giới không có đau khổ rất khó nhận biết cái khổ. Còn chúng sanh sống trong cõi như địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ toàn là đau khổ. Ngay cả những người sướng quá hay khổ quá cũng không thấy sự vô thường nên việc khởi lên muốn chấm dứt khổ rất khó.

Những vị Bồ tát kiếp cuối muốn trở thành một vị Phật toàn giác phải tái sanh vào loài người mới thấy bốn cái khổ căn bản như sanh, già, bệnh, chết mới xuất gia và trở thành Phật toàn giác được.

Làm được thân người rất may mắn có thể chấm dứt khổ nhưng chúng sanh không có hữu duyên gặp Chánh pháp nên phóng dật vào những lạc thú trần gian đến khi mất thân người sinh vào ba đường ác địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ rồi chuyện trở lại làm thân người khó vô cùng. Như những bài kinh sau đây:

1.1. Chuyện mất thân người rồi để có được thân người cực kỳ khó khăn

Trong Kinh Trung Bộ số 129. Kinh Hiền Ngu, viết:

“Ví như, này các Tỳ-kheo, một người quăng một khúc cây có một cái lỗ trên biển, một ngọn gió từ phương Đông thổi nó trôi qua phía tây; một ngọn gió từ phương Tây thổi nó trôi qua phía đông; một ngọn gió từ phương Bắc thổi nó trôi qua phía nam; một ngọn gió từ phương Nam thổi nó trôi qua phía bắc. Rồi có một con rùa mù, cứ một trăm năm mới trời đầu lên một lần. Này các Tỳ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Con rùa mù ấy có thể đút cổ nó vào trong lỗ cây này được không?”

-- Nếu có được chẳng nữa, bạch Thế Tôn, thời chỉ được một lần, sau một thời gian rất lâu dài.

-- Còn mau hơn, này các Tỳ-kheo, con rùa mù ấy có thể chui cổ vào khúc cây có lỗ hổng kia; nhưng này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng còn khó hơn được làm người trở lại, một khi người ngu bị rơi vào đọa xứ. Vì sao vậy? Vì ở đây, này các Tỳ-kheo, không có pháp hành, an tịnh hành, thiện hành, phước hành. Này các Tỳ-kheo, ở đây chỉ có ăn lẫn nhau và ăn thịt kẻ yếu”.

1.2. Chuyện đau khổ khi sanh vào địa ngục

Trong Kinh Trung Bộ số 129. Kinh Hiền Ngu, viết:

“Này các Tỳ-kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn về người ấy, phải nói rằng người ấy hoàn toàn không tốt đẹp, hoàn toàn không khả ái, hoàn toàn không thích ý. Cũng như muốn nói một cách đúng đắn về Địa ngục, phải nói rằng Địa ngục, hoàn toàn không tốt đẹp, hoàn toàn không khả ái, hoàn toàn không thích ý. Về vấn đề này, này các Tỳ-kheo, cho đến một ví dụ cũng không dễ gì, vì rất nhiều là sự đau khổ của Địa ngục.

Khi được nói vậy, một Tỳ-kheo khác bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho con một ví dụ được không?

Thế Tôn đáp:

-- Có thể được, này Tỳ-kheo. Ví như, này Tỳ-kheo, có người bắt được một tên trộm cắp, dẫn đến trước mặt vua và thưa: “Tâu Đại vương, đây là một tên trộm cướp phạm tội cho Ngài! Hãy hình phạt nó như Đại vương muốn”. Và vị vua ấy nói như sau về tên trộm cướp ấy: “Này các Ông, hãy đi và vào buổi sáng hãy đâm người này với một trăm ngọn giáo”. Và vào buổi sáng, họ đâm người ấy với một trăm ngọn giáo. Rồi đến trưa, vua nói như sau: “Này các Ông, người ấy ra sao?” -- “Tâu Đại vương, nó vẫn còn sống”. Rồi vua lại nói như sau về tên trộm cướp ấy: “Này các Ông, hãy đi và vào buổi trưa, hãy đâm người này với một trăm ngọn giáo”. Và vào buổi trưa, họ đâm người ấy với một trăm ngọn giáo. Rồi đến chiều, vua nói như sau: “Này các Ông, người ấy ra sao?” -- “Tâu Đại vương, nó vẫn còn sống”. Rồi vua lại nói như sau về người kia: “Này các Ông, hãy

đi và vào buổi chiều, hãy đâm người này với một trăm ngọn giáo”.
Và vào buổi chiều, họ đâm người ấy với một trăm ngọn giáo.

Này các Tỳ-kheo, Ông nghĩ thế nào? Người ấy bị đâm ba trăm
ngọn giáo, do nhân duyên ấy, có cảm thọ khổ ưu không?

-- Bạch Thế Tôn, chỉ bị ngọn giáo đâm một lần, người kia
do nhân duyên ấy cũng cảm thấy khổ ưu, còn nói gì đến ba trăm
ngọn giáo!

Rồi Thế Tôn lượm lên một hòn đá nhỏ, lớn bằng bàn tay và nói
với các Tỳ-kheo:

-- Này các Tỳ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Cái gì lớn hơn, hòn
đá này, to bằng bàn tay do ta lượm lên, hay núi Tuyết Sơn (Himalaya),
vua các loại núi?

-- Thật là quá nhỏ, bạch Thế Tôn, hòn đá này lớn bằng bàn
tay do Thế Tôn lượm lên. So sánh với Tuyết Sơn vua các loại núi, nó
không đáng kể gì, nó không bằng một phần ngàn vạn lần (của núi
Tuyết), không thể so sánh được!

-- Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, người ấy bị đâm bởi ba trăm
ngọn giáo, do nhân duyên ấy cảm thọ khổ ưu. Khổ ưu ấy so sánh
với khổ ưu ở Địa ngục không đáng kể gì, không bằng một phần
ngàn vạn lần, không thể so sánh được. Này các Tỳ-kheo, các
người giữ địa ngục bắt người ấy chịu hình phạt gọi là năm cọc
(pancavidhabandhanam). Họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một
bàn tay, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn tay thứ hai, họ lấy
cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng
vào bàn chân thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào giữa ngực.
Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc

liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỳ-kheo, các người giữ Địa ngục bắt người ấy nằm xuống và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỳ-kheo, các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Này các Tỳ-kheo, các người giữ Địa ngục cột người ấy vào một chiếc xe, kéo người ấy chạy tới chạy lui trên đất được đốt cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỳ-kheo, các người giữ Địa ngục đẩy người ấy lên kéo người ấy xuống trên một sườn núi đầy than hồng, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỳ-kheo, các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào một vạc dầu bằng đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, ở đây bị nấu với vạc nước sôi sùng sục; khi thì nổi lên trên, khi thì chìm xuống đáy, khi thì trôi dạt ngang. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỳ-kheo, những người giữ Địa ngục quăng người ấy vào Đại địa ngục. Này các Tỳ-kheo, Đại địa ngục ấy, có bốn góc,

bốn cửa, chia thành phần bằng nhau; xung quanh có tường sắt; mái sắt lợp lên trên. Nền Địa ngục bằng sắt nung đỏ, cháy đỏ rực; đứng thẳng, luôn có mặt, rộng một trăm do tuần.

Này các Tỳ-kheo, với rất nhiều pháp môn, Ta nói về Địa ngục, nhưng thật khó nói cho được đầy đủ, này các Tỳ-kheo, vì đau khổ ở Địa ngục quá nhiều”.

Trong vòng luân hồi, nước mắt chảy cho những gì yêu thương mà phải chia ly và khóc khi gặp những người mà không ưa nhiều hơn nước bốn biển đại dương. Như vậy đau khổ nhiều vô số.

1.3. Chuyện đau khổ vô cùng trong vòng luân hồi

Trong kinh Tương Ứng 2 - Chương IV Tương Ứng Vô Thi - I. Phẩm Thứ Nhất - III. Nước Mắt (Tập, Đại 2, 240c) (S.ii,179) (Biệt Tập 16.2 Đại 2, 486a) (Tăng 51,I, Đại 2, 814a), viết:

1)... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Vô thi là luân hồi này, này các Tỳ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái gì là nhiều hơn? Dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này hay là nước trong bốn biển lớn?

4) -- Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng, cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là dòng nước

mắt tuôn chảy do chúng con than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chớ không phải nước trong bốn biển lớn.

5) -- *Lành thay, lành thay, này các Tỳ-kheo! Lành thay, này các Tỳ-kheo, các Ông đã hiểu như vậy Pháp do Ta dạy!*

6) *Cái này là nhiều hơn, này các Tỳ-kheo, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chớ không phải nước trong bốn biển lớn.*

7) *Trong một thời gian dài, này các Tỳ-kheo, các Ông chịu đựng mẹ chết.*

8) *... các Ông chịu đựng con chết...*

9) *... các Ông chịu đựng con gái chết...*

10) *... các Ông chịu đựng tai họa về bà con...*

11) *... các Ông chịu đựng tai họa về tiền của...*

12) *Trong một thời gian dài, này các Tỳ-kheo, các Ông chịu đựng tai họa của bệnh tật. Cái này là nhiều hơn, là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì mình không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải chịu đựng tai họa của bệnh tật chớ không phải nước trong bốn biển.*

13) *Vì sao? Vô thi là luân hồi này, này các Tỳ-kheo... bị tham ái trói buộc.*

14) Cho đến như vậy, này các Tỳ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhàm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành.

Những bài kinh vừa trích dẫn ở trên giúp người học Phật thấy khổ và sợ khổ mà lo tu càng sớm càng tốt. Đừng bao giờ đợi đến già mới tu đã quá muộn. Vì vậy nay được làm thân người, hãy cố gắng biết rõ ráo về khổ và lo chấm dứt khổ.

2. Danh sắc

Thế nào Danh sắc?

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là danh sắc? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý; đây gọi là danh. Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra; đây gọi là sắc. Như vậy, đây là danh, đây là sắc. Đây gọi là danh sắc.

Bài kinh 1 - Nhập thai

Trong kinh Trung Bộ số 38. Đại kinh Đoạn tận ái, viết:

Này các Tỳ-kheo, có ba sự hòa hợp mà một bào thai thành hình: ở đây, cha mẹ có giao hợp và người mẹ trong thời có thể thụ thai, và hương ẩm (gandhabba) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình. Ở đây, cha và mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, nhưng hương ẩm (gandhabba) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình. Và này các Tỳ-kheo, khi nào cha mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, và hương ẩm có hiện tiền; có ba sự hòa hợp như vậy, thì bào thai mới thành hình.

Bài kinh 2 - Bồ tát nhập thai

Bài kinh Trung Bộ số 123. Kinh Hy hữu vị tăng hữu pháp viết về Bồ tát nhập thai.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: “Khi Bồ-tát nhập vào mẫu thai, này Ananda, khi ấy một hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Samôn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Cho đến các thế giới ở giữa các thế giới, tối tăm, u ám không có nền tảng, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, với đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: “Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây”. Và mười ngàn thế giới này chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Vì rằng, bạch Thế Tôn, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn”.

Hương âm chính là thức trong 12 nhân duyên. Bào thai chính là vật chất thô sơ. Bồ tát nhập thai chính là thức cũ của Bồ tát vào thai. Kết hợp lại thành Danh sắc.

Một sự sống của loài hữu tình phải có Danh thuộc về tâm và sắc là đất, nước, gió lửa. Vì vậy ở giai đoạn đầu hình thành có hai giác quan là thân căn và ý căn rõ nét nhất còn mũi, miệng tai xuất hiện vào tuần thứ 6. Tuần thứ 19 xuất đầy sáu giác quan. Tuy có sáu nội xứ mới trong bụng mẹ nhưng rất đơn giản nên phát sanh sáu cái biết mới rất ít.

2.1. Danh

Danh gồm có: Thọ, tướng, tư, xúc, tác ý;

Sau 19 tuần thì đứa bé trong bụng mẹ nặng 240gr có đầy đủ sáu giác quan nên phát sanh ra đầy đủ sáu thọ.

Tướng là sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, pháp tướng.

Tư là sắc tư, thanh tư, hương tự, vị tư, xúc tư, pháp tư còn gọi là hành.

Xúc là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc.

Tác ý là hướng dẫn tâm vào một đối tượng nào đó.

2.2. Sắc (vật chất)

Sắc do bốn đại chủng tạo ra; đây gọi là sắc. Bốn đại chủng là đất, nước, gió, lửa. Tiến trình Sắc phát triển cho đến khi đầy đủ sáu giác quan.

Thụ thai

Người phụ nữ vừa rụng trứng. Trứng được thụ tinh trong vòng 12-24 giờ sau khi tinh trùng gặp được trứng. Nếu mọi việc suôn sẻ, sự kiện sinh học đơn giản này bắt đầu một loạt các quá trình càng lúc càng phức tạp hơn tạo nên một con người mới. Suốt nhiều ngày tiếp theo, trứng đã được thụ tinh sẽ tiếp tục phân chia thành nhiều tế bào trong lúc nó đi chuyển xuống ống dẫn trứng, đi vào tử cung và bắt đầu xâm nhập vào lớp niêm mạc tử cung.

Tuần thứ 6

Mũi, miệng và tai của bé bắt đầu định hình, ruột và não cũng bắt đầu phát triển. Bé có kích thước 4-7mm (bằng hạt đậu xanh).

Tuần thứ 19

Các giác quan của bé - mũi, mắt, thân, lưỡi và tai - đang phát triển và bé có thể nghe được giọng nói của mẹ. Mẹ có thể nói chuyện, hát hoặc đọc to cho bé nghe nếu mẹ thích.

Em bé của mẹ có trọng lượng khoảng 240 gram.

Tuần thứ 40

Trọng lượng trung bình của trẻ sơ sinh từ 38-40 tuần của người Nam Á khoảng 3.2 kg- 3.3kg. Theo nghiên cứu khoa học đưa bé sẽ có đầy đủ sáu giác quan sau 19 tuần tức là 4 tháng rưỡi. Như vậy Đức Phật với Thiên nhãn minh vào thời đó đã biết trong bụng mẹ khoảng 19 tuần có đầy đủ sáu giác quan.

2.3. Kết luận về Danh sắc

Theo kinh Nikaya dịch Việt, Danh sắc chính là một bào thai có sự sống đã vừa chớm hình thành trong bụng người mẹ. Sự sống con người đã bắt đầu rất vi tế mà mắt thường của chúng ta không thể thấy và ngay cả khoa học dùng ultrasound (siêu âm) mới thấy được và đến tuần thứ 19 thì có đầy đủ sáu giác quan nhưng khi ra khỏi bụng mẹ gọi là sáu nội xứ hay lục nhập.

Không có gì ngạc nhiên, Đức Phật đã nói thức quá khứ sanh ra Danh sắc (sáu giác quan còn nhỏ) và khi có Danh sắc hiện tại sanh ra sáu thức hiện tại. Tuy nhiên sáu giác quan trong bụng mẹ chỉ nhập

các cảnh còn thô sơ nên sanh ra 6 cái biết đơn giản nhưng khi ra khỏi bụng mẹ bắt đầu khôn lớn do nhập nhiều sanh ra phiền não nhiều.

3. Lục nhập

- *Thế nào là sáu xứ? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là sáu xứ. (Kinh tương ưng 2)*

- *Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: “Tỳ-kheo thiện xảo về xứ?”*

Này Ananda, có sáu nội xứ, ngoại xứ này: mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu nội ngoại xứ này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: “Tỳ-kheo thiện xảo về xứ”. (Kinh trung bộ 115).

- Sáu ngôi làng trống không và sáu tên cướp phá làng.

Trong kinh Tương Ưng 4 - Chương I Tương Ưng Sáu Xứ (g) - IV. Phẩm Rắn Độc - 197. I. Rắn Độc (S.iv,172), viết:

14) Ngôi làng trống không, này các Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với sáu nội xứ. Đây các Tỳ-kheo, nếu một người hiền, kinh nghiệm, có trí, tìm hiểu nó với con mắt; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không... Nếu tìm hiểu nó với ý; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không.

15) Bọn cướp phá làng, này các Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ. Đây các Tỳ-kheo, mắt bị tàn hại trong các sắc khả ái và không khả ái. Đây các Tỳ-kheo, tai bị tàn hại trong các tiếng khả ái và không khả ái. Đây các Tỳ-kheo, mũi bị tàn hại trong các hương khả ái và không khả ái. Đây các Tỳ-kheo, lưỡi bị tàn hại trong các vị khả ái và không khả ái. Đây các Tỳ-kheo, thân bị tàn hại trong các

xúc khả ái và không khả ái. Nay các Tỳ-kheo, ý bị tàn hại trong các pháp khả ái và không khả ái.

Sáu nội xứ đã thành hình trong bụng mẹ nhưng mắt thường chúng ta không thấy. Với Thiên nhãn minh Đức Phật đã thấy bào thai hình thành sáu giác quan đầy đủ trong bụng mẹ vào tuần thứ 19 từ khi thụ thai. Sau đó đưa bé lọt ra khỏi bụng mẹ, sáu giác quan bắt đầu nhập sáu ngoại xứ đầy đủ. Sự hiểu biết bắt đầu phát triển theo thời gian cho đến 20 tuổi gọi là tuổi trưởng thành.

Lục nhập là nơi bắt đầu thâm nhập những cảnh bên ngoài đưa vào tâm của chúng ta để tích lũy hiểu biết cuộc sống. Ít người nhận thấy rằng sáu giác quan rất quan trọng. Vì những cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh hương, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp nhập vào tâm sẽ tạo thành sáu cái biết. Chính sáu cái biết này mà Đức Phật đã dạy trong kinh Tăng chi ba pháp là những hạt giống và sẽ trở thành những quả tốt hay quả xấu. Tác giả có kinh nghiệm khi nhập vào những hạt giống xấu đã trở thành quả xấu đúng chính xác. Tuy nhiên để thoát khỏi tam giới hay chấm dứt luân hồi thì duyên Sắc và duyên Thanh cực kỳ quan trọng.

Đoạn kinh trên đã nêu ra những cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh hương, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp là sáu tên phá làng là vậy. Nếu những ai sanh ra đời, nếu nhập được Tứ Thánh đế mà Tập đế là 12 Nhân duyên và Đạo đế là Bát Thánh đạo thì người học Phật có cơ hội thoát khỏi sanh tử.

Sáu nội xứ chính (sáu ngôi làng trong không) sẽ bị sáu tên phá làng (chính là sáu ngoại xứ) xâm hại. Vì vậy khi mắt thu vào cảnh sắc như kinh sách, tai thâm vào những âm thanh như những vị giảng pháp phải cẩn thận. Nếu không, chính những kinh sách, những âm

thanh đã thâm vào tâm sẽ trở thành những những tên cướp phá làng tức là hại tâm chúng ta. Dĩ nhiên chúng ta vẫn thâm vào tâm những gì cần thiết.

3.1. Mắt và Sắc

Trong Kinh Trung bộ số 38. Đại kinh Đoạn tận ái: *“Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Nay các Tỳ-kheo, do duyên nào lửa sanh và lửa ấy có tên tùy theo duyên ấy: duyên củi, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa củi”*.

Mắt là bộ phận hay công cụ, như một kính hội tụ có hai nhiệm vụ: Nhiệm vụ 1 là để thâm vào những gì mà mắt thấy để sanh ra nhãn thức như đoạn kinh trên và nhiệm vụ 2 là để tâm biểu lộ ra như lửa củi.

Sắc là đối tượng của mắt, những cái gì mắt thấy được gọi là sắc. Thông thường sắc là hình dáng, hình tướng của con người, sự vật, cảnh thiên nhiên, thực vật. Sắc là sự vật có thật liên hệ đến vật chất.

Nếu sắc là kinh sách không phải là vật thật nên cẩn thận khi nhập vào mắt vì nó sẽ sanh ra phiền não vì nó chỉ là những ký tự không phải sự vật thật. Khi đọc kinh sách cần chứng nghiệm danh từ đó có biểu thị sự thật hay không? Những vị nào thường đọc sách sẽ sanh ra cái tưởng tượng rất nhiều nên nghĩ mình biết nhiều nhưng thật ra những cái tưởng đó không đúng với thực tại. Những tai hại do đọc kinh sách rất nhiều còn cái lợi có nhưng rất ít. Hãy đọc kinh sách ít nhưng cần chứng nghiệm chứ không phải ngồi tưởng hay tin vào kinh sách sẽ hại cho bản thân.

3.2. Tai và Thanh

“Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Duyên vô gổ bào, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa vô bào”.

Tai là bộ phận hay công cụ, phương tiện có hai nhiệm vụ: Nhiệm vụ 1 là để thâm vào những gì mà tai nghe được và nhiệm vụ 2 là để tâm biểu lộ ra cái biết của tai gọi là nhĩ thức.

Thanh là đối tượng của tai, những gì tai nghe được gọi là thanh. Thông thường thanh là tiếng nói hay âm thanh từ con người hay từ dụng cụ như kèn, trống, đàn v.v.. Thanh là có thật liên hệ đến vật chất.

3.3. Mũi và Hương

“Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức. Duyên cỏ, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa cỏ”.

Mũi là bộ phận hay công cụ, phương tiện có hai nhiệm vụ: Nhiệm vụ 1 là để thâm vào những gì mà mũi ngửi được và nhiệm vụ 2 là để tâm biểu lộ ra cái biết của mũi gọi là tỷ thức.

Hương là đối tượng của mũi. Hương là mùi hay hương bốc ra từ động vật hay thực vật hay các hoá chất sẽ thâm vào tâm qua cửa sổ mũi và lưu trữ trong tâm chỉ là những ảnh thôi. Hương có thật liên hệ vật chất.

3.4. Lưỡi và Vị

“Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh và thức ấy có tên là thân thức. Duyên phân bò, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa phân bò”.

Lưỡi là bộ phận con người có nhiệm vụ nhập vị đưa vào tâm qua lưỡi, từ đó phát sanh ra cái biết của lưỡi.

Vị là cay, đắng, ngọt, chua, mặn, lạt của động vật hay thực vật toát ra từ vị sẽ đưa vào tâm qua cửa sổ lưỡi và ghi lại chỉ là những ảnh thôi. Vị là có thật liên hệ đến vật chất.

3.5. Thân và Xúc

“Do duyên thân và các xúc, thức sanh và thức ấy có tên là thân thức. Duyên trấu, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa trấu”.

Thân là cơ quan con người có nhiệm vụ thâm vào cảnh xúc đưa vào tâm để sinh ra cái biết của thân.

Xúc là mềm, cứng, nóng, lạnh phát ra từ sự vật hay con người sẽ thâm vào tâm qua cửa sổ thân và chỉ ghi lại những hình ảnh thôi. Xúc là có thật liên hệ đến vật chất.

3.6. Ý và Pháp

“Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức. Duyên đồng rúc, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa đồng rúc”.

Ý là cơ quan của con người có nhiệm vụ nhập pháp vào tâm để sanh ra ý thức.

Pháp là ảnh của sắc, là ảnh của thanh, là ảnh của hương, là ảnh của vị, là ảnh của xúc mà đã thâm vào tâm qua năm cửa sổ kia. Như vậy pháp là năm ảnh đã được thâm vào tâm qua năm giác quan.

3.7. Tà kiến và Chánh kiến

Thông thường muốn biết người nào có Chánh kiến hay Tà kiến cần phải biết có nguyên nhân gần và nguyên nhân xa. Theo Lý duyên

khởi cho biết Chánh kiến hay Tà kiến sanh ra từ chỗ nào, hãy quan sát Lý duyên khởi sẽ thấy.

**Vô minh ⇨ Hành ⇨ Thức ⇨ Danh Sắc ⇨ Lục nhập ⇨ Xúc
⇨ Thọ ⇨ Ái ⇨ Thủ**

a) Tà kiến

Thủ là nắm giữ, kiến thủ là nắm giữ những quan điểm sai lầm. Kiến thủ cũng là Tà kiến. Nguyên nhân gần nhất của thủ là duyên Ái. Nguyên nhân xa hơn nữa là duyên Lục nhập. Nguyên nhân xa nhất là duyên Hành. Như vậy nếu quá khứ mà Tà kiến sẽ dẫn đến duyên lục nhập như mắt nhập kinh sách Tà kiến hoặc tai nhập những lời giảng Tà kiến dẫn đến sắc ái và thanh ái cuối cùng thành kiến thủ (tà kiến).

Cách bỏ Tà kiến duy nhất là quan sát Lý duyên khởi biết rằng từ duyên lục nhập sanh khởi ra thức, từ thức duyên khởi ra xúc, từ xúc duyên khởi ra thọ, từ thọ duyên khởi ra ái, từ ái duyên khởi ra kiến thủ. Nếu ai thấy được như vậy tà kiến sẽ biến mất.

Hiện nay có những người nhân danh là đệ tử Phật, nhưng có tà kiến do duyên nhập kinh mà không phải do một Đức Phật Toàn giác thuyết, rồi đọc kinh đó lâu ngày sinh ra thọ lạc, sinh ra ái, sinh ra kiến thủ. Từ cái tưởng đó và cho rằng kinh đó là chân lý, là đúng vì không biết lý duyên khởi. Hơn nữa không chứng nghiệm những gì Đức Phật đã thuyết mà chỉ tin vào những lời trong kinh một cách mù quáng nên tà kiến sanh khởi. Người học Phật cần phải chứng nghiệm chứ không phải tin suông.

Người học Phật cần phải quan sát duyên lục nhập đặc biệt là mắt và tai lúc ban đầu nhập những dữ kiện, những thông tin từ sắc

(kinh, sách, mạng internet...), từ âm thanh (những lời giảng, những máy phát ra tiếng v.v.). Những thông tin đó biến thành cái biết rồi chuyển đổi qua Xúc rồi chuyển qua cảm thọ lạc rồi chuyển qua Sắc Ái, Thanh Ái (ưa thích) rồi chấp thủ mà không hay biết rằng mình đã có tà kiến.

b) Chánh kiến

Nếu sanh ra trong đời này mà nhập được Tứ Thánh đế là có chánh kiến, nếu không có chánh kiến là vô minh thì luân hồi dài dài trong tam giới. Chúng ta may mắn có năm bộ kinh Nikaya, theo thời gian sẽ có nhiều người học được Tứ Thánh đế sẽ có chánh kiến sanh khởi. Có một bài kinh nói về Chánh kiến được trình bày rõ ràng trong kinh Tăng chi để đả phá tà kiến của ngoại đạo.

Trong Kinh Tăng Chi Mười Pháp - X. Phẩm Nam Cư Sĩ - (III) (93) Kiến, viết:

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại khu vườn Anàthapindika. Bấy giờ có Gia chủ Anàthapindika, vào buổi sáng thật sớm đi ra khỏi Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Rồi Gia chủ Anàthapindika suy nghĩ: “Nay không phải thời để yết kiến Thế Tôn. Thế Tôn đang Thiền tịnh. Cũng không phải thời để yết kiến các vị Tỳ-kheo đang tu tập về ý, các Tỳ-kheo tu tập về ý đang Thiền tịnh. Vậy ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo”. Rồi Gia chủ Anàthapindika đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo.

2. Lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo đang ngồi hội họp, đang tụ họp ồn ào, cao tiếng, lớn tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm. Các du sĩ ngoại đạo ấy thấy Gia chủ Anàthapindika từ xa đi đến, khi thấy vậy liền dạn dò bảo với nhau: “Hãy bớt ồn ào, các Tôn giả chớ

có làm ồn, các Tôn giả. Gia chủ Anàthapindika này đang đến, một đệ tử của Sa-môn Gotama, trong những đệ tử của Sa-môn Gotama có gia đình mặc áo trắng ở Sàvatthi, Gia chủ Anàthapindika là một trong những vị ấy. Các vị ấy ít ưa ồn ào, được huấn luyện trong ít ồn ào, tán thán ít ồn ào. Nếu vị ấy thấy hội chúng ít ồn ào, vị ấy có thể nghĩ đến thăm ở đây”. Rồi các du sĩ ngoại đạo ấy giữ im lặng.

3. Rồi Gia chủ Anàthapindika đi đến các du sĩ đạo ấy, sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Gia chủ Anàthapindika đang ngồi một bên:

- Nay Gia chủ, hãy nói lên Sa-môn Gotama có kiến gì?

- Thưa các Tôn giả, tôi không biết tất cả kiến của Thế Tôn.

- Nay Gia chủ, Gia chủ có thể không biết tất cả kiến của Sa-môn Gotama. Nhưng nay Gia chủ, hãy nói các Tỳ-kheo có kiến gì?

- Thưa các Tôn giả, tôi không biết tất cả kiến của các Tỳ-kheo.

- Nay Gia chủ, Gia chủ có thể không biết tất cả kiến của Sa-môn Gotama, Gia chủ có thể không biết tất cả kiến của các Tỳ-kheo. Vậy nay Gia chủ, hãy nói về kiến của Gia chủ.

- Thưa các Tôn giả, thật không khó gì để chúng tôi trả lời về kiến của chúng tôi. Nhưng các Tôn giả hãy trả lời về kiến của các Tôn giả trước. Rồi sau thật không khó gì để chúng tôi trả lời về kiến của chúng tôi.

4. Khi được nói vậy, một du sĩ ngoại đạo nói với Gia chủ Anàthapindika: “Thường còn là thế giới. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Đây Gia chủ, như vậy là kiến của tôi”. Một du sĩ ngoại đạo khác nói với Gia chủ Anàthapindika: “Vô thường là thế giới. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Như vậy là kiến của tôi”. Rồi một du sĩ ngoại đạo khác nói với Gia chủ Anàthapindika: “Có biên tế là thế giới... không có biên tế là thế giới... mạng sống và thân thể là một... mạng sống và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại sau khi chết... Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không có tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Đây Gia chủ, như vậy là kiến của tôi”.

5. Khi nghe nói vậy, Gia chủ Anàthapindika nói với các du sĩ ngoại đạo ấy:

- Thừa các Tôn giả, Tôn giả nào nói như sau: “Thường còn là thế giới. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Đây Gia chủ, như vậy là kiến của tôi”. Kiến này của Tôn giả ấy, hoặc nhân tự mình tác ý không hợp lý, hay do duyên nghe tiếng người khác nói. Kiến ấy như vậy được sanh, được tác thành (hữu vi) do tâm suy tư, do duyên khởi lên. Và cái gì được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên khởi lên, cái ấy là vô thường; cái gì vô thường, cái ấy là khổ; cái (khổ) ấy, Tôn giả chấp trước (đính vào); cái (khổ) ấy, Tôn giả chấp nhận. Thừa các Tôn giả, Tôn giả nào nói như sau: “Vô thường là thế giới này... có biên tế là thế giới này... không biên tế là thế giới này...sinh mạng và thân thể là một... sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi

chết. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Đây Gia chủ, như vậy là kiến của tôi”. Kiến này của Tôn giả ấy, hoặc nhân tự mình tác ý không hợp lý, hoặc do duyên nghe tiếng người khác nói. Kiến như vậy được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên khởi lên. Và cái gì được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên khởi lên, cái ấy là vô thường; cái gì vô thường, cái ấy là khổ; cái (khổ) ấy, Tôn giả chấp trước; cái khổ ấy, Tôn giả chấp nhận.

6. Khi được nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Gia chủ Anàthapindika:

- Đây Gia chủ, tất cả kiến của chúng tôi đã được nói lên. Đây Gia chủ, hãy nói lên kiến của Gia chủ là gì?

- Thưa các Tôn giả, phàm cái gì được sanh, được tác thành do tâm suy tư, do duyên được khởi lên, cái ấy là vô thường. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì là khổ, cái ấy là “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi”. Tôi có kiến như vậy, thưa các Tôn giả.

- Đây Gia chủ, phàm cái gì được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên được khởi lên, cái ấy là vô thường. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì là khổ, cái ấy, này Gia chủ, Gia chủ lại chấp trước, cái ấy, này Gia chủ, Gia chủ lại chấp nhận.

- Thưa các Tôn giả, phàm cái gì được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên được khởi lên, cái ấy là vô thường. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì khổ, cái ấy là: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi”. Như vậy là như thật khéo thấy với chánh trí tuệ. Và từ nơi khổ ấy, tôi như thật rõ biết sự xuất ly hơn thế nữa.

Khi nghe nói như vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy ngồi im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sừng sờ, không nói lên lời.

7. Rồi Gia chủ Anàthapinika, sau khi biết các du sĩ ngoại đạo ấy im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sừng sờ, không nói lên lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Gia chủ Anàthapindika, câu chuyện với các du sĩ ngoại đạo ấy như thế nào, đều thuật lại tất cả cho Thế Tôn rõ.

- “Lành thay, lành thay, này Gia chủ. Như vậy, này Gia chủ, những kẻ ngu si ấy thường cần phải được bác bỏ với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp”. Rồi Thế Tôn với một bài pháp thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ Gia chủ Anàthapindika. Rồi Gia chủ Anàthapindika, sau khi được Thế Tôn với bài pháp thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

8. Rồi Thế Tôn, sau khi Gia chủ Anàthapindika ra đi không bao lâu, bảo các vị Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo nào dẫu đã được đầy đủ 100 năm an cư mùa mưa trong Pháp và Luật này, vị ấy cần phải như vậy, thường thường bác bỏ các du sĩ ngoại đạo, với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp, như Gia chủ Anàthapindika đã khéo bác bỏ.

3.8. Kết luận về duyên Lục nhập

Lục nhập còn gọi sáu nội xứ vừa lọt lòng mẹ nặng vài ký chưa biết gì nhiều và cùng lúc cũng có sáu ngoại xứ đồng hành.

Vì vậy sáu nội xứ không thể tự đứng một mình luôn luôn đi chung với sáu ngoại xứ. Từ duyên sáu nội xứ và sáu ngoại xứ tạo thành sáu cái biết còn gọi là sáu hạt giống. Điều này ít ai biết nên vô tình nhập sáu ngoại xứ nhiều quá nên có kết quả xấu nhiều về sau. Tất cả con người đã sanh trong kiếp này, từ bé cho đến lớn, do vô tình hay cố ý đã nhập vào nhiều hiểu biết nên dính chặt và phải đi luân hồi lâu dài.

Người học Phật nên quan sát do duyên Lục nhập sẽ sanh ra bốn thủ. Nếu thấy được, biết được thì sự chấp thủ từ từ biến mất. Nếu không thấy, không biết tiến trình này thì sự chấp thủ sẽ không biến mất được. Duyên lục nhập là nơi sẽ tháo ra hay cột chặt vào sáu cảnh bên ngoài vì vậy chúng ta cần chiêm nghiệm nhiều từ duyên Lục nhập cho đến Thủ.

Thông thường chúng ta sanh ra đời ai cũng có sáu nội xứ tự động sẽ nhập sáu cảnh vào tâm. Đây là bước đầu con người học hỏi sáu cảnh bên ngoài để sanh ra sáu cái biết. Từ cái biết này sẽ phát triển thành duyên xúc, thành duyên thọ, thành duyên ái, thành duyên thủ. Một khi thành Dục thủ, Kiến thủ, Ngã luận thủ, Giới cấm thủ thì khó mà thay đổi được.

Làm thế nào để biết duyên Thủ thành hình? Người học Phật cần quan sát những đứa trẻ sanh ra đời có sự hiểu biết rất ít nhưng những sự hiểu biết của chúng sẽ tăng lên cho đến lúc trưởng thành. Như vậy những hạt giống hiểu biết ban đầu và chín muồi gọi là Thanh niên có thể đi làm và lập gia đình.

Tương lai chúng ta lệ thuộc những hạt giống thiện hay những hạt giống ác, hay những kinh văn không giải thoát, hay giải thoát sẽ

trở thành những quả chín để thọ hưởng những cảm thọ lạc hay những cảm thọ khổ.

Những hành giả hôm nay không nhận ra tà kiến hay chánh kiến do ban đầu đã nhập văn tự kinh có giải thoát hay không? Nếu không nhận ra Lục nhập sanh ra chánh kiến hay tà kiến. Chuyện học Phật pháp xem như chấm dứt.

Duyên lục nhập này rất quan trọng nếu những hành giả không nhận biết thì rất khó tu tập và khó bỏ được dục thủ, kiến thủ, ngã luận thủ, giới cấm thủ. Đặc biệt duyên thọ sanh khởi mà không biết vì sao có thọ lạc hay thọ khổ. Thông thường những ai không học lý 12 Nhân duyên rất khó phá tan sự chấp thủ. Nguyên nhân xa sanh thủ chính là duyên lục nhập như giáo dục một đứa trẻ thành người tốt hay xấu tùy vào lúc còn trẻ đến khi trưởng thành nhập những cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh hương, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp vào tâm qua cửa sổ mắt, qua cửa sổ tai, qua cửa sổ mũi, qua cửa sổ lưỡi, qua cửa sổ thân, qua cửa sổ ý. Những cảnh bên ngoài sẽ tàn phá sáu cái làng trống nên nhập nhiều hại nhiều hơn là lợi. Hành giả Phật giáo nên biết như vậy chỉ nhập cái gì cần thiết như bài kinh lá rừng Simsapa nói Tứ Thánh đế cần phải biết để chấm dứt khổ. Nếu không biết nhập vào sáu làng trống với những chiếc lá trong rừng mà không phải những chiếc lá trong nắm tay sẽ không giúp cho sự giải thoát chỉ kéo dài sự luân hồi.

4. Thức hiện tại

Trong 12 nhân duyên có hai thức: Một là thức cũ do duyên sáu nội xứ với sáu ngoại xứ thuộc về quá khứ. Hai là thức mới do duyên sáu nội xứ với sáu ngoại xứ thuộc về hiện tại. Sáu thức cũ đã được

phân tích trong Chương 1: Nghiệp cũ và Chương 2: Quả khổ hiện tại bàn về sáu thức mới.

Trong Kinh Trung Bộ số 38. Đại kinh Đoạn tận ái, viết:

Này các Tỳ-kheo, do duyên nào lửa sanh và lửa ấy có tên tùy theo duyên ấy: duyên củi, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa củi. Duyên vỏ gỗ bào, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa vỏ bào. Duyên cỏ, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa cỏ. Duyên phân bò, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa phân bò. Duyên trấu, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa trấu. Duyên đồng rác, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa đồng rác. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, do duyên, thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh, và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

4.1. Nhãn thức

Nhãn thức là gì? Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức.

Duyên với cảnh sắc lần thứ nhất, cảnh sắc được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan mắt và duyên với cảnh sắc lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của mắt gọi là nhãn thức. Duyên mắt và sắc sanh cái biết của mắt là vậy. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là hoặc như đang là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi mắt thấy sắc. Nhãn thức khác với sắc tướng, người học Phật cần cố gắng phân biệt nhãn thức và sắc tướng

vì là hai uẩn (Tuồng, Thức) này trong 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tuồng, Hành, Thức). Nếu không phân biệt được thì học Phật khó vô cùng.

Ví dụ về nhãn thức.

Này các Tỳ-kheo, do duyên nào lửa sanh và lửa ấy có tên tùy theo duyên ấy: duyên củi, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa củi;

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Củi dụ cho mắt, lửa tượng trưng cho Thức, lửa củi là nhãn thức. Như vậy lửa ở đâu không biết nhưng có củi thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có mắt thì cái biết biểu lộ ra qua mắt nên có tên là nhãn thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời là do duyên với củi thì lửa sanh khi hết củi thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu thì không áp dụng. Tương tự duyên mắt với sắc sanh khởi nhãn thức khi mắt không có thì nhãn thức diệt. Nhãn thức sẽ không có nếu không có mắt hoặc không có sắc. Như vậy nhãn thức chỉ sanh khởi khi hội đủ mắt và sắc.

4.2. Nhĩ thức

Nhĩ thức là gì? Do duyên tai và các thanh, thức sinh, và thức ấy có tên là nhĩ thức.

Duyên với cảnh thanh lần thứ nhất, cảnh thanh được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan tai và duyên với cảnh thanh lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của tai gọi là nhĩ thức. Duyên tai và thanh sanh cái biết của tai. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là hay như đang là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi tai nghe âm thanh. Nhĩ thức khác với thanh tưởng, người học Phật cần cố gắng phân biệt nhĩ thức và thanh tưởng.

Ví dụ về nhĩ thức. Nay các Tỳ-kheo, duyên vô gỗ bào, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa vô bào.

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Vô gỗ bào dụ cho tai, còn Lửa tượng trưng cho Thức, lửa vô bào là nhĩ thức. Như vậy lửa ở đâu không biết nhưng có vô bào thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có tai thì cái biết biểu lộ ra qua tai nên có tên là nhĩ thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời do duyên với vô gỗ bào thì lửa sanh khi hết vô bào thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu không áp dụng. Tương tự duyên tai với thanh sanh khởi nhĩ thức khi tai không có thì nhĩ thức diệt. Nhĩ thức sẽ không có nếu không có tai hoặc không có âm thanh. Như vậy nhĩ thức chỉ sanh khởi khi hội đủ tai và thanh.

4.3. Tỷ thức

Tỷ thức là gì? Do duyên Mũi và Hương, thức sinh, và thức ấy có tên là tỷ thức.

Mũi duyên với cảnh hương lần thứ nhất, cảnh hương được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan mũi và duyên với cảnh hương lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của mũi gọi là tỷ thức. Duyên mũi và hương sanh cái biết của mũi. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là hay như đang là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi mũi ngửi hương. Tỷ thức khác với hương tưởng, ai học Phật cần cố gắng phân biệt tỷ thức và hương tưởng.

Ví dụ về tỷ thức.

Nay các Tỳ-kheo, duyên trấu, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa trấu.

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Trấu dụ cho mũi, còn Lửa tượng trưng cho Thức, lửa trấu là tỷ thức. Như vậy lửa ở đâu

không biết nhưng có trấu thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có mũi thì cái biết biểu lộ ra qua mũi nên có tên là tỷ thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời do duyên với trấu thì lửa sanh khi hết trấu thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu không áp dụng. Tương tự duyên mũi với hương sanh khởi tỷ thức khi mũi không có thì tỷ thức diệt. Tỷ Thức sẽ không có nếu không có mũi hoặc không có hương. Như vậy tỷ thức chỉ sanh khởi khi hội đủ mũi và hương.

4.4. *Thiệt thức*

Thiệt thức là gì? Do duyên Lưỡi và Vị, thức sinh, và thức ấy có tên là thiệt thức.

Duyên với cảnh Vị lần thứ nhất, cảnh vị được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan lưỡi và duyên với cảnh vị lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh với hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của lưỡi gọi là thiệt thức. Duyên lưỡi và vị sanh cái biết của lưỡi. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là hay như đang là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi lưỡi nếm vị. Thiệt thức khác với vị tưởng, người học Phật cần cố gắng phân biệt thiệt thức và vị tưởng.

Ví dụ về thiệt thức.

Này các Tỳ-kheo, duyên cỏ, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa cỏ.

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Cỏ dụ cho lưỡi, còn Lửa tượng trưng cho Thức, lửa cỏ là thiệt thức. Như vậy lửa ở đâu không biết nhưng có cỏ thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có lưỡi thì cái biết biểu lộ ra qua lưỡi nên có tên là thiệt thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời do duyên với cỏ thì lửa sanh khi hết cỏ

thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu không áp dụng. Tương tự duyên lưỡi với vị sanh khởi thiết thức, khi lưỡi không có thì thiết thức diệt.

Thiết Thức sẽ không có nếu không có lưỡi hoặc không có vị. Như vậy thiết thức chỉ sanh khởi khi hội đủ lưỡi và vị.

4.5. Thân thức

Thân thức là gì? Do duyên thân và xúc, thức sinh, và thức ấy có tên là thân thức.

Duyên với cảnh xúc lần thứ nhất, cảnh xúc được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan thân và duyên với cảnh xúc lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của thân gọi là thân thức. Duyên thân và cảnh xúc sanh cái biết của thân. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là hay như đang là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi thân duyên với xúc. Thân thức khác với xúc tưởng, người học Phật cần cố gắng phân biệt thân thức và xúc tưởng.

Ví dụ về thân thức.

Này các Tỷ-kheo, duyên phân bò, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa phân bò.

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Phân bò dụ cho thân, còn Lửa tượng trưng cho Thức, lửa phân bò là thân thức. Như vậy lửa ở đâu không biết nhưng có phân bò thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có thân thì cái biết biểu lộ ra qua thân nên có tên là thân thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời do duyên với phân bò thì lửa sanh khi hết phân bò thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu

không áp dụng. Tương tự duyên thân với cảnh xúc sanh khởi thân thức khi thân không có thì thân thức diệt. Thân Thức sẽ không có nếu không có thân hoặc không có xúc. Như vậy thân thức chỉ sanh khởi khi hội đủ thân và xúc.

4.6. Ý thức

Ý thức là gì? Do duyên ý và pháp, thức sinh, và thức ấy có tên là ý thức.

Duyên với pháp lần thứ nhất, cảnh pháp được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan ý và duyên với cảnh pháp lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của ý gọi là ý thức. Duyên ý và pháp sanh cái biết của ý. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi ý duyên với pháp. Ý thức khác với pháp tướng, người học Phật cần cố gắng phân biệt ý thức và pháp tướng.

Ví dụ về ý thức.

Này các Tỳ-kheo, duyên đồng rác, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa đồng rác.

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Đồng rác dụ cho Ý, còn Lửa tượng trưng cho Thức, lửa đồng rác là Ý thức. Như vậy lửa ở đâu không biết nhưng có đồng rác thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có ý thì cái biết biểu lộ ra qua ý nên có tên là ý thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời do duyên với đồng rác thì lửa sanh, khi hết đồng rác thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu không áp dụng. Tương tự duyên ý với pháp sanh khởi ý thức khi ý không có thì ý thức diệt.

Ý thức sẽ không có nếu không có ý hoặc không có pháp. Như vậy ý thức chỉ sanh khởi khi hội đủ ý và pháp.

4.7. Kết luận về duyên Thức

Thức phát sinh do duyên sáu nội xứ và sáu ngoại xứ. Duyên này rất quan trọng. Nếu những người học Phật không rõ biết duyên Thức thì xem như không hiểu toàn bộ Giáo Pháp mà Đức Phật đã dạy. Tự tâm không tồn tại được mà tâm cần duyên cả hai (nội xứ và ngoại xứ) thì Thức mới hình thành nhưng nhiều người lầm tưởng Thức tự đứng độc lập. Thức là những hạt giống gồm có hạt giống thiện và hạt giống ác. Vì vậy khi sáu nội xứ nhập sáu ngoại xứ phát sanh ra sáu cái biết tức thì biến thành những hạt giống phát triển thành những quả chín muồi. Đây là những thành quả hiểu biết của con người về những gì đã nhập tạo thành trí tuệ về nhiều lãnh vực khác nhau liên hệ về thiện và ác. Có trí tuệ sáng chế vũ khí, hiểu biết về binh pháp như Tôn Tử Binh Pháp thuộc về ác. Có trí tuệ do nhập vào và phát triển thành trí tuệ chín muồi liên hệ đến thiện như trí tuệ về biết cách xây cầu, xây nhà v.v. thuộc về thiện. Tuy nhiên những trí tuệ như thế không giúp con người thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết mà cứ luân hồi lâu dài. Có một trí tuệ siêu việt giúp con người hết khổ đau nữa mà cần nhập vào mắt để phát triển viên mãn chính là Tứ Thánh đế, Lý Duyên khởi và Bát Thánh đạo. Nhưng có rất nhiều người trong Phật giáo không quan tâm đến trí tuệ siêu việt này để thoát khỏi tam giới mà chạy theo những sự hiểu biết bao la như lá trong rừng và cho rằng chúng sẽ giúp con người thoát khỏi khổ đau. Đây là sai lầm lớn của những người học Phật có niềm tin vào một trí tuệ khác sẽ chấm dứt khổ đau, điều này hoàn toàn không thể có.

Chúng sanh vô minh vẫn tin vào những gì do con người sáng tạo và tưởng tượng có hàng ngàn cách tu khác nhau có thể chấm dứt khổ. Đức Phật đã tuyên bố như sau:

“Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chúng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chúng được. Ở đây, này Bà-la-môn, Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường”.

4.8. Thức là hạt giống, nghiệp là thừa ruộng, ái là sự nhuận ướt

Trong kinh Tăng Chi Ba Pháp - VIII. Phạm Ananda - 76. Hiện Hữu, viết:

1. Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Hữu, hữu, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được xem là có hữu?

- Này Ananda, nếu không có hành động (nghiệp) và sự chín muồi của dục giới thời dục hữu có thể trình bày được không?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Như vậy, này Ananda, nghiệp là thừa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trời buộc, nên thức được an lập trong giới thấp kém. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ananda, hữu có mặt.

2.- Và này Ananda, nếu không có hành động và sự chín muồi của sắc giới, thời sắc hữu có thể trình bày được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Như vậy, này Ananda, nghiệp là thừa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên thức được an lập trong giới bậc trung. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ananda, hữu có mặt.

3.- Và này Ananda, nếu không có hành động và sự chín muồi của vô sắc giới, thời vô sắc hữu có thể trình bày được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Như vậy, này Ananda, nghiệp là thừa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên thức được an lập trong giới bậc thù thắng. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ananda, hữu có mặt.

Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp khi được thâm vào tâm qua sáu nội xứ biến thành 6 thức là sáu hạt giống. Những thông tin bất thiện hoặc thiện được vào tâm sẽ biến thành những hạt giống thiện hoặc hạt giống bất thiện. Vì vậy lúc còn trẻ mà thâm vào những hạt giống bất thiện thì về sau sẽ trở ra những quả bất thiện. Nếu lúc trẻ mà thâm vào những hạt giống thiện thì đời này hay đời sau sẽ có những quả thiện.

Nếu sắc là ký tự, là văn tự như những kinh sách được viết lại bằng những mẫu tự A, B, C, v.v. có thể chia làm hai loại: Văn tự kinh đúng chánh pháp đưa đến giải thoát và văn tự kinh không đúng chánh pháp.

a) Văn tụng kinh không đúng chánh pháp và không đưa đến giải thoát

Những lời trong kinh thường phải biểu thị những sự vật hay những trạng thái có thật. Tác giả đã đọc đủ kinh sách thuộc về tôn giáo hay thuộc về thế gian mà chúng thuộc loại hạt giống không đưa đến giải thoát và cũng có loại hạt giống đưa đến giải thoát. Tự mỗi hành giả xem xét mình sau khi nhập những hạt giống kinh đó mà không diệt được tham, sân, si là biết rằng hành giả đã nhập toàn những hạt giống xấu nên từ bỏ những kinh sách đó.

b) Văn tụng kinh đúng chánh pháp đưa đến giải thoát

Những lời trong kinh phải biểu thị những gì có thật trên đời này và mọi người có thể kiểm chứng được. Ví dụ Đức Phật nói Khổ, nói khổ Tập, nói khổ Diệt, nói khổ diệt Đạo. Có nghĩa là những văn tụng này đang biểu thị bốn sự thật mà mọi người có thể chứng nghiệm được. Nhưng rất tiếc chúng sanh thời nay vô minh nhiều nên chỉ có một số theo Chánh kiến. Đa số không tin Tứ Thánh đế là tối thượng nên chạy theo những gì mà Đức Phật không thuyết. Do nghiệp cũ của họ nên sanh ra quả tà kiến hiện tại. Họ chỉ học tà kiến vì phù hợp với họ.

Những văn tụng kinh nhập vào tâm qua mắt hay qua tai phải là Tứ Thánh đế mà khổ Tập là 12 nhân duyên và khổ Diệt Đạo đế là Bát Thánh đạo. Đây là những hạt giống sẽ chín muồi và giúp chúng sanh thoát khỏi khổ đau.

Đáng tiếc cho những người học Phật vô tình hay cố ý nhập kinh văn vào tâm qua mắt hay qua tai là những hạt giống đi luân hồi. Tự mỗi người cố gắng suy tư Thức là hạt giống, Nghiệp là thừa ruộng, Ái là nhuận ướt sẽ giúp hiểu được tác giả muốn nói gì.

c) Suy tư là nghiệp

Khi tâm được nhập vào những hạt giống (thức) nhưng nếu không có thửa ruộng thì hạt giống sẽ không thể chín muồi được tức là không trở thành quả. Như vậy sau khi đã có thức (hạt giống) cần suy tư thì hạt giống mới chín muồi được. Vì lý do này nếu hằng ngày chúng ta suy tư nhiều về Tứ Thánh đế, 12 nhân duyên và Bát Thánh đạo. Thức sẽ chín muồi. Hành giả sẽ hiểu và chứng ngộ Niết Bàn.

d) Ái là nhuận ướt

Hạt giống cần tưới nước sẽ chín muồi sớm nếu được nhuận ướt hằng ngày. Hành giả cần ưa thích Tứ Thánh đế. Nếu không hằng hái thì hạt giống sẽ trở quả chậm.

5. Duyên Xúc

Nghĩa chữ Xúc là sự xúc chạm giữa một vật này và một vật khác. Ví dụ hai bàn tay xúc chạm nhau vậy. Khi tìm hiểu duyên xúc theo sự tưởng tri của những vị giảng sư không nên mà cần chứng nghiệm từ ngữ “Xúc” thì việc học Phật sẽ có kết quả tốt.

Trong Kinh Trung Bộ số 148. Kinh Sáu Sáu, viết:

Thế nào là Xúc?

Khi được nói đến: “Sáu xúc thân cần phải được biết”, do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi

lên thiệt thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Khi được nói đến: “Sáu xúc thân cần phải được biết”, chính do duyên này được nói đến như vậy.

Dựa theo định nghĩa trên có thể hiểu do duyên lục nhập sanh khởi sáu thức, do duyên sáu thức sanh khởi sáu xúc. Đây là cách diễn đạt lại dễ hiểu hơn. Xúc do sự gặp gỡ ba pháp này nhưng thật sự chỉ còn lại là sự xúc chạm giữa hai vế: Vế thứ nhất là tập hợp những ảnh cũ mà đã được thâm vào tâm từ lúc nhỏ cho đến khi trưởng thành và vế thứ hai là những ảnh mới mà vừa thâm vào tâm qua sáu giác quan. Cần quan sát và chứng nghiệm duyên Xúc.

Có sáu sự xúc chạm giữa sáu ảnh cũ và sáu ảnh mới mà thời gian khác nhau, không cùng một lúc:

Ý xúc đến tức thì vì không có khoảng cách giữa ý và pháp.

Nhãn xúc có khoảng cách giữa mắt và cảnh sắc. Ánh sáng mang cảnh sắc đến mắt nhanh nhất do tốc độ ánh sáng rất lớn nên cảnh sắc được đưa vào tâm quá nhanh mà nhiều người không nhận ra.

Nhĩ xúc có khoảng cách giữa tai và thanh do tốc độ âm thanh khá nhanh nên nhĩ xúc xảy ra khá nhanh.

Thân xúc cũng nhanh vừa vì khoảng cách giữa thân và cảnh xúc khá gần.

Tỷ xúc cũng nhanh do tốc độ gió cũng nhanh nên thời gian để hương vào tâm không lâu.

Thiệt xúc là chậm nhất do tùy ta đưa vị vào lưỡi bằng đôi đũa khá chậm.

Duyên xúc luôn luôn có vì tâm đã lưu giữ sáu ảnh cũ (tích lũy từ nhỏ đến lớn) sẽ xúc chạm với những cảnh mới của sáu ngoại xứ nhưng sự xúc chạm có thể giảm thiểu tối đa sẽ dẫn đến khổ rất ít và ái cũng giảm theo.

Ví dụ. Một người sống vùng quê hay trong rừng có những ngoại xứ rất đơn sơ. Nhưng đi lên thành phố lớn đồng nghĩa là tiếp xúc 6 ngoại xứ mới sẽ sinh ra những cảm thọ vui sướng nên tham ái sanh khởi.

Như vậy sự xúc chạm là giữa những ảnh đã chứa trong tâm và những cảnh mới vừa đưa vào tâm qua sáu giác quan.

5.1. Nhãn xúc

Thế nào là nhãn xúc? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên mắt và duyên cảnh sắc: Cảnh sắc được đưa vào tâm qua mắt lần thứ nhất gọi ảnh cảnh sắc 1. Tương tự duyên với cảnh sắc lần thứ hai gọi là ảnh cảnh sắc 2. Tâm so sánh ảnh cảnh sắc 1 và ảnh cảnh sắc 2 sanh khởi nhãn thức nhưng ảnh 2 trở thành ảnh cảnh sắc cũ. Khi duyên với cảnh sắc lần thứ ba gọi là ảnh cảnh sắc mới. Ảnh cảnh sắc mới này được đưa vào tâm qua mắt với tốc độ ánh sáng.

Vì vậy điều kiện để nhãn xúc sanh khởi cần có 2 vế: Vế thứ nhất là ảnh cũ và vế thứ 2 là ảnh mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là nhãn xúc. Minh họa nhãn xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau.

Ví dụ: Muốn có tiếng vỗ hai bàn tay cần sự xúc chạm giữa bàn tay trái và bàn tay phải, nếu chỉ có một bàn tay thì không có tiếng phát ra. Tương tự nhãn xúc cũng giống như vậy.

Hành giả quan sát và chứng nghiệm đúng như mô tả hay không? Chứ không phải tin vào sự phân tích của tác giả.

5.2. Nhĩ xúc

Thế nào là nhĩ xúc? Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên tai và duyên cảnh thanh: Cảnh thanh được đưa vào tâm qua tai lần thứ nhất gọi ảnh cảnh thanh 1. Tương tự duyên với cảnh thanh lần thứ hai gọi là ảnh cảnh thanh 2. Tâm so sánh ảnh cảnh thanh 1 và ảnh cảnh thanh 2 sanh khởi nhĩ thức nhưng ảnh 2 trở thành ảnh cảnh thanh cũ. Khi duyên với cảnh thanh lần thứ ba gọi là ảnh cảnh thanh mới. Ảnh cảnh thanh mới này được đưa vào tâm qua tai với tốc độ âm thanh.

Vì vậy điều kiện để nhĩ xúc sanh khởi cần có 2 vế: Vế thứ nhất là ảnh cũ và vế thứ 2 là ảnh mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là nhĩ xúc. Minh họa nhĩ xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau.

Ví dụ: Muốn có tiếng vỗ hai bàn tay cần sự xúc chạm giữa bàn tay trái và bàn tay phải, nếu chỉ có một bàn tay thì không có tiếng phát ra. Tương tự nhĩ xúc cũng giống như vậy.

Hành giả quan sát và chứng nghiệm đúng như mô tả hay không? Chứ không phải tin vào sự phân tích của tác giả.

5.3. Tỷ xúc

Thế nào là Tỷ xúc? Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên mũi và duyên cảnh hương: Cảnh hương được đưa vào tâm qua mũi lần thứ nhất gọi ảnh cảnh hương 1. Tương tự duyên với cảnh hương lần thứ hai gọi là ảnh cảnh hương 2. Tâm so sánh ảnh cảnh hương 1 và ảnh cảnh hương 2 sanh khởi tỷ thức nhưng ảnh 2 trở thành ảnh cảnh hương cũ. Khi duyên với cảnh hương lần thứ ba gọi là ảnh cảnh hương mới. Ảnh cảnh hương mới này được đưa vào tâm qua mũi với tốc độ gió.

Vì vậy điều kiện để tỷ xúc sanh khởi cần có 2 vế: Vế thứ nhất là ảnh cũ và vế thứ 2 là ảnh mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là tỷ xúc. Minh họa tỷ xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau.

Hành giả quan sát và chứng nghiệm đúng như mô tả hay không? Chứ không phải tin vào sự phân tích của tác giả.

5.4. Thiệt xúc

Thế nào thiệt xúc? Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên lưỡi và duyên cảnh vị: Cảnh vị được đưa vào tâm qua lưỡi lần thứ nhất gọi ảnh cảnh vị 1. Tương tự duyên với cảnh vị lần thứ hai gọi là ảnh cảnh vị 2. Tâm so sánh ảnh cảnh vị 1 và ảnh cảnh vị 2 sanh khởi thiệt thức nhưng ảnh 2 trở thành ảnh cảnh vị cũ. Khi duyên với cảnh vị lần thứ ba gọi là ảnh cảnh vị mới. Ảnh cảnh vị mới này được đưa vào tâm qua lưỡi.

Vì vậy điều kiện để thiết xúc sanh khởi cần có 2 vế: Vế thứ nhất là ảnh cũ và vế thứ 2 là ảnh mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là thiết xúc. Minh họa thiết xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau.

Hành giả quan sát và chứng nghiệm đúng như mô tả hay không? Chứ không phải tin vào sự phân tích của tác giả.

5.5. Thân xúc

Thế nào thân xúc? Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên thân và duyên cảnh xúc: Cảnh xúc được đưa vào tâm qua thân lần thứ nhất gọi ảnh cảnh xúc 1. Tương tự duyên với cảnh xúc lần thứ hai gọi là ảnh cảnh xúc 2. Tâm so sánh ảnh cảnh xúc 1 và ảnh cảnh xúc 2 sanh khởi thân thức nhưng ảnh 2 trở thành ảnh cảnh xúc cũ. Khi duyên với cảnh xúc lần thứ ba gọi là ảnh cảnh xúc mới. Ảnh cảnh xúc mới này được đưa vào tâm qua thân.

Vì vậy điều kiện để thân xúc sanh khởi cần có 2 vế: Vế thứ nhất là ảnh cũ và vế thứ 2 là ảnh mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là thân xúc. Minh họa thân xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau.

Hành giả quan sát và chứng nghiệm đúng như mô tả hay không? Chứ không phải tin vào sự phân tích của tác giả.

5.6. Ý xúc

Thế nào là ý xúc? Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên ý và do duyên cảnh pháp: Cảnh pháp được đưa vào tâm qua ý lần thứ nhất gọi ảnh cảnh pháp 1. Tương tự duyên với

cảnh pháp lần thứ hai gọi là ảnh cảnh pháp 2. Tâm so sánh ảnh cảnh pháp 1 và ảnh cảnh pháp 2 sanh khởi ý thức nhưng ảnh cảnh pháp 2 trở thành ảnh cảnh pháp cũ. Khi duyên với cảnh pháp lần thứ ba gọi là ảnh cảnh pháp mới. Ảnh cảnh pháp mới này được đưa vào tâm qua ý tức thì. Người học Phật nên biết không có khoảng cách giữa ý và cảnh pháp. Khi ảnh pháp được đưa đến ý tức thì không có thời gian.

Vì vậy điều kiện để ý xúc sanh khởi cần có 2 vế: Vế thứ nhất là ảnh cảnh pháp cũ và vế thứ 2 là ảnh cảnh pháp mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là ý xúc. Minh họa ý xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau. Hành giả cần chứng nghiệm có đúng hay không.

5.7. Kết luận về duyên xúc

Thường trong kinh không có định nghĩa rõ ràng về duyên xúc. Duy chỉ có bài Kinh Trung bộ số 148 và kinh Tương ưng 4-Sáu xứ có giải thích duyên nhãn xúc do sự hội tụ ba pháp: Sắc, Mắt, Nhãn thức. Tương tự cho Nhĩ xúc, Thiệt xúc, Tỷ xúc, Thân xúc, ý xúc. Nhiều người không biết rõ về duyên Xúc rồi tự biên, tự diễn về duyên Xúc nên không đúng như Đức Phật đã dạy. Bản thân tác giả đã đi tìm hiểu về duyên Xúc rất lâu mới hiểu được ý nghĩa duyên Xúc. Hồi mới học suy tư duyên Xúc mất gần 10 năm mới vỡ lẽ ra nên nhớ học phải đạt ý quên lời rất khó và cần có thời gian.

Tóm tắt lại duyên Xúc là sự xúc chạm giữa những dữ kiện hoặc những hình ảnh hoặc những hiểu biết đã lưu trữ trong tâm từ khi lọt lòng mẹ đến khi trưởng thành và những thông tin mới hoặc những hình ảnh mới vừa được đưa vào tâm qua sáu nội xứ.

6. Thọ do duyên Xúc sanh

Thông thường một cảm thọ lạc hay một cảm thọ khổ chỉ xảy ra khi tiếp xúc sắc mới, thanh mới, hương mới, vị mới, xúc mới, pháp mới. Nếu không có sáu cảnh mới có nghĩa là những cảnh cũ đang hiện hữu chỉ có cảm thọ không khổ không lạc. Người học Phật cần quan sát khi có duyên xúc mới sẽ phát sanh cảm thọ lạc hay cảm thọ khổ. Sau đó cảm thọ lạc hay cảm thọ khổ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc. Quan sát và ghi nhớ sẽ xảy ra như thế.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là thọ? Đây các Tỳ-kheo, có sáu thọ này: thọ do nhãn xúc sanh; thọ do nhĩ xúc sanh; thọ do tỷ xúc sanh; thọ do thiệt xúc sanh; thọ do thân xúc sanh; thọ do ý xúc sanh. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là thọ.

Trong Kinh Tăng Chi Mười Pháp - VI. Phẩm Tâm Của Minh - (VIII) (58) Lấy Căn Bản Nơi Thế Tôn, viết:

Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. - *Này các Tỳ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: “Này chư Hiền, tất cả pháp lấy gì làm căn bản? Tất cả pháp lấy gì làm sanh khởi? Tất cả pháp lấy gì làm tập khởi? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ quy tụ? Tất cả pháp lấy gì làm thượng thủ? Tất cả pháp lấy gì làm tăng thượng? Tất cả pháp lấy gì làm tối thượng? Tất cả pháp lấy gì làm lõi cây? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ thể nhập? Tất cả pháp lấy gì làm cứu cánh?”.*

Được hỏi vậy, này các Tỳ-kheo, các Thầy có thể trả lời như sau: “Tất cả pháp lấy dục làm căn bản. Tất cả pháp lấy tác ý làm

sanh khởi. Tất cả pháp lấy xúc làm tập khởi. Tất cả pháp lấy thọ làm chỗ quy tụ. Tất cả pháp lấy định làm thượng thủ. Tất cả pháp lấy niệm làm tăng thượng. Tất cả pháp lấy tuệ làm tối thượng. Tất cả pháp lấy giải thoát làm lối cây. Tất cả pháp lấy bất tử làm chỗ thể nhập. Tất cả pháp lấy Niết-bản làm cứu cánh”.

Đoạn kinh trên trích từ Kinh Tăng chi 10 pháp cho biết rằng tất cả các pháp lấy thọ làm chỗ quy tụ. Như vậy duyên thọ là quả khổ hay quả lạc là một trong bốn duyên thuộc quả khổ hiện tại rất quan trọng. Nó là chỗ hội tụ mà chúng sanh nào cũng ghi nhận và biết được những cảm thọ lạc hay những cảm thọ khổ. Nó cũng là cạm bẫy để chúng sanh bị sập vào để phải luân hồi. Những người học Phật cần chánh niệm duyên thọ để không sập vào cái bẫy này vì đa số những hành giả Phật giáo ít nhận ra duyên thọ là cái bẫy sập.

Theo Lý duyên khởi duyên thọ là duyên thứ 7 trong 12 nhân duyên.

Lý duyên khởi theo chiều thuận có nghĩa là đi từ duyên Vô minh thuận chiều về duyên Thọ.

Vô minh ⇒ Hành ⇒ Thức ⇒ Danh sắc ⇒ Lục nhập ⇒ Xúc ⇒ Thọ

Lý duyên khởi theo chiều ngược có nghĩa là đi từ duyên Thọ ngược về duyên Vô minh.

Vô minh ⇒ Hành ⇒ Thức ⇒ Danh sắc ⇒ Lục Nhập ⇒ Xúc ⇒ Thọ

Duyên thọ có nhân gần là duyên xúc, duyên lục nhập, duyên danh sắc và có nhân xa là duyên thức, duyên hành, duyên vô minh. Duyên Thọ gồm có nhãn thọ, nhĩ thọ, tỉ thọ, thiệt thọ, thân thọ, ý thọ. Mỗi thọ có ba thọ: thọ lạc, thọ không khổ không lạc, thọ khổ. Như

vậy có 18 thọ nhưng có 18 thọ liên hệ tại gia và có 18 thọ liên hệ xuất ly, có tổng cộng 36 thọ nhưng quá khứ 36 thọ, hiện tại 36 thọ, tương lai 36 thọ, tổng cộng 108 thọ. Những người học Phật cần tìm hiểu rõ ràng về duyên thọ để không bị sụp vào bẫy này. (Tham khảo Kinh số 137 Phân biệt sáu xứ Kinh Trung bộ).

6.1. Vô minh hay Minh sanh

Nếu duyên lục nhập được Tứ Thánh đế và có suy tư đến duyên thọ thì có minh sanh thì nghiệp mới (Ái) diệt thì thủ diệt, hữu diệt, sanh diệt.

Nếu duyên lục nhập mà nhập những kinh sách thuộc tà kiến thì vô minh tiếp tục sanh ra ái rồi sanh ra thủ sinh ra hữu sanh ra sanh, già chết. Hữu duyên cho ai sanh ra đời đã nhập được Tứ Thánh đế, 12 Nhân duyên, Bát Chánh đạo.

6.2. Nhãn thọ do nhãn xúc sanh

Có ba cảm thọ nhưng khi có nhãn xúc sẽ chỉ có lạc thọ hoặc khổ thọ. Còn thọ không khổ không lạc là chuyển tiếp, là trung gian khi sáu cảnh vô thường thì chuyển sang thọ trung gian tức là thọ không khổ không lạc.

Này các Tỳ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Đây, này các Tỳ-kheo, là ba thọ.

★ Lạc thọ

Nhãn xúc sanh ra lạc thọ có nghĩa là gì?

Nhãn xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cũ cảnh sắc và ảnh mới cảnh sắc vừa đưa vào tâm qua mắt. Lạc thọ do sự chênh lệch giữa ảnh cũ

và ảnh mới tức là ảnh mới - ảnh cũ > 0 . Ảnh mới lạ khác nhiều ảnh cũ nên sanh ra cảm thọ lạc. Có sự khác nhau giữa ảnh cũ và ảnh mới sanh ra khả ái, khả lạc gọi là thọ lạc. Thọ lạc là bấy sập đưa chúng sanh luân hồi dài lâu.

Ví dụ. Một người đã có một chiếc xe cũ rồi muốn mua một chiếc xe mới, khi thấy một chiếc xe khả ái khả lạc rồi mua về.

★ Khổ thọ

Nhãn xúc sanh ra khổ thọ có nghĩa là gì?

Nhãn xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cũ cảnh sắc và ảnh mới cảnh sắc vừa đưa vào tâm qua mắt. Khổ thọ do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới, ảnh mới - ảnh cũ < 0 . Ảnh mới thường là thua sút ảnh cũ như hình ảnh già nua hoặc ảnh mới thay đổi đột ngột, mắt sanh ra cảm thọ khổ. Thọ khổ là bấy đưa chúng sanh luân hồi dài lâu.

Ví dụ. Một người có vợ hay có chồng khi một trong hai người mất thì sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới rất lớn sẽ phát sanh ra một cảm thọ khổ vô cùng.

★ Không khổ không lạc thọ

Nhãn xúc sanh ra cảm thọ không khổ không lạc có nghĩa là gì?

Nhãn xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cũ cảnh sắc và ảnh mới cảnh sắc vừa đưa vào tâm qua mắt. Cảm thọ không khổ không lạc do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới, ảnh mới - ảnh cũ $= 0$. Không có sự khác nhau giữa ảnh mới và ảnh cũ nên sanh ra cảm thọ không khổ không lạc.

Nếu duyên xúc sanh khởi cảm thọ lạc trước, khi xúc thay đổi thì cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm

thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt.

Nếu duyên xúc sanh ra là cảm thọ khổ vì xúc biến đổi thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ.

Hành giả cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ. Cảm thọ không khổ không lạc là cảm thọ trung gian giữa cảm thọ lạc và cảm thọ khổ nên những hành giả không nhận ra tưởng mình có tâm xả. Cảm thọ này cũng là bầy sập dẫn đến luân hồi dài lâu.

Ví dụ. Một người đi du lịch một nơi nào đó xúc cảnh mới lạ nên sanh ra cảm thọ lạc nhưng nếu người đó ở đó một thời gian ngắn sẽ không còn sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới gọi là cân bằng gọi là cảm thọ không khổ không lạc.

Tóm lại, nhãn thọ do nhãn xúc sanh khởi có ba cảm thọ: lạc, khổ, không khổ không lạc nhưng không cùng một lúc có cả ba cảm thọ mà có lạc chuyển qua không khổ không lạc rồi chuyển đổi qua khổ. Nếu hành giả nào giác ngộ sự biến đổi các cảm thọ, hành giả có trí tuệ không còn kiết sử vào bất cứ cái gì. Hành giả cần chứng nghiệm có đúng hay không.

6.3. Nhĩ thọ do nhĩ xúc sanh

Có duyên xúc xảy ra chỉ có một là lạc thọ hoặc hai là khổ thọ, chứ không phải một lúc có ba cảm thọ. Thọ không khổ không lạc chỉ

là thọ chuyển tiếp từ thọ lạc hoặc từ thọ khổ chuyển qua vì sự vật vô thường nên có thọ không khổ không lạc là trung gian cho hai cảm thọ kia.

Tương tự như nhãn thọ ở trên, cũng theo tiến trình có ba cảm thọ: cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không khổ không lạc.

Nhĩ thọ sanh khởi tức thì khi có duyên nhĩ xúc sanh khởi. Tại một thời điểm nhĩ thọ nếu là cảm thọ lạc, do sự biến đổi duyên xúc, từ cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt.

Nếu duyên xúc sanh ra cảm thọ khổ vì sự biến đổi duyên xúc thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ. Hành giả cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ. Nhĩ thọ là bấy sập đưa chúng sanh vào luân hồi dài dài.

6.4. Tỷ thọ do tỷ xúc sanh

Tương tự như Nhãn thọ, Nhĩ thọ.

Tương tự như nhãn thọ ở trên, cũng theo tiến trình ba cảm thọ: thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc.

Tỷ thọ sanh khởi tức thì khi có duyên tỷ xúc sanh khởi. Tại một thời điểm tỷ thọ nếu là cảm thọ lạc, do sự biến đổi duyên xúc, từ cảm

thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt.

Nếu duyên xúc sanh ra là cảm thọ khổ vì sự biến đổi duyên xúc thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ.

Hành giả cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ thôi. Tỷ thọ là bầy sập đưa chúng sinh vào luân hồi dài lâu. Hành giả cần chứng nghiệm có đúng hay không.

6.5. Thiệt thọ do thiệt xúc sanh

Tương tự như Nhân thọ, Nhĩ thọ.

Tương tự như nhân thọ ở trên, cũng theo tiến trình ba cảm thọ: thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc.

Thiệt thọ sanh khởi tức thì khi có duyên thiệt xúc sanh khởi. Tại một thời điểm thiệt thọ nếu là cảm thọ lạc, do sự biến đổi duyên xúc, từ cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt.

Nếu duyên xúc sanh ra cảm thọ khổ vì sự biến đổi duyên xúc thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Thiệt thọ là bầy sập đưa chúng sanh luân hồi dài lâu.

Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ. Người tu cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ. Hành giả cần chứng nghiệm có đúng hay không.

6.6. Thân thọ do thân xúc sanh

Tương tự như Nhãn thọ, Nhĩ thọ.

Tương tự như nhãn thọ ở trên, cũng theo tiến trình ba cảm thọ: thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc.

Thân thọ sanh khởi tức thì khi có duyên thân xúc sanh khởi. Tại một thời điểm thân thọ nếu là cảm thọ lạc, do sự biến đổi duyên xúc, từ cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt.

Nếu duyên xúc sanh ra là cảm thọ khổ vì sự biến đổi duyên xúc thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ.

Hành giả cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ. Thân thọ là bấy sập đưa chúng sanh luân hồi dài lâu. Hành giả cần chứng nghiệm ba cảm thọ.

6.7. Ý thọ do ý xúc sanh

Tương tự như Nhân thọ, Nhĩ thọ.

- Lạc thọ

Ý xúc sanh ra lạc thọ có nghĩa là gì?

Ý xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cảnh pháp cũ và ảnh mới cảnh pháp vừa đưa vào tâm qua ý. Lạc thọ do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới tức là ảnh mới - ảnh cũ > 0 . Ảnh mới lạ khác nhiều ảnh cũ nên sanh ra cảm thọ lạc.

Ví dụ. Trước đây đã lưu một hình ảnh một chiếc xe cũ qua ý và ngày hôm nay đi vào tiệm xe thấy một chiếc xe mới vừa đưa vào tâm qua ý xong đi về nhà ngồi có ý xúc pháp sanh ra vui do sự chênh lệch giữa ảnh cũ cảnh pháp và ảnh mới của cảnh pháp.

- Khổ thọ

Ý xúc sanh ra khổ thọ có nghĩa là gì?

Ý xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cũ cảnh pháp và ảnh mới cảnh pháp vừa đưa vào tâm qua ý.

Khổ thọ do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới, ảnh mới - ảnh cũ < 0 . Ảnh mới thường là thua sút ảnh cũ như hình ảnh già nua hoặc ảnh mới thay đổi đột ngột mất sanh ra cảm thọ khổ.

Ví dụ ngày xưa có người yêu đã lưu trữ ảnh cũ cảnh pháp, sau một thời gian gặp lại hình ảnh người yêu cũ đưa vào tâm qua ý, có sự khác nhau giữa hình ảnh cũ và hình ảnh mới phát sinh ra một cảm thọ buồn. Những hành giả nên quan sát để kiểm chứng.

- Không khổ không lạc thọ

Ý xúc sanh ra cảm thọ không khổ không lạc có nghĩa là gì?

Ý xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cũ cảnh pháp và ảnh mới cảnh pháp vừa đưa vào tâm qua ý. Cảm thọ không khổ không lạc do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới, ảnh mới - ảnh cũ = 0. Không có sự khác nhau giữa ảnh mới và ảnh cũ nên sanh ra cảm thọ không khổ không lạc.

Ví dụ. bỏ quê đi xa rồi một thời gian rồi về quê lại nhìn cảnh vật thay đổi đưa qua ý, ảnh cảnh pháp mới, phát sanh cảm thọ vui, rồi hằng ngày đưa cảnh pháp qua ý, không còn có sự khác nhau giữa ảnh cũ cảnh pháp và ảnh mới cảnh pháp phát ra cảm thọ không vui không buồn.

Ý thọ sanh khởi tức thì khi có duyên ý xúc sanh khởi. Tại một thời điểm ý thọ nếu là cảm thọ lạc, do sự biến đổi duyên xúc, từ cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Nếu duyên xúc sanh ra là cảm thọ khổ vì sự biến đổi duyên xúc thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ. Hành giả cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ thôi. Ý thọ là bấy sập dẫn chúng sanh luân hồi dài lâu. Hành giả cần chứng nghiệm ba cảm thọ.

6.8. Kết luận về duyên Thọ

Từ duyên **Danh sắc** ⇒ **Lục Nhập** ⇒ **Xúc** ⇒ **Thọ**

Theo lý duyên khởi “Do cái này sanh, cái kia sanh”

Thọ là quả hiện tại, dựa vào lý duyên khởi như sau:

Xúc sanh ra thọ, Lục nhập sanh ra Xúc, Danh sắc sanh ra Lục nhập.

Như vậy 4 duyên quả hiện tại là Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ.

Danh sắc là bắt đầu có mặt trong cuộc sống, chỉ tâm và vật rất vi tế mắt thường không thấy. Từ sự vi tế của Danh sắc từ từ biến đổi vi tế thành to lớn và lọt ra một đũa bé có 6 giác quan có trọng lượng khoảng từ 3kg đến 4kg, gọi là sáu nội xứ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Từ sáu nội xứ này, đũa bé tự động thâm vào sáu ảnh của ngoại xứ (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) qua sáu nội xứ và lưu giữ trong tâm rồi duyên lại với sáu ngoại xứ sanh ra 6 thức hay 6 cái biết. Từ sáu thức này hay 6 ảnh cũ đã lưu giữ trong tâm xúc chạm với 6 ảnh mới của sáu ngoại xứ vừa đưa vào tâm qua sáu cửa sổ sanh khởi sáu xúc. Từ duyên xúc sanh khởi sáu thọ tức thì. Tiến trình từ danh sắc đến thọ là tự động. Danh sắc là bào thai rất vi tế chưa có hiểu biết nhiều, không có gì phải quan sát.

Từ khi có sáu nội xứ (lục nhập) bắt đầu thâm vào các ảnh của sáu ngoại xứ rất quan trọng. Vì các ảnh đó được lưu giữ trong tâm. Chúng (các ảnh) là những dữ liệu cho chúng ta tạo nghiệp mới trong kiếp sống này. Như vậy mắt nhập ảnh cảnh sắc và lưu giữ trong tâm qua cửa sổ mắt. Thông tin cảnh sắc có trong tâm rồi sẽ sanh ra khổ lạc về sau. Do đó thông tin cảnh sắc rất nguy hiểm, không nên thâm vào thông tin cảnh sắc nhiều, chỉ cho vào thông tin cảnh sắc để duy

trì sự sống chúng ta và để chấm dứt khổ hay chấm dứt sự luân hồi. Thông thường thông tin về cảnh sắc là những Kinh do các nhà hiền triết viết để lại hay kinh truyền tụng rồi về sau viết xuống thành kinh nên cẩn thận nếu không thì tâm chúng ta chỉ lưu giữ kinh toàn là văn tự không kiểm chứng được rất nguy hiểm. Còn sách do người thế gian viết và lưu truyền lại không nên đọc vì chúng không đưa đến chấm dứt khổ.

Thông tin về năm bộ kinh Nikaya có thể thâm vào tâm qua cửa sổ mắt. Nhưng ảnh văn tự kinh lưu giữ trong tâm chỉ là văn tự thôi chưa phải là sự thật. Đa số chúng ta đọc và suy diễn văn tự không chứng nghiệm gì cả thì rất nguy hiểm. Học kinh nên học ít, học từ từ và cần chứng nghiệm những gì trong kinh diễn đạt chứ không phải ngồi lý luận theo tưởng tri của mình. Tai nhập ảnh cảnh thanh và lưu giữ trong tâm qua cửa sổ tai. Thông tin cảnh thanh cũng sẽ sanh ra phiền não về sau. Thông tin này rất nguy hiểm. Thời Đức Phật thông tin về cảnh thanh từ Đức Phật, các thầy tu nhớ và chứng nghiệm dễ dàng. Ngày nay thông tin về cảnh thanh do phàm phu nói không đúng chân lý nếu chúng ta nhập vào mà không tiêu hoá sẽ có phiền não nhiều nên tránh nhập thông tin từ phàm phu. Về học hỏi Phật pháp cần đưa vào tâm qua cửa sổ mắt hay cửa sổ tai là quan trọng nhất còn những cửa sổ khác như lưỡi, thân, mũi chủ về dục là chính. Nếu mắt hay tai nhập những thông tin về Tứ Thánh đế, 12 Nhân Duyên, Bát Thánh Đạo đưa vào tâm và không nhập những thông tin khác. Đó là phước của quý vị trong quá khứ có chánh kiến. Nếu mắt hay tai nhập những thông tin khác với Tứ Thánh đế, 12 Nhân Duyên, Bát Thánh Đạo. Đó là quý vị thiếu phước vì kiếp quá khứ đã có tà kiến.

Nói chung chúng ta có sáu cửa sổ nhập những thông tin của sắc, của thanh, của hương, của vị, của xúc, của pháp rất thận trọng.

Sáu thọ cũng là sáu cái bẫy sập sẽ dẫn chúng ta luân hồi mãi mãi và đau khổ triền miên.

Trong 12 Nhân duyên là một vòng khép kín nên những hành giả nào muốn thoát khỏi vòng kim cô này rất khó. Đa số những người học Phật không chịu học đầy đủ năm bộ kinh Nikaya rất khó mà khám phá khe hở nào trong 12 nhân để thoát ra. Tôi có duyên học hỏi nên biết được duyên Thọ là khe hở giúp hành giả thoát được vòng kim cô.

Duyên Thọ có ba cảm thọ: Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ. Khe hở từ lạc qua khổ hoặc từ lạc qua không lạc không khổ, hoặc từ khổ qua lạc. Chính khe hở này giúp hành giả nào giác ngộ rằng khi nào có lạc sẽ có khổ hoặc có khổ sẽ có lạc. Tâm giác ngộ không dính mắc vào cảm thọ thì Ái diệt. Nếu không dính mắc vào cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không lạc không khổ gọi là diệt. Tuy nhiên cần tìm hiểu thêm duyên Xúc. Thêm duyên Thức hiện tại, thêm duyên Lục nhập nữa.

Để nhận biết duyên Thọ cần quan sát từ duyên Lục nhập sanh ra thức rồi quan sát duyên Thức sanh ra, xong sẽ thấy duyên Thọ từ duyên Xúc sanh ra.

Sau đây có một bài kinh trong kinh tương ưng 1 nói về chư thiên. Tôi suy tư mãi và có lúc hiểu sai. Bây giờ có duyên tìm hiểu về duyên thọ xin giải thích cho những ai muốn hiểu Phật pháp.

6.9. Vượt khỏi bực lưu

Trong Kinh Tương Ưng 1 - Chương I Tương Ưng Chư Thiên - I. Phẩm Cây Lau - I: Bộc Lưu (S.I,1), viết:

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

Rồi một vị Thiên, khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên ấy bạch Thế Tôn:

-- Thưa Tôn giả, làm sao Ngài vượt khỏi bộc lưu?

-- Đây Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bộc lưu.

-- Thưa Tôn giả, làm sao không đứng lại, không bước tới, Ngài vượt khỏi bộc lưu?

-- Đây Hiền giả, khi Ta đứng lại, thời Ta chìm xuống. Đây Hiền giả, khi Ta bước tới, thời Ta trôi giạt; do vậy, này Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bộc lưu.

(Vị Thiên):

Từ lâu, tôi mới thấy

Bà-la-môn tịch tịnh.

Không đứng, không bước tới,

Vượt cháp trước ở đời.

Vị Thiên ấy nói như vậy và bậc Đạo Sư cháp nhận. Vị Thiên ấy biết được: “Thế Tôn đã cháp nhận ta”. Vị ấy đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

“khi Ta đứng lại, thời Ta chìm xuống”.

Từ duyên Thọ không khổ không lạc mà không biết rồi dính vào cảm thọ này tức là có tâm Si sẽ luân hồi mà không thoát khỏi bộn lưu.

“khi Ta bước tới, thời Ta trôi giạt;”

Từ duyên Thọ khổ hoặc Thọ lạc mà chạy theo tức là trôi giạt tức là tâm phóng dật vào trần cảnh thuộc về tâm tham và tâm sân thì phải luân hồi nhưng không phóng dật thì không dính mắc sẽ thoát khỏi bộn lưu.

7. Hành, Tưởng, Dục do duyên xúc sanh

7.1. Dục do duyên xúc sanh

Sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục, xúc dục.

Dục là sự ham muốn khởi ra do sự nhận thức các sắc khả ái, khả lạc theo định nghĩa trong kinh.

Trong Kinh Tăng Chi Sáu Pháp - VI. Đại Phẩm - (IX) (63) Một Pháp Môn Quyết Trạch, viết:

Này các Tỳ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này: Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả ý, khả hỷ, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức... khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, dầu chúng không phải dục, chúng được gọi là dục trưởng dưỡng trong giới luật của bậc Thánh.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là các dục duyên khởi? Xúc, này các Tỳ-kheo, là các dục duyên khởi.

Dục chia ra làm hai hướng: Một là suy tư về dục sẽ dẫn đến đau khổ gọi là tà tư duy. Hai là suy tư ly dục đúng sẽ dẫn đến hạnh phúc gọi là chánh tư duy.

Hằng ngày nếu có sự ham muốn khởi lên nên suy tư ly dục tức thì, không có ham muốn nữa.

7.2. Hành do duyên xúc sanh

Trong Kinh Tương Ưng 3 - Chương I Tương Ưng Uẩn (c) - I. Phạm Tham Luyến - IV. Thủ Chuyển (Tập 2, Đại 2,9b) (S.iii,58), viết:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hành? Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hành.

Trong Kinh Tăng Chi Sáu Pháp - VI. Đại Phạm - (IX) (63) Một Pháp Môn Quyết Trạch, viết:

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý.

Dựa vào hai định nghĩa trên kết luận là nghiệp là hành, trước khi dẫn đến ý hành, thân hành, khẩu hành suy tư có trước.

Như vậy sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư là nghiệp còn gọi là hành. Tỉnh thoảng nói gọn lại là ý hành, khẩu hành, thân hành mà ý hành là tham, sân, si cũng còn gọi là tham ái, sân ái, si ái.

7.3. *Tưởng do duyên xúc sanh*

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tưởng? Đây các Tỳ-kheo, có sáu tưởng thân này: sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là tưởng. Do xúc tập khởi nên tưởng tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên tưởng đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến tưởng đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các tưởng dị thực? Đây các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng các tưởng là kết quả của thói quen, khi nào người ta biết sự vật như thế nào, như thế nào, người ta nói sự vật ấy như sau, như sau: “Như vậy tôi tưởng”. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là các tưởng dị thực.

Này các Tỳ-kheo, có sáu tưởng này: Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tưởng sanh khởi? Đây các Tỳ-kheo, xúc là các tưởng sanh khởi.

- **Sắc tưởng do nhãn xúc sanh**

Khi mắt thấy sắc, dùng sự hiểu biết của mình có trước kia nghĩ tưởng sắc theo kinh nghiệm của mình đã có trước đây.

Ví dụ:

Ngày hôm nay đi ra đường thấy một đám mây đen tưởng rằng sẽ có mưa. Do lần trước đã thấy một đám mây đen kéo đến sau đó có mưa. Lần này tưởng có thể sai vì lần này mây đen không mưa.

- Thanh tưởng do nhĩ xúc sanh

Khi tai nghe thanh dùng sự kinh nghiệm, dùng sự hiểu biết của mình tưởng âm thanh theo kinh nghiệm của mình.

Ví dụ:

Nghe tiếng người bạn yếu ớt tưởng người bạn bệnh ho lao. Vì lần trước đã có kinh nghiệm như vậy nhưng lần này tưởng có thể dẫn đến sai.

- Hương tưởng do tỷ xúc sanh

Khi mũi ngửi hương, sử dụng những kinh nghiệm hay những sự hiểu biết của mình tưởng hương theo kinh nghiệm của mình.

Ví dụ:

Đi ra đường hôm nay mũi ngửi được mùi thơm tưởng mình hôm nay gặp may mắn vì lúc trước đó đã xảy ra như vậy. Nhưng hôm nay cái tưởng có thể sai, có ngửi mùi thơm nhưng không có may mắn.

- Vị tưởng do thiệt xúc sanh

Khi lưỡi nếm vị sử dụng những kinh nghiệm của mình tưởng vị theo kinh nghiệm của mình.

Ví dụ: Khi ăn canh chua hôm nay vị không ngon, tưởng rằng canh chua do người mới nấu chứ không phải người cũ nấu vì lúc trước đã ăn ngon. Tưởng có thể sai có thể cùng một người nấu.

- Xúc tưởng do thân xúc sanh

Khi thân xúc với cảnh xúc, sử dụng kinh nghiệm của mình tưởng cảnh xúc theo kinh nghiệm của mình.

Ví dụ:

Khi thân (tay) xúc chạm với với tay người bạn nóng quá, tưởng bạn mình bệnh. Vì lúc trước đã có kinh nghiệm như vậy. Hôm nay tưởng bạn mình có bệnh có thể sai.

- Pháp tưởng do ý xúc sanh

Khi ý xúc với cảnh pháp, sử dụng kinh nghiệm của mình tưởng cảnh pháp theo kinh nghiệm của mình.

Ví dụ:

Đang ngồi một mình có hình ảnh bạn cũ vui vẻ với mình ngày xưa xuất hiện trong tâm, tưởng bạn cũ đang có hạnh phúc. Vì lần trước đã có kinh nghiệm như vậy. Nhưng lần này pháp tưởng có thể sai.

7.4. Thọ sai biệt

Thọ sai biệt sẽ cho hỷ lạc liên hệ vật chất làm cho chúng sanh dính mắc và luân hồi. Hỷ lạc không liên hệ đến vật chất. Đây là trạng thái hỷ lạc do chúng sơ thiên sanh khởi. Những ai muốn sanh vào cõi sắc giới cần phải tu tập cho tâm ly dục tức là không còn liên hệ đến sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ sanh khởi? Xúc, này các Tỳ-kheo, là các cảm thọ sanh khởi. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ sai biệt? Nay các Tỳ-kheo,

- *có các lạc thọ liên hệ đến vật chất,*
- *có các lạc thọ không liên hệ đến vật chất;*
- *có các khổ thọ liên hệ đến vật chất,*

- có các khổ thọ không liên hệ đến vật chất;
- có các cảm thọ không khổ không lạc liên hệ đến vật chất,
- có các cảm thọ không khổ không lạc không liên hệ đến vật chất.

Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các cảm thọ sai biệt.

- ★ Các lạc thọ liên hệ đến vật chất.

Vật chất ám chỉ là sắc (hình dáng), thanh, hương, vị, xúc.

Không liên hệ đến vật chất có nghĩa là không phải là sắc, không phải thanh, không phải hương, không phải vị, không phải xúc như hơi thở, màu vàng, màu đỏ, nước, lửa v.v..

- ★ Có các lạc thọ không liên hệ đến vật chất.

Lạc thọ khởi lên do tập trung vào vàng, đỏ, xanh, trắng, nước, lửa, gió, đất, thức, hư không.

- ★ Có các khổ thọ liên hệ đến vật chất.

Khổ thọ khởi lên duyên với sắc, thanh, hương, vị, xúc.

- ★ Có các khổ thọ không liên hệ đến vật chất.

Do tập trung vào vàng, đỏ, xanh, trắng, nước, lửa, gió, đất, thức, hư không.

- ★ Có các cảm thọ không khổ không lạc liên hệ đến vật chất.

Khởi lên duyên với sắc, thanh, hương, vị, xúc.

- ★ Có các cảm thọ không khổ không lạc không liên hệ đến vật chất.

Do tập trung vào vàng, đỏ, xanh, trắng, nước, lửa, gió, đất, thức, hư không.

8. Kết luận

Chương 2 bàn về Quả khổ hiện tại thì rất quan trọng vì từ quả khổ này sẽ sinh ra nguyên nhân khổ. Người học Phật cần tìm hiểu rõ ráo về duyên Lục nhập, về duyên Xúc, về duyên Thọ còn duyên Danh sắc rất vi tế trong bụng mẹ không quan trọng bằng ba duyên vừa kể.

Từ khi chúng ta ra khỏi bụng mẹ đã có sáu giác quan và đã tự động thu sáu ngoại xứ: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp vào tâm để phát sanh sáu thức. Từ duyên sáu Thức sanh ra duyên sáu Xúc rồi sanh ra duyên Thọ. Như vậy duyên Thọ là chỗ hội tụ để chúng sanh nhận ra có cảm thọ hạnh phúc hay cảm thọ khổ. Từ duyên Thọ sanh ra duyên Ái tức thì không có thời gian. Từ duyên Ái sanh ra duyên Thủ tức thì. Do vậy chúng sanh khó thoát ra cái vòng luân hồi này được.

Sáu giác quan (sáu cửa sổ) là nút mở hay nút đóng sáu cảnh bên ngoài. Hành giả nào không nhận ra điều này mà cứ mở sáu cửa sổ chào đón sáu tên phá làng thì phiền não liên tục. Hành giả nào giác ngộ duyên lục nhập sẽ buông được Thân kiến và biết được duyên Thủ hình thành. Vì duyên sáu nội xứ để nhập sáu ngoại xứ thì đi luân hồi từ đời này qua đời nọ. Chúng sanh nào sanh ra đời nhập được thông tin Tứ Thánh đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo thì cửa giải thoát được mở ra. Nếu nhập những thông tin khác sẽ dẫn vào con đường luân hồi.

Hơn nữa những gì đã được nhập vào tâm qua sáu giác quan sẽ biến thành Thức mà Đức Phật gọi Thức là hạt giống. Như vậy càng

nhập nhiều thông tin trong đó có kinh sách sẽ là những hạt giống trở ra nhiều quả.

Sáu nội xứ cần phòng hộ tối đa, nếu không thì sẽ sanh ra duyên Thọ khổ. Vì lý do này những hành giả không phòng hộ nên đã nhập quá nhiều thông tin phát sanh vô số phiền não. Tuy nhiên để nuôi cái thân tứ đại này cũng nhập thức ăn, thức uống tối thiểu chứ ăn một ngày ba bữa thì con đường luân hồi dài vô tận. Một thầy tu đúng chánh pháp chỉ cần tối thiểu ba y, bình bát, sàng tọa, thuốc men.

Điểm bắt đầu là duyên Lục nhập tức là nơi nhập thông tin sẽ sanh ra duyên Thọ tức là phiền não. Giác ngộ tiến trình đi từ Danh sắc, Duyên Lục nhập dẫn đến Duyên Thức dẫn đến Duyên Xúc sanh ra Duyên Thọ thì hành giả cần nhận biết vì sao có bốn Thủ thành hình và biết vì sao bốn Thủ sẽ diệt.

Chương 3

NGHIỆP MỚI

Ít ai nhận ra có hai Hành trong 12 Nhân duyên: Một là Hành quá khứ đã tạo ra rồi và đã trở ra quả khổ hiện tại. Hai là Hành hiện tại chính là Ái, đã và đang tạo ra những hành động thuộc về ý, về khẩu, về thân từ khi bước vào đời sống kiếp hiện tại này sẽ trở ra quả khổ trong đời này và đời sau. Có những quả khổ trong đời này chỉ là những thiên sứ giúp chúng ta thức tỉnh lo quay về tu giải thoát khổ. Những quả khổ trở ra khi thân hoại mạng chung sanh vào ba đường ác thì khổ vô cùng, không biết bao giờ trở lại làm người như câu chuyện con rùa mù trong Kinh Trung bộ số 129.

Ái ⇔ Thủ ⇔ Hữu

Nghiệp mới gồm có ba duyên Ái, Thủ, Hữu nhưng Ái là điểm khởi đầu rất quan trọng. Do đó cần tìm hiểu duyên ái cho rõ ràng và nhận biết ái là thủ phạm gây đau khổ sau khi thân hoại mạng chung. Một khi biết ái và diệt ái thì thủ diệt dẫn đến sanh diệt nên không có quả khổ trong tương lai. Có bài kinh nói về Ái là khổ tập khởi hay nghiệp mới.

Trong Kinh Tương Ưng 4 - Chương MXX Tương Ưng Sáu Xứ (d) - I. Phạm An Ổn, Khởi Các Khổ Ách - 106. III. Khổ (S.iv,86), viết:

2) -- *Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ giảng về khổ tập khởi và khổ đoạn diệt. Hãy lắng nghe.*

3) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ tập khởi?

4-9) Do duyên mắt và các sắc khởi lên nhãn thức. Do ba pháp này hợp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Đây là khổ tập khởi. Do duyên tai... Do duyên mũi... Do duyên lưỡi... Do duyên thân... Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức. Do ba pháp này hợp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Đây là khổ tập khởi, này các Tỳ-kheo.

10) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt?

11) Do duyên mắt và các sắc khởi lên nhãn thức. Do ba pháp này hợp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Đây là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Đây là khổ chấm dứt.

12-13) Do duyên tai... Do duyên mũi...

14-15) Do duyên lưỡi... Do duyên thân...

16) Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức. Do ba pháp này hợp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Đây là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Đây là khổ chấm dứt.

Thọ ⇔ Ái ⇔ Thủ ⇔ Hữu

Nghiệp mới đầy đủ là sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái là những sự dính mắc vừa phát sinh và sẽ trở thành quả khổ tương lai.

Nếu ngày nào cũng có Ái sanh khởi chắc chắn sẽ có quả khổ, người học Phật cần phải biết như thật không nghi ngờ chân lý này. Nếu ngày nào không có ái sanh khởi, sẽ không bao giờ có quả khổ trong tương lai. Đây là chân lý mà tất cả người học Phật phải nhận biết.

1. Khổ Tập Thánh để cần phải đoạn tận

Đức Phật đã dạy Khổ Tập cần phải đoạn tận trong Kinh Chuyên Pháp Luân phải có lý do tại sao?

Nếu những Nhân sanh khổ mà không diệt thì quả khổ cứ trở ra hoài nên người học Phật cần phải biết khổ Tập mà tinh tấn tiêu diệt chúng. Chúng sanh vô minh không biết nguyên nhân sanh khổ nên khổ không bao giờ chấm dứt. Đây là chân lý về khổ Tập cần phải đoạn tận, nếu không thì luân hồi, đau khổ vô cùng tận.

Nhiều người học Phật không thấy nhân sanh khổ chỉ biết nhân khổ qua kinh sách nhưng không nhận ra chúng nên quả khổ không bao giờ chấm dứt. Như vậy khổ sẽ không hết, nếu thủ phạm chưa bắt được, người học Phật phải tìm ra thủ phạm trước và giết thủ phạm (nhân sanh khổ). May mắn thay cho chúng ta Đức Phật đã tìm ra thủ phạm rồi và chỉ cho chúng ta biết. Chúng ta có công việc là kiểm chứng và tu tập đoạn tận nó thì sẽ hết khổ vĩnh viễn.

Thủ phạm đã gây cho chúng ta vô lượng kiếp cho đến kiếp này chính là Vô minh và Tham ái. Hai duyên này phải đoạn tận hoàn toàn. Ngày nào Vô minh chưa đoạn tận, ngày đó vẫn còn khổ đau.

2. Sáu Ái

Có sáu ngoại xứ là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tâm khởi lên dính mắc vào chúng nên thành sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

Ái là sự dính mắc vào những cảnh chung quanh, có ba trường hợp sau đây:

Có sự dính mắc khởi lên nếu mắt thấy sắc nhận thức khả ý khả lạc khởi lên thích thú vào sắc gọi là tham sắc ái.

Nếu mắt thấy sắc nhận thức không khả ý, không khả lạc khởi lên không ưa thích cũng gọi là sân sắc ái.

Nếu mắt thấy sắc khả lạc, không khả lạc khởi lên si cũng gọi si sắc ái.

Trong Kinh Trung Bộ số 148. Kinh Sáu sáu, viết:

Khi được nói đến: “Sáu ái thân cần phải được biết”, do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Khi được nói đến: “Sáu ái thân cần phải được biết”, chính do duyên này được nói đến như vậy.

Trong Kinh Tương Ưng 4 - Chương II Tương Ưng Thọ - Phần Một - Phẩm Có Kệ - 3. III. Đoạn Tận (S.iv,205), viết:

1) Một thời Thế Tôn sống giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong vườn Nigrodha.

2) Lúc bấy giờ có một hội đường mới của những người Sakka ở Kapilavatthu được làm không bao lâu, chưa được một Sa-môn, hay Bà-la-môn, hay một người nào đến ở.

...

3) -- Nay các Tỳ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

4) Nay các Tỳ-kheo, tham tùy miên đối với lạc thọ cần phải đoạn tận. Sân tùy miên đối với khổ thọ cần phải đoạn tận. Vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ cần phải đoạn tận.

5) Nay các Tỳ-kheo, khi nào Tỳ-kheo đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, đoạn tận sân tùy miên đối với khổ thọ, đoạn tận vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ; thời này các Tỳ-kheo, sự từ bỏ tham tùy miên của Tỳ-kheo được gọi là chánh kiến, ái được đoạn tận, kiết sử được hủy hoại. Với minh kiến chơn chánh đối với ngã mạn (sammà mànabhisamayà), vị ấy đoạn tận khổ đau.

1) Nếu cảm giác lạc thọ,

Không tuệ tri cảm thọ,

Đây gọi tham tùy miên,

Không thấy rõ xuất ly.

2) Nếu cảm giác khổ thọ,

Không tuệ tri cảm thọ,

Đây gọi sân tùy miên,

Không thấy rõ xuất ly.

3) *Với bất khổ bất lạc,*

Bậc Đại trí thuyết giảng,

Nếu hoan hỷ thọ ấy,

Không thoát được khổ đau.

4) *Vị Tỳ-kheo nhiệt tình,*

Tỉnh giác, không cuồng trí,

Đói với tất cả thọ,

Bậc Hiền trí liễu tri.

5) *Vị ấy liễu tri thọ,*

Hiện tại không lậu hoặc,

Thân hoại, bậc Pháp trí

Đại trí vượt ước lường.

Tham ái sanh khởi từ thọ lạc, sân ái sanh khởi từ thọ khổ, si ái sanh khởi từ thọ không khổ không lạc. Có một bài kinh trình bày Tham Sân Si tùy miên sanh khởi.

Trong Kinh Trung Bộ số 148. Kinh Sáu sáu, viết:

Này các Tỳ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên

lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ, mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Nay các Tỳ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

Này các Tỳ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Nay các Tỳ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

Dựa vào những đoạn kinh trích dẫn trên, có thể biểu thị lại bằng một cách khác sau đây.

Duyên Lục nhập \Rightarrow duyên sáu Thức \Rightarrow duyên sáu Xúc \Rightarrow duyên sáu Thọ \Rightarrow duyên sáu Ái.

Từ duyên thọ sanh ra ái tức thì đối với những ai đã có những cảnh quen thuộc như người cư sĩ sống với vợ chồng, con cháu, tài sản v.v... Những cảnh chưa quen thuộc có sự suy tư, dẫn đo những cảnh vừa khả ý khả lạc thì cần có thời gian để ái sanh khởi.

Hiện nay đời sống của cư sĩ tại gia khó thoát được tham ái nên khó có thể tu giải thoát trong thời đại văn minh này. Cách duy nhất là sống một mình thì cơ hội để tu giải thoát dễ dàng hơn.

a) Sắc ái

Sắc ái là tâm dính mắc hay kiết sử với cảnh sắc do có lạc thọ hoặc khổ thọ hoặc không khổ không lạc.

Duyên Mắt với Sắc \Rightarrow duyên Nhãn Thức \Rightarrow duyên Nhãn Xúc \Rightarrow duyên Lạc Thọ.



• Duyên Lạc thọ \Rightarrow duyên tham ái là sự dính mắc vào thọ lạc.

Lạc thọ sanh khởi do xúc chạm nhau giữa ảnh cũ và ảnh mới tức là ảnh mới - ảnh cũ > 0 nếu chênh lệch lớn thì sẽ có cảm thọ lạc rất mạnh.

Lạc thọ là miếng mồi là vị ngọt để dụ con người vào cái bẫy sập, nếu không giác ngộ duyên thọ lạc sẽ sập vào bẫy. Bị sập vào bẫy hay đã cắn lưỡi câu gọi là Sắc Ái. Như vậy thương xót những kẻ bị rơi vào bẫy sập đồng nghĩa sẽ rơi vào ba đường ác: Ngạ quỷ, bàng sanh, địa ngục sẽ chịu thống khổ dài lâu. Phương pháp để không rơi vào bẫy, hãy tu chánh niệm thứ 7 trong Thánh đạo tám ngành sẽ thoát khỏi tham ái.

- Duyên Khổ thọ \Rightarrow duyên Sân ái là sự dính mắc vào thọ khổ.

Khổ thọ sanh khởi do xúc chạm nhau giữa ảnh cũ và ảnh mới tức là ảnh mới - ảnh cũ < 0 nếu sự chênh lệch lớn thì sẽ có cảm thọ khổ rất mạnh. Khi có thọ khổ rất khó mà chánh niệm được nên phản ứng đối tượng đó bằng mọi cách muốn tống nó biến mất gọi là sân ái. Như vậy đã bị rơi vào bẫy sập như con thú bị mắc bẫy hoặc con cá mắc lưỡi câu đồng nghĩa sẽ đau khổ dài lâu trong ba đường ác. Để坦然 nhiên trước cảm thọ nên thực hành chánh niệm thuộc Thánh đạo tám ngành.

- Duyên không khổ không lạc Thọ \Rightarrow duyên Si ái. Như vậy sự dính mắc vào sắc do không khổ không lạc thọ.

Không khổ không thọ do sự xúc chạm giữa ảnh cũ và ảnh mới tức là ảnh mới - ảnh cũ $= 0$. Trạng thái cảm thọ không khổ không lạc này rất khó nhận ra. Có hai trường hợp xảy ra như sau:

Một là tâm khởi ra đi tìm cảnh mới để tiếp xúc sanh ra cảm thọ lạc và khởi lên dính mắc vào đối tượng mới như một người chồng ở với một người vợ khá lâu sanh ra cảm thọ không khổ không lạc và khi gặp một phụ nữ mới sanh ra cảm thọ lạc thì liền quên người vợ cũ và lấy người vợ mới.

Hai là đối tượng bị mất hay bỏ đi sanh ra cảm thọ khổ. Như vậy từ trạng thái không khổ không lạc sanh ra tâm si và đã có một trong hai hành động vừa nêu ra. Trạng thái không khổ không lạc cũng là miếng mồi cũ đã bị sập bẫy rồi hoặc thay đổi đi tìm miếng mồi mới sụp vào cái bẫy mồi khác.

Có thật sự tâm tham, tâm sân, và tâm si sanh cùng một lúc hay không? Mỗi một lúc chỉ có tâm tham, hoặc tâm sân hoặc tâm si chứ không xuất hiện ba tâm cùng một lúc.

b) Thanh ái

Thanh ái là sự dính mắc hay kiết sử với cảnh thanh do có lạc thọ hoặc khổ thọ hoặc không khổ không lạc thọ.

- Duyên Tai với Thanh \Rightarrow duyên Nhĩ Thức \Rightarrow Duyên nhĩ Xúc \Rightarrow duyên Lạc Thọ \Rightarrow Tham Ái. Như vậy sự dính mắc vào thanh do lạc thọ. Lạc thọ là miếng mồi đưa loài người vào bẫy sập sẽ đau khổ dài lâu.

- Duyên Khổ thọ \Rightarrow Sân ái. Như vậy sự dính mắc vào thanh do khổ thọ. Khổ thọ cũng là miếng mồi dụ loài người vào bẫy sập và luân hồi vào ba đường ác.

- Duyên không khổ không lạc Thọ \Rightarrow Si ái. Như vậy sự dính mắc vào thanh do không khổ không lạc thọ. Trạng thái cảm thọ này bị sập bẫy rồi nhưng không hay biết gì và tưởng rằng đã có tâm xả như một số người sống nơi thanh vắng tưởng mình đã giải thoát nhưng thật sự còn ở trong tâm si.

c) Hương ái

Hương ái là sự dính mắc hay kiết sử với cảnh hương do có lạc thọ hoặc khổ thọ hoặc không khổ không lạc thọ.

- Duyên Mũi với Hương \Rightarrow duyên Tỷ Thức \Rightarrow Duyên Tỷ Xúc \Rightarrow duyên Lạc Thọ \Rightarrow Tham Ái. Như vậy sự dính mắc vào hương do lạc thọ. Tương tự như tham sắc ái.

- Duyên Khổ thọ \Rightarrow Sân ái. Như vậy sự dính mắc vào hương do khổ thọ. Tương tự như sân sắc ái.

- Duyên không khổ không lạc Thọ \Rightarrow Si ái. Như vậy sự dính mắc vào hương do không khổ không lạc thọ. Tương tự như si sắc ái.

d) Vị ái

Vị ái là sự dính mắc hay kiết sử với cảnh vị do có lạc thọ hoặc khổ thọ hoặc không khổ không lạc thọ.

- Duyên Lưỡi với Vị \Rightarrow duyên Thiệt Thức \Rightarrow Duyên Thiệt Xúc \Rightarrow duyên Lạc Thọ \Rightarrow Tham Ái. Như vậy sự dính mắc vào vị do lạc thọ. Trạng thái cảm thọ này dụ loài người ăn cho ngon, uống cho sướng nhưng không hay biết gì đến khi thân hoại mạng chung sanh vào ba đường ác.

- Duyên Khổ thọ \Rightarrow Sân ái. Như vậy sự dính mắc vào vị do khổ thọ. Trạng thái cảm thọ này cũng dụ cho người sân hận để rồi khi chết sanh vào ba đường ác.

- Duyên không khổ không lạc Thọ \Rightarrow Si ái. Như vậy sự dính mắc vào vị do không khổ không lạc thọ. Trạng thái cảm thọ này đã bị sập rồi nhưng không hay biết gì vì tâm si đã sanh ra.

đ) Xúc ái

Xúc ái là sự dính mắc hay kiết sử với cảnh xúc do có lạc thọ hoặc khổ thọ, không khổ không lạc thọ.

• Duyên Thân với Xúc \Leftrightarrow duyên Thân Thức \Leftrightarrow Duyên Thân Xúc \Leftrightarrow duyên Lạc Thọ \Leftrightarrow Tham Ái. Như vậy sự dính mắc vào xúc do lạc thọ. Tương tự như tham sắc ái.

• Duyên Khổ thọ \Leftrightarrow Sân ái. Như vậy sự dính mắc vào xúc do khổ thọ. Tương tự như sân sắc ái.

• Duyên không khổ không lạc Thọ \Leftrightarrow Si ái. Như vậy sự dính mắc vào xúc do không khổ không lạc thọ. Tương tự như si sắc ái.

e) Pháp ái

Pháp ái là sự dính mắc hay kiết sử với cảnh pháp do có lạc thọ hoặc khổ thọ hoặc không khổ không lạc thọ.

• Duyên Ý với Pháp \Leftrightarrow duyên Ý Thức \Leftrightarrow Duyên Ý Xúc \Leftrightarrow duyên Hỷ Thọ \Leftrightarrow Tham Ái. Như vậy sự dính mắc vào Pháp do hỷ thọ. Tương tự như tham sắc ái.

• Duyên ưu thọ \Leftrightarrow Sân ái. Như vậy sự dính mắc vào pháp do ưu thọ. Tương tự như sân sắc ái.

• Duyên không ưu không hỷ Thọ \Leftrightarrow Si ái. Như vậy sự dính mắc vào pháp do không ưu không hỷ thọ. Tương tự như si sắc ái.

3. Mười kiết sử

Trong Kinh Tăng Chi Mười Pháp - II. Phẩm Hộ Trì - (III) (13) Các Kiết Sử, viết:

1. - *Này các Tỳ-kheo, có mười kiết sử này. Thế nào là mười?*

2. *Năm hạ phần kiết sử, năm thượng phần kiết sử.*

Thế nào là năm hạ phần kiết sử?

3. Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân. Đây là năm hạ phần kiết sử.

Thế nào là năm thượng phần kiết sử?

4. Sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh. Đây là năm thượng phần kiết sử.

Này các Tỳ-kheo, đây là mười kiết sử.

3.1. Kiết sử

Trong Kinh Tương Ưng 4 - Chương VII Tương Ưng Tâm - I. Kiết Sử (S.iv,281), viết:

4) *Lúc bấy giờ, cư sĩ Citta đi đến Migapathaka để làm một số công việc phải làm.*

5) *Cư sĩ Citta được nghe có một số đông Tỳ-kheo trưởng lão, sau buổi ăn đi khát thực trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà tròn, và giữa những vị này, câu chuyện sau đây được khởi lên: “Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ, hay đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ?” Một số Tỳ-kheo trưởng lão trả lời: “Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; những pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ”. Một số Tỳ-kheo trưởng lão trả lời: “Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; những pháp này là đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ”.*

6) *Rồi cư sĩ Citta đi đến các Tỳ-kheo trưởng lão ấy; sau khi đến, đánh lễ các Tỳ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên.*

7) Ngồi một bên, cư sĩ Citta thưa với các Tỳ-kheo trưởng lão:

-- Bạch chư Thượng tọa, (chúng con) được nghe có một số đồng Tỳ-kheo trưởng lão, sau buổi ăn đi khát thực trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà tròn, và giữa các vị này, khởi lên câu chuyện sau đây: “Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ, hay đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ”. Một số Tỳ-kheo trưởng lão trả lời: “Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; những pháp này đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ”.

-- Có vậy, này Cư sĩ.

8) -- Bạch chư Thượng tọa, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; các pháp này là khác nghĩa và cũng khác ngôn từ. Bạch chư Thượng tọa, con sẽ nói lên một ví dụ cho quý vị. Ở đây, một số người có trí, nhờ ví dụ hiểu được ý nghĩa lời nói.

9) Bạch chư Thượng tọa, ví như một con bò đực đen và con bò đực trắng được dính lại với nhau bởi một sợi dây hay một cái ách. Nếu có người nói: “Con bò đực đen là kiết sử cho con bò đực trắng, và con bò đực trắng là kiết sử cho con bò đực đen”. Nói như vậy có phải là nói một cách chơn chánh không?

-- Thưa không, này Cư sĩ. Này Cư sĩ, con bò đực đen không phải là kiết sử của con bò đực trắng. Và con bò đực trắng cũng không phải là kiết sử của con bò đực đen. Do vì chúng bị dính bởi một sợi dây hay bởi một cái ách, ở đây chính cái ấy là kiết sử.

10) -- Cũng vậy, bạch chư Thượng tọa, con mắt không phải là trói buộc của các sắc; các sắc không phải là trói buộc của con mắt. Và ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham gì, dục tham ấy ở đây chính là trói buộc. Cái tai không phải là trói buộc của các tiếng...

Mũi không phải là trói buộc của các hương... Lưỡi không phải là trói buộc của các vị... Thân không phải là trói buộc của các xúc... Ý không phải là trói buộc của các pháp. Các pháp cũng không phải là trói buộc của ý. Và ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham gì, dục tham ấy ở đây chính là trói buộc.

11) -- Lợi ích thay cho Ông, này Gia chủ! Khéo lợi ích thay cho Ông, này Cư sĩ! Vì rằng tuệ nhãn của Ông tiếp tục (kamati) lời dạy thâm sâu của Đức Phật.

Dựa vào bài kinh trên, có thể hiểu từ kiết sử. Kiết là cột hay trói buộc vào cái gì đó. Sử là sai khiến hành động. Kết hợp lại danh từ kiết sử là trói buộc vào cái gì đó và sai khiến phải hành động. Có 10 sợi dây trói buộc sai khiến chúng ta tạo nghiệp và phải đi luân hồi (xem ảnh minh họa trang 466).

3.2. Năm hạ phần kiết sử

Năm hạ phần kiết sử gồm có Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân là quan trọng vì nó đưa chúng sanh sinh vào cõi dục giới như địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, người, chư thiên. Có nghĩa là có lúc làm chư thiên hưởng phước, có lúc đọa địa ngục rất đau khổ. Hãy tìm hiểu rõ ràng năm hạ phần kiết sử cho rõ ràng.

a) Thân kiến

Trong Kinh Trung Bộ số 44. Tiểu kinh Phương quảng, viết:

Thưa Ni sư, thế nào là thân kiến?

-- Ở đây, Hiền giả Visakha, kẻ vô văn phạm phu không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không

tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, xem sắc là tự ngã hay xem tự ngã là có sắc, hay xem sắc là trong tự ngã hay xem tự ngã là trong sắc; xem thọ là tự ngã, hay xem tự ngã là có thọ, hay xem thọ là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thọ; xem tưởng là tự ngã, hay xem tự ngã là có tưởng, hay xem tưởng là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong tưởng; xem hành là tự ngã, xem tự ngã là có hành, hay xem hành là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong hành; xem thức là tự ngã, hay xem tự ngã là có thức, hay xem thức là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thức. Như vậy, Hiền giả Visakha, là thân kiến.

Thân kiến là trói buộc năm uẩn vào tự ngã. Khi có sự trói buộc sẽ sai khiến làm cái này hay làm cái nọ.

b) Nghi

Trong Kinh Trung Bộ số 16. Kinh Tâm hoang vu, viết:

Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào chưa diệt trừ năm tâm hoang vu, chưa đoạn tận năm tâm triền phược, vị ấy có thể lớn mạnh, trưởng thành, hưng thịnh trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra.

Thế nào là năm tâm hoang vu chưa được đoạn trừ? Chư Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo nghi ngờ bậc Đạo Sư, do dự, không quyết đoán, không có tinh tín. Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào nghi ngờ bậc Đạo Sư, do dự, không quyết đoán, không có tinh tín, thời tâm vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ nhất chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào nghi ngờ Pháp, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín... (như trên)... Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ hai chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào nghi ngờ Tăng, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín... (như trên)... Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ ba chưa được diệt trừ.

Nếu ai có nghi ngờ Phật, nghi ngờ Pháp, nghi ngờ Tăng không nỗ lực tinh cần tu tập sẽ trở thành tâm hoang vu.

c) Giới cấm thủ

Trong Kinh Trung Bộ số 16. Kinh Tâm hoang vu, viết:

Và lại nữa, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào sống phạm hạnh với mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: “Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này hay với phạm hạnh này sẽ được sanh làm chư Thiên này hay chư Thiên khác”. Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào sống phạm hạnh... (như trên)... như vậy là tâm triền phược thứ năm chưa được đoạn tận.

Tác giả đi tìm từ ngữ giới cấm thủ không gặp nhưng lâu ngày nhận ra giới cấm thủ thuộc về tâm hoang vu. Như vậy giữ giới về khổ hạnh hay Phạm hạnh để được làm chư thiên này hay chư thiên khác gọi là giới cấm thủ hay tâm hoang vu.

d) Tham

Tham còn gọi là dục tham là kiết sử do trói buộc vào sắc, vào thanh, vào hương, vào vị, vào xúc. Tham khảo với chương 3 : nghiệp mới.

đ) Sân

Sân cũng là kiết sử do trói buộc vào sắc, vào thanh, vào hương, vào vị, vào xúc. Tham khảo chương 3: nghiệp mới.

3.3. Năm thượng phần kiết sử

Sự trói buộc vào phần trên thuộc về sắc giới, vô sắc giới, không quan trọng bằng năm hạ phần kiết sử. Thông thường bậc Thánh Bất lai đã đoạn tận năm hạ phần kiết sử, sanh vào cõi trời sắc giới và hưởng hết tuổi thọ ở đó rồi nhập Niết Bàn.

Sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh.

a) Ái sắc (giới)

Sự dính mắc hay trói buộc vào bốn tầng thiên thuộc về sắc giới.

b) Ái vô sắc (giới)

Sự dính mắc hay trói buộc vào bốn tầng thiên thuộc cõi vô sắc giới.

c) Mạn

Mạn là so sánh hơn hay bằng hay thua người.

d) Trạo cử

Năm hạ phần kiết sử hết rồi phần trạo cử là chút gọn sóng, tâm có chút bồn chồn hay chút phóng dật.

đ) Vô minh

Vô minh là không biết Tứ đế ở mức độ rất vi tế.

4. Thủ

Ái ⇔ Thủ ⇔ Hữu

Thủ là duyên thứ hai trong ba duyên của nghiệp mới, là nắm giữ chặt, không buông bỏ và tự động sanh khởi từ duyên ái. Duyên thủ sẽ không thể tự diệt mất mà lệ thuộc duyên ái khi nào ái diệt thì thủ diệt. Từ duyên sáu ái được sắp xếp sự dính mắc vào sáu ngoại xứ và chuyển qua thủ được phân loại theo sự nắm giữ chỉ còn bốn nhóm là dục thủ, kiến thủ, ngã luận thủ, giới cấm thủ.

a) Dục thủ

Dục thủ là sự giữ chặt về sự ham muốn. Có năm sự ham muốn là sắc dục thủ, thanh dục thủ, hương dục thủ, vị dục thủ, xúc dục thủ.

Sắc dục thủ khi duyên mất với sắc sanh khởi lên khả ý khả lạc hay không khả ý không khả lạc sanh khởi sự nắm giữ về sắc. Tương tự cho thanh, hương, vị, xúc cũng như vậy.

b) Kiến thủ

Kiến thủ là giữ chặt về những gì được thấy biết qua sáu giác quan. Có tất cả 62 tà kiến được Đức Phật nói trong Kinh Phạm võng, Kinh Trường bộ. Tuy nhiên có hai kiến thủ thường nói là thường kiến và đoạn kiến.

Thường kiến là Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp, có nghĩa là do tu nhập định thấy có bản ngã và thế giới thường hằng mà chúng ta hiểu là linh hồn. Bản dịch của thầy Minh Châu là tự ngã là thường trú và thế giới cũng vậy.

Đoạn kiến là chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp sau khi chết.

Thường kiến có bốn luận chấp và đoạn kiến có 7 luận chấp, người học Phật muốn đi sâu vào 62 tà kiến đọc kinh phạm võng Trường bộ.

c) Ngã luận thủ

Ngã luận thủ là giữ chặt tự ngã (cái tôi) tức là có một tự ngã đang tồn tại.

Có Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp.

Có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp.

Có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp.

Những ai muốn đi sâu vào ngã luận thủ có thể tham khảo về bài kinh Phạm võng thuộc Trường bộ.

d) Giới cấm thủ

Giữ chặt những giới cho rằng được sanh làm chư thiên các cõi trời. Có một đoạn kinh sau đây nói về giới cấm thủ.

Trong Kinh Trung Bộ số 16. Kinh Tâm hoang vu, viết:

Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào sống phạm hạnh với mong cầu được

sanh thiên giới với ý nghĩ: “Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này hay với phạm hạnh này sẽ được sanh làm chư Thiên này hay chư Thiên khác”.

Như vậy, duyên thủ do duyên ái sanh khởi, duyên ái do duyên thọ sanh khởi. Nếu muốn duyên thủ diệt chỉ cần diệt duyên thọ là xong.

5. Hữu

Ái ⇔ Thủ ⇔ Hữu

Hữu là một trong ba duyên nghiệp mới, lệ thuộc vào duyên Ái. Khi duyên ái chuyển biến qua Thủ xong chuyển qua Hữu sẽ trở thành một chúng sanh nào đó. Vì vậy duyên hữu trên đường chuyển qua giai đoạn qua quả mới mà không còn là nhân nữa.

Hữu là có, tồn tại nhưng hữu ở đây là đang trở thành một chúng sanh nào đó. Có ba sự hiện hữu là Dục Hữu, Sắc Hữu, Vô Sắc Hữu.

a) Dục hữu

Dục hữu là do có sự ham muốn đang chuyển biến, đang trở thành chúng sanh cõi dục giới gồm có sáu chúng sanh như là Người, Trời, Atula, Ngạ quỷ, Bàn sanh, Địa ngục.

b) Sắc hữu

Sắc hữu là do có tu tứ thiên thuộc cõi sắc nên đang trở thành Phạm thiên của cõi trời sắc giới.

c) Vô sắc hữu

Vô sắc là do có tu bốn tầng thiên vô sắc nên đang trở thành hiện hữu Phạm thiên cõi trời vô sắc.

6. Phân biệt sự khác nhau giữa ái, nghiệp, khổ, lậu hoặc, thức, tưởng

6.1. Khổ, Lậu hoặc

Trong Kinh Trung Bộ số 19. Kinh Song tầm, viết:

“Ta dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Ta thắng tri như thật: “Đây là khổ”, thắng tri như thật: “Đây là nguyên nhân của khổ”, thắng tri như thật: “Đây là khổ diệt”, thắng tri như thật: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, thắng tri như thật: “Đây là những lậu hoặc”, thắng tri như thật: “Đây là nguyên nhân các lậu hoặc”, thắng tri như thật: “Đây là các lậu hoặc diệt”, thắng tri như thật: “Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc diệt.”

Nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên trí hiểu biết: Ta đã giải thoát. Ta đã thắng tri: “Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”

Có Tứ đế Trí về lậu hoặc và khổ sẽ dẫn đến Minh thứ ba là Lậu tận minh.

a) Lậu hoặc

Lậu hoặc là từ Hán Việt dịch từ tiếng Sanskrit có nghĩa là rỉ ra, ô nhiễm, tiếng Anh là fermented có nghĩa là lên men như rượu nếp, cây khô lên nấm.

Lậu là từ một cái gì rỉ ra một cái gì khác. Có ba lậu hoặc: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

Dục lậu là sự ham muốn rỉ ra sáu loài chúng sanh ở cõi dục.

Hữu lậu là chấp hữu nên rỉ ra chúng sanh ở cõi sắc.

Vô minh lậu do không biết Tứ Thánh để rỉ ra chúng sanh thuộc ba cõi.

Trong kinh Tăng Chi Sáu Pháp - VI. Đại Phẩm - (IX) (63) Một Pháp Môn Quyết Trạch, viết:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sanh khởi? Vô minh, này các Tỳ-kheo, là các lậu hoặc sanh khởi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sai biệt? Đây các Tỳ-kheo, có các lậu hoặc đưa đến địa ngục, có các lậu hoặc đưa đến bàng sanh, có các lậu hoặc đưa đến ngã quý, có các lậu hoặc đưa đến thế giới loài người, có các lậu hoặc đưa đến thế giới chư Thiên. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc sai biệt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc dị thực? Đây các Tỳ-kheo, khi nào vì vô minh cái gì sanh khởi, một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc dị thực.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc đoạn diệt? Vô minh đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là các lậu hoặc đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định. Khi nào, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các lậu hoặc là như vậy, rõ biết các lậu hoặc sanh khởi như vậy, rõ biết các lậu hoặc sai biệt như vậy, rõ biết các lậu hoặc dị thực như vậy, rõ biết các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ

biết Phạm hạnh thể nhập này như là các lậu hoặc đoạn diệt. (trích từ kinh Tăng chi sáu pháp).

b) Khổ

Thế nào là khổ sanh khởi? Ái, này các Tỳ-kheo, là khổ sanh khởi.

Thế nào là khổ dị thực? Này các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, ưu sầu, bi thảm, than van, đập ngực, khóc lóc, đi đến bất tỉnh; do bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, nên đi tìm phía bên ngoài xem có ai biết được một câu, hai câu thần chú đề đoạn diệt khổ này.

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng khổ đem lại kết quả mê loạn, đem lại kết quả tìm kiếm. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là khổ dị thực.

Như vậy, khổ là những cảm thọ đau đớn của con người phải chấp nhận.

Lậu hoặc là rỉ ra các loài chúng sanh khác nhau thuộc ba cõi.

Vô minh sanh khởi các loài chúng sanh khác nhau.

Hành (ái) là nghiệp dẫn đến những cảm thọ hạnh phúc hay đau khổ.

Vô minh và hành cần phải chấm dứt.

6.2. Thức, Tưởng

Có nhiều người hiểu lầm về thức và tưởng nên phân tích chi tiết sẽ giúp việc học Phật pháp dễ hơn.

a) Thức

*Do duyên mà thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy.
Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức.
Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức.
Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức.
Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức.
Do duyên thân và các xúc, thức sanh và thức ấy có tên là thân thức.
Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức.*

Như vậy, thức là biết do duyên sáu nội xứ và sáu ngoại xứ. Có nghĩa phải có ảnh trong tâm và cảnh thật giống nhau như thật với cảnh.

b) Tưởng

Này các Tỳ-kheo, có sáu tưởng này: Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

Tưởng là sử dụng hiểu biết do kinh nghiệm tích lũy rồi suy diễn sắc hay thanh, v.v. theo kinh nghiệm riêng của từng cá nhân. Có lúc tưởng những sự việc đó xảy ra đúng hay sai.

Sự khác biệt giữa thức và tưởng: thức là sự biết cái đang là, tưởng là sự hiểu biết theo kinh nghiệm chứ không phải cái biết đang xảy ra.

6.3. Dục, Nghiệp (hành), Ái

Dục là ham muốn vào cái gì đó, Nghiệp hay hành là suy tư, Ái là dính mắc vào một đối tượng nào đó.

a) Dục

Này các Tỳ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này: Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả ý, khả hỷ,, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức... khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

b) Nghiệp (hành)

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý.

Nghiệp là suy tư dẫn đến ý nghiệp, khẩu nghiệp, thân nghiệp. Có sáu tư thân này như sau: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư.

c) Ái

Thế nào là ái? Này các Tỳ-kheo, có sáu ái này: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

Dựa vào định nghĩa trên cho biết có sự ham muốn nhưng chưa có trong tay nhưng do suy tư dẫn đến dính mắc gọi là ái.

Như vậy sự ham muốn có rồi suy tư để đạt được gọi là ái. Như vậy thứ tự dục, nghiệp, ái.

7. Kết luận

Chương này gồm có ba duyên: Ái, Thủ, Hữu nhưng duyên Ái là quan trọng nhất vì điểm khởi đầu dẫn đến khổ còn duyên Thủ và duyên Hữu là kết quả của duyên Ái. Người học Phật không nhận ra duyên Thọ sanh ra duyên Ái quá nhanh mà không hay biết rằng tham,

sân, si đã sanh khởi liên tục. Nên nhớ có ba tâm tham, tâm sân, tâm si nhưng mỗi thời điểm chỉ có một tâm tồn tại chứ không phải một lúc có ba tâm. Để Ái không sanh khởi, cần tu tập chánh niệm thường xuyên khi giác ngộ được tánh sanh diệt các pháp thì Ái sẽ không sanh lại.

Chương này bàn về sự hình thành nghiệp mới chính là sáu ái. Như vậy ái là dẫn đầu, thủ và hữu chỉ là kết quả do ái tạo ra. Nếu muốn không có quả mới, cần phải diệt Ái xong thì Thủ, Hữu sẽ tự diệt.

Áp dụng tứ đế vào ái như sau: Ái trí, ái tập trí, ái diệt trí, ái diệt đạo trí.

Ái trí gồm có: Sắc Ái, Thanh ái, Hương ái, Vị ái, Xúc ái, Pháp ái. Ái Tập Trí là duyên Thọ. Ái Diệt Trí là diệt duyên Thọ. Ái Diệt Đạo Trí là Bát Thánh đạo.

Như vậy Thọ diệt có nghĩa là thọ lạc chuyển đổi qua thọ khổ. Nếu giác ngộ khi có Thọ lạc mà không dính mắc gọi là diệt chứ thật sự không có gì phải diệt. Khi giác ngộ cái gì lạc cũng mất và cũng chuyển qua thọ khổ thì tâm sẽ hết dính mắc.

Những người sống tại gia khó diệt được duyên ái vì khi duyên thọ lạc hay thọ khổ sanh khởi thì duyên ái cũng sanh tức thì nên ái cứ tăng dần chồng chất. Người cư sĩ thành tựu năm giới hay tám giới hay mười giới là rất may mắn. Nhưng muốn đi xa hơn nữa rất khó. Nhất là muốn chứng Thánh Dự lưu phải quyết tâm sống một mình may ra thành công.

Những người xuất gia không thể nào diệt được duyên ái vì có duyên thọ thì ái sanh khởi rất nhanh. Cách duy nhất từ bỏ duyên ái cần phải quán Lý duyên khởi liên tục một thời gian sẽ giác ngộ được

duyên lục nhập, duyên thức, duyên xúc, duyên thọ thì ái sẽ mất vĩnh viễn. Tuy nhiên theo nhận xét tác giả, những người xuất gia tìm hiểu và chiêm nghiệm 12 nhân duyên quá ít nên không thể thoát được duyên ái đồng nghĩa tham, sân, si vẫn còn.

Duyên ái sanh khởi vì duyên thọ, nếu không giác ngộ duyên Thọ hiện tại thì xem như đã đầu hàng tham, sân, si.

Chương 4

QUẢ KHỔ TƯƠNG LAI

1. Duyên Sanh

Sanh là một trong 12 nhân duyên nên hiểu rằng khi thân hoại mạng chung kiếp sống hiện tại và sanh lại trong ba cõi. Theo kinh Nikaya, chúng sanh khi chết sẽ sanh vào ba đường ác nhiều như đất trên quả địa cầu còn được sanh lại làm người như đất dính trên 10 đầu ngón tay. Theo lý 12 Nhân duyên thì việc sanh vào cõi ác rất dễ dàng vì lúc nào tâm cũng đi theo tiến trình Xúc, Thọ, Ái liên tục nên chuyện sanh lại làm người vô cùng khó. Người học Phật nên tin Thiên nhân minh của Đức Phật vì Ngài đã thấy các cõi ác nói lại cho chúng sanh biết để mà tránh những hố thăm đó.

Thế nào là sanh?

Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị sanh, xuất sanh, giáng sanh, đản sanh, sự xuất hiện các uẩn, sự thành tựu các xứ. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là sanh.

1.1. Loài trời

Cũng vậy, đây các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh giữa chư Thiên. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh vào địa ngục... phải tái sanh vào loài bàng sanh... phải tái sanh vào cõi ngạ quỷ.

Và này Sariputta, Ta cũng tuệ tri chư Thiên, con đường đưa đến Thiên giới và hành lộ đưa đến Thiên giới. Tùy theo hành nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, thế giới này, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

Có vài câu chuyện trong Kinh Tiểu bộ do tu Thập thiện mà sanh lên các cõi trời.

Trích kinh Tiểu bộ 2 - Thiên Cung sự.

Chuyện thứ nhất - Lâu Đài Của Nữ Tỷ

Trong khi đức Thế Tôn trú tại Kỳ Viên, một đệ tử tại gia ở Sàvatthi đến tinh xá về buổi chiều cùng nhiều cư sĩ khác và nghe pháp. Khi hội chúng đã đứng lên, vị ấy đến gần đức Thế Tôn và thưa:

- Bạch Thế Tôn, từ nay về sau con xin cúng dường bốn buổi ngộ trai vĩnh viễn.

Sau đó, đức Thế Tôn thuyết pháp thoại cho vị ấy được lợi lạc nhân dịp này và bảo vị ấy ra về. Vị ấy trình với Tỷ-kheo phụ trách ngộ trai:

- Bạch Tôn giả, con đã chuẩn bị bốn buổi ngộ trai vĩnh viễn cúng dường Tăng chúng. Từ ngày mai, xin chư vị Tôn giả đến nhà con.

Xong vị ấy ra về. Vị ấy giải thích vấn đề này cho người nữ tỷ và bảo:

- Trong vấn đề này, nhà ngươi phải luôn luôn tinh cần.

- Thưa vâng, được lắm. Nàng đáp.

Bản tính nàng đầy thành tín, mong muốn làm công đức, có thiện hạnh, vì thế mỗi ngày nàng dậy rất sớm, chuẩn bị các món ăn thức uống hảo hạng.

Sau khi quét dọn chỗ ngồi thật sạch sẽ, nàng lau chùi cẩn thận với nước hoa, sắp đặt sàng tọa và khi chư Tỳ-kheo đến, nàng mời chư vị ngồi đó, cung kính đánh lễ, cúng dường chư vị hương liệu, vòng hoa, chiên-đàn, đèn và phục vụ chư vị thật trọng thể.

Bấy giờ, một hôm, khi chư Tỳ-kheo đã thọ thực xong, nàng đến gần đánh lễ và nói như vậy:

- Bạch chư Tôn giả, xin chư Tôn giả cho biết, làm thế nào được giải thoát hoàn toàn các khổ đau do sanh, lão, bệnh, tử?

Chư Tỳ-kheo ấy bèn cho nàng thọ Tam quy và Ngũ giới, giảng giải bản chất của sắc thân, và gọi cho nàng suy nghĩ về lão tử. Sau đó, chư vị thuyết giảng cho nàng nghe về tính vô thường.

Nàng giữ giới suốt mười sáu năm liền, tinh thoảng nàng tác ý suy tư thật chuyên tâm. Một ngày kia, nàng đã được lợi lạc vì nghe pháp, lại nhờ tri kiến của nàng đạt đến thuần thực, nàng phát triển tuệ quán và chứng đắc quả Dự Lưu.

Chẳng bao lâu sau, nàng từ trần và tái sanh làm vị Thiên nữ hầu cận được Sakka Thiên chủ sủng ái. Khi nàng thơ thẩn trong.....

4. Nàng Thiên nữ ấy hỷ tâm tràn,

Được Mục-liên Tôn giả hỏi han,

Nàng giải đáp ngay phần hạnh nghiệp,

Và đây là kết quả cho nàng:

5. Khi được làm người giữa chúng sanh,

Con là tỳ nữ một gia đình,

Môn đồ của Trí Nhân Viên Giác,

Đức Phật Cô-đàm đại hiển vinh.

6. *Thành công nhờ nỗ lực tinh cần,*

Trong Giáo pháp Ngài bất động nhân,

Mong ước thân này dầu hủy hoại,

Con không hề giảm sút chuyên tâm.

7. *Con đường Ngũ giới để tu thân*

Thật vững chắc và tạo phước ân,

Được bậc trí hiền này dạy bảo,

Không gai, lưới, bẫy, thặng như chân.

8. *Hãy nhìn kết quả của tinh cần*

Thành tựu do tỳ nữ tiểu nhân,

Nay được hầu bên Thiên chủ ấy,

Sak-ka với tối thượng quyền năng.

9. *Sáu mươi ngàn nhạc cụ đàn tơ*

Thức tỉnh con từ giấc ngủ mơ,

Alamba, Gaggara, Bhìma,

Sàdhuvàdin và Samsaya.

10. *Pokkhara và Suphassa,*

Vinàmokkhà cùng các nàng kia,

Nandà cũng như Sunandà,

Sonadinnà và Sucimhità.

11. Alambusà, Missakesi,

Cùng nàng tiên ác Pundarikà,

Eniphassa và Suphassa,

Subhaddà và Muduvàdinì.

12. Các nàng Thiên nữ diễm kiều này

Đánh thức thân tiên lúc ngủ say,

Buổi sáng các nàng thường đến báo:

- Chúng em múa hát giúp vui đây.

13. Nan-da-na, Hỷ lạc Viên này,

Không phải để dành cho những ai

Chẳng tạo tác nên nhiều phước nghiệp,

Mà dành riêng biệt để cho người

Đã hoàn thành được nhiều công đức,

Là Đại Lâm viên của cõi trời

Tam thập tam thiên đầy lạc thú,

Không gì phiền não, mãi vui tươi.

14. Chẳng đời này hoặc cõi đời sau,

Cực lạc dành cho những kẻ nào

Không tạo tác nên nhiều phước nghiệp,

Song đời này lẫn cõi đời sau,

Để dành cực lạc cho bao kẻ

Làm các thiện hành phước nghiệp cao.

15. Vậy những ai mong chúng bạn hiền,

Phải làm thiện nghiệp thật tinh chuyên,

Vì người tạo được nhiều công đức,

Hưởng lạc thú nhiều ở cõi thiên.

Do khi sống nhân gian, đã tạo các nghiệp thiện sanh vào cung trời hưởng Thiên lạc.

1.2. Loài người

Khi nói sanh phải theo định nghĩa trên như vậy trước khi có cảm thọ khổ cần sinh ra đời tức là phải có mắt, tai, lưỡi, mũi, thân, ý và phải có sáu ngoại cảnh như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp duyên khởi sáu thức. Sự gặp gỡ ba pháp sanh ra duyên xúc sanh khởi những cảm thọ lạc/khổ không phải tự nhiên có cảm thọ.

Đức Phật cũng tuệ tri con đường đưa đến loài người và tuệ tri con người khi chết sanh làm người lại rất khó,

Và này Sariputta, Ta cũng tuệ tri loài Người, con đường đưa đến thế giới loài Người và hành lộ đưa đến thế giới loài Người. Tùy theo hành nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào loài Người, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá) tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Thế Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỳ-kheo:

3) -- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái nào là nhiều hơn, một ít đất Ta lấy trên đầu móng tay, hay quả đất lớn này?

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất. Và ít hơn là một ít đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay, không thể ước tính được, không thể so sánh được, không thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn với một ít đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay.

4) -- Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh trong địa ngục.

Theo bài kinh trên cho biết con người khi thân hoại mạng chung trở lại làm thân người như đất dính trên đầu móng tay có nghĩa là xác xuất làm thân người cực kỳ nhỏ còn xác suất rơi vào 3 đường ác như đất quả địa cầu có nghĩa là làm người lại cực kỳ khó. Hôm nay có được thân người không tu tập Bát Thánh đạo rất uổng vì không biết bao giờ làm được thân người lại và gặp lại chánh pháp.

1.3. Loài nga quý

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh vào cõi nga quý.

Và này Sariputta, Ta tuệ tri nga quý, con đường đưa đến nga quý và hành lộ đưa đến nga quý. Tùy theo hành nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào nga quý, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

Khi mất thân người rồi, xác xuất sanh làm nga quý rất dễ và sự đau khổ như thế nào, quý vị đọc bài kinh Nga quý sự kinh Tiểu bộ tập 2 như sau.

Chuyện Con Lợn Rừng (Sukàra)

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại chỗ nuôi sóc ở Veluvana (Trúc Lâm) gần Ràjagaha (Vương Xá).

Tương truyền ngày xưa khi đức Thế Tôn Kassapa (Ca-diếp) thuyết Pháp, một Tỳ-kheo đã điều phục tự thân, nhưng thiếu phòng hộ ngôn ngữ, nên đã mạ ly các Tỳ-kheo khác. Lúc từ trần, vị ấy tái sanh vào địa ngục. Sau khi đã bị thiêu đốt tại đó cả một kiếp, vị ấy rời cõi ấy và trong kiếp này tái sanh gần thành Ràjagaha, dưới chân núi Gijjhakùta (Linh Thứu), vị ấy luôn bị đói khát giày vò. Thân thể vị ấy có màu vàng rờn, nhưng miệng lại giống mõm lợn rừng.

Vào thời ấy, Tôn giả Nàrada đang trú tại núi Linh Thứu. Vừa cảm y bát, vị ấy khởi hành từ sáng sớm để khát thực. Trong lộ trình đến Ràjagaha, vị ấy thấy nga quý kia trên đường. Khi hỏi về hạnh nghiệp mà nga quý kia đã tạo, vị ấy đã ngâm các vần kệ sau:

1. Nhà ngươì vàng rực khắp toàn thân,

Chiếu ánh sáng ra khắp mọi vùng,

Song miệng ngươì như mồm lợn đực,

Nghiệp gì ngươì tạo kiếp xưa chẳng?

Nga quý đảp lời:

2. Xưa con điều phục khéo về thân,

Nhưng khẩu con không đượ hộ phòng,

Vì thế hình hài con vậy đó,

Nà-ra-da thấy rõ con cùng.

Nga quý ấy còn nói lời khuyên này với Trưởng lão:

3. Nà-ra-da, vậy hãy xem đây,

Con muốn trình Tôn giả việc này:

Đừng phạm ác tà về khẩu nghiệp,

E ngài sẽ hóa mồm heo vậy!

Thế rồi Tôn giả Nàrada, sau khi đã đi khát thực trong thành Vương Xá và sau buổi ngộ trai, trở về trình sự việc này với bậc Đạo Sư, Ngài dùng đó làm đề tài thuyết pháp.

1.4. Loài bàng sanh

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, đượ tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh trong loài bàng sanh.

Và này Sariputta, Ta tuệ tri bàng sanh, con đường đưa đến bàng sanh và hành lộ đưa đến bàng sanh. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào bàng sanh, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

Đức Phật đã diễn tả cảnh khổ của bàng sanh như dưới đây.

Trong Kinh Trung Bộ số 129. Kinh Hiền Ngu, viết:

Này các Tỳ-kheo, có những loại sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ. Chúng ăn những cỏ ướt và khô, với răng nhai nghiền, cỏ ấy. Này các Tỳ-kheo, những sanh vật ấy thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ là gì? Các loại ngựa, trâu, bò, lừa, dê, nai hay các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ. Này các Tỳ-kheo, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, những loài hữu tình ăn cỏ.

Này các Tỳ-kheo, có các sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở và ăn phân. Chúng ngửi được mùi phân từ đường xa, liền chạy tới, nghĩ rằng: “Chúng ta sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây”. Ví như các Bà-la-môn chạy đến, ngửi được mùi lễ tế sanh, nghĩ rằng: “Chúng ta sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây”. Cũng vậy này các Tỳ-kheo, có các loại sanh vật, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, và ăn phân. Chúng ngửi được mùi phân từ đường xa, liền chạy tới, nghĩ rằng: “Chúng ta sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây”. Và này các Tỳ-kheo, các sanh vật ấy, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở và ăn phân là gì? Các loại gà, heo, chó, chó rừng (giả can), hay tất cả các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn phân. Này các Tỳ-kheo, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loại hữu tình ấy, những loài hữu tình ăn phân.

Này các Tỳ-kheo, có các loại sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bóng tối, già trong bóng tối và chết trong bóng tối. Này các Tỳ-kheo, những sanh vật ấy, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bóng tối, già trong bóng tối và chết trong bóng tối là gì? Các loại côn trùng, con sùng, con dòi, con sâu đôm đóm và các loại sanh vật khác thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sống trong bóng tối. Này các Tỳ-kheo, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy tức là các loại hữu tình sinh ra trong bóng tối, già trong bóng tối, chết trong bóng tối.

Này các Tỳ-kheo, có những sanh vật, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sinh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước. Và này các Tỳ-kheo, các sanh vật ấy thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước là gì? Các loại cá, rùa, cá sấu, hay các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước. Này các Tỳ-kheo, người ngu ấy, do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, tức là các loài hữu tình sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước.

Này các Tỳ-kheo, có các sanh vật thuộc loài bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh. Và này các Tỳ-kheo, các sanh vật ấy, các loại thuộc bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh là gì? Này các Tỳ-kheo, các loài hữu tình nào sanh ra trong cá thúi hay già trong cá thúi, hay chết trong cá thúi, hay trong tử thi thúi, hay trong đồ ăn thúi, hay trong vũng nước, hay sinh ra trong đầm nước (nhóp)... già... hay chết trong đầm nước (nhóp). Này các Tỳ-kheo,

người ngu ấy, do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, tức là các loài hữu tình sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh.

Này các Tỳ-kheo, với rất nhiều pháp môn, Ta nói về các loại bàng sanh, nhưng thật khó nói cho được đầy đủ, này các Tỳ-kheo, vì đau khổ ở loài bàng sanh quá nhiều.

Nếu ngay bây giờ không lo tu gấp mà cứ hện từ từ sẽ tu. Nếu chết bất ngờ sanh vào bàng sanh có khổ hay không? Vì con người đa số làm ác rất khó làm người. Phước cho ai biết tu thiện nghiệp bây giờ.

1.5. Loài địa ngục

Nguyên văn kinh trích từ Kinh Tương ưng 5 - Phẩm sanh thú.

4) -- Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh trong địa ngục.

Này Sariputta, Ta tuệ tri địa ngục, con đường đưa đến địa ngục và hành lộ đưa đến địa ngục. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự việc này ta cũng tuệ tri. (Kinh Trung bộ số 12)

Cơ hội làm người rất khó, vì vậy nếu ai đọc tập sách này hãy cố gắng tu hành tinh tấn nếu không tu rơi vào địa ngục rất khổ. Nếu chúng ta đọc Kinh Trung bộ số 130 sẽ thấy khổ ở địa ngục là không tả hết được.

2. Kết luận

Nhờ Đức Phật có Thiên nhãn minh thấy được quả khổ tương lai nói lại cho chúng ta biết mà lo tu giải thoát. Nếu ai muốn thấy các cảnh khổ địa ngục, ngạ quỷ hay chư thiên hãy tu thiền định tinh tấn chúng ta sẽ có thiên nhãn minh và cũng sẽ thấy như Đức Phật.

Đạo Phật chỉ cho chúng ta con đường chứng nghiệm chứ không phải tin mù quáng như nhiều người hiểu lầm. Có một số tu sĩ trong Phật giáo tuyên bố không có các cõi trời hoặc địa ngục hay ngạ quỷ. Tội rất lớn vì họ không có Thiên nhãn minh mà dùng cái tưởng suy diễn trên kinh nghiệm sống của họ. Chúng ta hãy tu để đắc được Tứ thiền và sẽ thấy quả khổ chứ dùng cái tưởng của mình nói đúng lời Phật dạy sẽ có quả báo kiếp sau rất đau khổ.

Người tu phải thận trọng ý nghiệp, khẩu nghiệp, thân nghiệp, nhất là học chánh ngữ khi thấy nói thấy, không thấy nói không thấy, không biết nói không biết, biết nói biết, không nghe nói không nghe, nghe nói nghe v.v..

Không thấy địa ngục thì nói không thấy địa ngục chứ có suy diễn không có cõi địa ngục, tội rất lớn vì con người chưa có Thiên nhãn minh chứ không phải không có địa ngục.

Ví dụ: Chúng ta không thấy có vi khuẩn trong nước rồi tuyên bố không có vi khuẩn là sai. Tuy nhiên các nhà khoa học nhờ nhìn qua kính hiển vi thấy có vi khuẩn nên họ sẽ phản bác lại chúng ta. Tương tự chúng ta biết Đức Phật nhờ có Thiên nhãn minh nên thấy được quả khổ nói lại cho chúng ta biết và chúng ta nên tin. Nếu thật sự muốn thấy quả khổ hãy cố gắng tu thiền sẽ có Thiên nhãn minh.

Chương 5

44 CĂN BẢN TRÍ

Tác giả thấy rằng nếu không biết 44 căn bản trí thì khó hiểu và diệt được 12 Nhân duyên. Đức Phật đã xác quyết ở cuối bài kinh “vị ấy được gọi là Thánh đệ tử đạt tri kiến, (dithisampanno) đạt kiến, đã đi đến diệu pháp này, đã thấy diệu pháp này, đã đầy đủ hữu học trí, đã đầy đủ hữu học minh, đã nhập được pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ (nibbedhi kapanno), đã đứng gõ vào cửa bất tử”.

Đức Phật đã áp dụng Tứ đế vào 11 duyên trong 12 duyên đề biết nó là gì, vì sao các duyên tồn tại, vì sao các duyên diệt và có cách nào để diệt các duyên đó. Nếu không áp dụng Tứ đế thì sẽ không thể nào diệt toàn bộ 12 tên tướng này.

1. Bốn mươi bốn căn bản trí

Trong Kinh Tương ưng 2 - Tương Ưng Nhân Duyên (b) - IV. Phẩm Kalàra - Vị Sát Đế Ly - III. Những Căn Bản Của Trí (Tập 14.15 Chủng Trí, Đại 2, 99c) (S.ii,56), viết:

1)... Ở Sàvatthi.

2). .. *Này các Tỳ-kheo. Ta sẽ thuyết về bốn mươi bốn căn bản của trí cho các Ông. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói.*

-- *Thưa vâng, bạch Thế Tôn.*

Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) *Thế Tôn nói như sau:*

-- *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là bốn mươi bốn căn bản của trí?*

4) *Già chết trí, già chết tập trí, già chết diệt trí, trí về con đường đưa đến già chết diệt.*

5) *Sanh trí, sanh tập trí, sanh diệt trí, trí về con đường đưa đến sanh diệt.*

6) *Hữu trí, hữu tập trí, hữu diệt trí, trí về con đường đưa đến hữu diệt.*

7) *Thủ trí, thủ tập trí, thủ diệt trí, trí về con đường đưa đến thủ diệt.*

8) *Ái trí, ái tập trí, ái diệt trí, trí về con đường đưa đến ái diệt.*

9) *Thọ trí, thọ tập trí, thọ diệt trí, trí về con đường đưa đến thọ diệt.*

10) *Xúc trí...*

11) *Sáu xúc trí...*

12) *Danh sắc trí...*

13) *Thức trí...*

14) *Hành trí, hành tập trí, hành diệt trí, trí về con đường đưa đến hành diệt.*

Này các Tỳ-kheo, đây gọi là bốn mươi bốn căn bản của trí. (Trích từ kinh tương ưng 2 nhân duyên).

15) *Này các Tỳ-kheo, thế nào là già chết? Cái gì thuộc về chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay bộ loại chúng sanh khác, bị già yếu, suy nhược, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ đòi bại, các căn chín muối; đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị một diệt, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn tàn lụn, thân thể hoại diệt, vất bỏ; đây gọi là chết. Như vậy là già, đây là chết. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là già chết.*

16) *Do sanh tập khởi nên già chết tập khởi. Do sanh diệt nên già chết diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến già chết diệt; tức là chánh tri kiến... chánh định.*

17) *Này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử biết già chết như vậy, biết già chết tập khởi như vậy, biết già chết diệt như vậy, biết con đường đưa đến già chết diệt như vậy.*

18) *Đây là pháp trí của vị ấy. Vị ấy với pháp này được thấy, được biết, được quả tức thời, được đạt đến, được thể nhập (pariyogathena) hướng dẫn thái độ (nayam) của mình đối với quá khứ và tương lai.*

19) *Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ đã hiểu rõ già chết, đã hiểu rõ già chết tập khởi, đã hiểu rõ già chết diệt, đã hiểu rõ con đường đưa đến già chết diệt, tất cả những vị ấy đều hiểu biết như vậy, như vậy; như hiện nay Ta vậy.*

20) *Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai sẽ hiểu rõ (abhijanissanti) già chết, sẽ hiểu rõ già chết tập khởi, sẽ hiểu rõ già chết diệt, sẽ hiểu rõ con đường đưa đến già chết diệt, tất cả*

những vị ấy sẽ hiểu biết như vậy, như vậy; như hiện nay Ta vậy. Đây tức là tùy trí (anvaye nànam) của vị ấy.

21) Nay các Tỳ-kheo, vì rằng vị Thánh đệ tử được thanh tịnh và thuần tịnh hai loại trí, pháp trí và tùy trí; nay các Tỳ-kheo, vị ấy được gọi là Thánh đệ tử đạt tri kiến, (dithisampanno) đạt kiến, đã đi đến diệu pháp này, đã thấy diệu pháp này, đã đầy đủ hữu học trí, đã đầy đủ hữu học minh, đã nhập được pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ (nibbedhi kapanno), đã đứng gõ vào cửa bất tử.

Trong các bài kinh khác, Đức Phật đã áp dụng Tứ đế vào 5 Uẩn, Dục v.v... Tứ đế đã được áp dụng vào từng duyên trong 12 duyên để biết cách phá vỡ từng duyên một.

Công thức Tứ Đế là 1-Khổ đế, 2-Khổ tập đế, 3- Khổ diệt đế, 4-Khổ diệt đạo đế.

★ Khổ đế

Là quả khổ, biểu thị cái gì đang hiện hữu, cái gì đang tồn tại, là các hiện tượng đang tồn tại mà 6 giác quan nhận biết được.

★ Khổ Tập đế

Là nguyên nhân sanh khổ hiện tại hay quả khổ trong tương lai. Thấy và biết nguyên nhân sanh ra khổ là việc rất khó. Đa số người học Phật không nhận ra được cái nhân nên đã cầu xin Bồ tát hay Phật cho hết khổ. Tất cả phải nhận ra khổ Tập ở bước thứ 2 sau khi đã biết quả khổ.

★ Khổ Diệt đế

Là diệt cái nhân sanh khổ chứ không phải diệt quả khổ. Có nhiều người học Phật hiểu lầm do không nghiên cứu về Lý Duyên diệt và các bài kinh có ví dụ về Niết Bàn. Kinh viết Lý Duyên diệt như sau:

“Một thời Thế Tôn ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjarà, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ Thế Tôn trong bảy ngày, ngồi trong một thế ngồi Kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày, ra khỏi định ấy, trong đêm canh cuối cùng, khéo thuận chiều và nghịch chiều tác ý lý duyên khởi: “Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt”. Tức là duyên vô minh có các hành. Duyên các hành có thức... Duyên sanh, có già chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là tập khởi của khổ uẩn này. Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn, nên các hành diệt. Do các hành diệt, nên thức diệt... Như vậy là đoạn diệt của khổ uẩn này”.

Điểm bắt đầu gọi là cái này chính là nguyên nhân sanh ra khổ. Điểm cuối gọi là cái kia chính là cái quả. Cái này không có thì cái kia không có, nếu nhân không có thì quả không có. Diệt khổ có nghĩa là khi nhân không có thì quả khổ không có.

★ Khổ diệt Đạo đế

Là công cụ, hay phương pháp hay con đường dẫn đến chấm dứt khổ.

Thông thường trong bài kinh này là con đường Bát Chánh đạo. Như vậy phải hiểu 8 ngành và mỗi ngành trừ diệt nhân gì. Ví dụ tà

ngữ cần có ngành chánh ngữ để tiêu diệt, có nhiều dục lạc tức là tà tư duy phải cần có chánh tư duy. Tương tự cho các ngành khác.

Áp dụng bốn Đế trên vào duyên già chết, sanh, hữu... cho đến duyên hành sẽ giúp người học Phật biết cách diệt từng duyên.

1- Già chết trí, già chết tập trí, già chết diệt trí, già chết diệt đạo trí.

Già chết trí là cái biết về già chết tức là biết già là gì, biết chết là gì như đã định nghĩa trong 12 nhân duyên ở phần trên.

Già chết tập trí là biết nhân sanh già chết chính là duyên sanh. Theo Lý duyên khởi, duyên sanh đứng trước duyên già chết là nhân sanh nó.

Già chết diệt trí là biết diệt nhân sanh già chết chính là diệt cái nhân sanh.

Già chết diệt đạo trí là biết con đường bát chánh để diệt duyên sanh chính là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

2- Sanh trí, Sanh tập trí, Sanh diệt trí, Sanh diệt đạo trí.

Sanh trí là cái biết sanh theo định nghĩa ở trên.

Sanh tập trí là cái biết nhân sanh khởi sanh là duyên hữu.

Sanh diệt trí là cái biết diệt sanh chính là diệt nhân hữu.

Sanh diệt trí là diệt cái nhân khởi ra sanh chính diệt hữu.

Sanh diệt đạo trí là cái biết bát thánh đạo để diệt hữu.

3- Hữu trí, Hữu tập trí, Hữu diệt trí, Hữu diệt đạo trí.

Hữu trí là cái biết hữu là gì như đã định nghĩa phần trên.

Hữu tập trí là cái biết nhân sanh hữu là duyên thủ.

Hữu diệt trí là cái biết diệt nhân sanh hữu chính là diệt duyên thủ.

Hữu diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân thủ là bát chánh đạo.

4- Thủ trí, Thủ tập trí, Thủ diệt trí, Thủ diệt đạo trí.

Thủ trí là cái biết thủ là gì như đã định nghĩa ở phần trên.

Thủ tập trí là cái biết nhân sanh thủ chính là duyên ái.

Thủ diệt trí là cái biết diệt nhân sanh thủ chính là diệt duyên ái.

Thủ diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân sanh thủ chính là bát chánh đạo.

5- Ái trí, Ái tập trí, Ái diệt trí, Ái diệt đạo trí.

Ái trí là cái biết ái là gì như đã định nghĩa ở phần trên.

Ái tập trí là cái biết nhân sanh ái chính là duyên thọ.

Ái diệt trí là cái biết diệt nhân ái là diệt duyên thọ.

Ái diệt đạo trí là cái biết con đường bát chánh diệt thọ.

6- Thọ trí, Thọ tập trí, Thọ diệt trí, Thọ diệt đạo trí.

Thọ trí là cái biết thọ là gì như đã định nghĩa ở phần trên.

Thọ tập trí là cái biết nhân sanh thọ chính là duyên xúc.

Thọ diệt trí là cái biết diệt nhân sanh thọ là diệt duyên xúc.

Thọ diệt đạo trí là cái biết con đường diệt duyên xúc chính là bát chánh.

7- Xúc trí, Xúc tập trí, Xúc diệt trí, Xúc diệt đạo trí.

Xúc trí là cái biết xúc là gì như đã định nghĩa ở phía trên.

Xúc tập trí là cái biết nhân sanh xúc chính là duyên lục nhập.

Xúc diệt trí là cái biết diệt nhân sanh xúc chính là diệt duyên lục nhập.

Xúc diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân sanh xúc chính là bát chánh.

8- Lục nhập trí, Lục nhập tập trí, Lục nhập diệt trí, Lục nhập diệt đạo trí.

Lục nhập trí là cái biết lục nhập (sáu nội xứ) là gì như đã định nghĩa ở phần trên.

Lục nhập tập trí là cái biết nhân sanh lục nhập chính là duyên danh sắc.

Lục nhập diệt trí là cái biết diệt nhân sanh lục nhập chính là diệt duyên danh sắc.

Lục nhập diệt đạo trí là cái biết về con đường diệt nhân sanh lục nhập chính là bát chánh đạo.

9- Danh sắc trí, Danh sắc tập trí, Danh sắc diệt trí, Danh sắc diệt đạo trí.

Danh sắc trí là cái biết danh sắc là gì như đã định nghĩa ở phần trên.

Danh sắc tập trí là cái biết nhân sanh danh sắc chính là duyên thức.

Danh sắc diệt trí là cái biết diệt nhân sanh danh sắc chính là diệt duyên thức.

Danh sắc diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân thức chính là bát chánh đạo.

10- Thức trí, Thức tập trí, Thức diệt trí, Thức diệt đạo trí.

Thức trí là cái biết thức là gì như định nghĩa ở phần trên.

Thức tập trí là cái biết sanh thức chính là duyên hành.

Thức diệt trí là cái biết diệt nhân sanh thức chính là diệt duyên hành.

Thức diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân hành chính là con đường bát chánh.

11- Hành trí, Hành tập trí, Hành diệt trí, Hành diệt đạo trí.

Hành trí là cái biết hành là gì? là ý hành, khẩu hành, thân hành.

Hành tập trí là cái biết sanh ra hành là duyên vô minh.

Hành diệt trí là cái biết diệt nhân sanh hành là diệt vô minh.

Hành diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân vô minh chính là bát chánh đạo.

2. Áp dụng Tứ đế vào năm uẩn

Trong quả Thọ khổ hiện tại có tám quả khổ nhưng có cái khổ thứ tám gọi là năm uẩn. Đức Phật đã áp dụng Tứ đế vào năm uẩn trong kinh Tương ưng 3.

Trong Kinh Tương Ưng 3 - Chương I Tương Ưng Uẩn (c) - I. Phẩm Tham Luyến - IV. Thủ Chuyển (Tập 2, Đại 2,9b) (S.iii,58), viết:

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỳ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

4) Nay các Tỳ-kheo, khi nào Ta chưa như thật thắng tri năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, thì cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

5) Nhưng này các Tỳ-kheo, khi nào Ta đã như thật thắng tri năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

6) Và thế nào là bốn chuyển? Ta đã thắng tri sắc, Ta đã thắng tri sắc tập khởi, Ta đã thắng tri sắc đoạn diệt, Ta đã thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Ta đã thắng tri thọ... tưởng... hành...

Ta đã thắng tri thức, Ta đã thắng tri thức tập khởi, Ta đã thắng tri thức đoạn diệt, Ta đã thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt.

7) *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sắc? Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo thành. Này các Tỳ-kheo, đây được gọi là sắc. Do các thức ăn tập khởi nên sắc tập khởi. Do các thức ăn đoạn diệt nên sắc đoạn diệt. Và con đường đưa đến sắc đoạn diệt là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.*

8) *Này các Tỳ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào do thắng tri sắc như vậy; do thắng tri sắc tập khởi như vậy, do thắng tri sắc đoạn diệt như vậy, do thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.*

9) *Và này các Tỳ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy... thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, họ được giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.*

10) *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là thọ? Này các Tỳ-kheo, có sáu thọ thân này: thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định.*

11) *Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy, thắng tri thọ tập khởi là như vậy, thắng tri thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt thọ. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.*

12) *Và này các Tỳ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy... thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ!*

13-15) *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tướng? Này các Tỳ-kheo, có sáu tướng thân này: sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, pháp tướng. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là tướng. Do xúc tập khởi nên tướng tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên tướng đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến tướng đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.*

16) *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hành? Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hành. Do xúc tập khởi nên các hành tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên các hành đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.*

17) *Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến các hành đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt các hành. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.*

18) Và này các Tỳ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến các hành đoạn diệt là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt các hành, họ giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

19) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là thức? Có sáu thức thân này, này các Tỳ-kheo, (tức là) nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là thức. Do danh sắc tập khởi nên thức tập khởi. Do danh sắc đoạn diệt nên thức đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến thức đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định.

20) Này các Tỳ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt thức. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

21) Và này các Tỳ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thức, họ được giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

Tóm tắt lại sự áp dụng Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo vào năm uẩn như sau:

- Bốn trí về Sắc

★ Sắc trí là sự hiểu biết về sắc chính là tứ đại : Đất, Nước, Gió, Lửa.

★ Sắc Tập trí là sự hiểu về nguyên nhân sanh Sắc chính là thức ăn, thức uống.

★ Sắc Diệt là sự hiểu biết về sự đoạn diệt sắc chính là đoạn tận thức ăn.

★ Sắc đoạn diệt Đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn diệt sắc chính là sự hiểu biết về con đường bát Chánh đạo: Chánh kiến, Chánh tư duy,... Chánh niệm, Chánh định.

- Bốn trí về Thọ

★ Thọ trí là sự hiểu biết thọ chính là sáu thọ: Nhãn thọ, Nhĩ thọ, Tỷ thọ, Thiệt thọ, Thân thọ, Ý thọ.

★ Thọ Tập trí là sự hiểu biết về nguyên nhân sanh Thọ chính là duyên Xúc.

★ Thọ Diệt trí là sự hiểu biết về diệt Thọ là diệt duyên Xúc.

★ Thọ diệt Đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn đến diệt Thọ là bát Chánh đạo.

- Bốn trí về Tưởng

★ Tưởng trí là sự hiểu biết về Tưởng chính là sáu tưởng: Sắc tưởng, Thanh tưởng, Hương tưởng, Vị tưởng, Xúc tưởng, Pháp tưởng.

★ Tuồng Tập trí là sự hiểu biết về nguyên nhân sanh Tuồng chính là duyên Xúc.

★ Tuồng Diệt trí là sự hiểu biết về diệt Tuồng chính là diệt duyên Xúc.

★ Tuồng diệt Đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn đến diệt tuồng chính là bát Chánh đạo.

- Bốn trí về Hành

★ Hành trí là sự hiểu biết hành chính là Sắc tư, Thanh tư, Hương tư, Vị tư, Xúc tư, Pháp tư.

★ Hành Tập trí là sự hiểu biết về nguyên nhân sanh Hành chính duyên Xúc.

★ Hành Diệt trí là sự hiểu biết về diệt duyên Hành là diệt duyên Xúc.

★ Hành diệt Đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn đến diệt Hành chính là bát Chánh đạo.

- Bốn trí về Thức

★ Thức trí là sự hiểu biết về Thức chính là Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức.

★ Thức Tập trí là sự hiểu biết nguyên nhân sanh Thức chính là duyên Danh sắc.

★ Thức Diệt trí là sự hiểu biết về diệt Thức chính là diệt duyên Danh sắc.

★ Thức diệt Đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn đến diệt Thức chính là bát Chánh đạo.

Có sự khác nhau về Năm uẩn này là thuộc về quả khổ hiện tại nên Danh sắc hiện tại sanh ra Thức hiện tại. Tương tự Hành này là nghiệp hiện tại do duyên Xúc sanh.

Hành giả suy tư có hai Hành: Hành hiện tại và Hành quá khứ. Có hai thức: Thức mới và Thức cũ. Có hai sanh: Sanh hiện tại chính là Danh sắc hoặc Lục nhập và duyên Sanh tương lai. Có hai vô minh: Vô minh quá khứ sanh ra Hành và Vô minh hiện tại sanh ra Hành (Ái).

3. Áp dụng Tứ đế và Sai biệt trí, Dị thực trí

Trong Kinh Tăng chi sáu pháp, có một bài kinh tên là Một Pháp Môn Quyết Trạch rất hay bàn về áp dụng tứ đế trí và thêm sai biệt trí, dị thực trí vào các đối tượng như: Dục, Thọ, Tưởng, Lậu hoặc, Nghiệp, Khô. Như vậy có sáu trí áp dụng vào 6 đối tượng tạo thành 36 trí.

Trong Kinh Tăng Chi Sáu Pháp - VI. Đại Phẩm - (IX) (63) Một Pháp Môn Quyết Trạch, viết:

1. - Nay các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Thầy pháp môn thể nhập, pháp môn pháp. Hãy nghe và tác ý, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. - Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là pháp môn thể nhập (quyết trạch), pháp môn pháp?

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các dục, cần phải biết duyên khởi các dục, cần phải biết các dục sai biệt, cần phải biết các dục dị thực, cần phải biết các dục đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết cảm thọ, cần phải biết các cảm thọ duyên khởi, cần phải biết các cảm thọ sai biệt, cần phải biết các cảm thọ dị thực, cần phải biết các cảm thọ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các tướng, cần phải biết các tướng duyên khởi, cần phải biết các tướng sai biệt, cần phải biết các tướng dị thực, cần phải biết các tướng đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các tướng đoạn diệt. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các lậu hoặc, cần phải biết các lậu hoặc duyên khởi, cần phải biết các lậu hoặc sai biệt, cần phải biết các lậu hoặc dị thực, cần phải biết các lậu hoặc đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết nghiệp, cần phải biết duyên khởi các nghiệp, cần phải biết các nghiệp sai biệt, cần phải biết các nghiệp dị thực, cần phải biết các nghiệp đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ duyên khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thực, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt.

3. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các dục, cần phải biết các dục duyên khởi, cần phải biết các dục sai biệt, cần phải biết các dục dị thực, cần phải biết các dục đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt, đã được nói như vậy. Và do duyên gì được nói như vậy?

Này các Tỳ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này: Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả ý, khả hỷ, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức...

các vị do lỗi nhận thức... các xúc do thân nhận thức... khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay các Tỳ-kheo, dầu chúng không phải dục, chúng được gọi là dục trưởng dưỡng trong giới luật của bậc Thánh.

Các tư duy tham ái,

Là dục của con người,

Các hoa mỹ ở đời,

Chúng không phải là dục,

Các tư duy tham ái

Là dục của con người,

Các hoa mỹ an trú

Như vậy ở trên đời,

Ở đây những bậc Trí,

Nhiếp phục được lòng dục.

4. Nay các Tỳ-kheo, thế nào là các dục duyên khởi? Xúc, nay các Tỳ-kheo, là các dục duyên khởi.

Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là các dục sai biệt? Nay các Tỳ-kheo, dục trên các sắc là khác, dục trên các tiếng là khác, dục trên các hương là khác, dục trên các vị là khác, dục trên các xúc là khác. Nay các Tỳ-kheo, đây là các dục sai biệt.

Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là các dục dị thực? Nay các Tỳ-kheo, khi muốn một cái gì, sanh khởi một tự ngã khởi lên từ vật ấy,

từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức, Nay các Tỳ-kheo, đây gọi là các dục dị thực.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các dục đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỳ-kheo là dục đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các dục đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Khi nào, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các dục như vậy, rõ biết các dục sanh khởi như vậy, rõ biết các dục sai biệt như vậy, rõ biết các dục dị thực như vậy, rõ biết các dục đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các dục đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các dục... cần phải biết con đường đưa đến dục đoạn diệt, Đoạn diệt đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

5. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các cảm thọ... cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy?

Này các Tỳ-kheo, có ba cảm thọ này: lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ.

6. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ sanh khởi? Xúc, này các Tỳ-kheo, là các cảm thọ sanh khởi. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ sai biệt? Này các Tỳ-kheo, có các lạc thọ liên hệ đến vật chất, có các lạc thọ không liên hệ đến vật chất; có các khổ thọ liên hệ đến vật chất, có các khổ thọ không liên hệ đến vật chất; có các cảm thọ không khổ không lạc liên hệ đến vật chất, có các cảm

thọ không khổ không lạc không liên hệ đến vật chất. Nay các Tỳ-kheo, đây gọi là các cảm thọ sai biệt.

Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ dị thực? Nay các Tỳ-kheo, khi nào cảm thọ cái gì, sanh khởi một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Nay các Tỳ-kheo, đây gọi là các cảm thọ dị thực.

Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, nay các Tỳ-kheo, là các cảm thọ đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các cảm thọ đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định. Và khi nào, nay các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử đã biết các cảm thọ như vậy, rõ biết các cảm thọ sanh khởi như vậy, rõ biết các cảm thọ sai biệt như vậy, rõ biết các cảm thọ dị thực như vậy, rõ biết các cảm thọ đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các cảm thọ đoạn diệt.

Nay các Tỳ-kheo, cần phải biết các cảm thọ... cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt, đã nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

7. Nay các Tỳ-kheo, cần phải biết các tướng... cần phải biết con đường đưa đến các tướng đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy?

Nay các Tỳ-kheo, có sáu tướng này: Sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, pháp tướng.

8. Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là tướng sanh khởi? Nay các Tỳ-kheo, xúc là các tướng sanh khởi.

Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là các tướng sai biệt? Nay các Tỳ-kheo, các tướng trong các sắc là khác, các tướng trong các thanh là

khác, các tướng trong các hương là khác, các tướng trong các vị là khác, các tướng trong các xúc là khác, các tướng trong các pháp là khác. Nay các Tỳ-kheo, đây gọi là các tướng sai biệt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các tướng dị thực? Nay các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng các tướng là kết quả của thói quen, khi nào người ta biết sự vật như thế nào, như thế nào, người ta nói sự vật ấy như sau, như sau: “Như vậy tôi tướng”. Nay các Tỳ-kheo, đây gọi là các tướng dị thực.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các tướng đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là tướng đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến các tướng đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định. Khi nào này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các tướng như vậy, rõ biết các tướng sanh khởi như vậy, rõ biết các tướng sai biệt như vậy, rõ biết các tướng dị thực như vậy, rõ biết các tướng đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các tướng đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các tướng đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các tướng... cần phải biết con đường đưa đến các tướng đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này đã được nói như vậy.

9. Nay các Tỳ-kheo, cần phải biết các lậu hoặc... cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên nào đã được nói như vậy? Nay các Tỳ-kheo, có ba lậu hoặc này: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

10. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sanh khởi? Vô minh, này các Tỳ-kheo, là các lậu hoặc sanh khởi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sai biệt? Này các Tỳ-kheo, có các lậu hoặc đưa đến địa ngục, có các lậu hoặc đưa đến bàng sanh, có các lậu hoặc đưa đến ngã quý, có các lậu hoặc đưa đến thế giới loài người, có các lậu hoặc đưa đến thế giới chư Thiên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc sai biệt.

Và này các Tỳ Kheo, thế nào là các lậu hoặc dị thực? Này các Tỳ-kheo, khi nào vì vô minh cái gì sanh khởi, một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc dị thực.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc đoạn diệt? Vô minh đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là các lậu hoặc đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định. Khi nào, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các lậu hoặc là như vậy, rõ biết các lậu hoặc sanh khởi như vậy, rõ biết các lậu hoặc sai biệt như vậy, rõ biết các lậu hoặc dị thực như vậy, rõ biết các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các lậu hoặc đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các lậu hoặc... cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này đã được nói như vậy.

11. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các nghiệp... cần phải biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt được nói như vậy. Do duyên gì được nói như vậy?

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý.

12. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các nghiệp sanh khởi? Này các Tỳ-kheo, xúc là các nghiệp sanh khởi.

- Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các nghiệp sai biệt? Này các Tỳ-kheo, có nghiệp đưa đến cảm thọ ở địa ngục, có nghiệp đưa đến cảm thọ loài bàng sanh, có nghiệp đưa đến cảm thọ cõi naga quý, có nghiệp đưa đến cảm thọ thế giới loài Người, có nghiệp đưa đến cảm thọ thế giới chư Thiên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các nghiệp sai biệt. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các nghiệp dị thực? Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng có ba loại nghiệp dị thực: Ở ngay đời hiện tại, hay ở đời sau, hay ở một đời sau nữa. Này các Tỳ-kheo, đây là các nghiệp dị thực.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là nghiệp đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là nghiệp đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành, con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt. Đó là chánh tri kiến... chánh định. Khi nào, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các nghiệp như vậy, rõ biết các nghiệp sanh khởi như vậy, rõ biết các nghiệp sai biệt như vậy, rõ biết các nghiệp dị thực như vậy, rõ biết các nghiệp đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các nghiệp đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các nghiệp... cần phải rõ biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này đã được nói như vậy.

13. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ sanh khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thực, cần phải

biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên gì đã được nói như vậy?

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi khổ não là khổ, cấu không được là khổ, tóm lại năm thủ uân là khổ.

14. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ sanh khởi? Ái, này các Tỳ-kheo, là khổ sanh khởi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ sai biệt? Này các Tỳ-kheo có khổ lớn, có khổ nhỏ, có khổ chậm biến, có khổ mau biến. Này các Tỳ-kheo, đây là khổ sai biệt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ dị thực? Này các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, u sầu, bi thảm, than van, đập ngực, khóc lóc, đi đến bất tỉnh; do bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, nên đi tìm phía bên ngoài xem có ai biết được một câu, hai câu thần chú đề đoạn diệt khổ này.

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng khổ đem lại kết quả mê loạn, đem lại kết quả tìm kiếm. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là khổ dị thực.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt?

Ái đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là khổ đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến khổ đoạn diệt. Đó là chánh kiến... chánh định. Này các Tỳ-kheo, khi nào Thánh đệ tử rõ biết khổ như vậy, rõ biết khổ sanh khởi như vậy, rõ biết khổ sai biệt như vậy, rõ biết khổ dị thực như vậy, rõ biết khổ đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là khổ đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ sanh khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thực, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

Này các Tỳ-kheo, đây là thể nhập pháp môn, pháp pháp môn.

Dục trí là sự hiểu về dục. Dục Tập trí là sự hiểu biết về nguyên sanh dục là Xúc. Dục diệt trí là sự hiểu biết về Dục là diệt nguyên nhân sanh dục là diệt Xúc. Dục diệt đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn đến diệt Dục là bát Chánh đạo. Dục sai biệt trí là sự hiểu biết về sự sai biệt về dục. Dục dị thực trí là sự hiểu biết dục dị thực.

Tương tự cho Thọ, cho Tưởng, cho Lậu hoặc, cho Nghiệp, cho Khổ. Những câu trả lời về sáu trí cho sáu đối tượng. Quý vị tự điền sáu câu trả lời và cố gắng suy tư và hiểu chúng sẽ giúp quý vị sẽ giác ngộ dễ dàng.

4. Kết luận

Khi áp dụng Tứ đế vào 11 duyên trong 12 duyên cho biết rằng diệt quả là diệt điểm đầu (nhân) còn điểm cuối (kết quả) sẽ mất.

Điểm bắt đầu khởi ra là Vô minh đã sinh ra Hành rồi Thức tái sanh đến quả hiện tại là Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ (Lạc hay Khổ), nếu điểm khởi đầu Vô minh không có thì bây giờ làm gì có hạnh phúc hay đau khổ. Nhưng hạnh phúc hay đau khổ đã trở ra rồi, chúng ta không thể diệt được vì đó là quả báo.

Áp dụng Tứ đế vào năm Uẩn. Sự việc chấm dứt năm Uẩn rất dễ dàng chỉ cần diệt nguyên nhân sanh chúng thì 5 Uẩn không còn tồn

tại, rất đơn giản. Vì không biết Tứ đế nên dẫn đến những suy nghĩ sai lầm. Ngoài Tứ đế trí còn có thêm hai trí nữa: Sai biệt trí và Dị thực trí. Sáu trí được áp dụng vào sáu đối tượng: Dục, Thọ, Tưởng, Lậu hoặc, Nghiệp, Khổ sẽ tạo thành 36 Trí. Nhất là Dị thực trí là loại hiểu biết về sự chín muồi về Thọ hay về Tưởng v.v. rất hay và sai biệt trí là sự hiểu biết sai khác về Nghiệp, về Lậu hoặc để giúp người học Phật hiểu sự khác về Lậu hoặc và Nghiệp.

Làm sao hết quả khổ hay quả lạc, Đức Phật dạy Vô minh diệt thì Hành diệt thì khổ sẽ diệt nhưng Hành chính là Ái. Tại duyên thọ (lạc hay khổ) mà có Minh sanh thì Ái diệt thì dẫn đến thủ diệt, hữu diệt, sanh diệt thì khổ diệt.

Thế nào là Minh? Là rõ biết khổ, rõ biết nguyên nhân khổ, rõ biết diệt khổ, rõ biết con đường diệt khổ thì sanh tử hay khổ đau sẽ chấm dứt vĩnh viễn.

Tiểu kết

Trong phần này đã trình bày tại sao chúng ta có mặt ở đời và phải chịu những cảm thọ khổ do bị sanh, bị bệnh, bị già, bị chết và cũng cho biết tại sao chúng ta sẽ có mặt trong tương lai dưới những hình tướng xấu xí mà phải nhận lãnh những cảm thọ khổ khủng khiếp. Nếu sanh vào bàng sanh, ngạ quỷ, địa ngục hoặc do làm nghiệp thiện sanh vào thiên giới hưởng thụ những cảm thọ sung sướng ở các cảnh trời thuộc dục giới hoặc tu thiện sẽ hưởng được những hi lạc của cõi sắc giới tuối thọ vô lượng. Cứ như vậy luân hồi giữa các cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc không biết đến bao giờ thoát khỏi ba cõi đó.

Lý Duyên khởi chia làm hai phần:

Nghiệp cũ là khổ Tập sanh ra quả khổ hiện tại. Tại sao gọi là khổ Tập vì tất cả sự vật vô thường (diệt). Dù thọ lạc đi nữa cuối cùng vẫn là thọ khổ. Nếu không nhận ra những quả khổ hay quả lạc đang có ở hiện tại do nghiệp cũ sanh khởi thì chúng sanh tiếp tục Vô minh trong đời sống hiện tại và tạo nghiệp mới.

Nghiệp mới là duyên Ái do duyên Thọ sanh khởi tức thì. Đây là lý do tại sao mà những người sống tại gia và xuất gia không thể nào thoát Ái (tham sân si). Khi có Ái sanh khởi thì tiếp tục sanh ra Thủ rồi sanh ra Hữu và sanh ra Sanh, Già chết.

Như vậy muốn thoát được vòng 12 Nhân duyên cần Minh sanh tức là biết rõ khổ, biết rõ nguyên nhân khổ, biết rõ diệt khổ, biết rõ con đường dẫn đến diệt khổ. Nhưng đa số người học Phật không tin tuyệt đối và không chứng nghiệm Tứ Thánh đế mà cứ lo chạy theo những pháp khác.

Hành giả Phật giáo nên biết áp dụng Tứ đế về Khổ, về Năm uẩn, 11 duyên trong 12 nhân duyên. Điều này sẽ giúp người học Phật phá tan được Vô minh và Tham ái.

Lý duyên khởi là cực kỳ quan trọng, người học Phật hãy cố gắng tìm hiểu cho tận cùng kỳ lý để thấu đáo sẽ có quả Thánh dự lưu đời này.

PHẦN IV

DIỆT KHỔ

VÀ CON ĐƯỜNG DIỆT KHỔ

Kinh Tăng chi tám pháp nói về biển có nhiều châu báu, có nhiều loại chúng sanh lớn sống trong biển, nước biển chỉ có một vị mặn dù biển bao la. Có nhiều châu báu tương ứng với bảy con đường chấm dứt khổ, có nhiều chúng sanh lớn tương ứng với tám bậc thánh. Có một vị mặn tương ứng với vị giải thoát (Niết Bàn).

Trong Kinh Tăng Chi Tám Pháp - II. Phẩm Lớn - (IX) (19)
A-Tu-La Pahàrada, viết:

Các con đường tu tập là tuần tự không có sự thể nhập Chánh trí thành linh.

11. Ví như, này Pahàrada, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành linh như một vực thẳm. Cũng vậy, này Pahàrada, trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành linh. Này Pahàrada, vì rằng trong pháp và luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành linh, nên này Pahàrada, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhất mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Vị mặn nước biển tương ứng với vị giải thoát, Pháp và Luật cũng chỉ có một vị là vị giải thoát.

16. Ví như, này Pahàrada, biển lớn chỉ có một vị mặn. Cũng vậy, này Pahàrada, Pháp và Luật cũng chỉ có một vị là vị giải thoát. Này Pahàrada, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ sáu mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Bảy con đường tu tập tương ứng với Pháp và Luật này có nhiều châu báu.

17. Ví như, này Pahàrada, biển lớn có nhiều châu báu, có nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Cũng vậy, này Pahàrada, Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành. Này Pahàrada, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành, nên này Pahàradan, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Tám bậc Thánh: bậc Dự lưu, bậc đã hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả, bậc Nhất Lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Nhất lai quả, bậc Bất lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Bất lai quả, bậc A-la-hán, bậc đã hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán.

18. Ví như, này Pahàrada, biển lớn là trú xứ các loại chúng sanh lớn, tại đây, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà,

Timiramìngalà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình với tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần. Cũng vậy, này Pahàràda, Pháp và Luật là trú xứ của các loài chúng sanh lớn. Ở đây có những loại chúng sanh này: bậc Dự lưu, bậc đã hưởng đến chứng ngộ Dự lưu quả, bậc Nhất Lai, bậc đã hưởng đến chứng ngộ Nhất lai quả, bậc Bất lai, bậc đã hưởng đến chứng ngộ Bất lai quả, bậc A-la-hán, bậc đã hưởng đến chứng ngộ quả A-la-hán. Này Pahàràda, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các loại chúng sanh lớn. Ở đây có những chúng sanh này... quả A-la-hán. Này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Bài kinh trên cho chúng ta biết rằng có bảy con đường để tu tập để đoạn tận những nhân sanh khổ. Sau khi tu tập sẽ dẫn đến tám bậc Thánh và sự tu tập theo tuần tự chứ không có vấn đề đón ngộ như nhiều người tưởng tượng ngủ một đêm sáng ra giác ngộ.

Thực hành bát Thánh đạo cũng theo tuần tự từ chánh tri kiến... cho đến chánh định đến một thời điểm chín muồi thì tâm hành giả sẽ có tâm giải thoát và tuệ giải thoát.

Trong phần này sẽ trình bày cách chấm dứt khổ và con đường chấm dứt khổ hoàn toàn. Thông thường thế gian chỉ biết khổ nhưng không biết cách chấm dứt khổ và không biết con đường dẫn đến diệt khổ. Chương 1 sẽ bàn về cách chấm dứt khổ và chương 2 bàn về con đường dẫn đến chấm dứt khổ.

Chương 1

DIỆT KHỔ

Diệt khổ đế là sự diệt khổ có thật. Hành giả cần chứng ngộ chứ không phải tưởng tượng. Niết Bàn chỉ đến với hành giả đã thực hành bát chánh đạo viên mãn. Nếu không thực hành bát chánh đạo thì sự chứng ngộ Niết Bàn không có.

Đa số người học Phật hiểu lầm từ “Diệt Khổ” và tự biên tự diễn về từ này nên không thể nào chấm dứt khổ được.

Trong Kinh Tiêu Bộ 1 - Kinh Phật Tự Thuyết - Chương Một Phẩm Bồ Đề - (I) (Ud 1), viết về Lý Duyên diệt như sau:

“Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Tức là duyên vô minh, có các hành; duyên các hành, có thức; duyên thức, có danh sắc; duyên danh sắc, có sáu xứ; duyên sáu xứ, có xúc; duyên xúc, có thọ; duyên thọ, có ái; duyên ái, có thủ; duyên thủ, có hữu; duyên hữu, có sanh; duyên sanh, có già, chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là sự tập khởi của khổ uẩn này”.

Lý duyên khởi là luôn luôn bắt đầu “Do cái này sanh” gọi là nhân và “Cái kia sanh” gọi là quả, còn Lý duyên diệt luôn luôn cái khởi đầu (cái này) diệt thì cái cuối (cái kia) diệt. Như vậy quả khổ (cái kia) do nhân (cái này) sanh khởi, từ đó có trí tuệ khởi lên là “muốn hết khổ là diệt cái nhân thì khổ sẽ không bao giờ có. Còn quả khổ do có nhân sanh nên chấp nhận”.

Nếu ai thấy Lý Duyên khởi và Lý Duyên diệt sẽ có trí tuệ sanh khởi. Sau khi thấy biết được cách diệt khổ sẽ phải chứng nghiệm diệt khổ tức là chứng nghiệm không còn tham, không còn sân, không còn si. Để chứng đạt diệt tham, diệt sân, diệt si cần phải tu tập một trong bảy con đường để chấm dứt khổ.

Chứng ngộ Niết bàn đồng nghĩa là tham sân si (bằng 10 kiết sử) mất từ từ đến mất hoàn toàn không còn sanh lại, trong khi phạm phu tham sân si cứ sanh rồi diệt rồi sanh lại. Có bốn bậc Thánh mà 10 kiết sử tiêu diệt từ từ cho đến khi không còn kiết sử nào.

Niết Bàn như khúc gỗ đã trôi đến biển

Đề hình dung Niết Bàn như thế nào? Đức Phật đã cho một ví dụ là một Khúc Gỗ trôi trên sông. Nếu Khúc Gỗ ra tới biển gọi là Niết Bàn.

Trong Kinh Tương Ưng 4 - Chương I Tương Ưng Sáu Xứ (g) - IV. Phẩm Rắn Độc - 200. IV. Khúc Gỗ (1) (S.iv,179), viết:

4) *Khi được nghe nói vậy, một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:*

-- *Bạch Thế Tôn, bờ bên này là gì? Bờ bên kia là gì? Thế nào là chìm giữa dòng? Thế nào là mắc cạn trên miếng đất nổi? Thế nào là bị loài Người nhặt lấy? Thế nào là bị phi nhân nhặt lấy? Thế nào là bị mắc vào xoáy nước? Thế nào là bị mục nát bên trong?*

5) -- *Bờ bên này, này Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với sáu nội xứ này.*

6) *Bờ bên kia, này Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ.*

7) *Bị chìm giữa dòng, này Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với hỷ tham.*

8) Bị mắc cạn trên miếng đất nổi, này Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với ngã mạn.

9) Và này Tỳ-kheo, thế nào là bị người nhật lấy? Ở đây, Tỳ-kheo sống quá liên hệ với cư sĩ, chung vui, chung buồn, an lạc khi họ an lạc, đau khổ khi họ bị đau khổ, tự trói buộc mình trong các công việc phải làm được khởi lên của họ. Đây gọi là Tỳ-kheo bị loài Người nhật lấy.

10) Và thế nào, này Tỳ-kheo, là bị phi nhân nhật lấy? Ở đây, Tỳ-kheo sống Phạm hạnh với ước nguyện được sanh cộng trú với một hạng chư Thiên: “Mong rằng với giới luật này, với cấm giới này, với khổ hạnh này, với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành Thiên nhân hay một loài chư Thiên!” Đây, này Tỳ-kheo, được gọi là bị phi nhân nhật lấy.

11) Bị mắc vào xoáy nước, này Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với năm dục công đức.

12) Và này Tỳ-kheo, thế nào là bị mục nát bên trong? Ở đây, này Tỳ-kheo, có người thọ tà giới, theo ác pháp, bất tịnh, có những hành vi đáng nghi ngờ, có những hành động che đậy, không phải Sa-môn nhưng hiện tướng Sa-môn, không phải Phạm hạnh nhưng hiện tướng Phạm hạnh, nội tâm bị hủ bại, đầy dục vọng, là một đồng rác bần. Đây, này Tỳ-kheo, được gọi là bị mục nát bên trong.

Để hiểu Niết Bàn rất khó nên Đức Phật cho hình ảnh khúc gỗ trôi trên sông sẽ ra biển (xem ảnh minh họa trang 468). Nếu khúc gỗ không bị dính mắc vào bờ bên này, vào bờ bên kia, không bị hư mục bên trong, không bị chìm đắm, không bị cuốn vào nước xoáy, không bị mắc cạn vào vùng đất nổi, không bị loài người nhật lấy, không bị loài phi nhân nhật lấy.

Như vậy khúc gỗ tiêu biểu cho hành giả tu tập để không dính mắc vào sáu nội xứ, không dính mắc vào sáu ngoại xứ, không dính mắc năm dục trường dưỡng, không tham hỷ lạc, không ngã mạn, không thân mật với cư sĩ quá khi họ vui cùng vui theo, khi họ buồn cùng buồn theo, không giữ giới hạnh mong cầu sanh làm chư thiên này hay chư thiên khác, nội tâm không hôi hám có Niết bàn hiện tiền. Một ví dụ quá cụ thể mà Đức Phật đã nói quá rõ ràng như thế mà không nhận ra Niết Bàn như thế nào thì hành giả luân hồi mãi mãi. Tuy nhiên trong một bài kinh khác, Đức Phật đã giải thích thế nào là Pháp

Có một bài kinh trình bày thiết thực hiện tại là Niết bàn.

Trong kinh Tăng Chi Ba Pháp - VI. Phẩm Các Bà-La-Môn - 55.- Niết-bàn, viết:

Rồi Bà-la-môn Jānussoni đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ, nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jānussoni bạch Thế Tôn:

- Thiết thực hiện tại là Niết bàn, thưa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người trí tự mình giác hiểu?

- Bị tham ái làm say đắm, này Bà-la-môn, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Tham ái được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời

gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Bị sân làm uế nhiễm, này Bà-la-môn, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Sân được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Bị si làm mê mờ, này Bà-la-môn, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Si được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Khi vị ấy, này Bà-la-môn, cảm thọ tham ái được đoạn tận, không có dư tàn, cảm thọ sân được đoạn tận, không có dư tàn, cảm thọ si được đoạn tận, không có dư tàn. Như vậy, này Bà-la-môn, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng những gì bị quăng ngã xuống, hay trình bày cái gì bị che kín, hay chỉ đường cho người bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện thuyết giảng. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp,

quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Dựa vào bài kinh trên cho biết Tham, Sân, Si chấm dứt hoàn toàn gọi là thiết thực hiện tại là Niết Bàn. Không có thời gian đến để mà thấy vì khi giác ngộ thì tâm tham, tâm sân, tâm si không còn khởi ra nữa làm gì có thời gian đến để mà thấy. Giác ngộ sanh khởi do quán nhiều về tiến trình sanh diệt tham, sân, si đến một lúc nào đó giác ngộ ra tham, sân, si sẽ không còn sanh khởi. Cho một ví dụ dễ hiểu như sau:

Có một người bạn rất tốt giúp hành giả mọi thứ đến một ngày khám phá ra rằng người bạn ngoại tình với vợ mình. Lúc đó hành giả giác ngộ rằng bản chất người bạn này xấu thì tính thân thiết về người bạn đó biến mất. Cũng vậy khi giác ngộ ra bản chất tham, sân, si gây cho đau khổ, nếu hành giả nào nhận ra như vậy thì tham, sân, si không còn sanh lại. Khi tham, sân, si không sanh lại là Niết Bàn.

Chúng nghiệm diệt khổ qua hai giai đoạn - Giai đoạn 1: Khi quả khổ đã hết gọi là Niết Bàn nhưng do không biết, không nhận ra hết khổ là Niết Bàn nên vô minh nữa sẽ sanh ra hành tiếp nên Niết Bàn không còn.

Giai đoạn 2: Biết ái là nguyên nhân sanh ra khổ và ái đoạn tận hoàn toàn không còn sanh ra quả khổ nữa. Đây là Niết Bàn vĩnh viễn.

1. Khổ Diệt Thánh đế cần phải chứng ngộ

Tại sao Khổ diệt cần phải chứng ngộ?

Nếu không chứng ngộ được thì sự học Phật Pháp thuần lý thuyết sẽ không thể nào thoát khổ được. Vì lý do này trong bài Kinh

Chuyên Pháp Luân đã tuyên thuyết “Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh”.

Người học Phật cần trải nghiệm khi tham không có, khi sân không có, khi si không có và Tham, Sân, Si không bao giờ sanh khởi trở lại. Đây là Niết Bàn.

Khổ diệt Thánh đế cần phải chứng ngộ có nghĩa tâm hành giả đã đoạn tận 10 kiết sử. Vị này chấm dứt 10 kiết sử là quả vị cao nhất ở thế gian là bậc đáng cúng dường là ruộng phước vô thượng ở đời. Thời nay rất khó gặp bậc Thánh A la hán còn ba bậc Thánh kia con người thời đại chúng ta có thể chứng ngộ được. Những mục kế tiếp được bàn về những kiết sử nào cần chấm dứt trước và sau.

2. Bậc Thánh Dự lưu

Cần phải đoạn tận ba hạ phần kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Tâm hành giả đã không còn thân kiến, không còn nghi, không còn giới cấm thủ gọi là chứng ngộ bậc Thánh dự lưu còn tái sanh lại tối đa 7 lần rồi nhập Niết Bàn.

2.1. Thế nào là không thân kiến?

Bài kinh sau đây trình bày rõ ràng về không thân kiến.

Trong Kinh Tương Ưng 3 - Chương I Tương Ưng Uẩn (a) - I. Phẩm Nakulapitā - I. Nakulapitā (Tập, 5.5 Trưởng Giả, Đại 2,33a) (Tăng 13.4, Đại 2,573a) (S.iii,1), viết:

19) Ở đây, này Gia chủ, vị đa văn Thánh đệ tử hiểu rõ các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, hiểu rõ các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Vị ấy không bị ám ảnh: “Sắc là ta, sắc là của ta”. Do vị ấy không bị ám ảnh: “Sắc là ta, sắc là của ta” khi sắc biến hoại, đổi khác; nên không do sắc biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

20) Không quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Vị ấy không bị ám ảnh: “Thọ là ta, thọ là của ta”. Do vị ấy không bị ám ảnh: “Thọ là ta, thọ là của ta” khi thọ biến hoại, đổi khác; nên không do thọ biến hoại, đổi khác, mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

21) Không quán tưởng như là tự ngã, hay tự ngã như là có tưởng, hay tưởng ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong tưởng. Vị ấy không bị ám ảnh: “Tưởng là ta, tưởng là của ta”. Do vị ấy không bị ám ảnh: “Tưởng là ta, tưởng là của ta” khi tưởng biến hoại, đổi khác; nên không do tưởng biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

22) Không quán các hành như là tự ngã, hay tự ngã như là có hành, hay các hành ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong các hành. Vị ấy không bị ám ảnh: “Các hành là ta, các hành là của ta”. Do vị ấy không bị ám ảnh: “Các hành là ta, các hành là của ta” khi các hành biến hoại, đổi khác; nên không do các hành biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

23) Không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy không bị ám

ảnh: “*Thức là ta, thức là của ta*”. Do vị ấy không bị ám ảnh: “*Thức là ta, thức là của ta*” khi thức biến hoại, đổi khác; nên không do thức biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

24) *Như vậy, này Gia chủ, là thân có bệnh, nhưng tâm không có bệnh.*

25) *Tôn giả Sàriputta thuyết như vậy, gia chủ Nakulapita hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sàriputta thuyết.*

Thân kiến sẽ biến mất, nếu biết quán 12 nhân duyên bắt đầu từ duyên Lục Nhập, Thức, Xúc, Thọ, Ái vì thân kiến thành hình từ các duyên đó. Có một bài kinh khác nữa giải thích cũng dễ hiểu nữa xin trích ra đây để tham khảo cho rõ ràng hơn.

Có một bài kinh khác trình bày khá rõ ràng về thân kiến và không thân kiến.

Trong Kinh Tương Ưng 3 - Tương Ưng Uẩn (d) - III. Phẩm Những Gì Được Ăn - IX. Pàrileyya (Tập 2, Đại 2, 13c) (S.iii, 94), viết:

2) *Dầu cho, này các Tỳ-kheo, các pháp được Ta giải thích, thuyết giảng như vậy, nhưng ở đây có Tỳ-kheo khởi lên suy nghĩ sau đây: “Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?*

★ Quán sắc như là tự ngã, sự quán như vậy là hành.

13-16) *Này các Tỳ-kheo, biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức? Ở đây, này các Tỳ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các*

bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, sự quán như vậy là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỳ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Từ khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Thọ ấy... xúc ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, do thấy vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

★ Có thể không quán sắc như là tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã như là có sắc.

17) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã như là có sắc. Sự quán ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỳ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

★ Nhưng có thể quán sắc ở trong tự ngã.

18) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, không quán tự ngã như là có sắc, nhưng có thể quán sắc ở trong tự ngã. Quán ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỳ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh,

khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

★ Nhưng có thể quán tự ngã ở trong sắc.

19) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã ở trong sắc. Sự quán ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

20-21) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, có thể không quán tự ngã ở trong sắc. Nhưng có thể quán thọ như là tự ngã, và có thể quán tự ngã như là có thọ, có thể quán thọ ở trong tự ngã, và có thể quán tự ngã ở trong thọ.

22-23)... có thể quán tướng... có thể quán các hành...

24)... có thể quán thức như là tự ngã, có thể quán tự ngã như là có thức; có thể quán thức ở trong tự ngã; và có thể quán tự ngã ở trong thức. Sự quán ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát

ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

★ Nhưng có thể có (tà) kiến (thường kiến) như sau: “Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn.

25) *Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; có thể không quán thọ như là tự ngã; có thể không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã. Nhưng có thể có (tà) kiến như sau: “Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại”. Nhưng thường kiến ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi... Do biết như vậy, thấy như vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.*

★ Nhưng vị ấy có thể có (tà) kiến (đoạn kiến) như sau: “Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta”

26) *Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức là tự ngã; có thể không có (tà) kiến như sau: “Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại”. Nhưng vị ấy có thể có (tà) kiến như sau: “Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta”.*

27) *Đoạn kiến ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Nhưng hành ấy, lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh khởi, lấy gì làm hiện*

hữu? Đối với kẻ vô văn phạm phu, này các Tỳ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

Bài kinh trên cho biết thân kiến bắt đầu duyên xúc sanh ra duyên Thọ rồi sanh ra duyên Ái. Nếu nguyên nhân xa nữa từ duyên Lục nhập phát sanh ra thân kiến. Nếu biết vậy, thấy vậy thì các lậu hoặc đoạn tận lập tức đồng nghĩa thân kiến mất. Nếu không biết, không thấy Lý duyên khởi thì các lậu hoặc sanh khởi.

2.2. Thế nào là không nghi?

Có bài kinh sau đây trình bày rõ ràng về không nghi Phật, không nghi Pháp, không nghi Tăng.

Trong Kinh Tương Ưng 2 - Chương I Tương Ưng Nhân Duyên (b) - V. Phẩm Gia Chủ - Thứ Năm - I. Năm Hận Thù Sợ Hãi (S.ii,68), viết:

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử đầy đủ lòng tin bất động, đối với Đức Phật: “Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Tuệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”.

Vị ấy đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp: “Đây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu”.

Vị ấy đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng: “Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Thiện hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Trực hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Chánh hạnh;

Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Như pháp hạnh; tức là bốn đôi, tám chúng. Chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn đáng được cúng dường, đáng được hiến dâng, đáng được bố thí, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở trên đời”.

Tin Phật là tin 10 Ân đức đã nêu trên, chứ nghe nói tin Phật nhưng không biết tin gì. Ý nghĩa 10 Ân đức đã giải thích trong phần Phụ lục. Biết ý nghĩa thì tin Phật mới chánh tín.

Tin Pháp là Pháp do Thế Tôn thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời. Ví dụ chưa học Pháp thì tham, sân, si nhiều sau khi học tham, sân, si giảm nhiều tức là có kết quả tức thì.

Tin Tăng là tin bốn đôi tức là tám bậc Thánh, khi cúng dường phước vô lượng. Có 14 hạng người để cúng dường nhưng tin Tăng là đệ tử Thế Tôn chỉ còn bốn đôi tám chúng tức là tám bậc Thánh.

Trong Kinh Trung Bộ số 142, Kinh Phân biệt cúng dường, viết:

Bố thí các đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, là cúng dường thứ nhất, phân loại theo hạng người.

1-Bố thí các bậc A-la-hán, đệ tử Như Lai, là cúng dường thứ ba, phân loại theo hạng người.

2-Bố thí các vị trên con đường chứng quả A-la-hán là cúng dường thứ tư, phân loại theo hạng người.

3- Bố thí các vị chứng quả Bất lai, là cúng dường thứ năm, phân loại theo hạng người.

4-Bố thí các vị trên con đường chứng quả Bất lai là cúng dường thứ sáu, phân loại theo hạng người.

5-Bố thí các vị chứng quả Nhất lai là cúng dường thứ bảy, phân loại theo hạng người.

6-Bố thí các vị trên con đường chứng quả Nhất lai là cúng dường thứ tám, phân loại theo hạng người.

7-Bố thí các vị chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ chín, phân loại theo hạng người.

8-Bố thí các vị trên con đường chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ mười, phân loại theo hạng người.

Chỉ cúng dường đệ tử Như Lai mà đã chứng tám bậc Thánh thì phước vô lượng.

Sau khi bố thí cho các vị trên con đường chứng quả Dự lưu, cúng dường này có hy vọng đem lại vô số vô lượng công đức. Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Dự lưu? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả A-la-hán? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả A-la-hán, đệ tử Như Lai? Còn nói gì đến những vị Độc Giác Phật? Còn nói gì đến các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác?

2.3. Thế nào là không giới cấm thủ?

Có bài kinh sau đây trình bày về Giới cấm thủ.

Trong Kinh Trung Bộ số 16, Kinh Tâm hoang vu, viết:

Và lại nữa, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào sống phạm hạnh, không mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: “Ta với giới này, với

hạnh này, với khổ hạnh này, hay với phạm hạnh này, sẽ được sanh làm chư Thiên này hay chư Thiên khác”. Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào sống phạm hạnh, không mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: “Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này, hay với phạm hạnh này, sẽ được sanh làm chư Thiên này hay chư Thiên khác”, tâm vị ấy hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ năm đã được đoạn tận.

Có bài kinh sau đây nói về Thành tựu giới

Trong kinh Tương Ưng 2 - Chương I Tương Ưng Nhân Duyên (b) - V. Phẩm Gia Chủ - Thứ Năm - I. Năm Hận Thù Sợ Hãi (S.ii,68), viết:

Vị ấy đầy đủ các giới đức, được bậc Thánh quý mến, không bị bẻ vụn, không bị hủy hoại, không có tỳ vết, không có vết nhơ, đưa đến tự do, được người trí tán thán, không bị nhiễm trước, đưa đến Thiên định, bốn Dự lưu chi này được đầy đủ.

4) Thế nào là năm sợ hãi, hận thù được nhiếp phục?

5) *Này Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người sát sinh, vì duyên sát sinh đưa đến trong hiện tại; sợ hãi, hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt sát sanh, như vậy sợ hãi, hận thù được nhiếp phục.*

6) *Này Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người lấy của không cho, vì duyên lấy của không cho đưa đến trong hiện tại; sợ hãi, hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt lấy của không cho, như vậy sợ hãi, hận thù được nhiếp phục.*

7) *Này Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người sống tà hạnh trong các dục, vì duyên sống tà hạnh trong các dục đưa đến trong hiện tại; sợ hãi, hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt sống tà hạnh trong các dục vọng, như vậy sợ hãi, hận thù được nhiếp phục.*

8) *Này Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người nói láo, và duyên nói láo đưa đến trong hiện tại; sợ hãi, hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt nói láo, như vậy sợ hãi, hận thù được nhiếp phục.*

9) *Này Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người đắm say rượu men, rượu nấu, và duyên đắm say rượu men, rượu nấu đưa đến trong hiện tại; sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt đắm say rượu men, rượu nấu, như vậy sợ hãi hận thù được nhiếp phục.*

Như vậy, năm sợ hãi, oán thù này được nhiếp phục.

2.4. Có một phương pháp khác chứng bậc Thánh Dự lưu

Có một bài kinh khác nói về chứng bậc Thánh Dự lưu.

Thông thường tin Phật, tin Pháp, tin Tăng bất động và thành tựu năm giới là bậc Thánh Dự lưu. Tuy nhiên trong Kinh Trung bộ và Kinh Tương ưng 5, cho biết rằng biết rõ Tứ Thánh đế cũng chứng Thánh Dự lưu.

Trong Kinh Trung Bộ số 02, Kinh Tất cả các lậu hoặc, viết:

Vị ấy như lý tác ý: “Đây là khổ”, như lý tác ý: “Đây là khổ tập”, như lý tác ý: “Đây là khổ diệt”, như lý tác ý: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”. Nhờ vị ấy tác ý như vậy, ba kiết sử được

trừ diệt: thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Nay các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ.

Có bài kinh khác cũng nói về sự chứng ngộ Bậc Thánh dự lựu.

Trong Kinh Tương Ứng 5 - Chương XII Tương Ứng Sự Thật (b) - V. Phẩm Vực Thẳm - 49. IX. Núi Sineru (1) (Tu Di) (S.v,457), viết:

1) *Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.*

2) -- *Ví như, nay các Tỳ-kheo, một người đặt trên núi Sineru, vua các loài núi, các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu.*

3) *Các Ông nghĩ thế nào, nay các Tỳ-kheo, cái gì là nhiều hơn, các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được đặt như vậy hay núi chúa Sineru?*

-- *Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là vua núi Sineru. Rất ít là các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được đặt như vậy, chúng không có thể ước tính được, chúng không có thể so sánh được, chúng không có thể thành một phần nhỏ được, khi đem đặt các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu so sánh với núi chúa Sineru.*

4) -- *Cũng vậy, nay các Tỳ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng ngộ, cái này là nhiều hơn, tức là sự khổ đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn này. Rất ít là khổ còn tồn tại, không có thể ước tính, không có thể so sánh, không có thể thành một phần nhỏ, nếu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn. Tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: “Đây là Khổ”... đã rõ biết: “Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt”.*

5) Do vậy, này các Tỳ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là Khổ”... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt”.

Qua hai bài kinh trên xác quyết rằng giác ngộ Tứ Thánh đế là bậc Thánh Dự lưu.

Những hành giả đã tìm hiểu và biết rõ Lý Duyên khởi và Lý duyên diệt tức là đã biết Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế đồng nghĩa quý vị đã rõ biết Tứ Thánh đế là chứng quả dự lưu.

3. Bậc Thánh nhất lai

Cần phải đoạn tận ba hạ phần kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ và tham sân muội lược. Tâm hành giả không còn ba hạ phần kiết sử và tham, sân giảm thiểu nhiều gọi là chứng bậc Thánh nhất lai chỉ còn tái sanh một lần nữa là nhập Niết Bàn.

★ Ba kiết sử xem ở mục 2.1, 2.2, 2.3 ở trên.

★ Thế nào là tham, sân muội lược.

Có Chánh tri kiến sẽ đoạn tận thân kiến, nghi, giới cấm thủ nhưng không tham sân vào những cái gì có thể hại chúng sanh khác. Nhưng tham, sân giảm thiểu nhiều theo thời gian chưa thể đoạn tận tham sân hết, chỉ cần muội lược. Thông thường có chánh kiến thì tham sân sẽ không tăng nữa.

4. Bậc Thánh bất lai

Cần phải đoạn tận năm hạ phần kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham, sân. Tâm hành giả không còn 5 hạ phần kiết sử gọi là

chúng ngộ bậc Thánh bắt lại. Sau khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi sắc giới Tịnh cư thiên hưởng tuổi thọ vô lượng và khi hết tuổi thọ rồi nhập Niết Bàn ở cõi đó.

4.1. Không thân kiến, không nghi, không giới cấm thủ

Xem mục 2.1, 2.2, 2.3 ở trên.

4.2. Thế nào tham, sân đoạn tận hoàn toàn?

Tham sân đoạn tận hoàn toàn tức là hành giả không còn trói buộc vào sắc, vào thanh, vào hương, vào vị, vào xúc. Để thực hiện điều này cần tu tập Chánh niệm trong Bát Chánh đạo mới chấm dứt tham, sân vĩnh viễn.

5. Bậc Thánh A la hán

Cần phải đoạn tận năm hạ phần kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham, sân và năm thượng phần kiết sử: Ái sắc giới. Ái vô sắc giới, mạn, trạo cử, vô minh. Tâm hành giả đã biết không còn 10 kiết sử gọi là chúng ngộ A la hán. Sau khi thân hoại mạng chung thì nhập Niết bàn và không còn tái sanh lại bất cứ hình thức nào trong tam giới. Có nhiều quan điểm trong Phật giáo cho rằng vị Thánh A la hán phát nguyện ở lại thế gian và độ chúng sanh sau đó sẽ thành Phật A la hán Chánh đẳng giác. Đây là quan điểm sai lầm, quý vị cần phải tìm hiểu lý duyên khởi trong Kinh Tương ưng 2, nếu không muốn tái sanh vào địa ngục do chấp quan điểm sai lầm.

5.1. Đoạn tận năm hạ phần kiết sử như bậc Thánh bắt lại

Xem phần đoạn tận năm hạ phần kiết sử ở mục 4.1, 4.2 ở trên.

5.2. Đoạn tận năm thượng phần kiết sử

Năm thượng phần kiết sử ít quan trọng do sự trói buộc rất ít, theo kinh Nikaya, những vị nào đã chứng bậc Thánh bất lai sanh vào cõi sắc giới hưởng hết tuổi thọ rồi nhập Niết Bàn..

Không dính mắc hay trói buộc vào sắc giới (bốn tầng thiên), biết những hỷ lạc các cõi trời như vậy không bám vào nó vì nó hữu vi rồi biến hoại nên giải thoát. Không dính mắc vào bốn tầng thiên vô sắc giới, biết chúng hữu vi, biến hoại nên không bám chặt nó nên tâm không chấp thủ. Mạn không còn so sánh hơn người hay bằng người hay thua người. Không còn Trạo cử là không còn lao chao, hoàn toàn định tĩnh. Vô minh chấm dứt vì đã biết rõ lậu hoặc, biết rõ nguyên nhân lậu hoặc, biết rõ diệt lậu hoặc, biết rõ con đường dẫn đến diệt lậu hoặc.

6. Kết luận

Chương này cho biết sự chứng ngộ diệt khổ là tâm hành giả biết rõ những kiết sử không còn khởi lên trong tâm hành giả gọi là chứng ngộ Diệt khổ. Ngày nào còn kiết sử trong tâm thì không có chứng ngộ sẽ phải luân hồi. Người tu tập Phật cần nhận diện 10 kiết sử trên hay đơn giản là sáu ái (sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái) hay dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Để 10 kiết sử (tham, sân, si) hay sáu ái biến mất không phải ngồi tụng kinh hay cầu nguyện hay cầu xin ai đó cho hết tham, sân, si. Chuyện đó không tưởng, không bao giờ xảy ra. Như vậy cần thực hành bát Thánh đạo, chắc chắn mười kiết sử hay tham sân si sẽ biến mất. Chương 2 sẽ nói chi tiết về bát Thánh Đạo để thực hành và chấm dứt mười kiết sử hoàn toàn.

Chương 2

CON ĐƯỜNG DIỆT KHỔ

Đạo đế là một con đường có thật để chấm dứt nguyên nhân sanh khổ. Trên thế gian này khi nào có cái âm thì có cái dương đối nghịch để cân bằng ví dụ có tối thì có sáng, có xấu thì có tốt, có sanh thì có chết gọi chung một vế là âm và vế kia là dương để quân bình. Tương tự có con đường tà thì sẽ có con đường chánh nghịch với tà. Nói một cách tổng quát nơi nào có âm thì nơi đó có dương, nơi nào có dương thì nơi đó có âm. Như vậy, có thể gọi Bát Chánh đạo là dương và Bát Tà đạo là âm. Muốn diệt được Bát Tà đạo thì cần tu tập Bát Chánh đạo viên mãn thì Bát Tà đạo biến mất. Dưới đây là bài kinh nói về tổng thuyết và biệt thuyết về Bát Chánh đạo như sau:

1. Tổng thuyết và biệt thuyết của Bát Chánh đạo

Trong Kinh Trung Bộ số 141, Kinh Phân biệt về Sự thật, viết:

Này chư Hiền, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế? Đó là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này chư Hiền, thế nào là chánh tri kiến? Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.

Này chư Hiền, thế nào là chánh tư duy? Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tư duy.

Này chư Hiền, thế nào là chánh ngữ? Tục chế không nói láo, tục chế không nói hai lưỡi, tục chế không ác khẩu, tục chế không nói lời phù phiếm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.

Này chư Hiền, thế nào là chánh nghiệp? Tục chế không sát sanh, tục chế không trộm cắp, tục chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp.

Này chư Hiền, thế nào là chánh mạng? Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh mạng.

Này chư Hiền, và thế nào là chánh tinh tấn? Này chư Hiền, ở đây Tỳ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn.

Này chư Hiền, thế nào là chánh niệm? Này chư Hiền, ở đây, Tỳ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác,

chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Nay chư Hiền, như vậy gọi là chánh niệm.

Này chư Hiền, thế nào là chánh định? Này chư Hiền, ở đây, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ. Vị Tỳ-kheo ấy diệt tâm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tỳ-kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.

Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ diệt đạo Thánh đế.

Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba-la-nại, Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ bốn Thánh đế.

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Các Tỳ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sariputta dạy.

2. Chánh đạo và Tà đạo

Khi có Tập đế sanh khởi gọi là Tà đạo, khi Tập đế diệt gọi là Chánh đạo như trong Kinh Tương ưng 2 viết như sau:

Trong kinh Tương Ưng 2 - Chương I Tương Ưng Nhân Duyên
(a) - I. Phẩm Phật Đà - III. Con Đường... (S.ii,4), viết:

1)... Trú ở Sàvatthi... (như trên).

2) -- *Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng cho các Ông về tà đạo và chánh đạo. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.*

-- *Thưa vâng, bạch Thế Tôn.*

Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

3) -- *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tà đạo? Này các Tỳ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên sanh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là tà đạo.*

4) *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh đạo? Nhưng do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là chánh đạo.*

Như vậy Tập đế nói đơn giản là Tham, Sân, Si hoặc Dục ái, Hữu ái, Phi hữu ái hoặc Sắc ái, Thanh ái, Hương ái, Vị ái, Xúc

ái, Pháp ái hoặc nói rộng hơn là 10 kiết sử hoặc chi tiết hơn là 12 Nhân duyên.

Tuy nhiên quy Tập đề về Bát Tà là Tà kiến, Tà tư duy, Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng, Tà tinh tấn, Tà niệm, Tà định gọi chung là Âm và đối nghịch là Bát Chánh là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định gọi chung là Dương.

3. Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập

Kinh Chuyển Pháp Luân đã viết: “Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh”.

Đức Phật đã khuyên giáo cần phải tu tập con đường đưa đến khổ diệt. Quan trọng hơn nữa là những hành giả đã tu tập đồng nghĩa những kiết sử không còn nữa. Đức Phật đã khuyên giáo tu tập như vậy nhưng chúng ta chẳng thực hành gì hết thì kiết sử vẫn còn. Con đường tà đạo sẽ dẫn đến luân hồi lâu dài.

Trong Kinh Tương Ưng 5 - Chương I Tương Ưng Đạo (a) - I. Phẩm Vô Minh - 7.VII. Một Tỳ Kheo Khác (2) (S.iv,8), viết:

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi một Tỳ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến...

3) *Ngồi một bên, Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:*

-- *"Nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Đồng nghĩa với gì, bạch Thế Tôn, là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si?*

-- *Đồng nghĩa với Niết-bàn giới là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si, cũng được gọi là đoạn tận các lậu hoặc.*

4) *Khi được nói vậy, Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:*

-- *"Bất tử, bất tử", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Thế nào là bất tử, bạch Thế Tôn? Thế nào là con đường đưa đến bất tử?*

-- *Đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, này Tỳ-kheo, được gọi là bất tử. Con đường Thánh đạo Tám ngành này là con đường đưa đến bất tử, tức là chánh tri kiến... chánh định.*

Mục đích thực hành Thánh đạo tám ngành có mục đích duy nhất đoạn tận tham, sân, si.

Thông dụng nhất là Bát Thánh đạo được nói nhiều nhất trong 5 bộ kinh Nikaya. Tại sao?

Những nguyên nhân khổ có thể tóm lại là Tham, sân, si hoặc 10 kiết sử hoặc 12 Nhân duyên. Có con đường nào sẽ đoạn tận tất cả nguyên nhân khổ có thể xảy ra. Con đường duy nhất là Bát chánh sẽ đoạn tận cả Kiết sử có thể xảy ra. Đây là lý do chính mà Đức Phật đã giới thiệu Thánh đạo Tám ngành trong bài kinh Chuyển Pháp Luân và cũng đã nhắc lại vào giờ cuối cuộc đời của Ngài trong bài kinh Đại Bát Niết Bàn. Như vậy Bát Thánh đạo sẽ diệt được tất cả những kiết sử có thể. Còn những con đường khác chỉ trừ diệt một số nguyên

nhân hoặc một số kiết sử chứ không thể trừ được tất cả kiết sử. Thế Tôn có tha tâm thông biết Tỳ Kheo nào có kiết sử gì và không có kiết sử gì. Ngài thuyết con đường khác đơn giản để trừ kiết sử mà vị Tỳ kheo đó có thôi. Có một ví dụ toán học sau đây để giải thích tại sao có 6 con đường khác.

Nếu ai học Toán biết phương trình bậc hai có phương trình tổng quát là $Y = ax^2 + bx + c$ nhưng có phương trình đặc biệt có thể xảy ra là $b=0$ hay $c=0$ hoặc cả $b=0$ và $c=0$.

Tương tự Bát Thánh đạo giống như là một phương trình có đầy đủ các hằng số a, b, c còn những con đường đặc biệt khác giống như phương trình đặc biệt khi $a \neq 0, b=0$ hay $c=0$.

Tập sách này chỉ bàn thảo chi tiết về con đường bát Thánh đạo là chính và con đường đặc biệt là Tứ Niệm xứ. Năm con đường đặc biệt khác như Ngũ căn, Ngũ lực, Tứ Chánh cần, Tứ Như ý túc, Thất giác chỉ dành cho những vị Tỳ kheo đặc biệt mà có $b=0$ hoặc $c=0$ hoặc cả b và $c = 0$.

Người học Phật có thể chọn một trong bảy con đường vừa nêu trên để tu tập với mục đích duy nhất là diệt nhân sanh quả khổ trong tương lai. Trong tập sách này chọn Thánh đạo tám nhánh là con đường thực hành hằng ngày nên người học Phật cần tìm hiểu cho tường tận Thánh đạo với Tám nhánh.

Những ai bước đi trên con đường Bát chánh đạo chắc chắn sẽ đoạn tận 10 kết sử hoặc đoạn tận tham, sân, si hoặc diệt 12 nhân duyên sẽ hết khổ đau.

4. Chánh tri kiến

Trong Kinh Trung Bộ số 117, Đại kinh Bốn mươi, viết:

Ở đây, này các Tỳ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỳ-kheo, là chánh kiến đi hàng đầu? Tà kiến, này các Tỳ-kheo, do chánh kiến làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà kiến duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong vị có chánh kiến. Và những thiện pháp được chánh kiến duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tà kiến là nguyên nhân sanh khởi khổ nên tu tập chánh kiến thì trừ diệt được tà kiến. Nếu chánh kiến hiện hữu thì tà kiến mất. Nếu không tu tập chánh kiến thì tà kiến luôn luôn sanh khởi.

Một định nghĩa khác về Chánh kiến trong Kinh Trung bộ số 141 viết như sau:

4.1. Thế nào là Chánh tri kiến?

Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.

4.2. Thế nào là minh?

Trong kinh Tương Ứng 5 - Chương XII Tương Ứng Sự Thật (a) - II. Phẩm Chuyển Pháp Luân - 18. VIII. Minh (S.v,429), viết:

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Bàrànasi, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai.

Rời một Tỳ-kheo... ngồi xuống một bên.

Ngồi một bên, Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- “*Minh, minh*”, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là minh? Và cho đến như thế nào là đi đến minh?

Này Tỳ-kheo, chính là rõ biết Khổ, rõ biết Khổ tập, rõ biết Khổ diệt, rõ biết Con Đường đưa đến Khổ diệt. Này Tỳ-kheo, đấy gọi là minh. Cho đến như vậy là đi đến minh.

Do vậy, này Tỳ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là Khổ”... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt”.

Minh và Chánh tri kiến là đồng nghĩa, tuy nhiên từ dùng có khác nhau nhưng nội dung giống nhau. Trước khi đi sâu vào định nghĩa Chánh tri kiến, chúng ta cần tìm hiểu Thức là gì. Nếu người học Phật không tìm hiểu từ ngữ Thức trong kinh Nikaya cho rít ráo cho dù người học Phật có đọc hết 5 bộ kinh đi nữa cũng không tu tập được.

Thức do duyên 6 nội xứ và 6 ngoại xứ theo định nghĩa trong kinh Đoạn tận ái.

- Nhãn thức do duyên mắt và duyên sắc.
- Nhĩ thức do duyên tai và duyên thanh.
- Tì thức do duyên mũi và duyên hương.
- Thiệt thức do duyên lưỡi và duyên vị.
- Thân thức do duyên thân và duyên xúc.
- Ý thức do duyên ý và duyên pháp.

- Thức là dịch từ tiếng Hán, có nghĩa là biết.

Cái biết sanh khởi theo thứ tự:

1 - Mắt chỉ là bộ phận là phương tiện để Tâm biểu lộ ra ngoài qua mắt và có nhiệm vụ thu hình ảnh cảnh sắc đưa vào tâm gọi là ảnh sắc lưu trong tâm lần thứ nhất.

2 - Sau khi đã lưu giữ ảnh sắc rồi lần thứ hai gặp cảnh sắc và so sánh giống nhau giữa ảnh sắc cũ và ảnh cảnh sắc vừa thấy sẽ phát sanh ra cái biết của mắt.

Từ ngữ rõ biết được giải thích như dưới đây:

Thức là biết một phần của cảnh sắc lúc ban đầu, còn rõ biết là biết đầy đủ từ lúc sanh đến lúc diệt. Biết rõ chỉ thuần quan sát và ghi nhận sự vật thông qua mắt hay qua tai... qua ý mà không suy diễn hay không tưởng tri, còn rõ biết là biết sự vật qua bốn giai đoạn sanh, trụ, hoại, diệt do sự quan sát và ghi nhận.

a) Rõ biết khổ

Rõ biết là một động từ cần có một danh từ theo sau là sự khổ nhưng khổ là quả là cái gì hình thành rồi. Có tất cả tám cái khổ như đã nói trong chương hai nhưng cần phân biệt khổ do nghiệp quá khứ tạo thành và do nghiệp mới đã tạo trong kiếp sống hiện tại.

Khổ căn bản như sanh, già, bệnh, chết do nghiệp quá khứ tạo thành không có nghi ngờ còn những cái khổ như ái biệt ly, ghét mà gặp, cầu bất đắc có thể do nghiệp quá khứ hay do nghiệp hiện tại. Nếu xét rằng mình không tạo nghiệp trong kiếp này mà có những quả khổ như vậy suy ra biết được do quá khứ nên chấp nhận còn nếu biết

đã tạo nghiệp hiện tại thì quả khổ trở ra cũng nên chấp nhận. Khổ có thể chứng nghiệm gián tiếp qua mắt như thấy những người chung quanh mình đau khổ hoặc tự bản thân trải nghiệm khổ. Nếu đã chứng nghiệm khổ rồi nên suy tư từ đâu có những quả khổ bất công hoặc có những may mắn bất ngờ thì Đức Phật chỉ cho con người chân lý thứ hai gọi là Khổ tập Thánh đế.

b) Rõ biết nguyên nhân khổ

Có hai nguyên nhân sanh khổ: Nghiệp quá khứ và nghiệp hiện tại.

- Nghiệp quá khứ đã được trình bày trong Phần III - Chương 1 nhưng trong phần này chỉ bàn sơ lược.

Có thể biểu thị bằng những mũi tên dễ hiểu như dưới đây.

Vô minh ⇒ **Hành** ⇒ **Thức** ⇒ **Danh Sắc** ⇒ **Lục nhập** ⇒ **Xúc** ⇒ **Thọ**

Như vậy những nhân sinh cảm Thọ khổ là Vô Minh, Hành, Thức.

Quả khổ hay quả lạc mà loài người đang hưởng không có đơn giản phụ thuộc nhiều duyên rất phức tạp nhưng có Thế Tôn Gotama đã khám phá và đã chỉ lại nên người học Phật không vất vả đi tìm kiếm nữa.

- Nghiệp hiện tại cũng đã nói trong Phần III - Chương 2, người học Phật quay về đọc cho kỹ còn ở đây tóm tắt.

Có thể biểu thị bằng mũi tên dễ hiểu hơn.

Ái ⇒ **Thủ** ⇒ **Hữu** ⇒ **Sanh** ⇒ **Già chết**, sầu bi, khổ ưu não.

Như vậy nghiệp hiện tại có các duyên như Ái, Thủ, Hữu sẽ sanh quả khổ tương lai sanh, già chết sầu bi khổ ưu. Nghiệp hiện tại

(nghiệp mới) rất khó thấy, khó nhận diện, do vậy người học Phật phải lo nhận diện nó sau đó mới diệt nó.

Nghiệp hiện tại trở ra ba thời, hiện tại, sau khi chết, sau đó một lần nữa nhưng bất định khi chưa thoát khỏi vòng luân hồi. Trong kinh Nikaya cho biết rằng đã tạo nghiệp khi đang sống kiếp hiện tại này sau khi chết có thể rơi vào địa ngục, khi trả quả địa ngục xong lên làm thân người lại trả một lần nữa.

Ví dụ: như ngài Mục Kiền Liên đã tạo nghiệp bất hiếu giết cha mẹ đã bị đọa vào địa ngục nhiều ngàn năm, trăm ngàn năm trong địa ngục cho đến khi chứng bậc Thánh A la hán mà còn phải trả dư tàn sót lại trước khi nhập Niết Bàn. Ngài đã bị ngoại đạo chém ngài và thân ngài bị xé ra nhiều mảnh nhưng chưa chết và đã giữ thân về gặp Phật xong mới nhập Niết Bàn. Ngài là đại Thánh thanh văn có đệ nhất thần thông nhưng quả trở rồi không sao tránh khỏi.

Giác ngộ duyên Thọ thì duyên Ái sẽ diệt thì dẫn đến Thủ diệt rồi sẽ dẫn đến Hữu diệt rồi sẽ dẫn đến Sanh diệt, sẽ dẫn đến Già chết, sầu bi, khổ ưu não diệt. Tóm lại Ái diệt không sanh lại thì mới hết khổ còn sanh lại phải khổ. Người tu Phật cố gắng nhận diện Ái là tướng cướp xong diệt Ái (tướng cướp) sẽ hết khổ. Vì vậy để thứ ba về diệt khổ chỉ cho con người biết diệt khổ là gì.

c) Rõ biết diệt khổ

Có nhiều người hiểu sai về từ “**Diệt Khổ**” do vì không phân biệt sự khác nhau giữa nhân (tập) và khổ (quả). Do đó tưởng rằng khi có quả khổ mà lo diệt như đi chùa cầu trời, cầu Phật, cầu bồ tát, đi kiếm những người khác cứu mình v.v.. Điều này sai hoàn toàn vì thiếu hiểu biết Lý nhân quả nên những hiện tượng cầu xin, van xin

thường xảy ra. Nếu hiểu biết lý duyên khởi “**Cái này sanh, Cái kia sanh**” thì quả khổ sanh do con người đã tạo cái này (nghiệp) thì tự động có cái kia sanh tức là quả khổ. Người học Phật muốn diệt khổ hay hết khổ là diệt cái này (nhân) thì cái kia (khổ) sẽ hết. Nhưng do vô minh đã tạo nhân (nghiệp) khi đủ duyên trở ra khổ rồi có cầu ai cũng vô ích. Như vậy biết cách hết khổ là tiêu diệt nhân tham, diệt nhân sân, diệt nhân si bằng phương pháp hay con đường Bát Chánh dẫn đến diệt khổ trong mục kế tiếp.

d) Rõ biết con đường diệt khổ

Đức Phật dạy những phương pháp hay những con đường có mục đích để đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si hay đoạn tận 10 kiết sử. Có tất cả bảy phương pháp hay bảy con đường để diệt tham, diệt sân, diệt si. Trong tập sách nói hai con đường là Thánh Đạo tám ngành và Tứ niệm xứ còn năm con đường kia người học Phật vào đọc kinh Tương ưng 5 chỉ dạy khá rõ ràng. Thật sự tu tập Thánh đạo Tám ngành sẽ diệt tất cả 10 kiết sử. Vì tác giả có nhận xét từ ngày đầu Đức Phật chuyên Pháp Luân đã giới thiệu Thánh Đạo tám ngành và cho đến vài giờ trước khi nhập Niết Bàn vẫn nhắc đến Bát Thánh đạo có bốn bậc Thánh. Do đó chọn Thánh Đạo tám ngành tu tập là hợp lý nhất do phù hợp cho tất cả mọi người muốn tu giải thoát.

4.3. Kết Luận về Chánh tri kiến

Chánh tri kiến đứng đầu trong Bát Thánh đạo rất quan trọng, người học Phật cố gắng tìm hiểu cho rõ ràng về Tứ Thánh đế thì khổ đau chỉ còn bảy kiếp luân hồi thôi. Dù người học Phật tu cỡ nào mà

không có Chánh tri kiến như đã được nói trong kinh Pali - Việt thì xem như công trình tu tập trở thành vô dụng. Vì vậy những người học Phật hữu duyên với cuốn sách này hãy cố gắng rõ biết Bốn Chân Lý mà Đức Phật đã thuyết trong kinh Chuyển Pháp Luân.

5. Chánh Tư duy

Có Chánh Tư duy là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày thường suy nghĩ ly dục, suy nghĩ vô sân, suy nghĩ vô hại nếu không suy nghĩ theo con đường Bát Chánh thì chúng ta sẽ luân hồi khổ dài lâu.

Trong kinh Trung Bộ số 117. Đại kinh Bốn mươi, viết:

★Tà tư duy, này các Tỳ-kheo, do chánh tư duy làm cho tiêu diệt và những ác bất thiện pháp, được tà tư duy duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có chánh tư duy. Và những thiện pháp được chánh tư duy duyên khởi, các pháp ấy được phát triển trở thành viên mãn.

5.1. Thế nào là Chánh tư duy?

Trong Kinh Trung Bộ số 141, Kinh Phân biệt về Sự thật, viết:

Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tư duy.

Trong Kinh Tăng Chi Sáu Pháp - VI. Đại Phẩm - (IX) (63) Một Pháp Môn Quyết Trạch, viết:

Này các Tỳ-kheo, thế nào là các dục duyên khởi? Xúc, này các Tỳ-kheo, là các dục duyên khởi.

Này các Tỳ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này: Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả ý, khả hỷ, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức... khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, dầu chúng không phải dục, chúng được gọi là dục trưởng dưỡng trong giới luật của bậc Thánh.

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý.

Trong Kinh Tương Ứng 3 - Chương I Tương Ứng Uẩn (c) - I. Phẩm Tham Luyến - IV. Thủ Chuyển (Tập 2, Đại 2,9b) (S.iii,58), viết:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hành? Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hành. Do xúc tập khởi nên các hành tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên các hành đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

Trong Kinh Trung Bộ số 115. Kinh Đa giới, viết:

Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có sáu giới này: dục giới, ly dục giới, sân giới, vô sân giới, hại giới, bất hại giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: “Tỳ-kheo thiện xảo về giới”.

Dựa vào những trích dẫn trên từ trong kinh cho biết rằng nghiệp là sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Như vậy có hai hướng để tạo nghiệp là Chánh tư duy và Tà tư duy. Nếu hằng ngày tu tập Chánh tư duy sẽ dẫn đến nghiệp thiện và ngược lại là Tà tư duy dẫn đến nghiệp ác. Người học Phật cần thực hành những suy nghĩ

thiện sẽ dẫn đến những quả tốt đẹp tương lai nếu không sẽ rơi vào những suy nghĩ ác dẫn đến quả khổ về sau.

Có ba suy nghĩ thiện cần tu tập hằng giờ, hằng ngày là suy nghĩ từ bỏ sự ham muốn, suy nghĩ từ bỏ sân hận và suy nghĩ từ bỏ lòng hại chúng sanh. Nếu thực hành Chánh tư duy viên mãn thì Tà tư duy không sanh khởi tức là tu tập thành công. Hơn nữa tâm dục, tâm sân, tâm hại là những nhân sanh khổ nên hành giả cần thực hành bằng cách suy nghĩ nhiều về ly dục, nhiều về ly sân, nhiều về ly hại hằng giờ, hằng ngày.

Ví dụ: một người lính bảo vệ thành cần đề cao cảnh giác, có súng ống đầy đủ thì kẻ địch không thể nào xâm nhập vào thành hại người dân được. Tương tự, hằng ngày không tu tập Chánh tư duy thì kẻ địch Tà tư duy sẽ xâm phạm vào tâm và sẽ tạo nghiệp ác khổ đau lâu dài.

a) Suy nghĩ từ bỏ sự ham muốn

Như đã trích dẫn ở trên nói về dục trưởng dưỡng nếu không suy nghĩ từ bỏ dục thì nó sẽ trở thành dục lậu sanh vào người, chu thiên, nga quỷ, bàng sanh, địa ngục. Dục do xúc sanh khởi nên bớt tiếp xúc vào sắc, thanh, hương, vị, xúc thì dục sẽ sanh khởi ít, nếu có xúc sanh khởi nên suy nghĩ đến đau khổ khi muốn đối tượng đó, hoặc suy nghĩ về ham muốn sẽ làm mình khổ và làm người khác khổ thì sự ham muốn sẽ được dập tắt. Hành giả tham khảo thêm bài Kinh Trung bộ số 19, Kinh Song tâm.

b) Suy nghĩ từ bỏ sự sân hận

Khổ do duyên xúc sanh khởi nên tâm sân khởi lên. Vì vậy tâm thường suy tư để tổng đối tượng đó và không muốn có đối tượng hiện

hữu. Hành giả nên suy nghĩ ngược lại là không nên ghét bỏ đối tượng vì duyên thọ khổ cũng vô thường, cũng sẽ biến mất. Nếu không suy nghĩ ly sân thì sân khởi lên hậu quả sẽ hại mình và hại người. Hành giả tham khảo Kinh Trung bộ số 19, Kinh Song tâm.

c) Suy nghĩ từ bỏ sự tàn hại

Có tâm ham muốn và sân hận thì nghĩ đến hại người hay hại chúng sanh khác. Điều này vừa hại mình vừa hại người sẽ dẫn đến sanh vào các cõi ác rất đau khổ. Hành giả có thể tham khảo thêm Kinh Trung bộ số 19, Kinh Song tâm.

5.2. Kết Luận

Chánh tư duy là một ngành rất quan trọng trong Bát Thánh đạo vì Tư duy là nghiệp. Tà tư duy là nghiệp ác sẽ trở thành những quả khổ trong hiện tại và kiếp sau. Chánh tư duy là nghiệp thiện sẽ trở thành những quả hạnh phúc đời này và đời sau. Những người học Phật mà biết tu tập Chánh tư duy sẽ thoát đau khổ. Người học Phật có thể tham khảo Kinh Song tâm, Kinh Trung bộ số 19 sẽ giúp hành giả biết cách tư duy để không hại mình và không hại người.

6. Chánh ngữ

Có chánh ngữ là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày cần thực hành để không luân hồi, nếu không thì luân hồi dài lâu.

Trong Kinh Trung Bộ số 117, Đại Kinh Bốn mươi, viết:

Tà ngữ, này các Tỳ-kheo, do chánh ngữ làm cho tiêu diệt và những ác bất thiện pháp được tà ngữ duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu

diệt trong người có chánh ngữ. Và những thiện pháp được chánh ngữ duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

6.1. Thế nào là chánh ngữ?

Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.

Có Chánh ngữ đang đi trên con đường chứng Thánh, vì vậy có khó cũng phải thực chánh ngữ để trở thành Thánh, ngược lại là phạm phu sẽ đau khổ lâu dài. Hành giả cần tu tập Chánh ngữ cho thuần thực thì Tà ngữ sẽ biến mất. Nếu không tu tập Chánh ngữ thì tà ngữ sanh khởi liên tục. Học thuộc và suy tư tại sao cần tu tập Chánh ngữ hằng ngày.

a) Không nói láo

Này các Tỳ-kheo, có tám thánh ngôn này. Thế nào là tám?

Không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không nghĩ nói không nghĩ, không biết nói không biết, thấy nói thấy, nghe nói nghe, nghĩ nói nghĩ, biết nói biết.

Ở đây, này các Gia chủ, có người từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: “Này người kia, hãy nói những gì Ông biết”, nếu biết, người ấy nói: “Tôi biết”; nếu không biết, người ấy nói: “Tôi không biết”; hay nếu không thấy, người ấy nói: “Tôi không thấy”; nếu thấy, người ấy nói: “Tôi thấy”. Như vậy, lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân

tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì.

Sa-môn Gotama từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Nay các Tỳ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

Những đoạn kinh vừa nêu ở trên gọi là không nói láo được trình bày rất rõ ràng giúp người học Phật nói đúng Chánh ngữ thì mới trở thành Thánh được, còn nếu không làm được gọi là phạm phư.

b) Không nói hai lời

Từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp

c) Không nói lời độc ác

Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói nhu hòa, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, người ấy nói những lời như vậy.

Nay các Tỳ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, Sa-môn Gotama nói những lời như vậy. Nay các Tỳ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

d) Không nói lời phù phiếm

Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, người ấy nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi.

6.2. Kết luận về chánh ngữ

Có một số người học Phật không biết định nghĩa về Chánh ngữ nên đã tự suy diễn, tự biên. Vì vậy sai lời Phật dạy sẽ trả quả báo đời sau. Ngày nay nhờ công lao thầy Thích Minh Châu đã dịch năm bộ kinh Nikaya từ Pali sang Việt ngữ giúp người học Phật biết được định nghĩa về chánh ngữ thì sẽ thực hành được dễ dàng. Tác giả đã nghe trong 5 bộ kinh Nikaya chỉ có ba chỗ cho biết định nghĩa Bát Chánh đạo cho nên rất khó cho những ai không đọc hết thì làm sao biết định nghĩa chính xác được.

Tu tập Chánh ngữ sẽ trừ Tà ngữ vì Tà ngữ là nghiệp dẫn đến đau khổ đời này và đời sau. Nếu hằng ngày không tu tập Chánh ngữ thì tà ngữ chế ngự.

7. Chánh nghiệp

Có chánh nghiệp là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày thường xuyên thực hành để không còn luân hồi nữa, nếu không sẽ phải tái sanh lâu dài.

Hành giả học thuộc và suy tư Chánh nghiệp cho đến khi hiểu tại sao cần phải tu tập Chánh nghiệp. Khi hiểu rồi và thực hành chánh nghiệp cho đến thuần thục thì tà nghiệp mất. Như vậy đã thành tựu Chánh nghiệp.

Trong Kinh Trung Bộ số 117, Đại kinh Bốn mươi, viết:

Tà nghiệp, này các Tỳ-kheo, do chánh nghiệp làm cho tiêu diệt, và những ác bất thiện pháp được tà nghiệp duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có chánh nghiệp. Và những thiện pháp được chánh nghiệp duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

7.1. Thế nào là chánh nghiệp?

Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp.

a) Không sát sanh

Ở đây, này các Gia chủ, có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.

b) Không lấy của không cho

Từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy

c) Không tà dâm

Từ bỏ sống theo tà hạnh đối với các dục, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa.

Sa-môn Gotama từ bỏ tà hạnh, tịnh tu phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Đây các Tỳ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

7.2. Kết luận về chánh nghiệp

Thực hành Chánh nghiệp hằng ngày, Tà nghiệp không sanh khởi thì giới mới thành tựu. Tuy nhiên không biết định nghĩa về Chánh nghiệp cũng khó tu tập. Hành giả cần tìm hiểu rõ ràng Chánh nghiệp thì sẽ hành đúng như Đức Phật đã dạy sẽ có quả tốt đời này và đời sau.

8. Chánh mạng

Có Chánh mạng là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày sống Chánh mạng nếu không như vậy sẽ là phàm phu luân hồi mãi mãi đau khổ.

Hành giả học thuộc và suy tư Chánh mạng cho đến khi hiểu tại sao cần phải tu tập chánh mạng. Khi hiểu rồi nên thực hành Chánh mạng thuần thực thì Tà mạng biến mất.

Trong Kinh Trung Bộ số 117, Đại kinh Bốn mươi, viết:

Tà mạng, này các Tỳ-kheo, do chánh mạng làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà mạng duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh mạng. Và những thiện pháp được chánh mạng duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

8.1. Thế nào là chánh mạng?

Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh mạng.

Có năm nghề buôn bán này, này các Tỳ-kheo, một nam cư sĩ không nên làm. Thế nào là năm? Buôn bán đao kiếm, buôn bán người, buôn bán thịt, buôn bán rượu, buôn bán thuốc độc.

8.2. Kết luận về chánh mạng

Chánh mạng là nuôi cái thân tứ đại này bằng những phương tiện đúng. Đức Phật đã cho ví dụ cái thân tứ đại như là bốn con rắn độc, đòi ăn, đòi uống suốt ngày nên sẽ tạo nghiệp rất nhiều. Người cư sĩ thực hành Chánh mạng rất khó. Người xuất gia cần ôm bình bát đi khát thực hằng ngày hoặc nếu được những gia chủ mời về nhà cúng dường thì mới có chánh mạng.

Người cư sĩ sống tại gia thành tựu 5 giới hoặc 8 giới cũng rất khó nên Đức Phật nói rằng khi thân hoại mạng chung được sanh lại làm người như đất dính trên đầu móng tay, còn được sanh vào ba đường ác nhiều như đất trên quả địa cầu. Người học Phật không thành tựu 5 giới thì ba đường ác đang chờ đợi. Hãy cố gắng thực hành Chánh mạng để trừ Tà mạng.

9. Chánh tinh tấn

Có chánh tinh tấn là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày thường xuyên thực hành để không khổ đau nữa.

Học thuộc và suy tư chánh tinh tấn cho đến khi hiểu tại sao cần phải tu tập chánh tinh tấn. Khi hiểu rồi nên thực hành chánh tinh tấn thuần thực thì tà tinh tấn biến mất.

Trong Kinh Trung Bộ số 117, Đại kinh Bốn mươi, viết:

Tà tinh tấn, này các Tỳ-kheo, do chánh tinh tấn làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà tinh tấn duyên khởi, các

pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh tinh tấn. Và những thiện pháp được khởi lên do duyên chánh tinh tấn, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

9.1. Thế nào là chánh tinh tấn?

Này chư Hiền, ở đây Tỳ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn.

9.2. Căn bản Thiện và căn bản Bất Thiện

Trong Kinh Trung Bộ số 9, Kinh Chánh tri kiến, viết:

Chư Hiền, khi Thánh đệ tử tuệ tri được bất thiện và tuệ tri được căn bản bất thiện, tuệ tri được thiện và tuệ tri được căn bản thiện, chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là bất thiện, thế nào là căn bản bất thiện, thế nào là thiện, thế nào là căn bản thiện? Chư Hiền, sát sanh là bất thiện, lấy của không cho là bất thiện, tà hạnh trong các dục là bất thiện, nói láo là bất thiện, nói hai lưỡi là bất thiện, ác khẩu là bất thiện, nói phù phiếm là bất thiện, tham dục là bất thiện, sân là bất thiện, tà kiến là bất thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là bất thiện.

Và chư Hiền, thế nào là căn bốn bất thiện? Tham là căn bốn bất thiện, sân là căn bốn bất thiện, si là căn bốn bất thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là căn bốn bất thiện.

Và này chư Hiền, thế nào là thiện? Từ bỏ sát sanh là thiện, từ bỏ lấy của không cho là thiện, từ bỏ tà hạnh trong các dục là thiện, từ bỏ nói láo là thiện, từ bỏ nói hai lưỡi là thiện, từ bỏ ác khẩu là thiện, từ bỏ nói phù phiếm là thiện, không tham dục là thiện, không sân là thiện, chánh tri kiến là thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là thiện.

Chư Hiền, thế nào là căn bốn thiện? Không tham là căn bốn thiện, không sân là căn bốn thiện, không si là căn bốn thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là căn bốn thiện.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri bất thiện như vậy, tuệ tri căn bốn bất thiện như vậy, tuệ tri thiện như vậy, tuệ tri căn bốn thiện như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

- Bất thiện pháp chưa sanh, không cho sanh khởi.

Dựa vào định nghĩa trên, nếu nói láo, tham, sân v.v... chưa sanh thì không cho sanh khởi. Hành giả phải diệt bất thiện từ lúc chưa có chứ làm ác rồi rất khó bỏ.

- Bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt.

Tham, sân, si, nói láo, sát sanh v.v.. là đã sanh nên khởi tâm trừ diệt nếu không sẽ là luân hồi dài lâu.

- Thiện pháp chưa sanh làm cho sanh khởi.

Không tham, không sân, không si, không nói láo, không sát sanh v.v. chưa sanh nên làm cho sanh khởi sẽ dẫn đến chấm dứt khổ và sẽ làm con đường luân hồi rút ngắn chỉ còn 7 lần.

- Thiện pháp đã sanh khởi, làm cho tăng trưởng.

Không tham, không sân, không si, không nói láo, không sát sanh v.v. đã sanh và tiếp tục tăng trưởng không rơi lại con đường cũ không bao lâu sẽ dẫn đến con đường luân hồi chỉ còn 7 lần.

9.3. Kết luận về Chánh tinh tấn

Chánh tinh tấn còn gọi là Tứ Chánh cần cũng là một trong bảy con đường để chấm dứt nguyên nhân khổ. Tùy vào tâm của những hành giả mà Đức Phật dạy Tứ Chánh cần để tu tập.

Định nghĩa thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là căn bản thiện? Thế nào là căn bản bất thiện? Được nói trong Kinh Chánh tri kiến số 9 Kinh Trung bộ.

Nếu chỉ thuần tu Ch�nh tinh tấn cũng giải thoát luôn với điều kiện những kiết sử của người tu ít thì cũng thành công. Ch�nh tinh tấn cũng có một nghĩa nữa là siêng năng thực hành thiện pháp cho viên mãn như tinh tấn bố thí, giúp người, ấn tống kinh sách v.v...

Chánh tinh tấn sẽ trừ Tà tinh tấn thì sự khổ đau không có đời này và đời sau.

10. Chánh niệm

Có Chánh niệm là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày tu tập mới thành Thánh được ngược lại không tu tập làm phạm phải luân hồi dài lâu.

Học thuộc và suy tư Chánh niệm cho đến khi hiểu tại sao cần phải tu tập Chánh niệm. Khi hiểu rồi nên thực hành Chánh niệm cho viên mãn thì tà niệm mất thì sẽ thành tựu một trong hai bậc Thánh: Thánh Bất Lai hay A La Hán.

Trong Kinh Trung Bộ số 117, Đại kinh Bốn mươi, viết:

Tà niệm, này các Tỳ-kheo, do chánh niệm làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà niệm duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh niệm. Và những thiện pháp được chánh niệm duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Trong Kinh Trung Bộ số 10, Kinh Niệm xứ, viết:

10.1. Thế nào là chánh niệm?

Này chư Hiền, ở đây, Tỳ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh niệm.

Chánh niệm là ghi nhớ đúng về Thân, Thọ, Tâm, Pháp.

Chánh niệm là ghi nhớ đúng con đường đang đi, trong Thánh đạo Tám ngành chỉ duy nhất ngành Chánh niệm phải ghi nhớ những gì sanh khởi và diệt nhưng Chánh niệm trong Thánh đạo chỉ là giới thiệu chung chung mà không có chi tiết hoặc phân tích rõ ràng nên khó tu tập quán. Vì vậy đã có một bài kinh Chánh niệm trình bày rõ ràng để theo đó mà tu tập để đoạn tận tham, đoạn tận sân. Dưới đây là biệt thuyết về chánh niệm gồm có bốn

đề mục: Quán thân trên thân, Quán thọ trên thọ, Quán tâm trên tâm, Quán pháp trên pháp.

Chánh niệm cần thực hành hằng ngày không bao lâu sẽ có Chánh trí dẫn đến tâm tham, tâm sân, tâm si không bao giờ sanh lại còn phàm phu thì tham, sân, si cứ sanh rồi diệt rồi sanh lại.

a) Quán thân trên thân

Phần Quán Thân trên Thân chỉ tập trung trên thân có tất cả 9 giai đoạn, mỗi một giai đoạn có cùng một kết luận. Câu kết luận sẽ cho biết hành giả sẽ phát sanh trí tuệ, sau khi biết và ghi nhớ nhân sanh ra dục Tham, ghi nhớ nhân dục tham diệt. Tương tự như vậy cho Sân.

Quán giai đoạn 1

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, và ngồi kiết già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Tỉnh giác, vị ấy thở vô; tỉnh giác, vị ấy thở ra. Thở vô dài, vị ấy tuệ tri: “Tôi thở vô dài”; hay thở ra dài, vị ấy tuệ tri: “Tôi thở ra dài”; hay thở vô ngắn, vị ấy tuệ tri: “Tôi thở vô ngắn”; hay thở ra ngắn, vị ấy tuệ tri: “Tôi thở ra ngắn”. “Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô”, vị ấy tập; “Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra”, vị ấy tập; “An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở vô”, vị ấy tập; “An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở ra”, vị ấy tập. Này các Tỳ-kheo, như người thợ quay hay học trò người thợ quay thiện xảo khi quay dài, tuệ tri: “Tôi quay dài” hay khi quay ngắn, tuệ tri: “Tôi quay ngắn”. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thở vô dài, tuệ tri: “Tôi thở vô dài”; hay thở ra dài, tuệ tri: “Tôi thở ra dài”; hay thở vô ngắn, tuệ tri: “Tôi thở vô ngắn”; hay thở ra ngắn, tuệ tri: “Tôi thở ra ngắn”. “Cảm

giác toàn thân, tôi sẽ thở vô”, vị ấy tập; “Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra”, vị ấy tập; “An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở vô”, vị ấy tập; “An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở ra”, vị ấy tập.

Kết luận

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. “Có thân đây”, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy không nương tựa, không chấp trước vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán giai đoạn 2

Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đi, tuệ tri: “Tôi đi”, hay đứng, tuệ tri: “Tôi đứng”, hay ngồi, tuệ tri: “Tôi ngồi”, hay nằm, tuệ tri: “Tôi nằm”. Thân thể được sử dụng như thế nào, vị ấy tuệ tri thân như thế ấy.

Kết luận

Vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay vị ấy sống quán thân trên ngoại thân; hay vị ấy sống quán thân trên nội thân, ngoại thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. “Có thân đây”, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán giai đoạn 3

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo, khi bước tới bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới ngó lui, biết rõ việc mình đang làm; khi co tay, khi duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm; khi mang áo Sanghati (Tăng già lê), mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, ném, biết rõ việc mình đang làm; khi đại tiện, tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm; khi đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng, biết rõ việc mình đang làm.

Kết luận

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. “Có thân đây”, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán giai đoạn 4

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đánh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này: “Đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đàm mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, niêm dịch, nước ở khớp xương, nước tiểu”. Này các Tỳ-kheo, cũng như một bao đồ, hai đầu trống đựng đầy các loại hạt như gạo, lúa, đậu xanh, đậu lớn, mè, gạo đã

xay rồi. Một người có mắt, đổ các hạt ấy ra và quán sát: “Đây là hạt gạo, đây là hạt lúa, đây là đậu xanh, đây là đậu lớn, đây là mè, đây là hạt lúa đã xay rồi”. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo quán sát thân này dưới từ bàn chân trở lên trên cho đến đánh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này: “Đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, niêm dịch, nước ở khớp xương, nước tiểu”.

Kết luận

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân, hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. “Có thân đây”, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán giai đoạn 5

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo quán sát thân này về các vị trí các giới và sự sắp đặt các giới: “Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại”. Này các Tỳ-kheo, như một người đồ tể thiện xảo, hay đệ tử của một người đồ tể giết một con bò, ngồi cắt chia từng thân phần tại ngã tư đường. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo quán sát thân này về vị trí các giới và về sự sắp đặt các giới: “Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại”.

Kết luận

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. “Có thân đây”, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán giai đoạn 6

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa một ngày, hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra. Tỳ-kheo quán thân ấy như sau: “Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy”.

Kết luận

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. “Có thân đây”, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán giai đoạn 7

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, bị các loài quạ ăn, hay bị các loài diều hâu ăn, hay bị các chim kên ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài giả can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn. Tỳ-kheo quán thân ấy như sau: “Thân này tánh chất là như vậy, bản chất là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy”.

Kết luận

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. “Có thân đây”, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán giai đoạn 8

Này các Tỳ-kheo, lại nữa, Tỳ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, với các bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại... với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại... với các bộ xương không còn dính thịt, dính máu, còn được các đường gân cột lại, chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia. Ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương hông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu. Tỳ-kheo quán thân ấy như sau: “Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy”.

Kết luận

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. “Có thân đây”, vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Đây các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán giai đoạn 9

Lại nữa này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc... chỉ còn một đồng xương lâu hơn ba năm... chỉ còn là xương thối trở thành bột. Tỳ-kheo quán thân ấy như sau: “Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy”.

Kết luận

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. “Có thân đây”, vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Đây các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Phân tích và giải thích phần kết luận quán thân trên thân.

Dựa vào các đoạn kinh trên có tất cả 9 giai đoạn để quán về thân nhưng mỗi giai đoạn có câu kết luận giống nhau như sau:

“Nhu vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. “Có thân đây”, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân”.

1- Quán tánh sanh khởi trên thân có nghĩa là biết và ghi nhớ do duyên gì mà tánh chất các pháp sanh khởi.

2- Quán tánh diệt tận trên thân có nghĩa là chỉ biết và ghi nhớ do duyên gì mà tánh chất các pháp diệt tận.

3- Quán tánh sanh diệt trên thân, quán để biết lý do tánh chất các pháp sanh và biết lý do tánh chất các pháp diệt. Biết và ghi nhớ tiến trình này sẽ phát sanh trí tuệ như sau:

“Có thân đây”, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân”.

Hành giả theo ba tiến trình trên rồi cứ quan sát để biết và ghi nhớ trong một thời gian sẽ có trí tuệ sanh khởi. Tiến trình này hành giả quán sẽ tự biết không thể diễn tả hết ý được.

b) Quán thọ trên thọ

Sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

Quán các cảm thọ

Này các Tỳ-kheo, như thế nào là Tỳ-kheo sống quán thọ trên các thọ? Này các Tỳ-kheo, ở đây Tỳ-kheo khi cảm giác lạc thọ, tuệ tri: “Tôi cảm giác lạc thọ”; khi cảm giác khổ thọ, tuệ tri: “Tôi cảm giác khổ thọ”; khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, tuệ tri: “Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ”. Hay khi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất, tuệ tri: “Tôi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất”; hay khi cảm giác lạc thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: “Tôi cảm giác lạc thọ không thuộc vật chất”. Hay khi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất, tuệ tri: “Tôi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất”; hay khi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: “Tôi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất”. Hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất, tuệ tri: “Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất”; hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: “Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất”.

Kết luận

Như vậy, vị ấy sống quán thọ trên các nội thọ; hay sống quán thọ trên các ngoại thọ; hay sống quán thọ trên các nội thọ, ngoại thọ. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các thọ, hay sống quán tánh diệt tận trên các thọ; hay sống quán tánh sanh diệt trên các thọ. “Có thọ đây”, vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy Tỳ-kheo sống quán thọ trên các thọ.

Tương tự như sự giải thích phần kết luận quán thân đã nói trên mà Đức Phật thường có mệnh đề kết luận giống nhau phần quán thọ.

c) Quán tâm trên tâm

Sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời;

Quán tâm

Này các Tỳ-kheo, như thế nào là Tỳ-kheo sống quán tâm trên tâm? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo, với tâm có tham, tuệ tri: “Tâm có tham”; hay với tâm không tham, tuệ tri: “Tâm không tham”. Hay với tâm có sân, tuệ tri: “Tâm có sân”; hay với tâm không sân, tuệ tri: “Tâm không sân”. Hay với tâm có si, tuệ tri: “Tâm có si”; hay với tâm không si, tuệ tri: “Tâm không si”. Hay với tâm tham nhiễm, tuệ tri: “Tâm được tham nhiễm”. Hay với tâm tán loạn, tuệ tri: “Tâm bị tán loạn”. Hay với tâm quảng đại, tuệ tri: “Tâm được quảng đại”; hay với tâm không quảng đại, tuệ tri: “Tâm không được quảng đại”. Hay với tâm hữu hạn, tuệ tri: “Tâm hữu hạn”. Hay với tâm vô thượng, tuệ tri: “Tâm vô thượng”. Hay với tâm có định, tuệ tri: “Tâm có định”; hay với tâm không định, tuệ tri: “Tâm không định”. Hay với tâm giải thoát, tuệ tri: “Tâm có giải thoát”; hay với tâm không giải thoát, tuệ tri: “Tâm không giải thoát”.

Kết luận

Như vậy vị ấy sống quán tâm trên nội tâm; hay sống quán tâm trên ngoại tâm; hay sống quán tâm trên nội tâm, ngoại tâm. Hay sống quán tánh sanh khởi trên tâm; hay sống quán tánh diệt tận trên tâm; hay sống quán tánh sanh diệt trên tâm. “Có tâm đây”, vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí,

chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán tâm trên tâm.

Tương tự như phần giải thích quán thân đã nói trên mà Đức Phật thường kết luận sau khi đã giới thiệu quán quán tâm trên tâm.

d) Quán pháp trên pháp

Quán năm triền cái

Này các Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo nội tâm có ái dục, tuệ tri: “Nội tâm tôi có ái dục”; hay nội tâm không có ái dục, tuệ tri: “Nội tâm tôi không có ái dục”. Và với ái dục chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Hay nội tâm có sân hận, tuệ tri: “Nội tâm tôi có sân hận”; hay nội tâm không có sân hận, tuệ tri: “Nội tâm tôi không có sân hận”. Và với sân hận chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với sân hận đã sanh, nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với sân hận đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có hôn trầm thụy miên, tuệ tri: “Nội tâm tôi có hôn trầm thụy miên”; hay nội tâm không có hôn trầm thụy miên, tuệ tri: “Nội tâm tôi không có hôn trầm thụy miên”. Và với hôn trầm thụy miên chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và

với hôn trầm thụy miên đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có trạo hối, tuệ tri: “Nội tâm tôi có trạo hối”; hay nội tâm không có trạo hối, tuệ tri: “Nội tâm tôi không có trạo hối”. Và với trạo hối chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có nghi, tuệ tri: “Nội tâm tôi có nghi”; hay nội tâm không có nghi, tuệ tri: “Nội tâm tôi không có nghi”. Và với nghi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với nghi đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với nghi đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Kết luận

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. “Có những pháp ở đây”, vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái.

Quán năm thủ uẩn

Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn. Nay các Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn? Nay các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo suy tư: “Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt. Đây là thọ,

đây là thọ tập, đây là thọ diệt. Đây là tướng, đây là tướng tập; đây là tướng diệt. Đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt. Đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt”.

Kết luận

Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. “Có những pháp ở đây”, vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Đây các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn.

Quán sáu nội ngoại xứ

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ. Đây các Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ? Đây các Tỳ-kheo, ở đây Tỳ-kheo tuệ tri con mắt và tuệ tri các sắc, do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Tỳ-kheo tuệ tri tai và tuệ tri các tiếng... tuệ tri mũi và tuệ tri các hương... tuệ tri lưỡi... và tuệ tri các vị... tuệ tri thân và tuệ tri các xúc, tuệ tri ý và tuệ tri các pháp; do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi,

vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Kết luận

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. “Có những pháp ở đây”, vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ.

Quán Bảy Giác chi

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy Giác chi. Nay các Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy Giác chi? Nay các Tỳ-kheo, ở đây Tỳ-kheo nội tâm có niệm giác chi, tuệ tri: “Nội tâm tôi có niệm giác chi”; hay nội tâm không có niệm giác chi, tuệ tri: “Nội tâm tôi không có ý niệm giác chi”. Và với niệm giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy, và với niệm giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy.

Hay Tỳ-kheo nội tâm có trạch pháp giác chi... (như trên)... hay nội tâm có tinh tấn giác chi... (như trên)... hay nội tâm có hỷ giác chi... (như trên)... hay nội tâm có khinh an giác chi... (như trên)... hay nội tâm có định giác chi... (như trên)... hay nội tâm có xả giác

chi, tuệ tri: “Nội tâm tôi có xả giác chi”; hay nội tâm không có xả giác chi, tuệ tri: “Nội tâm tôi không có xả giác chi”. Và với xả giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy, và với xả giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy.

Kết luận

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. “Có những pháp ở đây”, vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy Giác chi.

Quán Tứ Thánh đế

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị ấy sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế. Nay các Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế? Nay các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo như thật tuệ tri: “Đây là Khổ”; như thật tuệ tri: “Đây là Khổ tập”; như thật tuệ tri: “Đây là Khổ diệt”; như thật tuệ tri: “Đây là Con đường đưa đến Khổ diệt”.

Kết luận

Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán

tánh sanh diệt trên các pháp. “Có những pháp ở đây”, vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Đây các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế.

Tương tự như đã giải thích ở phần kết luận quán thân trên thân mà Đức Phật thường kết luận sau khi đã giới thiệu quán pháp trên pháp.

Đa số hành giả không chịu thực hành từ Chánh kiến cho đến Chánh Tinh tấn mà nhảy lên thực hành Chánh niệm rất khó.

Kết quả tu tập Tứ Niệm xứ

Này các Tỳ-kheo, không cần gì đến bảy năm, một vị nào tu tập Bốn Niệm xứ này như vậy trong sáu năm, trong năm năm, trong bốn năm, trong ba năm, trong hai năm, trong một năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn.

Bài kinh trên cho biết quá rõ kết quả là Thánh A la hán hay Thánh bất lai đồng nghĩa những vị nào thành tựu nhất lai thì mới tu tập chánh niệm hay Tứ niệm xứ. Tại sao ngày nay những hành giả chưa chứng Thánh nhứt lai mà tu tập Tứ niệm xứ sao mà thành công được.

Bài Kinh Tương ưng 5 - Đại phẩm - Tứ niệm xứ cho ví dụ về Thân hành niệm và có thể đọc câu chuyện 96 Kinh Tiểu bộ về bung bát đầu.

Trong Kinh Tương ưng 5 - Chương III Tương Ưng Niệm Xứ (a) - II. Phẩm Nàlanda - 20. X. Quốc Độ (hay Ekantaka) (Tập 24,21, Đại 2,174b) (S.v,169), viết:

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Sumbha, tại một thị trấn của dân chúng Sumbha tên là Sedaka.

2) Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỳ-kheo...

3) -- Ví như một số đông quân chúng, này các Tỳ-kheo, tụ họp lại và nói: “Cô gái hoa hậu của quốc độ. Cô gái hoa hậu của quốc độ!”. Và người con gái hoa hậu quốc độ ấy với tất cả sự quyến rũ của mình, múa cho họ xem, với tất cả sự quyến rũ của mình, hát cho họ nghe. Và một số quân chúng còn đông hơn tụ họp lại và nói: “Cô gái hoa hậu của quốc độ múa và hát”. Rồi một người đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, họ nói với người ấy như sau: “Này Ông, hãy xem đây. Đây là cái bát đầy dầu. Ông hãy mang bát dầu ấy và đi vòng quanh đám quân chúng lớn và người con gái hoa hậu của quốc độ. Và một người với cây kiếm giơ cao sẽ đi theo sau lưng Ông. Tại chỗ nào làm đổ một ít dầu, tại chỗ ấy, dầu Ông bị rơi xuống”. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, người ấy có thể không tác ý đến bát dầu, phóng tâm hướng ngoại không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

4) -- Ví dụ này, này các Tỳ-kheo, Ta nói ra để nêu rõ ý nghĩa. Và đây là ý nghĩa của nó. Này các Tỳ-kheo, cái bát đầy dầu là đồng nghĩa với thân hành niệm.

5) Do vậy, này các Tỳ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: “Chúng ta sẽ tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, làm cho như thành cỗ xe, làm cho như thành đất nền, làm cho tiếp tục an trú, làm

cho tích tập, làm cho khéo có hiệu năng (susamàradhà)”. Như vậy, này các Tỳ-kheo, các Ông cần phải học tập.

Chánh niệm về bốn đề mục trong đó có thân hành niệm dành cho hàng xuất gia mới thực hành còn hàng cư sĩ ngày nay rất khó thực hành vì tâm còn phóng dật nhiều. Trong Bát Thánh để phần Chánh niệm rất khó thực hành nên khó chứng bậc Thánh Bất lai. Cố gắng thực hành Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng cho khá rồi thực hành Chánh niệm sẽ dễ hơn. Tuy nhiên vẫn thực hành ghi nhớ những việc thô trước đến khi ghi nhớ phần thô xong thì ghi nhớ phần vi tế. Hành giả không nên hấp tấp tu tất được.

10.2. Kết luận về chánh niệm

Tu tập chánh niệm rất khó, dành cho những vị xuất gia không làm việc gì liên hệ thế gian có thể thực hành như bài kinh thân hành niệm ở trên. Đa số Phật tử chưa biết rõ ý nghĩa “Thế nào là Đạo đế” nên không thể tu tập Tứ Niệm xứ, hoặc bát Thánh đạo được. Mặc dù đã có nhiều khóa tu dạy tu tập Tứ niệm xứ khó thành công vì Phật tử về nhà thì tâm tham, tâm sân vẫn không có gì thay đổi. Do không biết, không hiểu Khổ Tập tức là 12 Nhân duyên cho dù tu kiểu gì cũng không có kết quả.

Ví dụ: Nếu người học Phật không biết thủ phạm mà đòi bắt nó là chuyện không tương. Cũng vậy người tu cần thấy rõ, biết rõ tâm tham, tâm sân, tâm si, nếu chưa biết cho dù có tu muôn kiếp cũng không bắt được.

Người học Phật cần tìm hiểu rõ ràng từ duyên Lục nhập, duyên Thức, duyên Xúc, duyên Thọ, duyên Ái (tham, sân, si). Nguyên nhân

xa sanh ra Tham là từ duyên Sáu nội xứ, duyên Thức, duyên Xúc còn duyên Thọ nhân sanh gần nhất. Phải nhận thấy duyên Lục Nhập, duyên Xúc, duyên Thọ trước, nếu không thấy thì không thể chống đỡ kịp khi có duyên Thọ sanh.

Ví dụ: đánh giặc là đánh từ xa chứ không phải đợi giặc đến cửa thì muộn quá rồi.

Trong bốn chỗ: Thân, Thọ, Tâm, Pháp, cần ghi nhớ tâm tham, tâm sân sanh khởi và đoạn diệt gọi là chánh niệm. Có chánh niệm sẽ trừ tà niệm vì tà niệm là nhân sanh khổ.

Đời sống con người lo nuôi dưỡng và thoả mãn cái thân tứ đại nên cần biết và ghi nhớ tại sao tham sanh khởi và đoạn diệt. Sau khi đã trải nghiệm như vậy sẽ có trí tuệ sanh khởi như phần kết luận ở trên. Những cảm thọ luôn luôn có, Phật tử cần ghi nhớ nó xảy ra và nó diệt. Những cảm thọ phát sanh từ vật chất hay không liên hệ vật chất cần ghi nhớ và biết rõ.

Quán Pháp chỉ quán về 5 Triền cái, 5 Thủ uẩn, Sáu nội xứ-Sáu ngoại xứ, Thất Giác Chi, Tứ Thánh đế. Vì những Pháp này tiêu biểu những sự thật, Phật tử cần chứng nghiệm những kiết sử sanh khởi và đoạn diệt một thời gian sẽ có trí tuệ sanh khởi sau phần quán Pháp.

11. Chánh định

Có Chánh định là đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày tu tập để thành Thánh ngược lại là phạm phu phải luân hồi sẽ khổ dài lâu.

Học thuộc và suy tư Chánh định cho đến khi hiểu tại sao hành giả cần phải tu tập Chánh định. Khi hiểu rồi nên thực hành Chánh định viên mãn thì Tà định biến mất.

Trong Kinh Trung Bộ số 117, Đại kinh Bốn mươi, viết:

Tà định, này các Tỳ-kheo do chánh định làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà định duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh định. Và những thiện pháp được chánh định duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tổng thuyết

Thế nào là chánh định?

Trong Kinh Trung Bộ số 141, Kinh Phân biệt về Sự thật, viết:

Này chư Hiền, ở đây, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ. Vị Tỳ-kheo ấy diệt tâm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tỳ-kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.

Phần tổng thuyết trình bày rất khó hiểu, có hai bài kinh được trích dưới đây sẽ giúp cho người học Phật biết rõ chi tiết để có thể chứng được sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Hầu hết người học Phật không hiểu chánh định là gì mà cứ bắt chước làm theo vì không tham khảo các bài kinh khác. Do đó tu tập không có kết quả.

a) Năm dục trường dưỡng

Trong Kinh Trung Bộ số 26, Kinh Thánh cầu, viết:

Có năm dục trường dưỡng. Thế nào là năm?

Này các Tỳ-kheo, có năm dục trường dưỡng. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... (như trên)... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân cảm xúc là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, như vậy, là năm dục trường dưỡng.

Đoạn kinh trên giúp hành giả hiểu dục do những sắc, thanh, hương, vị, xúc khả ái khả lạc.

★ Không thấy sự nguy hại của chúng, không biết rõ sự xuất ly khỏi chúng.

Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị trói buộc, bị tham đắm, bị mê say bởi năm dục trường dưỡng này, không thấy sự nguy hại của chúng, không biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, mà thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: “Các Người đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn”. Này các Tỳ-kheo, như một con nai sống trong rừng bị sập bẫy nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: “Nó đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị thợ săn sử dụng như ý muốn. Khi người thợ săn đến, con nai không thể bỏ đi như ý muốn. Này các Tỳ-kheo, cũng vậy, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị trói buộc... (như trên)... đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn.

Đoạn kinh trên cho biết những hành giả nếu tu tập mà còn say mê năm dục thì bị ác ma chi phối không thể nào vào sơ thiên được đâu.

★ Thấy sự nguy hại của chúng, biết rõ sự xuất ly khỏi chúng.

Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc, không bị tham đắm, không bị mê say bởi năm dục trường dưỡng này, thấy sự nguy hại của chúng, biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, và thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: “Các Người không rơi vào bất hạnh, không rơi vào tai họa, không bị Ác ma sử dụng như ý muốn”. Này các Tỳ-kheo, như một con nai sống trong rừng, không bị sập bẫy phải nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: “Nó không rơi vào bất hạnh, nó không rơi vào tai họa, nó không bị người thợ săn sử dụng như ý muốn”. Khi người thợ săn đến, con nai có thể bỏ đi như ý muốn. Này các Tỳ-kheo, cũng vậy, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc... không bị Ác ma sử dụng như ý muốn.

Đoạn kinh trên xác quyết nếu thấy vị ngọt dục, nguy hiểm dục, xuất ly sẽ không còn ác ma chi phối sẽ giúp hành giả tâm có định rồi sẽ vào bốn tầng thiên đề dàng như những gì được diễn tả dưới đây.

Chư Tỳ-kheo, ví như con nai sống trong rừng, đi qua đi lại trong rừng, an tâm nó đi, an tâm nó đứng, an tâm nó ngồi, an tâm nó nằm. Tại sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì nó vượt khỏi tầm tay của người thợ săn. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp chúng và trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc, do ly dục sanh, có tâm có tứ. Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy được gọi là: một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma.

b) Năm triền cái phải đoạn tận

Hành giả hãy đọc kỹ phần quán năm triền cái này sẽ giúp cho hành giả tu tập để vào sơ thiên không có khó khăn.

Trong Kinh Trung Bộ số 38, Đại kinh Đoạn tận ái, viết:

Vị ấy với sự thành tựu Thành giới uẩn này, với sự thành tựu Thánh hộ trì căn này, và với Thánh chánh niệm tỉnh giác này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng, tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa, tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Sau khi từ bỏ năm triền cái làm ô nhiễm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ, vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm giác sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là “xả niệm lạc trú”, chứng và trú Thiền thứ ba. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

1- Sơ thiền

Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ.

Trước khi vào sơ thiền, hành giả cần phải muội lược năm triền cái (tham, sân, hôn trầm thụy miên, nghi, trạo hối) nếu không thì không thể nào nhập sơ thiền được. Nếu hành giả nào đã thực hành từ Chánh kiến cho đến Chánh niệm rồi thì vào sơ thiền rất nhanh.

2- Nhị thiền

Vị Tỳ-kheo ấy diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm

Tầm, tứ không còn nữa gọi là diệt khi đó sẽ có trạng thái như trong kinh diễn tả. Mỗi hành giả cần kiểm chứng nhị thiền chứ không phải tin. Cố gắng thực hành cho đến khi chứng nghiệm nhị thiền.

3- Tam thiền

Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.

Hành giả không dính mắc vào hỷ gọi là xả

4- Tứ thiền

Tỳ-kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.

Hành giả vào tầng thiền có trạng thái không khổ không lạc được ghi nhớ thanh tịnh. Hành giả không dính mắc trạng thái này gọi là xả. Sau thiền thứ tư, hành giả hướng tâm, dẫn tâm đến túc mạng minh, hướng tâm dẫn tâm đến sanh tử minh. Hành giả có được hai minh đầu tiên trong ba minh.

Hành giả nào muốn thực hành Chánh định nên tìm hiểu kỹ thêm bài kinh dưới đây sẽ giúp hành giả hiểu ý nghĩa được hỷ lạc không liên hệ đến vật chất đồng nghĩa với sơ thiên.

5- Bài Kinh Thanh Tịnh, Không Liên Hệ Đến Vật Chất

Trong Kinh Tương ưng 4 - Chương II Tương Ứng Thọ - Phẩm Một Trăm Lẻ Tám Pháp Môn - 29. IX. Thanh Tịnh, Không Liên Hệ Đến Vật Chất (S.iv,235), viết:

1) ...

2) -- *Này các Tỳ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỳ-kheo, đây là ba thọ.*

3) *Này các Tỳ-kheo, có hỷ liên hệ đến vật chất, có hỷ không liên hệ đến vật chất, có hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia; có lạc liên hệ đến vật chất, có lạc không liên hệ đến vật chất, có lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia; có xả liên hệ đến vật chất, có xả không liên hệ đến vật chất, có xả không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chất kia; có giải thoát liên hệ đến vật chất, có giải thoát không liên hệ đến vật chất, có giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại giải thoát không liên hệ đến vật chất kia.*

4) *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hỷ liên hệ đến vật chất? Này các Tỳ-kheo, có năm dục công đức này. Thế nào là năm? Có các sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, đây là năm dục công đức này. Này các Tỳ-kheo, do duyên năm dục công đức này, hỷ khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hỷ liên hệ đến vật chất.*

5) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hỷ không liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Làm tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh, nhất tâm. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hỷ không liên hệ đến vật chất.

6) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia? Tỳ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khi quán sát tâm giải thoát khỏi tham, khi quán sát tâm giải thoát khỏi sân, khi quán sát tâm giải thoát khỏi si, hỷ được khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia.

7) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là lạc liên hệ đến vật chất? Này các Tỳ-kheo, có năm dục công đức. Thế nào là năm? Có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có những xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, đây là năm dục công đức. Này các Tỳ-kheo, do duyên năm dục công đức này, khởi lên lạc hỷ gì, này các Tỳ-kheo, đây gọi là lạc liên hệ đến vật chất.

8) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là lạc không liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Tịnh chỉ các tầm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh, nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng đạt và trú Thiền thứ ba. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là lạc không liên hệ đến vật chất.

9) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia? Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quán sát tâm giải thoát khỏi sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, lạc và hỷ khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia.

10) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là xả liên hệ đến vật chất? Này các Tỳ-kheo, có năm dục công đức này. Thế nào là năm? Có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có những xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, do duyên năm dục công đức này, xả khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là xả liên hệ đến vật chất.

11) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là xả không liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đoạn lạc, đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là xả không liên hệ đến vật chất.

12) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là xả không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chất kia? Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quán sát tâm giải thoát khỏi sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, xả khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là xả không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chất kia.

13-14) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là giải thoát liên hệ đến vật chất? Sự giải thoát liên hệ đến sắc là liên hệ đến vật chất... Sự giải thoát liên hệ đến vô sắc là không liên hệ đến vật chất.

16) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sự giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả sự giải thoát không liên hệ đến vật chất kia? Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quán sát tâm giải thoát khỏi sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, giải thoát khỏi lên. Này các Tỳ-kheo, đây là sự giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả sự giải thoát không liên hệ đến vật chất kia.

6- Kết Luận về Chánh định

Tu tập chánh định vô cùng khó khăn vì đã ly dục rồi hoặc năm triền cái diệt thì mới vào Chánh định được. Tu tập Chánh định sẽ diệt Tà định vì Tà định là nhân sanh khổ.

Điều kiện tu Chánh định cần ly dục sắc, ly dục thanh, ly dục hương, ly dục vị, ly dục xúc. Nếu chưa ly dục được thì sơ thiền không thể nhập được mà chỉ là Tà định. Có thể tìm hiểu bài Kinh Thanh tịnh để biết thêm ý nghĩa hỷ lạc không liên hệ với vật chất và có những hỷ lạc liên hệ vật chất đã được trích dẫn ở trên.

Tu Chánh định sẽ đạt đến Tứ thiền sẽ có tam minh: Túc mạng minh, Sanh tử minh, Lậu tận minh. Chứng được Tam minh là việc không dễ thực hành ở thế kỷ 21 này.

Tìm hiểu Chánh định cho kiếp vị lai trở lại thế gian vào một thời điểm khác mà loài người có đời sống đơn giản có thể tu tập được, thời đại này mà nói chuyện Ly dục là chuyện rất khó thực hành.

12. Chánh trí

Trong Kinh Trung Bộ số 117, Đại kinh Bốn mươi, viết:

Tà trí, này các Tỳ-kheo, do Chánh trí làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà trí duyên khởi, các pháp ấy được

tiêu diệt trong người có chánh trí. Và những thiện pháp được chánh trí duyên khởi, các pháp ấy được phát triển và trở thành viên mãn.

Sau khi đã chứng tứ thiên, Ngài đã nói như sau: “*Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Lộ tận trí. Ta biết như thật: “Đây là Khổ”, biết như thật: “Đây là Nguyên nhân của khổ”, biết như thật: “Đây là sự Diệt khổ”, biết như thật: “Đây là Con đường đưa đến diệt khổ”, biết như thật: “Đây là những lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là nguyên nhân của lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc”.*”

Hành giả học thuộc và suy tư Chánh trí cho đến khi hiểu tại sao cần tu tập Chánh trí. Khi hiểu rồi thực hành viên mãn thì tà trí biến mất.

13. Chánh giải thoát

Trong Kinh Trung Bộ số 117, Đại kinh Bốn mươi, viết:

Tà giải thoát, này các Tỳ-kheo, do chánh giải thoát làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà giải thoát duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh giải thoát. Và các thiện pháp được chánh giải thoát duyên khởi, các pháp ấy được phát triển và trở thành viên mãn.

Thông thường chỉ nói đến tám Chánh nhưng Đức Phật đã nói thêm hai Chánh nữa trong Đại Kinh bốn mươi số 117 Kinh Trung bộ. Sau khi đã hướng Chánh trí nên có Chánh giải thoát khởi lên như sau:

Nhờ biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân

đã giải thoát như vậy, Ta khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát” Ta đã biết: “Sanh đã diệt, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa”.

Chúng được Lưu tận minh tức là bậc Thánh A la hán.

14. Kết luận

Chương này bàn về Đạo đế nhưng chỉ nói về Bát Thánh đạo là chính và phân biệt thuyết về Chánh niệm tức là Tứ niệm xứ, không nói những con đường khác. Bát Thánh đạo là con đường chấm dứt được tất cả những nguyên nhân sanh khổ, còn những con đường khác chỉ trừ được một số nguyên nhân mà các thầy tu đang có và không có những nguyên nhân khác. Như vậy trước khi thực hành đạo đế, quý vị cần biết rõ khổ, nguyên nhân khổ, diệt khổ và con đường diệt khổ. Chương 1: Khổ Tập cũ và Chương 3: Khổ Tập mới trong Phần III cần biết rõ trước khi tu tập. Nếu không biết rõ hai chương trên thì không thể thực hành được.

Bát chánh trừ Bát tà, nhưng Bát tà đồng nghĩa nguyên nhân sanh khổ. Đây là một cách trình bày cụ thể, có thể xem bát tà như là ý hành, khẩu hành, thân hành, hoặc 10 kiết sử, hoặc tham sân si, hoặc dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Nếu không quy ra thì chúng ta không biết tu bát chánh diệt được kiết sử nào.

Chánh kiến trừ tà kiến, đoạn tận thân kiến, nghi, giới cấm thủ.

Chánh Tư duy trừ Tà Tư duy, đoạn tận những sự ham muốn, những sân hận, những tâm hại chúng sanh. Như vậy dục không có thì dục lậu không sanh khởi nên không còn sanh lại cõi dục.

Chánh ngữ trừ tà ngữ, Phật tử sẽ viên mãn về giới có thể chứng bậc Thánh dự lưu hoặc sanh lại làm người hay chư thiên.

Chánh nghiệp trừ Tà nghiệp, Phật tử sẽ viên mãn về giới có thể chứng Thánh Dự lưu hoặc sanh làm người hay chư thiên.

Chánh mạng trừ Tà mạng, Phật tử nuôi thân bằng những phương tiện chân chính, không phải tà. Thông thường con người vì cái thân tứ đại này đã làm nhiều nghề hại mình, hại người. Biết tri túc trong một ngày ăn một bữa thì không cần tiền nhiều. Do lòng tham nên con người hại chúng sanh sẽ đọa lạc ba đường ác cũng chỉ vì Tà mạng.

Chánh Tinh tấn trừ Tà Tinh tấn, có nhiều người siêng năng kiếm tiền nhiều hoặc để có địa vị, công danh trong xã hội gọi là Tà Tinh tấn. Những người hằng ngày siêng tu tập để trừ tâm tham, tâm sân, tâm si gọi là Chánh Tinh tấn.

Chánh niệm trừ tà niệm, tâm con người luôn luôn ghi nhớ những chuyện làm sao để nhiều tài sản, nhiều tiền bạc v.v. gọi là tà niệm. Những người học Phật luôn luôn ghi nhớ vì sao tâm tham, tâm sân sanh khởi, vì sao tham, sân đoạn diệt, sẽ có trí tuệ dẫn đến chấm dứt sanh tử gọi là Chánh niệm.

Chánh Định trừ Tà định, những người tập trung vào đề mục để mong cầu có thần thông gọi là Tà định. Những người tập trung vào hơi thở hoặc những thiền án xứ, tâm vị ấy ly dục, ly ác pháp sẽ có sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền dẫn đến Túc Mạng Minh, Sanh Tử Minh, Lộ Tận Minh gọi là chánh định.

Tiểu kết

Chương 1 nói về Diệt khổ để tức là Niết Bàn. Có bài kinh Đại kinh Ví dụ lõi cây và bài kinh Khúc gỗ trôi trên sông sẽ giúp hành giả Phật giáo hiểu về Niết Bàn. Lý Duyên diệt xác định rõ ràng khi mà diệt Vô minh và Hành thì toàn bộ khổ uẩn chấm dứt hết là Niết Bàn. Như vậy biết Lõi cây trước khi vào rừng tìm lõi cây. Tương tự biết Niết Bàn trước khi thực hành đạo để mà Bát Chánh là một con đường trong bảy con đường.

Chương 2 nói về phương pháp chấm dứt khổ. Trong tập sách bàn thảo khá kỹ càng về bát Thánh đạo. Có tám chi phần sẽ trừ hết những nguyên nhân khổ mà tiêu biểu là Bát tà hay thân, hành, khẩu hành, ý hành.

Như vậy hành giả tìm hiểu và tu tập Chánh kiến cho viên mãn thì Tà kiến biến mất. Tìm hiểu và tu tập Chánh Tư duy cho viên mãn thì tà tư duy biến mất. Tìm hiểu và tu tập Chánh ngữ cho viên mãn thì Tà ngữ biến mất. Tìm hiểu và tu Chánh nghiệp cho viên mãn... tìm hiểu và tu tập Chánh định cho viên mãn thì Tà định mất.

Có 7 con đường chứ không phải một con đường. Tuy nhiên con đường Bát chánh là thông dụng nhất vì sẽ trừ diệt được Bát tà (những nguyên nhân khổ chi tiết hơn). Những con đường khác chỉ trừ được một số nguyên nhân không bao hàm tất cả. Vì Đức Phật có tha tâm thông biết những thầy tu có dính mắc ít nên dạy con đường đơn giản trừ diệt nguyên nhân đó. Những người học Phật Pháp ngày nay không biết đạo để có nhiệm vụ gì nên không tìm hiểu Đạo Để cho kỹ nên đã hiểu sai về Bát Thánh đạo.

Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn có viết “Pháp Luật nào có Bát Thánh đạo có Sa môn thứ nhất (bậc Thánh thứ nhất), có Sa môn thứ hai (bậc Thánh thứ hai), có Sa môn thứ ba (bậc Thánh thứ ba), có Sa môn thứ tư (bậc Thánh thứ tư)”.

Như vậy bát Thánh đạo là con đường trừ diệt tất cả nguyên nhân sanh khổ mà những con đường khác không diệt được hết.

Phần IV này giúp hành giả chứng được một trong bốn bậc Thánh trong đời này hay trong tương lai.

C. KẾT LUẬN

Phần dẫn nhập

Trình bày những rào cản ngôn ngữ để học Kinh dịch từ Pali hay Sanskrit nhưng khi học Kinh cần phải đạt ý quên lời và chứng nghiệm chứ không phải tin vào văn tự vì văn tự chỉ biểu thị sự thật. Có văn tự rồi đi đến sự thật vô cùng khó khăn nên cần kiên nhẫn.

Trình bày những bài kinh tối quan trọng nhất trong hệ thống kinh Pali - Việt như:

Kinh Chuyển Pháp luân mà nội dung chính là Tứ Thánh đế đã có một uy lực rất lớn và đã làm rung động 10 ngàn thế giới. Ngoài bài kinh này không có một bài kinh nào khác nữa có một uy lực như vậy. Hơn nữa những Phật tử đi thăm viếng bốn chỗ động tâm ở Ấn độ mà có một chỗ Đức Phật đã thuyết bài kinh này. Ngày nay Phật tử đã không tìm hiểu sâu và không chứng nghiệm Tứ Thánh đế mà chạy theo những Pháp cao siêu hơn, vì cho rằng Kinh Tứ Thánh đế không có liễu nghĩa. Đây là sai lầm lớn nhất của những người học Phật Pháp hôm nay và đã mất cơ hội giải thoát ngay kiếp này.

Bài kinh Lá rừng Simsapa xác quyết rằng “Và này các Tỳ-kheo, điều gì mà Ta nói? “Đây là Khổ”, này các Tỳ-kheo, là điều Ta nói. “Đây là Khổ tập”, là điều Ta nói. “Đây là Khổ diệt”, là điều Ta nói. “Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt”, là điều Ta nói”. Nhưng

tại sao, này các Tỳ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, những điều ấy liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta nói lên những điều ấy.

Vậy mà những người học Phật hôm nay đi vào rừng để kiếm hàng ngàn chiếc lá khác mà bỏ đi bốn chiếc lá Tứ Thánh để.

Bài kinh “Con đường xưa cũ” đã xác quyết rằng những vị Chánh Đẳng Giác quá khứ đã đi qua và nay Thế Tôn cũng đi qua. Chúng ta là ai mà không đi theo con đường xưa cũ của Ngài đã đi qua.

Những giờ sau cùng trước khi nhập Niết Bàn Thế Tôn đã nói như sau: “Này Subhadda, trong pháp luật nào không có Bát Thánh đạo, thời ở đây không có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn. Này Subhadda trong pháp luật nào có Bát Thánh đạo, thời ở đây có đệ nhất Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đây cũng có đệ tứ Sa-môn. Này Subhadda, chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những vị Tỳ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán”.

Bài Kinh Phá hoà hợp Tăng cảnh cáo cho những vị nào đi rao giảng những điều Như Lai không nói mà nói rằng Như Lai thuyết hoặc những gì Như Lai có thuyết mà nói rằng Như Lai không thuyết. Nếu như vậy đọa địa ngục một kiếp.

Do duyên các bài kinh trên dẫn đến chọn tựa đề cuốn sách “Tứ Thánh đế là tối thượng” nghĩa là không có một bài kinh nào khác cao hơn kinh Chuyển Pháp Luân.

Phần I: Bồ thí, trì giới, các cõi trời dục giới

Phần I gồm ba chương:

Chương 1: Bồ thí được trình bày để giúp Phật tử nên có tấm lòng rộng lượng giúp đỡ những người nghèo khó và cúng dường Tăng Ni để trang bị Tâm cho vị lai sẽ được giải thoát.

Chương 2: Trì giới cần được hành trì để khi chết sẽ sanh lên làm người hoặc được sanh vào một trong sáu cõi trời dục giới hưởng thiên lạc lâu dài. Nếu không thực hành giới sẽ rơi vào ba đường ác khổ đau.

Chương 3: Các cõi trời dục giới được giới thiệu để khích lệ Phật tử biết mà lo bồ thí và thành tựu giới sẽ được sanh lên các Thiên giới. Thế Tôn với Thiên Nhân đã thấy và nói lại chứ không phải tưởng tượng.

Những người học Phật chưa biết nhiều về Phật pháp nên cần thực hành bồ thí cho viên mãn và cố gắng thành tựu năm giới, tám giới hay mười giới. Nhờ thành tựu giới mà sanh thiên giới hưởng phước lâu dài nhưng sau khi hưởng hết phước báu rồi luân hồi vào ba đường ác khổ đau. Tuy nhiên chúng sanh không thành tựu giới đời này, sau khi chết sẽ sanh vào ba đường ác khổ vô cùng. Như vậy giữa giữ giới và không giữ giới thì cái nào lợi hơn. Nếu là người trí sẽ chọn giữ giới để có một đời sống tốt đẹp sau khi chết.

Phần II: Vị ngọt, nguy hiểm, xuất ly của dục

Phần này gồm 2 chương:

Chương 1 trình bày về vị ngọt của sáu nội xứ và của sáu ngoại xứ. Vị ngọt ai cũng ưa, cũng thích nên trói buộc mà phải khổ đau sau này. Sự nguy hiểm của sáu nội xứ và của sáu ngoại xứ là vô thường, biến hoại, khổ. thì chúng sanh mới biết sợ và xa lánh thì không trói buộc vào chúng nữa. Như chuyện vợ chồng trói buộc với nhau do vị ngọt khả ái khả lạc mà hút nhau nhưng do sự vô thường người vợ hay người chồng chết nên sanh ra khổ đau. Sau khi biết vị ngọt và nguy hiểm của sáu nội xứ và sáu ngoại xứ thì sự xuất ly sanh khởi. Tâm ly tham, từ bỏ không ham muốn vị ngọt vì biết rằng cuối cùng là khổ.

Chương 2 trình bày về kết quả tu tập ly dục sẽ sanh vào 15 cõi trời sắc giới sẽ hưởng tuổi thọ vô lượng nhưng hưởng hết tuổi thọ vẫn phải luân hồi vào ba đường ác. Còn có bốn cõi trời vô sắc giới nữa nhưng không bàn về cõi vô sắc vì không hành giả nào trong thế kỷ 21 có thể chứng được cả.

Những người sống tại gia khó thực hiện phần này vì đòi hỏi ly dục mà người đời thích dục. Người xuất gia cần phải sống nơi hoang vắng chứ sống ngay trong thành phố cũng không thực hành được vì dục sẽ sanh khởi. Thông thường phần này thời xưa bên Ấn độ vào rừng tu thì sẽ ly dục dễ dàng còn thời đại này rất khó tu vô cùng.

Phần III: Khổ Thánh đế và khổ tập đế

Trình bày về Lý Duyên khởi tức Luật Nhân quả. Phần này gồm có năm chương:

Chương 1 nói về nghiệp cũ gồm có ba duyên : Vô minh, Hành, Thức là những hành động đã tạo trong những kiếp quá khứ. Người học Phật không cần quan tâm những gì đã làm trong quá khứ nhưng cần biết rằng những gì xảy đến với chúng ta đều có nguyên nhân và biết như vậy thì tâm坦然 nhiên chấp nhận quả báo không tham đắm khi có lạc và không có sân khi có khổ.

Chương 2 nói về quả khổ/lạc hiện tại gồm có 4 duyên : Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ là những quả sướng khổ do nghiệp cũ sanh ra. Người học Phật biết rằng Danh sắc bước đầu nhập thai vào kiếp sống hiện tại rất vi tế. mắt thường không thấy được và bào thai phát triển đầy đủ sáu giác quan sau hơn 9 tháng lọt ra khỏi bụng mẹ. Từ đây thật sự nhập sáu cảnh vào tâm sanh ra 6 cái biết sanh ra sáu xúc rồi sanh 6 thọ (lạc, không khổ không lạc, khổ). Đây là tiến trình chúng ta không thay đổi vì là quả báo.

Chương 3 nói về nghiệp mới gồm có ba duyên : Ái, Thủ, Hữu là những hành động được tạo ra từ khi sanh vào kiếp sống hiện tại, chính Ái sẽ dẫn đến một đời sống mới sau khi chết.

Chương 4 nói về quả khổ tương lai gồm có hai duyên: Sanh, Già chết là quả do nghiệp mới sanh khởi sau khi chết.

Chương 5 nói về áp dụng Tứ đế vào 11 duyên trong 12 duyên và 5 uẩn.

Lý Duyên khởi rất quan trọng nên người học Phật phải tìm hiểu cho rõ ràng thì may ra mới thoát khổ được. Đức Phật đã khám phá định lý này và đã nói lại cho chúng ta biết ngoài ra không một ai trên thế gian biết. Lý duyên khởi chia làm ba thời: quá khứ, hiện tại, tương lai.

Hành động khởi ra gọi là Khổ Tập và quả khổ/lạc gọi là quả. Nếu ai nhận ra điều này đúng thì trong tương lai có quả khổ lạc do biết những hành động gì đã gây ra ngày hôm nay. Như vậy khổ tập chia làm hai phần: Nghiệp cũ đã sanh ra quả khổ lạc thì phải chấp nhận như một người đã đi vay tiền thì đúng thời phải trả nợ, không có việc nói thế này thế kia không hợp lý. Cái gì đang xảy ra hằng ngày gọi là quả khổ hay quả lạc hiện tại do nghiệp cũ sanh khởi. Tương lai có quả khổ tùy thuộc vào những hành động hôm nay gọi là nghiệp mới. Nếu đời sống hằng ngày có những hành động thiện chắc chắn sẽ có quả tốt sẽ đến chứ không phải ngẫu nhiên. Nếu đời sống hằng ngày tạo những hành động xấu thì tương lai sẽ có quả xấu đến chứ chẳng phải do ai gây ra cả.

Định lý khổ và khổ tập tức là Lý duyên khởi giúp con người hiểu biết vì sao chúng ta sướng hay khổ do ta cả mà không do Chúa hay Thượng đế hay Phật tạo ra.

Có một vòng khép kín xuyên suốt từ Duyên Vô minh, Hành... Thủ, Hữu, Sanh, Già chết khó mà thoát được nên Đức Phật dạy bốn mươi bốn căn bản trí giúp chúng sanh thoát khỏi cái vòng 12 Nhân duyên.

Phần IV: Diệt Khổ và Con đường dẫn đến diệt khổ

Phần này gồm có 2 chương:

Chương 1: Bàn về Diệt khổ là hết khổ là Niết Bàn. Đây là mục tiêu tối hậu mà những người học Phật hướng đến vì không còn sanh lại dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Để làm được việc này người học Phật phải biết nguồn gốc vì đâu con người sanh ra đời và khi chết đi về đâu. Nguồn gốc phát sanh ra tam giới trong đó có sáu loài chúng sanh chính là 12 nhân duyên. Muốn diệt tận gốc sanh tử là diệt Vô minh và Hành thì có Niết Bàn.

Có bốn bậc Thánh tùy vào hành giả diệt được kiết sử nào.

Nếu diệt Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ thì đây là bậc Thánh dự lưu chỉ còn khổ tối đa 7 kiếp..

Nếu diệt Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ và muội lược Tham, Sân thì đây là bậc Thánh nhứt lai, chỉ còn khổ đau một kiếp.

Nếu diệt Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ, Tham, Sân thì đây là bậc Thánh Bất lai không còn khổ đau nữa, sanh vào cõi trời sắc giới, hưởng hết tuổi thọ và nhập Niết Bàn.

Nếu diệt 10 kiết sử: Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ, Tham, Sân, Ái sắc giới, Ái vô sắc giới, Mạn, Trạo cử, Vô minh thì đây là bậc Thánh A la hán không còn khổ đau và nhập vào Niết Bàn sau khi thân hoại mạng chung.

Tuy nhiên để đạt mục tiêu bốn bậc Thánh, Hành giả cần phải thực hành Bát Thánh đạo cho viên mãn chứ không phải ngồi tụng kinh gõ mõ suốt ngày hay cầu nguyện hay tụng chú.

Chương 2: Bàn về con đường Bát chánh có tám chi phần sẽ diệt được Bát tà. Tại sao chọn con đường Bát chánh? Vì Bát Chánh sẽ diệt tất cả, những nguyên nhân có thể xảy ra đưa đến khổ đau còn những con đường khác chỉ diệt một số nguyên nhân chứ không diệt tất cả vì Đức Phật có khả năng biết những ai có kiết sử nào và không có kiết sử nào nên đã thuyết những con đường khác chỉ cho diệt kiết sử nào đang có. Có năm con đường khác như Ngũ căn, Ngũ lực, Tứ Chánh cần, Thất Giác chi, Tứ Như ý túc không trình bày trong cuốn sách này. Những hành giả nào muốn tìm hiểu sáu con đường này thì vào Kinh Tương Ứng năm - Tương ưng đạo có thể biết rõ ràng.

Riêng tập sách này chỉ bàn về Bát Thánh đạo là chính và phân biệt thuyết về Chánh niệm (Tứ Niệm xứ).

Tu tập Chánh kiến sẽ đoạn tận Tà kiến do có tà kiến dẫn đến luân hồi và đau khổ.

Tu tập Chánh tư duy sẽ đoạn tận Tà tư duy vì do suy nghĩ về dục do suy nghĩ về sân hận, suy nghĩ về hại dẫn đến luân hồi và đau khổ.

Tu tập Chánh ngữ sẽ đoạn tận Tà ngữ vì do tà ngữ dẫn đến luân hồi và khổ đau.

Tu tập Chánh nghiệp sẽ đoạn tận Tà nghiệp vì tà nghiệp dẫn đến luân hồi và khổ đau.

Tu tập Chánh tinh tấn sẽ đoạn tận Tà tinh tấn vì Tà tinh tấn dẫn đến luân hồi và khổ đau.

Tu tập Chánh niệm sẽ đoạn tận Tà niệm vì tà niệm dẫn đến luân hồi và khổ đau.

Tu tập Chánh định sẽ đoạn tận Tà định vì Tà định dẫn đến luân hồi và khổ đau.

Như vậy tu tập bát Thánh đạo sẽ hết khổ đau và chấm dứt luân hồi.

Phần IV này rất khó tu cho cả người tại gia và người xuất gia. Lý do là người nào đã sanh ra đời này cũng đã bị dính mắc vào môi trường mình đang sống.

Thế Tôn đã nói trong Kinh Tăng chi tám pháp phẩm Gotami như sau: “Vì rằng, này Ananda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia

đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, này Ananda, Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài, thời này Ananda, diệu pháp được tồn tại năm trăm năm”.

Diệu Pháp này đã tồn tại hơn 500 năm rồi nên ngày nay có còn mấy ai học và thực hành những lời dạy Đức Phật trong năm bộ kinh Nikaya nữa đây.

Tập sách này có bốn phần đã nói lên tất cả những điều muốn nói và gửi đến những hành giả muốn chấm dứt khổ đau nên cố gắng tìm hiểu, suy tư, chứng nghiệm mà không nên tin ai một cách mù quáng dù đó là bậc đạo sư của mình.

PHỤ LỤC

NGHIỆP LÀ THỪA RUỘNG, THỨC LÀ HẠT GIỐNG, ÁI LÀ SỰ NHUẬN ƯỚT

Thức là duyên sáu nội xứ và sáu ngoại xứ. Do vậy những gì nhập vào tâm từ sáu ngoại xứ qua sáu giác quan sẽ tạo thành những hạt giống và suy tư về chúng nên tạo thành thừa ruộng. Để làm cho hạt giống phát triển nhanh cần có nhuận ướt được ví như là Ái.

Tác giả đã nghe đoạn kinh này khá lâu nhưng không hiểu vì cứ nghĩ nghiệp là hạt giống. Đến một thời điểm sự hiểu biết về Lý Duyên khởi của tác giả chín muồi tự động hiểu “Thức là hạt giống, Nghiệp là thừa ruộng, Ái là nhuận ướt”. Tác giả đã kiểm chứng những hạt giống hiểu biết về kinh sách, những môn khoa học, những thói quen xấu tốt v.v.. Khi đã vào tâm qua sáu nội xứ và đã bắt đầu phát triển một thời gian thì sự biết trở thành chín muồi. Chúng là những sự chấp thủ gồm có Dục thủ, Kiến thủ, Ngã luận thủ, Giới cấm thủ biến thành Hữu, biến thành Sanh, Già chết. Những sự hiểu biết đã thành viên mãn thì khó thay đổi. Đây là lý do có thể giải thích được những hiểu biết khoa học không giúp cho con người thoát khổ.

Đời sống con người nhập nhiều thông tin tức là đã tạo nhiều hạt giống nên trở thành những chấp thủ và sanh ra nhiều đau khổ. Ông bà ta có câu “Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh” nghĩa là có một nghề tinh xảo thì cái thân được sung sướng. Do vậy hạt giống thiện hay hay hạt giống ác đã gieo vào tâm vẫn dẫn đến những hạnh phúc và đau khổ về sau. Đồng thời sự cố chấp thủ cùng sanh khởi.

Tâm nhập nhiều những kinh sách qua mắt hoặc qua tai sẽ biến thành những hạt giống và sẽ chín muối. Chúng sẽ có những quả phước và những hạnh phúc nhất định. Nhưng sau khi thân hoại mạng chung có thể tái sanh vào ba đường ác.

Thế gian này có nhiều tôn giáo mà đã có hàng triệu, hàng tỷ người tin theo. Vì họ nhập thông tin qua mắt, qua tai từ nhỏ và đã phát triển chín muối. Niềm tin phát sanh từ đó và phải luân hồi trong ba đường ác vì Tà kiến.

Đức Phật đã thấy sự nguy hiểm khi nhập quá nhiều thông tin có nghĩa là có nhiều hiểu biết không dẫn đến chấm dứt khổ nên Đức Phật đã không nói ra. Nhưng hôm nay chúng sinh chạy theo những hiểu biết hấp dẫn nên dẫn đến luân hồi. Còn hiểu biết về Tứ Thánh đế tức là hạt giống, không chịu tìm hiểu cho rốt ráo và đã xem hạt giống giải thoát này như những hạt giống hiểu biết khác nên không tập trung vào để được chín muối đồng nghĩa sẽ có giải thoát trong đời này hay đời vị lai.

Bước đầu học Phật, hành giả nên ngừng nhập vào tâm những lời giảng của những vị giảng sư, những kinh sách không đúng chánh pháp. Nếu không dừng lại thì những hạt giống tà kiến phát triển và chín muối. Hậu quả sẽ luân hồi lâu dài trong tam giới. Tác giả đã từng nhập nhiều thông tin trên 47 năm đã sanh ra nhiều phiền não vì thông tin không chính xác nhưng may mắn cho đến năm 2009 đã bắt đầu học năm bộ kinh Nikaya, sau khi đã học kinh Đại thừa không trừ được Tham, Sân, Si. Từ lúc gieo hạt giống kinh Nikaya cho đến khi hiểu biết thật sự đòi hỏi sự tập trung và sự suy tư về năm bộ kinh Nikaya liên tục hơn 11 năm thì quả mới trở ra.

Vì vậy số người học kinh Nikaya rất ít nên sự hiểu biết rất ráo năm bộ Kinh Nikaya rất khó.

Tại sao thời đại này nhiều người không học năm bộ kinh Nikaya?

Do sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, có muôn hình muôn vẻ và đã nhập vào tâm qua mắt, qua tai, qua mũi, qua lưỡi, qua thân, qua ý nên con người bận rộn những hạt giống quá hấp dẫn. Chúng sanh không thể nhập Tứ Thánh đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo được vì thế gian này quá lôi cuốn mặc dù kinh Nikaya đã được dịch ra tiếng Việt từ rất lâu.

Những hiểu biết tối thiểu cần nhập như Đức Phật đã thuyết trong bài kinh lá rừng Simsapà và cần suy tư nhiều về Tứ Thánh đế một thời gian sẽ chín muồi. Nếu không tập trung vào Tứ Thánh đế mà vẫn cứ nhập những hạt giống khác sẽ tự động phát triển những cây cỏ thụ khác và phải đi luân hồi.

Đời sống để giảm phiền não, đau khổ nên giảm nhập thông tin mới, giảm tiếp xúc tối đa và chỉ nhập Tứ Thánh đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo và những bài kinh liên hệ để làm sáng tỏ. Quý vị suy tư về chúng tức là đang tạo thừa ruộng và làm nhuận ướt tức là ái sẽ giúp hạt giống giác ngộ sớm chín muồi tức là giải thoát.

MƯỜI ÂN ĐỨC CỦA ĐỨC PHẬT

Tôi đã đọc năm bộ kinh Nikaya nhưng không thấy định nghĩa 10 ân đức này. Lý do loài người lúc đó biết những ân đức này nên không có định nghĩa. Hơn nữa những nhà dịch kinh A Hàm gốc người Ấn Độ vào thời kỳ đầu truyền qua nước Trung Hoa đã dịch 10 Ân đức này khá chính xác nên nghe 10 danh hiệu này cũng dễ hiểu.

1- Ứng Cúng (zh. 阿羅漢, sa. arhat, pi. arahant), dịch nghĩa là A La Hán (zh. 應供), là “Người đáng được cúng dường”, đáng được tôn kính.

2-Chánh Biến Tri (zh. 正遍知, sa. samyaksambuddha), dịch theo âm là Tam-miêu-tam-phật-đà (zh. 三藐三佛陀), là “Người hiểu biết đúng tất cả các pháp”. Còn gọi là Chánh Đẳng Giác.

Sau khi đọc 5 bộ kinh Nikaya, Ngài Chánh Đẳng Giác về sáu nội xứ, sáu ngoại xứ, 5 uẩn và Tứ Thánh đế.

3- Minh Hạnh Túc (zh. 明行足, sa. vidyācaraṇasampanna), nghĩa là “Người có đủ trí huệ và đức hạnh”, tức là có đầy đủ tam minh (Túc Mạng Minh, Thiên Nhân Minh, Lậu Tận Minh) và ngũ hạnh (Thánh Hạnh, Phạm Hạnh, Thiệt Hạnh, Anh Nhi Hạnh, Bệnh Hạnh). Túc là đầy đủ, Minh là Tam Minh và Hạnh. Tham khảo thêm Tam minh trong 10 Như Lai lục.

4-Thiện Thệ (zh. 善逝, sa. sugata), là Người đã khéo đi qua cõi thế gian [ja] ゼンゼイ zenzei ||| (sugata). “Well done;” “well gone;” “well-finished”. One of the ten epithets 十號 of the Buddha. A person who has skillfully finished the job; who has completed

the work leaving nothing undone. (法華經 T 262.9.19b11)
 Người khéo léo hoàn tất việc của mình (tự giác), người đã làm xong
 tất cả mọi việc (giác tha, giác hạnh viên mãn). Bạc hoàn thiện.

5- Thế Gian Giải (zh. 世間解, sa. lokavid), là “Người đã thấu
 hiểu thế giới”.

Tham khảo thêm trong 10 Như Lai lục.

6- Vô Thượng sĩ (zh. 無上士, sa. anuttarapuruṣa), là “Đấng tối
 cao, không ai vượt qua”. Hiện tại không ai hơn hay bằng Ngài trong
 thời kỳ Ngài là vị Phật toàn giác, quá khứ có Đức Phật Ca Diếp và
 tương lai có Đức Phật Di Lặc theo kinh Trường bộ do ngài kể lại.

7- Điều Ngự Trượng Phu (zh. 調御大丈夫, sa.
 puruṣadamyasārathi), nghĩa là “Người đã chế ngự được bản ngã và
 nhân loại”. Điều Ngự Trượng Phu còn một nghĩa khác nữa là Đức
 Phật có khả năng điều phục những người hiền và ngự phục những kẻ
 ác theo về chánh đạo.

8- Thiên Nhân Sư (zh. 天人師, sa. devamanuṣyānām sāstr), là
 “Bậc thầy của cõi người và cõi trời”.

9- Phật là “Bậc giác ngộ.

10- Thế Tôn là bậc Tôn kính của thế gian.

Người học Phật mà tin Phật là tin tuyệt đối 10 Ân đức này chứ
 không phải tin gì khác theo định nghĩa Thế nào là “tín” trong Kinh
 Tăng chi năm pháp là Tin 10 Ân Đức này.

PHƯƠNG PHÁP HỌC HIỆU QUẢ

Đa số những người lớn lên không biết cách học một môn nào hoặc đề tài hoặc một ngành nào hoặc kinh cho có hiệu quả. Tôi đã bắt đầu tự học một cách vô tình mà có hiệu quả tốt từ năm 1966 do tình cờ tôi đã thấy một cuốn sách nói về 600 bài toán tính đồ. Tôi đã tự đọc cuốn sách đó, sau đó tôi đã đi học một ông thầy giáo làng và thầy cho phép tôi chỉ lại những đứa khác. Vì tôi đã học và hiểu được 600 bài tính đồ nên có thể hướng dẫn người khác học được. Tuy nhiên để trình bày một phương pháp học có hiệu quả thì phải đợi cho đến khi tôi đã học và hiểu được 5 bộ Kinh Nikaya thì mới thật sự trình bày phương pháp học thật dễ hiểu mà ai cũng có thể áp dụng được.

Có ba giai đoạn học có kết quả tốt.

I- Giai đoạn Văn

Giai đoạn này thâm vào những thông tin từ bên ngoài rất quan trọng. Cuộc đời con người phiền não nhiều hay ít, sướng hay khổ tùy vào những gì mà chúng ta đã đọc và đã nghe. Nếu có cha mẹ có trình độ khá và có học vấn khá thường dạy những đứa con học (thâm vào qua mắt và qua tai) những gì hữu ích để lớn lên có một nghề vững chắc. Nếu cha mẹ hạn chế về học vấn và trình độ hiểu biết thì để con cái tự động thâm vào những cái tốt và những cái xấu. Cuộc đời con người có thể sướng hay khổ tùy vào môi trường. Vì vậy môi trường con trẻ lớn lên rất quan trọng. Nếu môi trường gia đình xấu và môi trường xã hội xấu nữa thì đứa trẻ lớn lên thường sẽ khổ do họ nhập những thông tin xấu hoặc dữ kiện xấu vào tâm. Chính những thông tin này sẽ gây cho những đứa trẻ khổ khi trưởng thành.

Còn những nhà tu hành thì sao?

Tương tự cũng vậy. Nếu một người xuất gia theo một truyền thống mà từ nhỏ đến khi trưởng thành. Họ đã đọc những kinh sách truyền thống theo kiểu xưa bày nay theo mà không chứng nghiệm những gì Kinh viết có đúng hay không? Nếu không chứng nghiệm được mà đi rao giảng sẽ hại vô số người. Tội sẽ lớn vô cùng sẽ trả quả báo khổ ở địa ngục. Đa số họ tin vào những gì vào truyền thống mà không chứng nghiệm. Họ học kinh sách loại này lại rất nguy hiểm. Họ nghe những bài thuyết giảng trên mạng và tin vào những lời thuyết đó cũng nguy hiểm. Thông tin đưa vào tâm qua mắt, qua tai cần chọn lọc nếu nhập vào những thông tin sai sẽ khổ nhiều đời về sau.

Có hai nguồn thông tin đưa vào tâm.

A- Thông tin, tiểu thuyết, kinh sách do đọc qua mắt.

Những từ ngữ trong kinh sách biểu thị những gì có thực trong đời sống hằng ngày mà tự những từ ngữ trong kinh không phải là sự thật. Từ những từ ngữ trong kinh sách để kiểm chứng hay chứng nghiệm đúng hay không sẽ tốn nhiều thời gian. Vì vậy có nhiều người đọc và tin những lời trong kinh sách nhưng chẳng chứng nghiệm gì cả.

Trước khi thâm nhập kinh sách đưa vào tâm qua mắt, nên tham khảo những vị đã chứng nghiệm những từ ngữ trong kinh đã viết còn những vị chưa chứng nghiệm mà nói hay cỡ nào không vội tin mà nhập vào. Những người viết tiểu thuyết thường là hư cấu hay tưởng tượng, không nên thâm vào vì nó sẽ làm cho bạn sống trong ảo tưởng nên tránh xa sách vở thế gian vì không lợi ích cho sự giải thoát.

Những kinh sách nào có những từ ngữ chỉ nói chung chung mà không có định nghĩa thì muôn đời cũng không kiểm chứng được. Nếu thâm vào tâm qua mắt sẽ hại quý vị rất nhiều.

Ví dụ muốn bắt tướng cướp mà không cho chi tiết rõ ràng thì không thể bắt cướp được. Trước khi bắt cướp cần có chi tiết rõ ràng và dựa chi tiết này sẽ tìm ra thủ phạm dễ dàng để bắt. Tương tự kinh sách cần có những danh từ mà định nghĩa rõ ràng để người học có thể kiểm tra, kiểm chứng những thông tin trong kinh sách.

Hiện nay, một số kinh sách có những từ ngữ không có định nghĩa rõ ràng, khó kiểm chứng. Nếu người học Phật chỉ thuần túy học thuộc rồi tin, cứ như vậy mà tin từ đời này qua đời khác thì thực sự rất nguy hiểm. Chúng ta có 5 bộ kinh Nikaya, trong kinh những từ ngữ được định nghĩa rất rõ ràng. Quý vị nên thu nhận rồi kiểm chứng nếu đúng thì theo, nếu không đúng thì không theo. Bản thân tôi đã kiểm chứng những từ ngữ trong kinh rất đúng.

B- Thông tin kinh sách nhập vào tâm qua nghe bằng tai

Ngày nay có những phương tiện như Youtube, Facebook, nhiều người có thể nghe những thông tin từ những kênh này. Nhưng những thông tin đó khó kiểm chứng và không giúp ích nhiều cho những người học Phật, khó giải thoát và chứng Thánh.

C- Thuộc lòng những gì đã học và đã nghe

Đọc một câu kinh hay một bài kinh nào nên thuộc đoạn kinh đó. Nếu không thuộc thì chuyện học Phật chấm dứt. Thuộc kinh là bước đầu để tiến xa hơn nhưng học thuộc kinh cũng không dễ. Quý

vị cần kiên nhẫn học thuộc và nên đọc phương pháp học thuộc kinh do tôi viết trong phần Phụ lục của tập sách này.

II- Giai đoạn suy tư

Sau khi đã thuộc đoạn kinh đó rồi. Tiếp đến đặt câu hỏi thứ nhất là từ ngữ này có nghĩa là gì? (Tiếng Anh là What)

Ví dụ học từ ngữ “Kiết sử” người học tự đặt câu hỏi kiết sử là gì. Quý vị sẽ tự có câu trả lời. Câu hỏi thứ hai mà người học tự mình đặt câu hỏi là: Tại sao nó hiện hữu? Tự mình tìm câu trả lời và không dựa vào câu trả lời của người khác.

Kết hợp từ ngữ đó là gì (What) và tại sao nó có mặt (Why) sẽ hiểu đoạn kinh đó sẽ rõ ràng. Còn thực hành bằng cách nào (How) và thời gian nào xảy (When).

Hai từ How (cách nào) và When (khi nào) chưa quan trọng bằng từ What (cái gì) và Why (tại sao). Cách nào hay phương pháp nào trong kinh thường gọi là Bát Chánh đạo.

Suy tư trong tất cả uy nghi khi đi, khi ngồi, khi nằm, khi đứng chứ không phải chỉ khi ngồi chúng ta mới suy tư. Suy tư là nghiệp, nếu suy tư về Tứ Thánh đế sẽ có quả giải thoát. Nếu suy tư về tham, sân, si thì luân hồi đau khổ. Do đó hằng giờ, hằng ngày, hằng năm suy tư về Tứ Thánh đế sẽ giúp quý vị giác ngộ. Bản thân tôi đã suy tư về Tứ Thánh đế mà khổ Tập là 12 nhân duyên và Khổ diệt Đạo là Bát chánh suốt hơn 11 năm.

III- Giai đoạn Tu hay thực hành

Sau khi đã hiểu xong và cố gắng chứng nghiệm những gì đã hiểu. Cứ Tư và Thực hành cho đến khi đã trải nghiệm những từ ngữ đã học. Thời gian không xác định được.

Ví dụ như tôi khi trải nghiệm một lệnh (command) trong phần mềm (software) của ngành công chánh mất vài ngày mới thành công.

Ví dụ tôi chứng nghiệm Tứ Thánh đế vừa Văn, Tu, Tu đã trải hơn 10 năm. Nhờ kiên trì chứ trên đời không có gì dễ dàng đâu.

Cách học thuộc kinh

A- Cách học bằng mắt

Mắt có nhiệm vụ đưa các ảnh của các sắc vào tâm chỉ lưu trữ tạm thời, nếu các ảnh của các sắc không lưu trữ vào ý thì không nhớ vì vậy khi chúng ta học kinh cần cố gắng nhớ lại cái gì vừa thu vào mắt khi câu kinh không có trước mắt, nếu không nhớ hết câu kinh thì mở mắt cho câu kinh lưu lại, xong nhắm mắt cố gắng nhớ lại câu kinh. Cứ mở mắt nhìn câu kinh rồi nhắm mắt cố gắng nhớ lại. Mở mắt thì lưu lại ảnh, nhắm mắt xem còn nhớ không. Lặp lại nhiều lần thì cả câu kinh sẽ ghi nhớ.

Ví dụ: Học thuộc câu kinh “Thế nào là vô minh? không rõ biết khổ, không rõ biết khổ tập, không rõ biết khổ diệt, không rõ biết con đường dẫn đến khổ diệt”.

Mở mắt nhìn thấy câu kinh trên khoảng vài phút để hình ảnh câu kinh đưa vào tâm qua mắt, xong nhắm mắt lại nhớ lại phần nào câu kinh, không nhớ phần nào câu kinh.

Lần đầu nhớ một ít, không nhớ một ít xong rồi mở mắt nhìn xem phần câu kinh không nhớ vài phút rồi nhắm mắt lại cố gắng nhớ đoạn kinh vừa xem. Cứ lặp lại việc trên cho đến khi nhớ hết câu kinh.

Sau khi nhớ hết câu kinh rồi xong rồi ngồi một mình cố gắng nhớ lại câu kinh trên, nếu quên mở mắt xem lại, cứ lặp lại vài lần như vậy, sẽ nhớ lâu lắm.

Tóm lại phương pháp học bằng mắt, cần có kính để xem, sau khi xem thì nhắm mắt lại thì nhớ phần nào và không nhớ phần nào, nếu phần nào chưa nhớ thì mở mắt nhìn xem lại, nếu phần nào chưa nhớ thì mở mắt nhìn lại, cứ lặp lại cho đến khi thuộc hết bài kinh hay câu kinh.

Nên nhớ rằng khi học kinh bằng con mắt, chỉ mới có trí nhớ tạm thời khi nhìn xem, nếu không có bài kinh thì quên. Vì vậy muốn nhớ lâu dài khi vừa nhìn xong rồi chuyển qua ý thì mới nhớ lâu.

Đa số chúng ta không biết mắt chỉ ghi ảnh sắc tạm thời cho nên khi không có cuốn kinh thì chúng ta không nhớ gì cả, chỉ là trí nhớ tạm thời khi nhìn thấy kinh. Sau khi xem kinh xong phải chuyển qua ý thì dù không có cuốn kinh chúng ta vẫn nhớ.

Muốn có trí tuệ rộng lớn khi xem kinh xong phải chuyển qua ý khi đi đâu chúng ta vẫn nhớ mà không cần cuốn kinh theo.

B- Cách học bằng tai

Tai có nhiệm vụ đưa ảnh thanh của âm thanh vào tâm. Khi quý vị nghe câu kinh xong và cố gắng nhớ lại xem nhớ được gì không. Nếu phần nào câu kinh chưa nhớ thì mở nghe lại, rồi cố gắng nhớ lại những gì vừa nghe và không nhớ lại những gì vừa nghe và tiếp tục nghe tiếp phần nào chưa nhớ. Cứ như vậy lặp lại, nghe xong cố gắng nhớ phần nào và không nhớ phần nào.

Cứ lặp lại nhiều lần thì sẽ thuộc câu kinh. Khi không còn nghe âm thanh nữa và cố gắng nhớ lại tức là đã chuyển ảnh Thanh đưa vào ý thì mới nhớ lâu.

Nếu chúng ta vừa nghe kinh, chỉ bắt đầu chứa ảnh Thanh tạm thời thôi vì vậy chúng ta cần đưa ảnh Thanh tạm thời vào ý tức thời thì nhớ. Nếu nghe xong bài kinh mà không tác ý ghi nhớ thì vài tiếng đồng sau quên hết gọi là trí tuệ bấp vế.

Nếu nghe xong bài kinh xong tác ý để nhớ thì chúng ta đang chuyển câu kinh từ tai qua ý thì nhớ lâu dài và suy tư sẽ có trí tuệ rộng lớn.

LÒNG BIẾT ƠN

Tôi xin tri ân cha mẹ đã sanh ra và nuôi dưỡng cái thân tứ đại này cho đến 24 tuổi.

Tôi tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu đã bỏ công sức dịch Kinh Trung bộ và Kinh Trường bộ từ năm 1964-1975 và đã dịch hoàn tất Kinh Tương ưng bộ, Kinh Tăng chi bộ và bốn cuốn Kinh Tiểu bộ từ năm 1975-1978. Những cuốn Kinh Tiểu bộ còn lại do cư sĩ Trần Phương Lan dịch. Nếu không có những bản kinh dịch từ tiếng Pali sang tiếng Việt của Thầy Thích Minh Châu thì tôi không thể nào hiểu Phật Pháp cho đến nơi đến chốn. Tôi tri ân Thầy vô cùng.

Tôi rất cảm ơn Hòa Thượng Thích Bửu Chánh rất nhiều vì đã viết lời giới thiệu rất quý giá về cuốn sách “Tứ Thánh đế là Tội Thượng” để khuyến khích Chư Tăng, Ni, Phật tử đọc cuốn sách này. Đây là niềm vui chung của những học viên và chúng con xin kính chúc Hòa Thượng nhiều sức khỏe và những phước lành đến với Hòa Thượng.

Tôi rất cảm ơn Sư Giác Tâm trụ trì tịnh xá Ngọc Long đã viết những lời giới thiệu khích lệ Phật tử đọc cuốn sách này.

Tôi rất cảm ơn Sư Toại Khanh đã chịu khó đọc bản thảo và đã viết những lời nhận xét lý thú về cuốn sách này đã làm độc giả tò mò về câu: “Rõ ràng đây là một công trình lớn, có ý nghĩa và có thể được xem là của hiếm” sẽ đi tìm tập sách của hiếm này để đọc.

Tôi xin tri ân nước Úc đã trợ cấp tiền cho tôi những lúc không có việc làm, dành thời gian cho việc nghiên cứu kinh sách.

Tôi xin cảm ơn những học viên của lớp hoặc đã từ bỏ lớp mà chưa giác ngộ Tứ Thánh đế. Quý vị là cảnh sắc và cảnh thanh để tôi tiếp xúc hằng ngày, hằng tuần đã phát sanh các ý tưởng. Cuối cùng đã hoàn thành tập sách tựa đề là “Tứ Thánh đế là Tối Thượng”. Đặc biệt cảm ơn Võ Thị Hoàng Yến đã bỏ rất nhiều công sức và thời gian giúp tôi đề xuất bản cuốn sách này.

GIỚI THIỆU VỀ TÁC GIẢ

Tôi tên là Võ Thế Hòa sinh ngày mùng 1 tháng 7 âm lịch năm Giáp ngọ (ương lịch ngày 30/07/1954) tại xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Tôi nghiên cứu, thực hành Phật giáo và Triết học Đông Phương từ năm 1973 cho đến nay.

1- Quá trình học tập về những ngành thuộc về thế gian

Từ năm 1954-1965, khi đó tôi chỉ có trình độ lớp năm (thời nay là lớp một). Do cha mẹ ly dị và mẹ không biết chữ, chuyện học hành không ai chỉ dạy nên tôi chỉ biết có vậy. Ba mẹ tôi sanh năm người con nhưng chỉ còn một mình tôi sống sót đến bây giờ. Ba tôi về sau đã có thêm hai vợ nữa và đã có thêm bốn người con cùng cha khác mẹ nữa.

Năm 1964, do chiến tranh, mẹ dắt tôi từ quê lên rừng núi Vĩnh Thạnh sống một năm. Đến năm 1965, tôi xuống Quy Nhơn bắt đầu học lại lớp 2 do thầy giáo làng dạy và thầy thấy tôi làm toán khá cho lên lớp 5 (lớp nhất) trong vòng một năm, nhưng năm 1966 khi thi vào trường công tôi xuống học lớp 4. Tôi học xong lớp nhất thì vào trường công đầu đệ nhất năm 1968. Học được hai năm vào niên khóa 1970-1971, tôi xin nghỉ học trường công về nhà tự học, vì thấy mình lớn hơn ba tuổi so với chúng bạn cùng lớp. Vì vậy, tôi muốn học lên hai lớp vào niên khóa 1971-1972, là học lớp đệ nhị thời đó còn bây giờ lớp 11. Tôi thi đậu tú tài 1 vào tháng 8/1972 và đậu tú tài 2 vào tháng 6/1973. Tôi vào Sài Gòn tháng 7/1973 và bắt đầu học luyện thi vào các trường đại học. Sau đó, tôi ghi danh vào học chứng chỉ dự bị Toán, Vật lý, Hoá học gọi là MPC của Đại Học Khoa học niên khoá

1973-1974. Tôi đã đậu chứng chỉ dự bị vào tháng 7/1974. Tôi đã thi lại vào Đại học Kỹ Thuật (Phú Thọ) và đậu ngành kỹ sư công chánh vào tháng 9/1974. Tôi học Đại học từ năm 1974 đến năm 1978. Tôi định cư ở Úc từ năm 1979 đến nay.

Tôi đi học lại kỹ sư công chánh trường Đại học Kỹ thuật Victoria (tên cũ Footscray Institute of Technology) từ tháng 2/1985 cho đến 12/1987 và đã tốt nghiệp kỹ sư ngành công chánh.

2- Quá trình học hỏi và nghiên cứu về Phật giáo và Triết học Đông Phương

Tết Quý Sửu năm 1973, tôi lái xe Jeep dọc theo quốc lộ 19 đi Tây Sơn (Phú Phong) du xuân và viếng cảnh chùa. Bỗng nhiên, tôi nhìn thấy một ngôi chùa liền dừng xe, bước xe xuống và bước vào chùa. Tôi ngắm quang cảnh chùa và những cảnh làng quê dưới núi, trong tâm thấy chán cuộc sống xô bồ và không bao lâu sau tôi chuyển sang ăn chay trường.

Từ năm 1973 đến năm 1978, tôi học Sấm giảng của Phật giáo Hoà Hảo, nghiên cứu Kinh sách của đạo Cao đài, Đạo Đức kinh, Nam Hoa kinh, Lão Tử Tinh hoa, Trang tử tinh hoa, Phật tinh hoa do tác giả Nguyễn Duy Cần dịch và viết. Tôi nghiên cứu Không học đăng do tác giả Phan Bội Châu viết. Ngoài ra, tôi còn đọc sách Cổ học tinh hoa. Sách học làm người... của các tác giả Nguyễn Duy Cần, Nguyễn Hiến Lê, Hoàng Xuân Việt.

Tôi nghiên cứu hầu hết sách của triết gia Krishnamurti với nhiều bản dịch, Thuật dưỡng sinh Ohsawa. Tôi rất thích đọc tác phẩm Câu Chuyện dòng sông Hermann Hesse, Chiến tranh và Hòa bình do Nguyễn Hiến Lê dịch.

Tôi nghiên cứu bộ Thiên luận ba cuốn của tác giả Suzuki và cuốn Huyền giác chứng đạo ca, nghiên cứu Yoga và ngồi thiền, nghiên cứu Hội Thông thiên học, Tôn giáo là gì.

Từ năm 1979 đến năm 1997

Tôi học Kinh Lăng nghiêm, Kinh Bát nhã, Kinh Kim Cang, Kinh Pháp Bảo đàn, Kinh Dịch, Tử vi, Triết học Đông phương và nhiều sách khác như Book of Change, Anthology of I Ching, Tao of Physics....

Từ năm 1998 đến năm 2008

Tôi nghiên cứu bộ “Phật học Phổ Thông” (3 tập) của Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, “Phật giáo khái luận” của Hòa Thượng Thích Chơn Thiện, Hành trình về phương Đông của tác giả Blair T. Spalding.

Tôi nghiên cứu sâu Kinh Lăng nghiêm và luật Nhân quả, đọc các tác phẩm của Thiền sư Hư Vân, Hòa Thượng Tuyên Hoá, nghe nhiều băng giảng của thầy Thích Thanh Từ, thầy Thích Từ Thông, sách của cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám và một số sách khác tôi mua ở Việt Nam từ năm 2003 đến năm 2008.

Từ năm 2009 đến năm 2020

Tôi dành thời gian tập trung nghiên cứu và chiêm nghiệm năm bộ kinh Nikaya do Hòa thượng Thích Minh Châu dịch.

Tôi lên Paltalk chia sẻ kinh Nikaya từ cuối năm 2012 đến năm 2018. Tôi có đọc một số sách về Phật giáo do Sư Giới đức, Sư Giác Nguyên và nhiều tác giả khác viết về Thiền Tứ Niệm xứ, Lý Duyên

khởi, Bát Chánh đạo và đã đọc sách Thiền trên internet về hệ thống Kinh tạng của Phật giáo Nguyên thủy, đọc Vi diệu Pháp giảng giải do Sư Giác Chánh viết, Thanh tịnh đạo, Kinh Na-Tiên Vấn đáp...

3- Những cảm thọ về thân và tâm

Tôi có những cảm thọ khổ về tinh thần và ái biệt ly từ năm 1975 đến năm 1984 mà không biết cách nào giải quyết. Tôi đã suy nghĩ rất nhiều làm thế nào để chấm dứt khổ và đã nhập tâm một số kinh sách không đúng chánh pháp vì thế, tôi ngày càng không thể nào chấm dứt phiền não được.

Tôi đã phải trải qua cảm thọ khổ về thân đói và khát trong quá trình đi trên biển. Đây là lý do tại sao về sau tôi đã đi tìm hiểu về số mệnh con người để trả lời vì sao bị đói khát như vậy.

4- Giác ngộ Bốn Chân lý và 12 Nhân duyên

Tôi cố gắng tìm hiểu về Tứ Thánh đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo trong suốt hơn 11 năm và đã giải thích được tại sao tôi đã bị những cảm thọ khổ về tâm và thân. Lúc này tâm tôi an nhiên và tự tại không còn một thắc mắc nào, không còn nghi ngờ gì về thế gian này nữa.

Địa chỉ email: tanhthay2@gmail.com

<https://www.facebook.com/hoa.vo.5855594/>

Trang Web Tứ Thánh đế là Tối Thượng

<http://tuthanhdelatoithuong.org>

<https://meet.google.com/ucr-defu-aqw>

MỘT SỐ CHỨNG NGHIỆM VÀ NHỮNG CẢM NHẬN CỦA HỌC VIÊN SAU KHI HỌC “TỨ THÁNH ĐỀ”

Trước và sau khi học lớp Chứng ngộ Tứ Thánh đề có kết quả gì?

Câu chuyện thứ nhất: Võ Thị Hoàng Yến, sinh năm 1979

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammasambuddhassa.

(Thành tâm đánh Lễ Đức Thế Tôn, bậc A la hán, đấng Chánh Biến Tri).

Con là Võ Thị Hoàng Yến - Pháp Danh: Thanh Ngọc, quy y năm 14 tuổi tại chùa Một Cột - Rạch Sấu - huyện Tam Bình - tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Nghề nghiệp: Nguyên Phó chánh Văn phòng - Chuyên viên Khoa Luật trường Đại học Cần Thơ.

Quê quán: Ấp Tường Trí, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Hiện sinh sống tại: Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Email: vothihoangyen2015@gmail.com

1. Tuổi thơ và lớn lên

Hoàng Yến sinh ra trong gia đình nông dân nghèo gồm có 5 chị em, con là chị cả với 3 em gái và một em trai út. Cuộc sống mưu sinh vất vả, nhưng cha mẹ con vẫn cố gắng lo chạy tiền cho chị em con ăn

học đến hết đại học. Con rất mang ơn cha mẹ, đã giúp cho bản thân con, các em con có một tương lai tươi sáng.

Năm 1997, con rời quê Tam Bình - Vĩnh Long lên trường Đại học Cần Thơ nhập học, khoảng thời gian bốn năm là sinh viên ngành Sư phạm, con vừa học vừa làm nhiều công việc để có tiền trang trải đóng học phí và ăn uống sinh hoạt. Ngày ra trường, con rất may mắn được ở lại làm việc tại Bộ môn Luật, trường Đại học Cần Thơ và sau 3 năm tách ra thành Khoa Luật trực thuộc trường Đại học đến nay. Cuộc sống của con gặp nhiều thuận lợi hơn với môi trường làm việc trong ngành giáo dục bậc đại học. Thời gian này, con tốt nghiệp thêm một bằng cử nhân chính quy Luật Hành Chính và học lên lớp Luật sư. Công việc của con phát triển nhanh, khá thuận lợi và ổn định. Với chuyên môn nghề Luật sư con chỉ làm công việc tư vấn mở giấy phép cho doanh nghiệp, đại diện pháp lý cho một số công ty lớn. Trong thời gian làm việc tại trường, con còn kinh doanh ngành photo tài liệu, buôn bán sách, giáo trình để có thêm thu nhập. Kinh tế của con so với những bạn cùng thời có thể nói là thành đạt sớm.

Cuộc sống là một vòng xoáy liên tục, con người chúng ta cứ cuốn hút vào trong đó. Những năm tháng làm việc ở trường Đại học Cần Thơ thật bình yên, con vào trường làm việc ở ngạch chuyên viên với công việc phục vụ cho công tác giảng dạy, tuy xung quanh con vẫn có sự tranh đua giành giật danh lợi trong ngành, nhưng con không quan tâm nhiều, con vẫn tranh thủ làm thêm công việc photo, in ấn tài liệu. Đến năm 2013, do con có tham vọng phát triển kinh doanh, nhà trường không cho con tiếp tục buôn bán trong trường. Con rời nơi làm việc là trường Đại học để mở công ty kinh doanh riêng mảng công nghệ cùng với người anh kết nghĩa bên nước Úc. Công việc làm của con rất thuận lợi và có thu nhập khá cao.

Nhưng đến năm 2015 và 2017 thì có nhiều sự cố rất đáng tiếc xảy ra làm cho con bị khủng hoảng tinh thần. Chung quanh sự việc liên quan vấn đề tài chính của con với những người bạn làm việc cùng với mình. Con mất khá nhiều tiền từ thời điểm đó nên tâm trạng rất buồn và đau khổ. Bắt đầu từ câu chuyện mất mát về tài chính, dẫn đến các mối quan hệ trong gia đình, người thân đối xử với con không còn như ngày trước. Con lập gia đình năm 2007, lúc đó con 29 tuổi, chồng lớn hơn một tuổi, gia đình bên chồng rất nghèo, con không xem trọng đến giàu nghèo, con vì nghe lời mẹ khuyên bảo nên phải chấp nhận lấy chồng, vì là con cả trong nhà, đưa em kế đã lập gia đình trước con 2 năm. Mọi việc liên quan đến tài chính của con hoàn toàn độc lập với chồng. Con có gia đình đã 14 năm nhưng việc nấu cơm, đi chợ hằng ngày con không phải làm, cho đến khi con muốn ăn chay thì tự đi chợ mua đồ về nấu ăn một mình. Từ lúc biết ăn uống tự lập, lúc nhỏ đến lớn con không có sát sanh, con không dám làm đồ ăn với con vật sống. Theo thế gian mà nói, con là người phụ nữ không có nhiều điểm tốt để chọn làm vợ, có lẽ người chồng bị mắc nợ con đời trước nên đời này đến trả. Con chỉ thích đọc sách tôn giáo, triết học, nghiên cứu những đề tài về kinh doanh, làm giàu, tìm kiếm, sưu tầm sách vở mình thích, và chỉ biết ra ngoài làm việc kiếm tiền, rồi cũng từ việc mất tiền này nên hai vợ chồng con có rất nhiều tranh cãi dẫn đến những bất hòa thường xuyên xảy ra.

Khi có nhiều rắc rối mà không giải thích được, con luôn suy tư và đặt câu hỏi tại sao cuộc sống của con xảy ra những biến cố tồi tệ mà không có lời giải đáp. Lúc gặp chuyện không tốt, con đi xem bói, đi cúng sao, nhờ giải hạn, đi đến chùa cầu xin Đức Phật và ông Trời ban bố phước báu cho con mà dường như con không thấy có kết quả gì. Con luôn thắc mắc là tại sao người sống tốt, người luôn giúp đỡ nhiều người mà lại bị chính người mình giúp trở mặt, phụ ơn với

mình. Những câu hỏi thắc mắc luôn xuất hiện thường xuyên trong tâm trí con. Mặc dù, con có nhân duyên biết về Đạo Phật khi còn rất nhỏ. Con được làm lễ quy y Tam Bảo năm con 14 tuổi, bản thân con và gia đình có thói quen đi chùa đọc kinh, cúng dường trai tăng, ăn chay kỳ, làm nhiều công tác thiện nguyện. Hơn ba năm, con dành rất nhiều thời gian để tìm hiểu cuộc đời của Đức Phật, như đọc sách tôn giáo, xem phim Phật giáo, nghe pháp thoại, nghe những bài thuyết giảng của các vị sư ở trong và ngoài nước. Tìm nhiều loại sách Phật học về để tự học, tự nghiên cứu giáo lý. Nhưng tất cả những điều con đọc và học giáo lý nhiều năm qua không giải quyết được tâm trạng buồn đau, sân hận và không trả lời được thắc mắc trong con người của con.

2. Sự chuyển đổi cuộc sống

Tình cờ trong một dịp đi làm việc ở Hậu Giang vào đầu năm 2019, con gặp một cụ bà, con có hỏi bà cụ năm nay mấy mươi rồi, cụ nói năm nay cụ 84 tuổi, ở ngoài miền Bắc vào trong miền Nam có công việc. Cụ bà rất để ý các hành động của con khi lần đầu mới gặp. Con đã ăn chay gần 4 năm, vì thấy con đang làm đồ ăn chay nên cụ hỏi con có thường nghe giảng pháp hay không? Con có kể ra con đã nghe nhiều vị sư thầy thuyết giảng từ trong nước và ngoài nước. Bà cụ nói với con rằng: Bây giờ nhiều người tu sai hết rồi, con hãy tìm 5 bộ kinh Nikaya mà học mà tu theo.

Cũng vào thời gian này, con đã giải quyết những khó khăn về vấn đề tài chính mà con gặp phải trong mấy năm qua. Công việc của con bắt đầu phát triển trở lại, có nhiều cơ hội về việc làm, nhiều nơi mời con về làm việc, mối quan hệ với các sở, ban, ngành, đoàn thể tạo điều kiện thuận lợi để cho con bắt đầu những công việc mới. Nhưng bản thân con thì không lấy làm vui và phấn khởi như trước

đây. Con vẫn thấy buồn chán về nhiều chuyện xung quanh cuộc sống của mình. Những câu hỏi luôn khiến con suy tư về nguồn gốc sinh ra, tại sao mình có mặt trong cuộc đời này, tóc của con bạc nhiều, cơ thể già đi không còn như lúc trẻ. Con thấy ngay trong gia đình từ lúc sự nghiệp con phát triển làm được tiền lo cho nhiều người, đến khi gặp thất bại người thân cũng không ai hiểu, chia sẻ cùng con. Người thông cảm và chịu đựng nhất vẫn là mẹ, mẹ vẫn luôn động viên và an ủi con rất nhiều. Con rất muốn làm điều gì đó để trả ơn cho cha mẹ của mình. Cuối cùng con cũng nhận ra sự vô thường, sự khổ và vô ngã của kiếp người nên đó là lý do mà thôi thúc con đi tìm học giáo lý của đạo Phật.

3. Tìm gặp được đúng kinh Nikaya

Như người đang đuối nước gặp phải chiếc phao. Con bắt đầu hành trình tìm kiếm của mình. Con có nghe tên kinh Nikaya đâu đó nhưng chưa có dịp nghe ai thuyết giảng 5 bộ Kinh Nikaya bao giờ. Bắt đầu từ thời điểm này con luôn đi tìm kiếm người giảng kinh Nikaya để xem trong kinh nói về vấn đề gì và nói như thế nào. Con lên mạng tìm cũng có nghe thấy một số vị giảng kinh Nikaya nhưng con không biết học như thế nào.

Vào đầu tháng một dương lịch năm 2020, con lên facebook nghe được bài giảng của một vị cư sĩ giảng dạy 5 bộ kinh Nikaya, vị ấy sinh sống tại Úc Châu. Và thế là từ đó con lên facebook để được nghe thầy giảng giải kinh Nikaya. Con có nhiều câu hỏi thắc mắc mà không người giải đáp. Nay có nhân duyên được thầy giảng về Tứ Thánh đế, cụ thể là Tập đế qua 12 nhân duyên. Thời gian đầu gặp thầy, thầy cho con một tuần phải học thuộc lòng định nghĩa chi tiết 12 nhân duyên.

Thời điểm đầu con chưa chịu học, con hay tranh cãi với thầy về việc tu thế nào cho đúng, tu như thế nào cho có kết quả. Thầy chỉ nói

ngắn gọn, “con tu như thế nào mà đoạn tận được tham, sân, si là có kết quả giải thoát”. Con thấy thầy chỉ ra quá đơn giản nhưng không sao thực hiện được.

Cho nên việc học lý thuyết suông thì không có kết quả gì, người học phải nắm vững lý thuyết để thực hành, suy tư, kiểm chứng và chứng nghiệm. Từ việc đưa ra chủ đề học và hướng dẫn suy tư đặt câu hỏi, thầy đã giúp cho con trong thời gian tròn một năm học có kết quả rất đáng trân trọng và quý báu. Con không sao có thể diễn tả bằng lời nói của mình chỉ xin được chia sẻ đến tất cả những ai muốn tu giải thoát.

Bản thân của con lúc nào cũng bị dằn vặt, khổ đau và lòng đầy uất hận với tâm tư nặng trĩu sầu muộn, lo lắng. Mọi việc xung quanh con bắt đầu nhận ra do lòng tham mà có sự đau khổ. Câu hỏi thắc mắc và suy tư của con từ nhiều năm nay là tại sao một người sống tốt, thường xuyên giúp đỡ bạn bè, giúp đỡ người thân hết lòng sao lại gặp nhiều chuyện trái ngang, gặp khó khăn và đau khổ. Điều đáng nói hơn là chính những người mình giúp đỡ lại trở mặt khi mình gặp biến cố, mất mát về tài chính. Nguyên nhân là vì đâu?

Trả lời được những thắc mắc đó một cách thuyết phục là do con biết mình có căn tu, có phước nhiều đời. Con đã rất may mắn khi gặp thầy Võ Thế Hòa, người quê gốc ở Quy Nhơn. Thầy sinh sống tại Úc Châu. Thầy là một vị chân nhân, là vị ân nhân, là vị thầy đặc biệt đã cứu con sống cuộc đời con, người đã sinh con ra lần thứ hai. Tại sao con phải nói như vậy, vì bản chất con người nếu không gặp Giáp Pháp của Đức Phật Gotama thì ai cũng Vô minh, mà Vô minh thì sinh ra Thân hành, Khẩu hành, Ý hành, mà chắc chắn rằng thân, khẩu, ý dẫn đi luân hồi mãi mãi, thân, khẩu, hành ác hay thiện thì cũng tạo nghiệp đi luân hồi, đi xuống con đường ác. Đó là lý do mà

khi con đã học được giáo lý Kinh Nikaya, thầy đúc kết từ cốt lõi trong quyển sách mà thầy sắp giới thiệu “Tứ Thánh đế là tối thượng” đã làm sáng tỏ mọi vấn đề thắc mắc của con.

Nội dung được thầy trích dẫn có hệ thống trong 5 Bộ kinh Tạng kinh Nikaya và Thầy phân tích rõ trong sách “Tứ Thánh đế là Tối Thượng” là bài Kinh chuyên Pháp luân để xác quyết Đức Phật luôn nhất quán, ngày đầu thuyết Tứ Thánh đế, Bát Thánh Đạo và ngày cuối cùng trước khi nhập diệt cũng thuyết Tứ Thánh đế và Bát Thánh Đạo, Trích trong “kinh số 16 - Đại Bát Niết Bàn”. Bản thân con rất ấn tượng 4 câu trong bài kinh Chuyên pháp luân: Đế thứ nhất là “Khổ Thánh đế cần phải liễu tri”, Đế thứ hai là “Khổ Tập Thánh đế cần phải đoạn tận”, Đế thứ ba là “Khổ Diệt Thánh đế cần phải chứng ngộ”, Đế thứ tư là “Khổ Diệt Đạo Thánh đế cần phải tu tập”.

Và thầy luôn nói về Lý duyên Khởi và Lý duyên Diệt, hướng dẫn cách áp dụng “44 Căn bản trí trong Tương ưng 2” để diệt điễm đầu tiên tạo nhân thì điễm cuối sẽ không có kết quả. Ngoài ra thầy còn cho học số bài kinh trong 5 bộ kinh Nikaya như bài kinh: Bài kinh “Con đường xưa cũ trong Kinh Tương ưng 2” Bài kinh “Lá rừng Simsapa trong Kinh Tương ưng 5, Bài kinh “Phân biệt trong Tương ưng 2 phẩm Nhân duyên”, Bài kinh “Rắn độc trong kinh Tương ưng 4”, Bài kinh “Một pháp quyết trạch trong Tăng chi 6 pháp”, bài kinh “Kiết sử trong Tương ưng 4”, bài kinh Niết bàn trong Kinh Tăng chi 3 pháp”...

Con nhớ lại việc học của mình trong hơn một năm qua, đầu năm 2020 con gặp thầy, thầy hỏi con muốn bắt 12 tên tướng cướp làm cho bản thân con sầu, bi, khổ, ưu, não hay không? Từ sự gợi ý rất hấp dẫn và sự nhiệt tình tận tâm muốn giúp đỡ cho con học. Thầy gửi về Việt Nam cho con một thẻ nhớ nghe 5 bộ kinh Nikaya bằng

âm thanh và 4 quyển kinh Nikaya để làm tài liệu cho con học. Cộng thêm một hộp dầu gió xanh 12 chai để cho con đi tặng gieo duyên với các vị sư và những người thân lớn tuổi. Thế là, mọi thuận duyên đã đến với con liên tiếp ngay sau đó. Ngày 20 tháng 01 năm 2020, con chính thức bắt đầu học Giáo lý kinh Nikaya mà người dạy cho con là thầy Võ Thế Hòa sinh sống ở nước Úc.

4. Quá trình học Giáo lý gặp nhiều chướng duyên

Vào đầu năm 2020, con không còn làm việc thuê cho công ty lớn như những năm trước con từng làm. Mặc dù con vẫn còn phân phối sản phẩm công nghệ cho người anh kết nghĩa tại Úc. Công việc này không phải dành nhiều thời gian, nên con chú tâm hơn để học Giáo lý Kinh Nikaya. Thời gian một đến hai tháng đầu con chưa hoàn toàn tin tưởng vào việc hướng dẫn của Thầy. Con học khoảng năm mươi phần trăm, thầy kiểm tra bài con lúc thì thuộc lúc thì không thuộc. Còn gia đình con thì không ai ủng hộ cho việc học Giáo lý của con, họ cho rằng con là cực đoan, phước còn ít, đang có chồng, có 2 con mới chín tuổi, mười hai tuổi. Còn nhiều ràng buộc của đời sống tại gia thì nên tu phước mà thôi. Tu tập theo Giáo lý Kinh Nikaya theo con đường giải thoát thì không thể nào thực hiện được. Nhưng con tin rằng thời gian mọi người trong gia đình con sẽ hiểu con, sẽ có cái nhìn khác về việc học Giáo lý của con. Con luôn tâm niệm: Hãy “tận nhân lực mới tri thiên mệnh”. Gieo hạt giống thiện lành, gieo hạt giống Tứ Thánh đế thì ngày sau mới có kết quả giải thoát. Con sẽ cố gắng tu tập cho có kết quả rồi sẽ giúp lại cho người thân và người hữu duyên với con.

Và con nhận thấy tình hình chung là tất cả mọi người ai cũng cho rằng việc học Giáo lý để Tu giải thoát là dành cho người Tu sĩ. Người Cư sĩ tại gia là tu phước, tu giới là đủ rồi. Gia đình con cho

rằng những người xuất gia mới có khả năng tu học và thực hành giáo pháp. Còn Cư sĩ tại gia thì phước mỏng, nghiệp dày thì không bao giờ tu giải thoát được. Con dường như muốn bỏ cuộc, không muốn tiếp tục vì áp lực từ nhiều phía xảy đến liên tục. Nhưng có lẽ nhân duyên nhiều đời, con đã được thầy gọi cho thể nghe 5 bộ kinh Nikaya, con nghe nhiều về Kinh Tương ưng 2 và nghe, đọc được bài kinh ngạ quỷ sự, địa ngục, bàng sanh; như bài kinh “nước mắt”, bài kinh “quả đất”, bài kinh “con rùa mù”. Con cảm thấy rất lo sợ, cơ hội sanh lại làm người thật mỏng manh. Mỗi lần nghe những bài kinh Nikaya con cảm thấy rất xúc động, rất thấm thía từng câu chữ trong lời kinh và con đã quyết tâm dành hết thời gian còn lại của cuộc đời mình cho việc tu tập tìm đạo giải thoát.

Sau hơn hai tháng, khi kiểm chứng được một số thông tin trong kinh và thực hành có kết quả chút ít đã thuyết phục con bắt đầu dành gần như toàn thời gian cho việc học Giáo lý Kinh Nikaya. Bây giờ con có thói quen học kinh, suy tư và tu tập cho mình. Không ai có thể chịu thay cái nghiệp cho mình, con quyết định âm thầm thực hành việc tu tập.

Thời gian đầu, con được thầy hướng dẫn bằng cách gọi điện thoại trực tiếp giảng dạy về 12 nhân duyên. Mỗi ngày trung bình thầy gọi về Việt Nam cho con khoảng 4 giờ đồng hồ. Con bắt đầu áp dụng những nhân duyên mà con học được vào bản thân. Điều đáng nói là từ việc biết rõ bản thân mình có mặt trên đời này nguyên nhân là từ đâu? Và vì sao bản thân ra đời trong gia đình miền quê nghèo khó? Bắt đầu được người thầy hướng dẫn Giáo Lý về 12 Nhân duyên, từ duyên vô minh rồi dẫn đến duyên hành dẫn đến duyên thức, duyên danh sắc, duyên lục nhập, duyên xúc, duyên thọ, duyên ái, duyên thủ, duyên hữu, duyên sanh, duyên già, chết, sầu bi, khổ ưu não. Con quan tâm và tìm hiểu nhiều về duyên lục nhập, tìm hiểu duyên xúc và

bắt đầu suy tư để thực hành hai duyên này trước. Con áp dụng rất rốt ráo duyên lục nhập và duyên xúc vào đời sống của mình. Bằng cách là không xem, không nghe, không tiếp xúc với những sự việc xung quanh con trừ những cái tiếp xúc cơ bản là ăn, uống, ngủ, nghỉ. Con cảm thấy không có bức xúc, không giận dữ với những việc xảy đến bất ngờ cho mình. Thời gian này con quyết định bỏ công việc kiếm tiền để dành hoàn toàn thời gian học Giáo lý và thường xuyên suy tư áp dụng vào thực tế cuộc sống hằng ngày.

Việc học Giáo lý Tứ Thánh đế thật sự không hề dễ dàng. Vì muốn đạt được mục đích tu giải thoát, quả vị đầu tiên là bậc Thánh Dự lưu, phải đoạn tận được ba hạ phần kiết sử là thân kiến, nghi Phật Pháp Tăng, giới cấm thủ. Nhưng khi chưa học Giáo Lý, bản thân con là con cho rằng mình là một người phụ nữ có vị trí trong xã hội, tầng lớp trí thức và làm chủ doanh nghiệp khá lớn. Cái tôi lớn dần trong người mà con không có thấy. Con cho rằng mình giỏi mình hay hơn nhiều người. Giờ đây khi học và hiểu về thân kiến con thấy không có gì là của con cả. Gia đình tôi, con của tôi, chồng của tôi và tài sản của tôi. Tất cả là do mình quý cái thân của mình, mình mong muốn nhiều thứ nên cho rằng có cái tôi là như vậy. Nhưng nếu đó là của tôi tại sao những điều đó lại mất, lại bị vô thường, lại bị thay đổi.

Từ khi học được Giáo lý Kinh Nikaya con thấy được do đâu mà con người ta có những định kiến, những tà kiến sâu dày chi phối nhiều trong cuộc sống. Người ta cho rằng chết là hết, có linh hồn đi đầu thai sau 49 ngày, con người sinh ra có số mạng, Niết bàn là một cõi nào, những suy nghĩ này có là do con nghe kể, điểm khởi đầu là do con thâm vào thâm tin nên có biết, do duyên Lục nhập hình thành.

Theo lý duyên khởi: “Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh”. Từ nguyên nhân là thấy điểm bắt đầu,

nếu chúng ta không Vô minh thì đâu bắt chúng ta phải Hành động suốt ngày, cái biết sẽ thâm vào nhiều thứ làm cuộc đời chúng ta sẽ gặp nhiều rắc rối. Điều này không phải ai cũng nhận ra, rất là khó thấy. Chúng ta hãy quan sát xem, nếu một người mà học nhiều nghề, nghề nào cũng biết một chút thì có kết quả thành công được hay không? Còn trong tu tập thì sao? Nếu học nhiều thầy dạy, học nhiều kinh sách không đúng lời Đức Phật dạy thì người học cũng không hiểu và không thực hành được dẫn đến không có kết quả. Con may mắn được thầy Hòa Võ chỉ dạy từ những kinh nghiệm thực tế đã xảy ra với cuộc đời của thầy sau nhiều năm nghiên cứu kinh sách.

Học kinh phải có định nghĩa, học kinh phải học những bài mà Đức Phật cho ví dụ, học kinh phải đạt ý quên lời. Học kinh phải suy tư và phải chứng nghiệm được lời dạy trong kinh.

Bản thân con áp dụng thử nghiệm ngay, trong quyển Tứ Thánh đế là Tối Thượng, trước hết tìm hiểu Khổ đế và kiểm chứng, Tập Đế tìm hiểu và kiểm chứng 12 Nhân duyên. Con hoàn toàn tin tưởng Kinh NiKaya là do Đức Phật thuyết và quyết tâm mỗi ngày tinh tấn tu tập.

5. Kết quả Tu Tập Tứ Thánh đế hơn một năm qua

Hơn một năm qua, con đã làm được nhiều điều mà con nghĩ nếu không phải là Giáo Lý của Đức Phật Gotama thì chắc chắn khó mà thực hiện. Đức Phật là một con người siêu việt, một con người phi thường. Do nỗ lực không ngừng của tự thân, Ngài đã thành tựu Tri Kiến giải thoát, đạt đến tuyệt đỉnh của sự thanh tịnh và viên mãn những phẩm hạnh cao quý của bản chất con người. Có 10 danh hiệu cao quý để nói về Đức Phật và 10 Như Lai lực không diễn tả hết bằng lời, đây là niềm tin bất động của con khi được tiếp cận 5 Bộ Kinh Nikaya là đã tìm hiểu về Đức Phật Gotama.

Trong Trung bộ kinh bài 70 - Kinh Kitagari, Đức Phật có dạy: “Từ bỏ ăn phi thời sẽ được ít bệnh, khinh an, có sức và lạc trú” con tập sống thiếu dục tri túc, biết đủ để lo tu tập, thực tập và rèn luyện bản thân từ thể chất đến tinh thần. Con tự sắp xếp một thời khóa biểu nghiêm ngặt cho mình, như ăn ngày 2 bữa, những tháng đầu (những ngày tu Bát quan trai giới thì ăn một ngày một bữa) và dần chuyển sang ăn một ngày một bữa, đi bộ 2 lần ngày 2 giờ để liệu tri cái khổ về thân, ngủ một ngày 5 giờ, phải nghe kinh, phải học kinh, suy tư kinh, kiểm chứng lời dạy trong kinh, cũng như chứng nghiệm trạng thái cảm thọ xảy ra. Khi thực hành thường xuyên và xuyên suốt như vậy thì việc tinh tấn tu tập của con luôn tăng dần, hạt giống Tứ Thánh đế của con ngày càng phát triển mạnh mẽ, sự tinh tấn tăng trưởng.

Thời gian học Tứ Thánh đế, hiểu rõ 8 cái khổ, có thân người là khổ trong Đệ đầu tiên con thật sự chán ngán cho bản thân mình, nhớ lại chớp mắt 5 năm, 10 năm trôi qua quá nhanh, nên hằng ngày con luôn liệu tri khổ để nhắc nhở mình lo tu tập, không dễ duôi, phóng dật, tầm cầu, “Khổ Thánh đế cần phải liệu tri” là rất đúng. Khi biết đến nguyên nhân trong Tập Đế là 12 nhân duyên, con thấy rõ vấn đề hơn, tại sao có thân người? Tại sao mình khổ? Tại sao mình tham, sân, si? Con nhận ra từ khi mình thâm vào lúc nhỏ cho đến khi lớn toàn là công việc kiếm tiền, lo đi học lấy nhiều bằng cấp để tăng lương, thăng chức, lo làm ăn kinh doanh buôn bán, cái thức của con toàn là những hạt giống đi luân hồi. Sinh ra cái biết, đi hết chỗ này đến chỗ khác tầm cầu, cứ Lục Nhập => Xúc => Thọ => Ái => Thủ liên tục như vậy. Nên “Khổ tập Thánh đế cần phải đoạn tận” con cần phải biết rõ.

Một năm nay con đã may mắn được học và thấy được Lý duyên khởi đó là nguyên nhân khổ và con thấy được Lý duyên diệt nên con đã ngưng gần như hoàn toàn các công việc kiếm tiền, giãn cách gia

đình như chồng, con ít gặp gỡ người thân, bạn bè một cách tối đa để con thực hiện việc tu tập và thực hành về Tứ Thánh đế. Lộ trình tu tập của con trong thời gian sắp tới là con phải rời khỏi những đối tượng mà mình đã Ái, những đối tượng xung quanh là nguyên nhân dẫn con theo con đường Tà Đạo. Như vậy việc rất cần thiết con phải làm là chứng ngộ “khổ diệt” Thánh đế.

Khi con đã có Chánh kiến là rõ biết khổ, rõ biết nguyên nhân khổ, rõ biết diệt khổ và rõ biết con đường diệt khổ là Bát Thánh đạo, con tu tập để thực hành chánh Tư Duy, thực hành Chánh Niệm, thực hành Chánh Ngữ, thực hành Chánh Nghiệp, thực hành Chánh Mạng, thực hành Chánh Tinh tấn hằng ngày. Thực hành quán 5 giai đoạn cho từng sự việc đang hiện hữu đã có dính mắc và theo dõi để biết quá trình tại sao Tâm sanh khởi lên và tại sao Tâm diệt mất. Khi có sự viên mãn 7 chi phần trên sẽ vào tu tập Chánh Định để có hiện tại lạc trú.

Đến thời điểm này, khi đã thực hành chi phần Bát Thánh Đạo thì tâm của con luôn có sự an tịnh, thường xuyên có được tâm giải thoát, nhưng không xuyên suốt, nhưng mọi sự việc xảy ra chung quanh con, con không còn thấy ham muốn nhiều về Sắc, về Thanh, về Hương, về Vị, về Xúc nữa, bản thân không còn sợ hãi hay lo lắng bất kỳ điều gì. Bản thân con luôn tin tưởng sau một thời gian thực hành Chánh Kiến cho thiện xảo thì Tà Kiến sẽ không còn, thiện xảo Chánh Tư Duy thì Tà Tư Duy không khởi, thiện xảo Chánh Ngữ thì Tà Ngữ mất, thiện xảo Chánh Nghiệp, thiện xảo Chánh Mạng, thiện xảo Chánh Tinh Tấn, thiện xảo Chánh Niệm thì sẽ chấm dứt được khổ. Như vậy “Khổ diệt đạo Thánh đế cần phải tu tập” là phải làm hằng ngày. Quyết tâm và cố gắng tu tập, hướng đến mong muốn kết quả là bản thân sẽ có tâm giải thoát và có tuệ giải thoát hoàn toàn trong thời gian nào đó.

6. Lời nhắn gửi đến những người hữu duyên muốn tu giải thoát

Chúng ta ai rồi cũng phải chết, đó là sự thật. Bài kinh “Nước mắt trong Tương ưng vô thí” Đức Phật Gotama đã nói:

“Vô thí là luân hồi này, này các Tỳ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái gì là nhiều hơn? Dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này hay là nước trong bốn biển lớn”.

“Nước mắt khóc cho người thân nhiều như nước trong bốn biển lớn”. Đã biết vậy sao chúng ta còn phải ngụp lặn trong cõi luân hồi này. Bất kỳ ai, tìm kiếm hạnh phúc hay gặp khổ đau rồi cũng hết kiếp người. Hiện nay có rất nhiều kinh sách, nhiều thầy giảng nếu muốn tu giải thoát chúng ta không biết đâu là lời dạy của Đức Phật Gotama thì dễ lầm lạc và khi biết giáo lý rồi, lý thuyết và thực hành cũng rất xa vời. Tu giải thoát là phải buông bỏ, không sanh lại thế gian, đi lợi ngược lại với dòng đời.

Người học Phật phải tìm hiểu: Có 4 bậc Thánh thánh (Bậc Thánh Dự lưu, Bậc Thánh Nhất lai, Bậc Thánh Bất lai, Bậc Thánh A la hán). Cần phải biết điều kiện gì, tu tập gì cho có kết quả và nêu diệt 10 Kiết Sử (Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham, sân, mạn, ái sắc giới, ái vô sắc giới, mạn, trạo cử, vô minh) thì có bậc Thánh A la hán không còn khổ đau và nhập Niết Bàn sau khi thân hoại mạng chung.

Khi chúng ta Vô minh thì nguồn gốc đau khổ của con người là Ái, còn gọi 6 Ái (Sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái), nói ngắn gọn là đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si.

Muốn chấm dứt luân hồi đau khổ vĩnh viễn là chỉ có Tu tập Tứ Thánh để mới đưa đến Giác Ngộ - Giải Thoát. Như vậy, muốn tu giải thoát mà cứ Lục Nhập ⇒ Xúc ⇒ Thọ ⇒ Ái liên tục như vậy có kết quả hay không? Người tu tại gia hay người tu xuất gia, việc Tu giải thoát cũng gặp khó khăn, nhiều ít khác nhau.

Người tại gia thì bị “Tám ngọn gió đời” đó là tám sự thăng trầm mà tất cả chúng ta cần phải đối mặt: Được và Mất, Có nhiều bạn hữu và Sự cô đơn, Danh tiếng và Tai tiếng, Hạnh phúc và Sự buồn rầu. Do Vô minh nhiều đời nên luôn lúc nào người tại gia cũng bị chi phối bởi gia đình, vợ chồng, con cái, tài sản, tiền bạc, thân bằng quyến thuộc, nghĩa vụ, trách nhiệm nên khó mà tu tập giải thoát cho đến nơi đến chốn.

Người xuất gia có thành tựu giới, có công đức và hạnh nguyện cao cả, có phước báu hơn người tại gia rất nhiều vì đã “cắt Ái ly gia” rời khỏi gia đình. Mục đích đi tu ban đầu thật là cao quý, thật đáng trân trọng nhưng liên hệ nhiều đến phật tử sẽ bị “Lợi dưỡng, cung kính, danh vọng” thời gian mười năm đến hai mươi năm mà chưa giác ngộ thì những vị Tu sĩ sẽ quên đi mục đích cao quý là đi xuất gia tu giải thoát (học đạo, hành đạo khi có thành tựu, sẽ đi hoằng đạo). Tuy nhiên cũng có không ít những vị Sư tu hành miên mật đúng theo Giáo pháp của Đức Phật rất đáng để chúng ta học tập, noi theo.

Duy nhất có Đức Phật Gotama mới có khả năng chỉ ra được cái khổ (Đế 1) và nguyên nhân khổ (Đế 2), chúng ta may mắn gặp Chánh pháp mà không rớt ráo tu theo lời dạy của Ngài thì do chúng ta không có sự cố gắng, quyết tâm mà thôi. Chúng ta hãy “tận nhân lực mới tri thiên mệnh”. Làm hết sức mình, có kết quả hay không thì mới hạ hồi phân giải. Như vậy, muốn tu giải thoát thì phải Tu Tứ Thánh đế, 12 Nhân duyên và Bát Thánh Đạo cho rớt ráo hằng ngày đến khi thành tựu.

Tóm lại, qua tìm hiểu cốt lõi lời dạy của Đức Phật Gotama trong 5 Bộ Kinh Nikaya, con rất biết ơn Hòa thượng Thích Minh Châu đã dịch kinh từ tiếng Pali sang tiếng Việt. Người giúp con rút ngắn thời gian tìm hiểu kinh và dạy con biết cách tu tập là thầy Võ Thế Hòa, con luôn nhớ lời thầy đã dạy, hằng ngày tu tập Bát Chánh cho viên mãn sẽ trừ được Bát Tà, khi đó hành giả sẽ chấm dứt luân hồi đau khổ vĩnh viễn.

Câu chuyện thứ hai: Nguyễn Công Uyên. Sinh năm 1987

Nghề nghiệp: Kỹ sư công nghệ phần mềm.

Quê quán: Quảng Nam.

Email uyen.nguyencong@gmail.com

1. Ngỡ cảnh

Trước khi gặp thầy và lớp Tứ Thánh đế con cũng đã biết về kinh Nikaya. Nhưng tại thời điểm ấy, kinh Nikaya nhiều quá, nên kế hoạch là học tuần tự từng bài kinh, bắt đầu từ kinh Trung bộ.

Sau đó nhờ duyên biết được thầy Hòa Võ, được thầy tặng cho điệu pháp âm, hướng dẫn đọc và nghe những bài kinh cốt lõi trước về cả tông thuyết (đại cương) và biệt thuyết (những bài với nội dung chi tiết, chuyên sâu). Thông qua phương pháp học và nghe mới có định hướng và chọn lọc, tập trung vào 4 Thánh đế, đặc biệt rất nhiều về 12 nhân duyên, nhờ vậy con học kinh thấy dễ hiểu hơn rất nhiều.

Đặc biệt, thầy với nền tảng là dân khoa học kỹ thuật, nên đã có sự thống kê, quy nạp một cách có hệ thống với những định nghĩa và sự liên kết chặt chẽ giữa chúng. Nhờ vậy trong quá trình học, con được rất nhiều lợi ích bằng cách thấy rõ ràng các khái niệm, định

nghĩa, tiến trình, các mối liên hệ, sự tương hỗ trong quá trình học kinh. Đây là điều rất quý báu, khiến con thấy kinh dễ hiểu hơn và có thể thuộc, suy tư, vận dụng, kiểm chứng được.

2. Những điều lợi ích

Thông qua học 4 Thánh đế, đặc biệt là được học nhiều hơn về 12 nhân duyên:

- Hiểu cái xảy ra là quả hiện tại, cái có thể làm và cái quan trọng là nhân mới nào tạo ra ở hiện tại, do đó giảm được việc trách móc, đổ thừa, lẩn tẩn, bực mình, thỏa thích về chuyện đã xảy ra.

- Thấy rõ hơn về khổ: từ sanh, già, bệnh, chết, ái biệt ly, cầu không được, gặp người không ưa thích thông qua quan sát và chứng nghiệm những gì trải qua với bản thân.

- Hiểu về bố thí, và ý nghĩa của bố thí.

- Hiểu biết một cách có hệ thống hơn về các tầng trời, các cảnh giới, các chúng sanh và nhân quả về chúng, chứ không hiểu biết hời hợt, mê tín như trước đây.

- Trước đây con thấy giữ giới là một điều gò bó, tù túng. Bây giờ con thấy giới là nơi để mình nương tựa vì thấy được lợi ích của nó, nên không có ức chế, khó chịu.

- Với định nghĩa rõ ràng, cụ thể từ kinh về chánh ngữ -> chánh mạng, thông qua đó con tự tin có thể giữ giới một cách đúng đắn và hiệu quả hơn.

- Biết lục nhập, xúc là nguyên nhân gây đau khổ (vì chưa có giác ngộ nên xúc nhiều chủ yếu là ái nhiều, do chưa có căn cơ, chưa tu tập thành tựu), nên chủ động tránh xa các hoạt động không cần thiết -- ví dụ nghe nhạc giải trí, nhậu nhẹt, xô bồ....

Trước kia đọc hộ trì căn con không hiểu và không biết vì sao phải hộ trì, phải sống độc cư, nay con đã hiểu ý nghĩa của lời nói này. Nhờ vậy cũng là động lực giúp con tinh tấn trong việc giữ giới.

- Vận dụng được chánh tư duy để ly dục, ly sân, bất hại. Tinh tấn gieo hạt giống với Tứ Thánh đế. Có niềm tin về Phật Pháp Tăng và Giới.

- Con đang cố gắng chứng nghiệm duyên xúc -> thọ -> ái thông qua thực hành chánh niệm.

Con xin tri ân thầy vì đã tận tình chỉ bảo để con học, hiểu và vận dụng một cách có lợi ích cho trong đời sống.

Câu chuyện thứ ba: Đoàn Trung Dũng

Sinh năm 1961

Nghề nghiệp: Buôn bán vật liệu xây dựng.

Quê quán: Kiên Giang.

Email: trungdung777111@gmail.com

CÂU CHUYỆN ĐỜI TÔI

Tôi được sinh ra và lớn lên trong một gia đình cách mạng, không biết đến Phật giáo là gì. Mãi đến năm 48 tuổi do duyên lành được rủ đi chùa và được sư cô cho quy y Tam Bảo với pháp danh là Đức Thọ (theo hệ phái khất sĩ). Do nhờ tín tâm làm phước bố thí cúng dường nên sau 4 năm được đủ duyên đi xuất gia 7 ngày tại chùa Khmer Nam Tông, sau đó 1 năm thì đủ phước duyên về thăm Tứ Động Tâm (Ấn Độ) và lại được quy y Tam Bảo tại cội bồ đề - nơi Đức Phật thành đạo với pháp danh Trí Hùng. Tuy nhiên, cụm từ Nikaya vẫn chưa hiện hữu và Giáo pháp của đức Bổn Sư vẫn còn rất xa vời. Mãi 5 năm sau thì mới đủ duyên nghe được kinh Nikaya và

đi tìm học đạo trên mạng. May thay, chắc do nhờ túc duyên nhiều đời nên tôi đã gặp được thầy Võ Thế Hòa ở Úc Châu và lớp Tứ Thánh đế là tối thượng. Thầy chỉ y cứ theo kinh Nikaya do Hòa thượng Thích Minh Châu dịch từ nguyên bản tiếng Pali sang tiếng Việt. Thầy đã xâu kết xuyên suốt qua 5 bộ kinh, thấy được cốt lõi giáo pháp của Đức Phật là Tứ Thánh đế và mục đích của đạo Phật là đoạn tận tham - sân - si. Thầy thường xuyên nói với chúng tôi là “Đừng nên tin thầy, chỉ y cứ theo kinh và suy tư, chứng nghiệm mới quan trọng” thầy chỉ cho chúng tôi biết thế nào là tổng thuyết, thế nào là biệt thuyết có nghĩa, có văn, có kiểm chứng. Thầy dạy chúng tôi sơ thiện là bố thí, trì giới, các cõi trời. Trung thiện là vị ngọt của dục, sự nguy hiểm, sự xuất ly của dục. Hậu thiện là Tứ Thánh đế, 12 nhân duyên, 44 căn bản trí, Bát Chánh Đạo.

Qua một thời gian học tập miệt mài với thầy và lớp, tôi đã nhận ra được đây là những gì mà tôi đã đi tìm bao lâu nay. Tôi đã nhận ra khổ đế là cái quả do nghiệp quá khứ tạo ra cho nên chúng ta phải chấp nhận nó mà không đào sâu, phân tích, o bế, chăm lo cho cái quả để rồi phô trương, dính mắc, bám víu vào nó làm nó tăng trưởng, càng ngày càng tham sân si dẫn tới luân hồi dài lâu. Rất may mắn là chúng tôi đang sống ở thời còn giáo pháp của Đức Phật và Đức Phật đã chỉ ra nguyên nhân của khổ chính là tập đế - 12 nhân duyên, là ái cần phải đoạn tận. Khổ diệt Thánh đế cần phải suy tư, trải nghiệm, chứng nghiệm rốt ráo nên cần phải chứng ngộ. Và khổ diệt đạo Thánh đế cần phải tu tập liên tục để trừ diệt bất tử. Đoạn tận tham sân si một cách hoàn toàn - đây chính là pháp thiết thực hiện tại. Và trong 45 năm hoằng pháp Đức Phật cũng chỉ nói “khổ và diệt khổ. Các con phải tự mình nỗ lực! Các Như Lai chỉ là đạo Sư” thấy như vậy, biết như vậy nên con kính tri ân đến thầy và thiện tri thức Võ Thị Hoàng Yến đã mở lớp Tứ Thánh đế cho chúng con tu học.

Nay cuốn sách của thầy đã hoàn thành - đây là một tài liệu quý giá cho chúng con và mai sau. Vậy mong cho những ai hữu duyên có được cuốn sách này thì hãy mau thức tỉnh - hãy suy tư và tu tập. Bởi vì trước sau gì chúng ta cũng phải chết thôi. Nhưng làm được thân người mà không biết được cốt lõi giáo pháp thì thật là uổng một kiếp người. Con xin kính chúc thầy và các bạn hãy đi đúng theo con đường duy nhất mà bậc đạo sư đã chỉ dạy để chấm dứt sanh tử luân hồi. Đạt được hạnh phúc thật sự-tự do thật sự-niết bàn thật sự.

Câu chuyện thứ tư: Đoàn Tuấn

Sinh năm 1978.

Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng.

Quê quán: Thành Phố Rạch Giá.

Email: Ctynamhaibinh@gmail.com

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa

Tôi Đoàn Thanh Tuấn 43 tuổi, là kỹ sư xây dựng, sống tại TP. Rạch Giá - Kiên Giang.

Năm 2015 tôi có nhân duyên đi chùa và từ đó tôi mới biết Đức Phật là một nhân vật có thật;

Tôi được nghe về: Thiên Tứ Niệm Xứ - Vipasana Quán hơi thở để trở về với chính mình... cũng như Con đường bát chánh đạo...

Tôi hiểu Thế Tôn Gotama là Bậc chánh đẳng - chánh giác - giác ngộ hoàn toàn và vượt khỏi tam giới... Tôi thấy mình rất hạnh phúc vì đã biết được một nhân vật “Chánh đẳng - chánh giác” là có thật vì trước đó tôi chỉ nghĩ Đức Phật là vị Thần Linh ban phước.

Mọi thứ chỉ dừng lại với tôi ở chỗ hiểu sao cũng đúng, làm gì cũng đúng. Tôi chỉ dùng sự hiểu của mình rồi tưởng tri - giải thích mọi thứ cho phù hợp văn hóa, phù hợp cái bản ngã của mình... Nên cũng thường rơi vào trạng thái Chấp thủ, tham, sân, si rất nhiều... (Tôi chưa từng đọc bất kỳ một quyển sách hay kinh điển nào mà chỉ nghe các bài pháp thoại hoặc nghe trên Internet...).

Duyên gặp Anh Trung Dũng Đoàn trao đổi về 12 Nhân duyên và giúp Tôi vào lớp Học - chứng nghiệm “Tứ Thánh đế là tối thượng”.

Sau khi tham gia lớp học “Tứ Thánh đế là tối thượng” do thầy Võ Thế Hòa y cứ vào 5 Bộ Kinh Nikaya do Hòa thượng Minh Châu dịch và những chứng nghiệm của Thầy Hòa Võ trong suốt 11 năm học - suy tư - chứng nghiệm 5 bộ kinh để giảng giải.

Trước khi vào lớp học của thầy (tháng 7/2020), Tôi đã nghe từ 10 - 15 lần những bài giảng trên Facebook Hoa Vo của thầy như: “Học - suy tư và hành; 12 Nhân duyên - là 12 tên tướng cướp; Tứ Thánh đế là tối thượng và Bát Thánh đạo”. Thầy đã dựng đứng những u mê trong tôi bấy lâu bằng các cách học và suy tư như sau:

+ Học - suy tư - và chứng nghiệm; Học phải đạt ý quên lời; Có cá thì quên nơm (không chấp vào văn tự);

+ Ngôn ngữ, chữ viết, công thức, âm thanh hay một định nghĩa... chúng chỉ dùng để biểu hiện một sự thật nào đó, chúng chưa phải là sự thật. Chúng ta chỉ dựa vào chúng để Suy tư - chứng nghiệm có kết quả đúng hay sai, chứ không chấp vào chúng.

+ Chân lý của Đức Phật là một trạng thái có thật, mà người Phật tử cần phải hiểu rõ các Định nghĩa và các ví dụ trong Kinh để suy tư - chứng nghiệm, chứ không phải chỉ dùng tụng đọc nhằm có phước mà không hiểu gì lời Phật dạy.

+ Cần phải tìm hiểu định nghĩa của các danh từ, để biết giới hạn của chúng thì mới suy tư và chứng nghiệm được. Ví như: Vô Minh là gì?; Thế nào là Xúc?; Thế nào là Thọ?; Thế nào là Ái?;...

Tháng 7/2020 đủ duyên lành tôi được tham gia lớp học “Tứ Thánh đế là tối thượng” và đến thời điểm này tâm tôi nhận thức được:

+ Phải có lòng tin Chánh Tín đối với Đức Phật (10 như Lai lực - 10 ân đức Phật), đối với Chánh Pháp (thiết thực hiện tại...), đối với chúng Tăng đệ tử Thế Tôn (chân chánh tu hành...);

+ Bốn Chân Đế cần phải học - suy tư - chứng nghiệm;

+ Hiểu rằng nếu muốn có cuộc sống an lạc trong kiếp hiện tại này và sau khi chết được “Tái sinh” lại làm người thì phải tròn 5 giới; Hóa Sanh cõi trời dục giới hưởng phước thì phải có thêm tâm bố thí...

+ Sự nguy hiểm và sự xuất ly của dục, Hóa sanh về cõi trời Sắc giới;

+ “Tà Kiến, không tròn 5 giới” sẽ bị đọa 3 đường ác (Hóa sanh Địa ngục, ngạ quỷ hoặc thai sanh thành Bàng sanh);

* Hơn nữa tôi xác quyết được chỉ có Học - suy tư - Tu tập theo “Tứ Thánh đế”, (12 nhân duyên là nguyên nhân sanh ra khổ và Thánh đạo tám ngành là phương pháp diệt khổ) sẽ có Bốn bậc Thánh ngay trong kiếp hiện tại này và thoát khỏi luân hồi.

1. Khổ đế: Sanh, già, bệnh,.. 5 thủ uẩn. (Là Quả khổ hiện tại do quá khứ Vô Minh mà có).

2. Khổ tập: Vô minh ⇒ Hành ⇒ Thức ⇒ Danh Sắc ⇒ lục nhập ⇒ Xúc ⇒ Thọ ⇒ Ái ⇒ Thủ ⇒ Hữu ⇒ Sanh ⇒ Già chết, sầu bi, khổ

ưu não. (Lý duyên khởi gọi là Tà Đạo). Trích Tăng chi Ba Pháp và Tương ưng 2. (Đáng quan tâm nhất là Nhân sanh ra Quả khổ sau khi chết, còn Nhân sanh ra quả khổ hiện tại này thì chỉ có 60 năm - 80 năm cuộc đời).

3. Khổ diệt: Vô minh diệt ⇒ Hành diệt ⇒..... ⇒ Sanh diệt ⇒ Già chết diệt. Là diệt nhân sanh ra quả khổ tương lai (Lý duyên diệt gọi là Chánh Đạo).

4. Phương pháp diệt khổ: Chính là con đường Thánh đạo Tám ngành (Cần phải tu tập, sẽ chứng được 1 trong 4 bậc Thánh ngay trong đời này).

a. Tôi nhận thấy Duyên Lục nhập rất quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến số phận của chúng ta. Nếu nhập kinh sách, ngôn ngữ truyền dạy theo cái tưởng... mà các danh từ không có định nghĩa cụ thể rõ ràng hoặc định nghĩa sai với lời Đức Phật thuyết thì chúng ta nhập vào sẽ rất rất nguy hiểm. Đức Phật ví học Pháp để tu tập giống như người đi bắt Rắn vậy. Trích 22. Trung bộ. (Nếu không Nhập đúng Tứ Thánh để để tu tập thì coi như là luân hồi mãi mãi). Vì Đức Phật nói “Nghệp là Thừa Ruộng, Thức là Hạt Giống, Ái là Nhuận Ướt” Trích 76. Hiện hữu - Tăng chi ba pháp.

b. “Này Ananda, Ta nói rằng khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc, Nói như vậy là đáp đúng lời Ta tuyên bố, không xuyên tạc Ta không đúng sự thật”. Trích Kinh Tương ưng nhân duyên tập 2.

c. “Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là Sáu tên tướng cướp phá làng” (khi ta nhập chúng vào tâm qua 6 giác quan).

Hiểu được sự cần thiết của phòng hộ Lục nhập (Sáu giác quan), cần giảm Xúc và áp dụng định Lý duyên khởi. Quả khổ hiện

tại này do nghiệp quá khứ và theo Duyên sanh ra, nên tâm tôi cũng nhẹ nhàng để đón nhận mọi thứ... nên sự tham, sân, si cũng được muội lược.

Đức Phật tuyên thuyết Bốn Chân đế (bốn sự thật) làm rung động 10.000 thế giới, thật may mắn được Hòa thượng Minh Châu dịch lại chi tiết. Đức Phật định nghĩa Danh từ hay nội dung nào đó rất cụ thể và rõ ràng, những bài kinh liên hệ có ví dụ rất dễ hiểu. Toàn bộ Chân lý thoát khổ nằm trọn trong 5 bộ Kinh Nikaya. Vì diệu thay thầy Hòa Võ đã mất 11 năm học - suy tư - chứng nghiệm nội dung của 5 bộ Kinh. Thầy đã liên kết được những điều cốt lõi nhất mà Thế Tôn Gotama muốn thuyết dạy cho chúng sanh, để thầy đưa vào quyển sách “Tứ Thánh đế là tối thượng” nhằm giúp người hữu duyên học đạo gặp được Chân lý diệt khổ. Con nguyện trọn đời quy y Tam Bảo, trọn đời nhớ ơn Cha - Mẹ cho con thân và xin được trọn đời tri ân Hòa thượng Minh Châu cùng thầy Võ Thế Hòa.

Xin chân thành trao đổi với những đạo hữu hữu duyên đọc được quyển sách này cũng như 5 bộ Kinh Nikaya.

Quý vị hãy học - suy tư - chứng nghiệm những bài kinh sau đây và các định nghĩa trong Kinh cũng như những gì ghi trong cuốn sách này (thầy Hòa Võ đã Học - suy tư - chứng nghiệm là đúng như lời Phật thuyết) cho đến khi nào quý vị thấy đúng, hoặc không đúng, chứ đừng vội tin và chấp chặt vào văn tự (Hãy đạt ý quên lời).

Chân lý chỉ có một (Quá khứ đúng, hiện tại đúng và tương lai cũng đúng). Thử hỏi Chân lý “Lý duyên khởi, Lý duyên diệt (12 Nhân duyên) trong quá khứ đúng, vậy thời điểm này có đúng không?” Tôi xác quyết là đúng, nếu Lý duyên khởi - Lý duyên diệt mà sai là do chúng ta dùng sự tướng tri của bản thân rồi giải thích cho phù hợp với cuộc sống hiện tại mà không y cứ vào lời Kinh của Phật

thuyết, vô tình hay cố ý đã xuyên tạc lời của đức Thế Tôn Gotama và sẽ phải đọa trong Địa Ngục một kiếp. Trích Kinh Tăng chi 10 Pháp - Tội Phá hòa hợp tăng).

“Kinh Tương ưng 5: Phẩm chuyển Pháp Luân. Đức Phật thuyết Tứ Thánh đế rung động mười ngàn thế giới; Phẩm Rừng Simsapa; 8. VIII. Phân tích (Định nghĩa Bát Thánh Đạo)”.

“Kinh Tương ưng 2: Chung I (II. Phân Biệt - Định nghĩa 12 Nhân duyên); III. Con đường (Lý duyên khởi là Tà đạo và Lý duyên diệt là Chánh Đạo); VII. Đại phẩm thứ bảy - Thành Ấp (Con đường xưa cũ)”.

“Kinh Tăng chi bộ tập 1: Chương 3 - Ba pháp. Phẩm Lớn (Xác quyết 12 nhân duyên là nguyên nhân sanh ra khổ); 12. Ba chỗ (Ba pháp phải trọn đời ghi nhớ)”.

“Kinh Trung bộ tập 1: 12. Đại kinh Sur tử hồng (10 ân đức Phật - 10 Như Lai lực). 22. Kinh ví dụ con rắn (mục Xuyên tạc Như Lai. Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ); 28. Đại kinh Dụ dấu chân voi (Tất cả Thiện pháp đều tập trung trong Bốn Thánh đế; Ai thấy lý duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy pháp, người ấy thấy được lý duyên khởi);

“Kinh Trung bộ tập 3: 107. Kinh Ganaka (Như Lai chỉ là người chỉ đường); 141. Kinh Phân biệt sự thật (Định nghĩa chi tiết Bốn Thánh Đế);

“Kinh Trường bộ tập 2: 16. Đại Niết bàn (Tụng phẩm II - Chính vì không giác ngộ Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm); (Tụng phẩm V - Trong pháp luật nào có Bát Thánh Đạo, ở đó có Bốn Sa - môn - Bốn bậc Thánh).

Câu chuyện thứ năm: Trần Thị Vân

Sinh năm 1965

Nghề nghiệp: Tu nữ - Tỳ kheo Ni Thông Luận.

Tôi tên Trần Thị Vân, sinh năm 1965, sinh ra và lớn lên nơi vùng núi Tây Nguyên Đak Lak. Tuổi thơ của tôi rất cơ cực, cuộc sống gia đình tôi không đầm ấm, mẹ tôi là một người phụ nữ nhân hậu đảm đang nhưng lại luôn bị ba tôi làm khổ, từ nhỏ tôi đã chứng kiến cảnh khổ của mẹ tôi nên tôi luôn có tâm niệm sẽ không bao giờ lấy chồng vì sợ sẽ khổ như mẹ... Rồi thời gian trôi qua gia đình tôi chuyển về Đồng Nai sinh sống, cuộc sống cứ thế trôi qua, mẹ thì sức khỏe ngày càng yếu, thấy thương mẹ nhưng tôi bất lực không thể nào làm cho ba tôi thay đổi để mẹ bớt khổ. Chuyện gì đến cũng sẽ đến, năm 1997 mẹ tôi bệnh nặng qua đời, lúc đó tôi đau khổ tột cùng vì đối với tôi không có gì quý hơn mẹ, mất mẹ là mất tất cả. Những ngày sau đó, lòng cứ buồn miên man, ngồi đâu cũng nghĩ về mẹ rồi rơi lệ, gặp ai tôi cũng hỏi làm sao để người ngoài được tổn thương mất mát này thì lúc đó có một bà cụ khuyên tôi nên đi chùa làm công quả, tụng kinh, niệm Phật... Quả thật tiếng mõ, hồi chuông cũng tạm làm vơi đi nỗi khổ đau âm ỉ trong lòng. Đến năm 1998, tôi đến một ngôi chùa ở Đồng Nai xin xuất gia và được thầy ở đây đặt cho pháp danh Thông Luận, được đắp chiếc y vàng thọ giới Tỳ Kheo Ni. Tại đây các thầy đã dạy tôi các nghi thức tụng niệm trong chùa, cầu siêu, cầu an, an táng người đã khuất, dạy cách ứng phú đạo tràng... Lúc đó tôi nào biết đâu giáo pháp chân chánh của Phật, cứ si mê tụng kinh, niệm Phật, cúng đám mà không hiểu rằng mình đang chìm đắm trong tà pháp, ngoại đạo, cứ luẩn quẩn qua lại trong thọ lạc, thọ khổ, bất lạc, bất khổ.

Cuộc sống xuất gia cứ như vậy tiếp diễn, đến một ngày tôi chợt nhận ra các sư ở đây cũng như chính tôi, cũng đầy rẫy những

hỉ - nô - ái - ó, tham - sân - si và phiền não. Tôi tự hỏi - mình đi xuất gia vì mục đích gì? Những tưởng nơi đây sẽ giúp bản thân thoát ra khỏi những bể khổ thế gian, nhưng càng tu, càng nuôi lớn tự ngã, càng thấy tham- sân- si chất chồng, thiết nghĩ nơi đây đã không còn phù hợp với bản thân nữa, phải ra đi tìm đến một lý tưởng giải thoát mới. Tôi ra đi, khoảng thời gian sau đó tôi đã đặt chân đến khá nhiều trú xứ để tìm tòi học hỏi đạo giải thoát nhưng chẳng nơi nào giúp tôi hoàn thành ý nguyện, tôi cũng đã học giáo pháp tại trường Phật học, thú thật lúc ấy khi nghe các thầy giảng dạy lòng tôi cũng có chút gọi là an lạc tạm thời nhưng kết quả cũng chẳng được bao lâu, khổ đau vẫn hoàn khổ đau. Vì chán nản, tôi chọn từ bỏ cuộc sống tăng chúng và trở về độc cư, một mình tu tập. Tôi được giới thiệu và biết đến thầy Thông Lạc - một vị tu hành giữ giới khổ hạnh mà từ trước tới giờ tôi chưa từng thấy ai làm được như vậy, tôi đã nghĩ đây là bậc chân sư đáng để học tập, từ đây tôi đã tìm hiểu và theo học bộ kinh Nikaya. Tuy nhiên lúc ấy, kinh Nikaya đối với tôi rất mơ hồ, cứ nghĩ rằng sự khổ hạnh hiếm có trong thời đại này của thầy Thông Lạc, nên tôi cũng không cần đọc kinh Nikaya để tư duy, kiểm chứng lại tất cả hư thực theo như những gì mà thầy Thông Lạc đã để lại trong kinh sách, cứ nghĩ rằng có thể giữ “Tâm bất động, thanh thản, an lạc, vô sự” là tối thượng.

Thời gian thấm thoát trôi qua, sự tu học của tôi vẫn không khả quan hơn được, sự an lạc giải thoát mà tôi luôn tìm kiếm vẫn mơ hồ, mỏng manh như sương khói, tham-sân-si không thể đoạn diệt. Tôi nhận ra khá nhiều điều mâu thuẫn, cảm thấy bao nhiêu năm tu hành vẫn bị vô minh che lấp, dường như các thầy đã dẫn tôi chìm vào biển mê hồn trận, càng ngày càng ngụp lặn trong biển khổ tối tăm, mờ mịt, khó thấy ánh sáng để trời lên được...

Đang mãi chìm đắm dưới đại dương khổ ải, thất vọng, chán nản, bản thân gần như mất hết niềm tin vào giáo pháp... thật may thay, cơ duyên đã dẫn dắt cho tôi một vị đạo hữu, cũng từ chính vị đạo hữu ấy tôi đã được nghe một số bài giảng chuyên sâu về Tứ Thánh đế, 12 nhân duyên, Bát Chánh Đạo... của thầy Võ Thế Hòa. Nghe những bài giảng của thầy, tôi như con rùa mù vớ được cành củi khô ngoi lên được với ánh sáng. Tất cả những nghi ngờ về giáo pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong lòng tôi cuối cùng cũng có lời giải đáp, bây giờ tôi mới thật sự tìm hiểu rõ hơn về bộ kinh Nikaya - đây mới chính là tất cả nắm lá “Tứ Thánh đế” tôi thượng mà Đức Phật đã truyền trao đưa chúng sinh vượt qua bể khổ.

Từ khi nghe được những lời giảng của thầy, tôi đã ứng dụng vào thực tế cho việc tu tập, thật không ngờ nó mang đến cho tôi một kết quả thiết thực, hài lòng. Tôi hiểu rõ hơn tất cả mọi sự vật, hiện tượng xảy ra trong cuộc đời này đều do duyên sanh, duyên diệt, hiểu rõ con đường tu tập để chấm dứt luân hồi khổ não. Hiện tại, mọi sự trôi buộc, dính mắt trong lòng đang dần được tháo gỡ, mọi ưu phiền lo lắng sợ hãi, thất vọng đều biến mất, tôi cảm nhận được sự thanh thản, nhẹ nhàng hơn khi đối diện với cuộc sống, tham - sân - si cũng từ đó mà đoạn giảm được nhiều.

Để tỏ lòng tri ân người thầy đã soi đường dẫn bước, đưa tôi thoát khỏi đáy sông tăm tối tìm đến bến bờ chánh pháp. Tôi sẽ không ngừng quyết tâm tu học để sớm tìm đến sự giải thoát vĩnh cửu mong đền đáp công ơn thầy, xin nguyện thầy luôn khỏe mạnh, mãi là cột trụ bóng mát cho đàn con quay về nương tựa, dìu dắt đàn hậu học cùng đến bến bờ tri thức giác ngộ.

“Thầy ơi con đã hiểu

Con đã hiểu rồi thầy ơi

Thầy vào đời bằng sự hy sinh thầm lặng

Trên chuyến đò thầy chở nặng yêu thương”

THÔNG LUẬN

Kính thư!

Câu chuyện thứ sáu: Dương Văn Dứt

Sinh năm 1978

Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do

Quê quán: Sài Gòn

Nickname facebook của tôi là Thienha

Tôi sinh ra và lớn lên tại thành phố Hồ Chí Minh. Tôi sống trong 1 gia đình có 4 anh em (mẹ tôi kết hôn lần 1, có 3 người con và ly thân. Mẹ tôi đi thêm bước nữa nên có tôi và ly thân lần 2). Mẹ tôi tuổi cao nên 3 người anh là lao động chính trong gia đình.

Nhà tôi gần ngôi chùa thuộc hệ phái Phật giáo Nguyên Thủy và đối diện chùa là một nghĩa địa gần 5000 ngôi mộ. Hoàn cảnh gia đình khó khăn nên tôi tự chăm sóc và biết kiếm tiền từ lúc 12, 13 tuổi. Vì nhỏ nhất trong gia đình nên tôi buộc phải làm những việc của người nội trợ, luôn bị “cắm đoán” và thường xuyên bị đòn roi rất dã man từ 3 người anh là lao động chính ở trên.

Tôi hay đến chùa để nghe các sư kể chuyện về Phật Bốn Sư Thích Ca và nghe pháp vào ngày rằm. Do nghịch duyên nên tôi không còn đến chùa được nữa. Tôi lao động vào ngày nghỉ học và bán nước giải khát khi có đám tang để kiếm tiền đi học. Tôi nhận biết ở tuổi tôi “không học đến nơi đến chốn là phải đi học nghề hoặc đi làm mướn”.

Tôi tốt nghiệp ngành Quản trị Kinh doanh năm 2000 rồi đi làm nhiều cơ quan khác nhau. Thù lao kiếm được, tôi dùng vào việc bồ thí và bắt đầu học Đạo. Tôi nghiên cứu về Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài.

Năm 2005, tôi được 2 người anh (con riêng của ba tôi) hướng dẫn về sự vi diệu của Mật tông, thành tựu, lợi ích và thần thông khi hành thiền - chỉ dạy cách nhập và xuất thiền của bộ Mật tông. Tôi chuyên tâm hành thiền - thực hiện hạnh bồ thí liên tục 19 năm.

Tôi lập gia đình năm 30 tuổi. Ở tuổi 30 nhưng tôi vẫn bị bạo hành từ 3 người con riêng của mẹ tôi, vô số lần mẹ tôi đuổi vợ chồng tôi ra khỏi nhà và hình ảnh người cha trong lòng tôi là “ngược đãi và bỏ rơi”. Tuy chưa biết chánh pháp là gì nhưng đạo làm người thôi thúc tôi phải làm tròn trách nhiệm của một người con đối với mẹ và công lao nuôi nấng của ba người anh cùng mẹ khác cha. Tuy thực hiện đạo làm con, phận làm em nhưng trong lòng tôi mang đầy thù hận, phần nộ và canh cánh trong lòng sự bất công và đau khổ.

Năm 2019, tôi bị mất tài sản, bị xua đuổi khỏi nhà, bản thân học đạo không kết quả nên lần nữa tôi quyết tâm tìm đường giải thoát. Tôi đến vài ngôi chùa ở TP. Hồ Chí Minh để tìm tìm đạo nhưng vẫn vô duyên. Tháng 01/2019 tôi vào facebook trang NHÓM HỌC HỎI VÀ NGHIÊN CỨU KINH NIKAYA admin là thầy Hoa Vo nay trang có tên TỨ THÁNH ĐỂ LÀ TỐI THƯỢNG. Tôi lần theo và vào trang Tanhthay để nghe các bài giảng của thầy. Bài giảng đầu tiên tôi nghe là bài “CON ĐƯỜNG CHẤM DỨT KHỔ ĐAU”.

Tôi thường xuyên mở mạng để nghe các bài giảng. Khoảng một tháng sau tôi gửi tin nhắn đến thầy Hòa Võ để xin thầy chỉ dạy đạo và được thầy gửi bài:

1. Tứ Thánh đế (Phẩm chuyển pháp luân).
2. Bát Thánh Đạo.
3. 12 Nhân duyên.
4. 44 căn bản trí.

Thầy bảo phải học thuộc lòng vì đây là Pháp bảo quan trọng. Nếu thầy kiểm tra thuộc thì thầy cho vào lớp meeting để học online.

Lòng khát khao tìm đường giải thoát nhưng vì nhận định không đúng nên tôi đã đi một đoạn đường hơn 20 năm để tìm Đạo để không có kết quả. Nay, Tôi được nghe bài pháp nói chính xác về những đau khổ mà tôi đang gánh chịu và hướng đi để chấm dứt khổ đau vĩnh viễn. Tôi cùng vợ con nhanh chóng học thuộc 4 bài học mà thầy gửi. Vì sai lầm 1 lần tôi đã đi 1 đoạn đường gần nửa đời người nên tôi sợ lầm đường lần 2. Tôi chưa muốn nhận thầy là vị lãnh đạo, vị đạo sư cho mình.

Tôi nói dối thầy là chưa thuộc bài vì tôi muốn theo dõi thầy thêm một thời gian nữa xem thực hư thế nào, “trước như thế nào và sau như thế ấy” tất cả các bài giảng thầy vẫn trích dẫn kinh từ bộ kinh Nikaya ra giảng dạy, thầy luôn tuyên thuyết về TỨ THÁNH ĐẾ LÀ TỐI THƯỢNG, thầy tuyên thuyết không một bài kinh nào hơn bài kinh mà đức Thế Tôn Gotama đã thuyết giảng và là bài kinh duy nhất mà không có bất cứ ngoại đạo nào có được. Nếu nương theo Bát Thánh Đạo sẽ chấm dứt khổ vĩnh viễn.

Trước đây, mỗi lần khát nước tôi tự múc “nước biển” để giải khát và rồi lại khát thêm. Nhờ thầy Hòa Võ chỉ ra nguyên nhân nên tôi đã ngừng dùng “nước biển”. Tôi quyết định tham gia lớp học. Sau 1 năm nhờ thầy giảng dạy. Tôi học, suy tư rồi chứng nghiệm được vài thành tựu của bản thân. Tôi nhận ra mình đã đi đúng con đường.

Tôi không còn oán trách bản thân, than vãn về số phận. Mọi bất công đến với tôi như một món nợ tôi phải trả, trả một cách vui vẻ và không gây thêm nợ.

Cuộc sống của tôi có quá nhiều bất công, quá nhiều bi thương nên, quá nhiều thất bại nên tôi luôn phẫn nộ, luôn nhìn mọi vấn đề ở tư thế tiêu cực. Sự sân hận như luôn hiện hữu trong con người của tôi. Thầy Hòa Võ đã cho tôi một hướng đi mới, một cuộc đời mới, một hành trình để chấm dứt khổ đau thực sự. Tôi đã chứng nghiệm được trạng thái thoát khổ khi nhận ra tất cả bất công, bi thương, thất bại và phẫn nộ là do mình tạo tác từ kiếp trước. Thêm nữa là tôi đã nhận ra sự trói buộc tình cảm giữa cha mẹ, anh em, vợ chồng là rào cản quá lớn để bản thân không thể nào tìm ra chân lý.

Niềm tin tăng dần từ những bài pháp mà tôi đã được nghe - được giảng dạy và chứng nghiệm. Chỉ sau một năm học tập. Tôi đã dần mất đi sự phẫn nộ, hiềm khích. Tôi biết lắng nghe, biết chia sẻ và đồng cảm với người có hoàn cảnh như tôi trước đây. Vì hơn ai hết họ là người rất đau khổ, họ cũng muốn thoát ra khỏi sự đau khổ ấy “trong đau thương thấy được tình người”.

Nếu ai đó vô tình đọc qua những dòng bút này của tôi. Tôi khuyên các học giả, những người có khát khao tìm ra nguyên nhân của khổ đau và chấm dứt nó thì hãy quay lại kinh tạng Pali-Việt (Kinh Nikaya) bản dịch của hòa thượng Thích Minh Châu để học, suy tư và chứng nghiệm. Khi học có thành tựu rồi hãy chia sẻ cho người khác.

Đừng tin, đừng tín nhiệm một cách mù quáng. Vì hơn hết trên thế gian này không ai hơn được thế Tôn Gotama. Điều đáng ghi lòng là các vị Phật quá khứ, hiện tại và vị lai cũng sẽ phải tuyên thuyết TỨ THÁNH ĐẾ và cơ hội chúng ta làm người rất mong manh.

Câu chuyện thứ bảy: Lương Thị Sen

Sinh năm 1975

Nghề nghiệp: Buôn bán Cafe

Quê quán: Thái Bình, sống Kiên Giang

Email: luongthisen6677@gmail.com

Không tham-không sân-không si là gì?

Có giới-có định-có tuệ là gì?

Nghe biết nhưng hiểu thấu đáo về nó thì hôm nay con mới chạm đến được.

Như có một la bàn, định vị đúng cho hướng đi của mình, như trong luân hồi mãi nổi trôi, lặn hụp nay mới tìm được bậc chân nhân được nghe Diệu Pháp, cái phao, để giải thoát khổ đau cho chính mình.

Ánh sáng cuối đường hầm.

Cốt lõi năm bộ kinh Nikaya, Tứ Thánh đế, Bát Thánh Đạo, 12 nhân duyên mà thầy luôn cho nó là 12 tên cướp phá làng, ngôi nhà trống này do lục nhập theo năm tháng quá nhiều nhiễm ô.

Xâu chuỗi trích lục, thầy chỉ dẫn những chi tiết từ lớn đến nhỏ, từng ví dụ cụ thể mà thầy gửi đến những người trí thức hay yếu kém luôn muốn tìm hiểu về Giáo Lý, tin tưởng tuyệt đối về 10 ân đức của Đức Phật. Một bậc ứng cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Đề tự tu sửa, chúng nghiệm đừng tin vào bất cứ điều gì, ở lớp Tứ Thánh đế này, đúng là những người bạn đồng hành hữu duyên thiên lý, năng tương ngộ, từ nhiều vùng miền khác nhau ở Việt Nam,

trực tiếp thầy giảng giải mỗi ngày qua thiết bị điện tử từ những câu kinh khó hiểu mà hòa thượng Thích Minh Châu dịch từ tiếng Hán qua tiếng Việt.

Với duyên, lực nhập, xúc, thọ, ái này tạo nghiệp tốt cho tài sản quý báu, ở kiếp sống hiện tại.

Pháp của Đức Phật: "...Đến đê mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người trí tự mình giác hiểu"

Nhưng đổi lại quyển sách Tứ Thánh đế tối thượng này ra đời như một công thức, chân lý tóm gọn lưu lại cho hậu thế.

Con sinh năm 1975 trong một gia đình cách mạng, tại Thái Bình, di cư vào Nam năm 1980. Bố mẹ con sinh quá nhiều con, sinh sống nơi xứ lạ quê người, nhà nghèo, chị em đông nên con chỉ học đến lớp 9, học nghề may theo thời rồi lấy chồng sinh con, bây giờ buôn bán cà phê sống qua ngày.

Cuộc sống cứ vui buồn, lạc rồi khổ, rồi lại không khổ không lạc, cứ trong cái vòng luẩn quẩn cho dù tìm đến chùa, núi non, nơi mà cho là an lạc nhất nhưng nó vẫn là nó.

Nhàm chán thế gian, con đi xuất gia gieo duyên tại chùa Thiên Chúc - Hà Tiên khi tuổi xé chiều 45, mong rằng được gieo duyên hạt giống tốt sau này, tuy chỉ có 8 ngày nhưng đây là cơ duyên cho con được tiếp cận đến kinh Nikaya. Đủ duyên lành, con vào học lớp Tứ Thánh đế, hiểu rõ hơn về đạo đế là chân lý mà đức phật Gotama thuyết giảng khi vừa chứng ngộ hay giây phút sắp nhập diệt.

Vào lớp học con hiểu ra bao nhiêu điều nằm gọn trong 12 nhân duyên (vòng tròn khép kín) của khổ uẩn này tập khởi cái này sanh cái kia sanh. Lại chính là Ái hỏi sao thầy không nhắc đi nhắc lại với các học viên trong lớp đây là thủ phạm, đây là nguyên nhân. Kiết sử,

đính mắc, sai khiến, khó đoạn trừ, nên cần phải tu tập thấy niết bàn ngay phút hiện tại này.

Phải thực hành mỗi giờ, mỗi ngày, con cũng nhìn vào duyên xúc thấy rõ tâm mình cảm thọ sanh diệt, sống chậm lại chánh niệm tỉnh giác, ghi nhận biết rõ chúng sanh chúng diệt. An nhiên tự tại giảm xúc khi có thể. Học pháp, ái pháp nhiều hơn vì biết thân thức này là vô thường.

Sanh, trụ, hoại, diệt.

Cảm ơn cha mẹ đã cho con một thân người hoàn thiện.

Tri ân thầy Võ Thế Hòa.

Chân thành cảm ơn Hòa thượng Thích Minh Châu dịch kinh từ tiếng Pali sang tiếng Việt.

Cùng toàn thể bạn hữu trong lớp học nhất là bạn Võ Thị Hoàng Yến - cán sự lớp và anh Đoàn Trung Dũng đã trợ duyên tìm giúp Hồng Sen một vị cư sĩ tại gia chứng ngộ giữa đời thường, giác hiểu chỉ dẫn cho các bậc thánh quả tương lai hiện hữu này.

Câu chuyện thứ tám: Nguyễn Lệ Hằng

Sinh năm 1969

Nghề nghiệp: Nội trợ

Quê quán: Thái Nguyên

Con là người mến mộ Đạo Phật đã từ lâu, nay cơ duyên đã đến và hữu duyên được gặp thầy Võ Thế Hòa khi vào học ngày 16 tháng 4 năm 2020. Khi đó con cảm thấy hoang mang không biết mình đã chọn đúng thầy để học chưa? Bởi vì khi đó học Giáo Pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni con thấy có nhiều trường phái và con nghĩ cứ

tạm thời theo học. Trong quá trình học con thấy thầy giảng hoàn toàn y cứ vào năm bộ kinh Nikaya do Hòa thượng Thích Minh Châu dịch. Thầy Võ Thế Hòa có hơn 10 năm đọc và nghiên cứu tìm tòi suy tư; chứng nghiệm trong cuộc sống của thầy.

Thầy đã dạy và con đã thấm dần từng câu từng chữ và thấy ánh sáng của Đức Phật đang dần hiện ra trong con. Đó là Tứ Thánh đế; 12 nhân duyên; Bát Thánh Đạo là chân lý về diệt khổ mà xuyên suốt hành trình thuyết pháp Đức Phật đều nói đến.

Khi chưa biết về Giáo Pháp con còn tham lam và sân hận, chưa có tâm lòng từ bi, có suy nghĩ tà kiến. Nay gặp được thầy dạy cho con biết Tứ Thánh đế là cốt lõi của Đạo Phật, thầy đã làm con thay đổi nhiều, con biết Chánh niệm hằng ngày giảm được Tham Sân Si, biết giữ giới để không rơi xuống vực, hạn chế nhập 6 cảnh: sắc; thanh; hương; vị; xúc; pháp.

Con chứng nghiệm được rằng: Nhập nhiều sẽ bị hại nhiều; thất bại nhiều; kéo dài sự luân hồi.

Con cố gắng tu tập: Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng cho tinh tấn.

Con vui vẻ chấp nhận cả những quả xấu xảy ra trong đời mà không sân hận, không tham đắm vào quả tốt,坦然 nhiên giải thoát những vui buồn trong cuộc sống.

Con tập dần sống cuộc sống đơn giản, không còn tìm cầu hỷ lạc để thấy mình thanh thản nhẹ nhàng hơn.

Con thành tâm tri ân công đức của Thầy đã dạy cho con chân lý của Đức Phật: Tứ Thánh đế là tối thượng để con tu tập và được giải thoát trong kiếp sống này.

Và còn đã tin tưởng tuyệt đối vào Giáo Pháp của đức Thế Tôn.

Kính Thầy

Câu chuyện thứ chín: Vũ Thị Thuý Bình

Sinh năm 1954

Quê quán: Gia Lộc - Hải Dương

Thật bù người khi kể lại những gì là quá khứ của bản thân mình! Tôi sinh ra trong một gia đình cách mạng, cả mẹ và cha đều tham gia kháng chiến chống Pháp. Cha tôi mất khi tôi còn nằm trong bụng mẹ. Mẹ mới 29 tuổi phải nghỉ công tác phụ nữ huyện để nuôi dạy trông nom con cái. Mẹ sinh ra trong một gia đình thuộc tầng lớp trên nên không biết lao động, không biết làm ruộng. Mẹ, con phải sống trong cảnh nghèo khó nhưng vẫn nuôi các con khôn lớn, ăn học. Học hết cấp 2 trường làng tôi lên cấp 3. Trường ở tận phố huyện cách nhà mười cây số. Tôi phải đi bộ tới trường suốt một năm học. Khó khăn là thế nhưng tôi vẫn quyết tâm theo học đến cùng bởi trong tôi luôn có suy nghĩ phải học hết cấp 3, phải đi công tác thì mới hết đói nghèo. Lên lớp 9 tôi phải ở trọ để đi học. Mỗi tuần chỉ mang theo hai ống gạo mà không có tiền ăn. Bệnh tật bắt đầu ập đến với tôi, đau cột sống không thể đi lại được nữa. Nửa ngày vào lớp học nửa ngày phải đi bệnh viện chăm cứu. Bệnh tật cũng qua đi, hết lớp 10 tôi thi vào Sư Phạm 10+3. Sau đó tôi lại tiếp tục học lên Cao Đẳng Sư Phạm. Năm 1976 tôi xây dựng gia đình, chồng tôi cũng có hoàn cảnh éo le như tôi. Bố hy sinh, mẹ đi bước nữa phải ở với người bác dâu. Vợ chồng tôi sinh được ba đứa con. Cuộc sống gia đình êm ấm và hạnh phúc. Năm 1987 chồng tôi đột ngột qua đời vì bệnh viêm não Nhật Bản. Tôi hoàn toàn mất hết chỗ dựa, một mình nuôi con từ trong trứng nước cực khổ đến tận cùng, tưởng như không vượt qua được. Bao ngày bao đêm mà vẫn không vơi nước mắt khóc cho mình rồi lại khóc cả cho con. Để làm tròn bổn phận thay chồng nuôi con tôi đã cứng rắn hơn với một suy nghĩ đúng đắn: “Khổ tận cam lai”. Lòng tin và sự quyết tâm đúng đắn đã giúp tôi mạnh dạn vay

30 nghìn đồng tiền ngân hàng để mở được quán nhỏ bán nước trước công nhà rồi ba năm sau tôi tiếp tục mở quán bán cà phê vườn. Đói khổ cũng vui đi chút ít. Bất ngờ vụ kiện tranh chấp đất ở của gia đình lại diễn ra kéo dài hơn 8 năm liên tục. Mỗi một vì tốn kém tiền của theo kiện, có lúc tôi đã nghĩ quẩn mong cho mình không còn trên cõi đời này hoặc điên dại để khỏi phải theo đuổi chứng kiến sự việc này nhưng suy nghĩ đó không tồn tại trong tôi quá 5 phút. Tôi quyết định phải tiếp tục “chiến đấu” để giành lại mảnh đất cho con và kết quả đạt như ý. Mừng vui khi thấy các con đã khôn lớn, cả 3 đứa đều khỏe mạnh ngoan ngoãn, học hết chương trình đại học. Tưởng cái khổ đã chấm dứt thủy chung với mình nhưng 2001 đứa con trai đầu lòng vừa nhận quyết định đi làm thì bị tai nạn xe máy “thập tử nhất sinh”. Bao nhiêu khổ đau tuyệt vọng đè lên đôi vai mảnh khiến tôi hoảng sợ. Và cái khổ vẫn không chịu buông tha con người của tôi. Năm 2008 tôi bị trượt đốt sống do thoát vị đĩa đệm phải mổ cấp cứu... Trong tôi không biết bao nhiêu câu hỏi tại sao, tại sao mình lại khổ như vậy, lúc đó tôi cũng có nghĩ về nhân quả nhưng không cắt nghĩa được bởi từ khi sinh ra tôi luôn là một đứa trẻ ngoan, một cô gái giản dị hiền lành, cần cù chịu khó giúp mẹ, trong chuyên môn thì năng động sáng tạo. Là giáo viên giỏi chiến sĩ thi đua nhiều năm, được bạn bè đồng nghiệp yêu quý, phụ huynh và học sinh tin tưởng. Tôi không làm điều ác vậy thì tại sao lại có quả khổ lớn như vậy. Một câu hỏi không có lời giải đáp.

Năm 2008 tôi được nghỉ hưu, tôi dành thời gian nhiều đến chùa trước là bố thí sau là giúp các Phật tử, những người có hoàn cảnh khó khăn. Tôi dành nhiều thời gian cho tụng niệm, mỗi sáng đọc Chú Đại Bi từ 6 biến tăng lên 9 biến rồi cao hơn là 12 biến mỗi buổi để cầu xin Bồ Tát ban phước nhưng làm mãi cũng chẳng thấy có kết quả gì. Trong lòng tôi đã có những hoài nghi về những mong ước hào huyền

vô lý. Tâm tôi luôn hướng về Đức Phật Thích Ca cùng với kinh của Người nhưng các vùng quê đi đâu cũng chỉ thấy có tượng Thích Ca mà không thấy kinh sách của người. Các chùa chỉ đọc kinh A Di Đà, Phẩm Phổ Môn, Kinh Địa Tạng. Trong lúc đang cháy bỏng ước muốn được học kinh điển của Phật giáo Nguyên Thủy của Đức Phật Thích Ca, tôi được người cháu sống ở Miền Nam đến chơi và gợi ý mời tôi vào lớp “Tứ Thánh đế là tối thượng” do thầy Võ Thế Hòa dạy tại Úc Châu. Được cháu giải thích sơ qua về Tứ Thánh đế là tối thượng trong năm bộ kinh Nikaya của Đức Phật Thích Ca cháu còn nhấn mạnh đây là phương pháp tu giải thoát không còn luân hồi. Ước muốn của tôi như đã được Thiên Sứ biết, tôi phấn khởi tự tin nhờ cháu giúp xin vào lớp học từ ngày 1 tháng 8 năm 2020.

Khi được vào lớp học rồi, tôi nhận ra mình quá chênh lệch tuổi tác so với các bạn đồng tu, thời gian vào lớp chậm so với lớp từ 6 đến 7 tháng. Giọng thầy giảng bài và các bạn trong lớp nghe rất hay nhưng âm không rõ vì toàn người Miền Nam. Học trực tuyến nhưng điện thoại là không rành. Đặc biệt là nội dung Tứ Thánh đế là tối thượng hoặc kinh Nikaya, tôi hoàn toàn không biết rồi một trở ngại lớn nhất với tôi lúc này hai trong ba đứa con không muốn cho tôi học. Tôi suy nghĩ và quyết định không thể dừng lại vì đây là cơ hội cuối cùng khi tuổi đời đã gần 70.

Khó khăn rồi cũng qua đi tôi chuyên tâm vào công việc học hành được lớp trưởng Võ Thị Hoàng Yến ân cần chu đáo hướng dẫn tỉ mỉ, cung cấp những tài liệu cách học bài. Đặc biệt là sự giảng dạy của thầy Võ Thế Hòa. Kiến thức của thầy thật thâm sâu uyên bác, say mê nhiệt tình bất chấp mọi thời gian để truyền thụ kiến thức rèn phương pháp học cho học viên trong lớp “Văn, Tu, Tư” phải trình tự đủ 3 bước: Thuộc Kinh, Suy tư để kiểm chứng rồi thực hành. Thêm nữa lại được nghe nhóm thảo luận kiến thức mau chóng thấm dần

trong tâm trí tôi. Kết quả có được sau 6 tháng tu tập, tuy chưa sâu, chưa nhiều nhưng cũng đủ để tôi giác ngộ được tất cả những gì mà tôi mong cầu...

Trước hết tôi xin được kể về những giác ngộ của mình khi tìm hiểu về Đức Phật Thích Ca và một số quan điểm về Pháp của Đức Phật.

Được tìm hiểu Kinh Trung Bộ cho tôi hiểu hoàn cảnh xuất gia, mục đích xuất gia cùng quá trình tu tập của Người hiểu rõ Pháp của Đức Phật qua lời Đức Phật tuyên bố: “Pháp này do ta chứng được thật là sâu kín khó thấy khó chứng, tịch tịnh cao thượng siêu lí luận vi diệu, chỉ có người trí mới hiểu”.

Đức Phật đã khẳng định chân lí Giáo pháp của mình là Tối Thượng. Pháp là thiết thực hiện tại có quả tức thời... Điều này tôi đã chứng nghiệm và rất thành công. Ví dụ như phần trên tôi đã kể về mình vì quá khổ nên tôi tìm cầu tới chùa xin Phật cầu may hay việc trì chú Đại Bi mỗi ngày đều là tà kiến. Được biết những tà kiến này là do chính mình đã nhập từ khi mới sinh ra và những tà kiến ấy cứ dày lên theo năm tháng mãi cho đến khi vào đây học tôi mới biết thế nào là tà kiến. Biết được tính chất nguy hiểm của tà kiến cũng đem đến kết quả, luân hồi. Do giác hiểu về vấn đề này tôi đã buông tất cả và luôn luôn sống trong trạng thái bình an tự tin trong cuộc sống. Chính pháp của Đức Phật đã phá tan những quan điểm sai lệch như không có địa ngục, không có cõi trời nhưng trong kinh tạng chi mười pháp chính Đức Phật đã tuyên bố về tội phá hòa hợp tăng: “Tội ác kéo dài một kiếp. Bị nung nấu trong địa ngục một kiếp”. Rồi Đức Phật lại khuyên chúng ta “chớ có tin vì được nghe Kinh điển truyền tụng” trích kinh (các vị ở Kesaputta). Đức Phật đã khuyên những người dân ở đây biết phân biệt những quan điểm đúng sai. Cũng từ mười ân đức... và mười Như Lai lực đã giúp tôi hiểu sâu sắc hơn về

vị Phật toàn giác. Người và kinh điển chân lí của người mãi mãi là một di sản văn hóa vô giá của nhân loại đây cũng chính là động lực tăng thêm lòng tin khiến tôi say mê tập tứ thánh đế là tối thượng của người.

Vấn đề giác ngộ về Tứ Thánh đế tôi xin được trình bày những hiểu biết của mình về 12 nhân duyên. Trong Kinh Tăng chi ba pháp Đức Phật đã thuyết: Vô Minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi khổ, ưu, não... Tôi hiểu rõ đây là thánh đế về khổ tập một vòng tròn khép kín từ khi sinh ra đến khi mất đi của con người và đây cũng chính là 12 tên tướng cướp. Với 12 duyên này ta tìm hiểu sâu kĩ những khái niệm những tính chất thì mới tiếp thu được nội dung của Tứ Thánh đế.

Trong 12 nhân duyên tôi xin dừng lại trình bày ở 2 duyên: Duyên lục nhập, duyên ái.

Với duyên lục nhập từ nhận thức được quả khổ hiện tại này do nhân trong quá khứ (vô minh-hành-thức mà có) và do chấp chủ 6 giới nên có nhập thai. Do có nhập thai nên có danh sắc, do có danh sắc nên có lục nhập, do có lục nhập nên có xúc (trích kinh tạng tri 3 pháp) tôi đã nhận đc nhân gần sinh ra THỌ là XÚC và sau là lục nhập và danh sắc vậy nếu ko có danh sắc thì không có lục nhập, nếu không có lục nhập thì không có xúc, nếu không có xúc thì không có thọ. Lục nhập là một duyên rất quan trọng vì khi ra đời 6 nội xứ sẽ thâm tất cả các sắc thanh hương vị xúc vào tâm đây là 6 cái tên phá làng. Hiểu như vậy biết như vậy nếu lục nhập ko có định hướng thì rất nguy hiểm. Để tránh được những đau khổ tôi chỉ lục nhập những cái cần thiết đặc biệt là những kinh sách ko phải là kinh Nikaya. Giác

ngộ về vấn đề này cuộc sống thường nhật hằng ngày lúc này tôi chỉ nhập tứ thánh đế. 12 nhân duyên. Bát chánh đạo, bởi đây là hạt giống đưa tôi đến bến bờ giải thoát.

Nội dung thứ 2 tôi đã hiểu và chứng nghiệm chính là duyên ái là duyên thứ 7 trong 12 nhân duyên. Tôi xin tóm tắt kể lại. Tôi đã hiểu được ái là gì? Có mấy ái? Đó là sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái và pháp ái. Tôi hiểu được ái là sự dính lấp vào một đối tượng nào đó và bị ái sai khiến, cụ thể như: Như mắt dính vào sắc, tai dính vào thanh mũi dính vào hương...và từ sự dính mắc này do sự xúc chạm giữa 6 nội xứ và 6 ngoại xứ đã sinh ra sự cảm thọ khác nhau. Có 3 trạng thái cảm thọ: Nếu mắt thấy sắc khả ái khả lạc thì tham ái sanh. Nếu mắt thấy sắc không khả ái khả lạc thì sân ái sanh. Nếu mắt thấy sắc không khổ không lạc thọ thì si ái sanh. Như vậy ái chính là thủ phạm đầy nguy hiểm bởi dù lạc thọ hay khổ thọ hay không khổ không lạc thọ đều đem lại những khổ đau cho con người vì mọi cảm thọ đều là vô thường. Biết ái là kẻ thù tôi đã truy tìm thủ phạm sinh ra ái và biết mình phải làm gì? Nguyên nhân sinh ra ái là do lục nhập, do xúc và duyên gần nhất là thọ vì từ lạc thọ sanh khởi ngay tức thì có ái và đã ái là dẫn đến khổ ngay trong hiện tại và cả trong tương lai. Biết vậy thấy vậy không có con đường nào khác là phải diệt nguyên nhân sinh ra ái. Áp dụng vào bản thân tôi đã giảm và cắt hẳn những lục nhập không cần thiết như ham muốn sắc thanh hương vị xúc và đã giảm lục nhập thì giảm xúc mà giảm xúc thì giảm thọ. Trong tôi đã được trang bị tránh chánh kiến tức là minh sanh đã khởi lên. Tôi đã hiểu rõ khổ, biết nguyên nhân khổ, biết diệt khổ bởi vậy đối mặt với sắc thanh hương vị xúc mà tôi không khởi lên khả ý khả lạc. Theo lý duyên khởi cái này diệt cái kia diệt nếu không có ái thì không có thủ, không có thủ thì không có hữu, không có sanh không có già chết và không có luân hồi. Không có ái là giải thoát. Biết như

vậy và làm như vậy nên đã từ lâu tôi không còn ái tiền bạc, nhà cửa, tài sản, ăn, ngủ, nghỉ, hội hè đình đám, luôn chánh niệm tinh giác để ái không khởi lên, quán năm triền cái để phòng hộ 6 căn nên ái trong tôi đã giảm khá nhiều. Trong hiện tại lúc này, trong tôi chỉ còn duy nhất 1 ái đó là Tứ Thánh đế là tối thượng, 12 Nhân Duyên, Bát Chánh Đạo tôi sẽ chăm sóc tốt để hạt giống này được đơm hoa kết trái.

Câu chuyện của tôi vừa kể là những câu chuyện mà tôi đã chứng nghiệm về cái khổ của bản thân trong khổ Thánh đế. Nhiều cái khổ đã giúp tôi nhận ra chính là cái quả mà trong quá khứ mình đã tạo ra. Những cái khổ đó như lời dạy của thầy ta chỉ biết đón nhận mà không có cách nào khác được và nó là vô thường rồi cũng qua đi. Hiểu được như vậy lòng tôi thật nhẹ nhàng thanh thản. Cũng từ những cái khổ này tôi thấy được kiết sử được sinh ra trong sự ràng buộc của các thành viên trong gia đình càng làm cho ta khổ thêm. Cũng từ những cái khổ này là động lực giúp tôi học tập tốt hơn.

Bên cạnh câu chuyện tôi vừa kể trên là những giác ngộ của tôi về giáo lý của Đức Phật Thích Ca.

Từ những rõ biết về vị Phật toàn giác: Có 10 ân đức và 10 Như Lai lực và các pháp trong 5 bộ kinh Nikaya của Ngài đã đập tan những quan điểm xấu phá hòa hợp tăng phải nhận những quả khổ. Nó khẳng định được chân lý duy nhất đúng về Đức Phật về Tứ Thánh đế là tối thượng giúp tôi ổn định tư tưởng và càng học tốt hơn.

Lời kể của tôi về những hiểu biết, Giác ngộ được 2 trong duyên lục nhập, duyên ái trong 12 Nhân Duyên qua quá trình học tập. Từ hiểu biết về bản chất 2 duyên lục nhập của duyên ái tôi đã biết thực hành, biết chứng nghiệm và có quả tức thì trong cuộc sống hiện tại. Vì có chánh kiến nên đã kiểm chứng được việc làm đúng sai của mình về những người xung quanh, thân kiến được diệt trừ, tham ái

tiền bạc không còn dính mắc tâm trạng sống thanh thản thoải mái hơn tự tin hơn. Có được những kết quả này tôi xin được tri ân tới Hòa thượng Thích Minh Châu, thầy Võ Thế Hòa cùng các bạn đồng tu trong lớp Tứ Thánh để...

Câu chuyện thứ mười: Nguyễn Bá Chiên

Sinh năm 1997

Nghề nghiệp: Thiết kế website.

Quê quán: Ninh Bình

Email: chiennguyenpre1@gmail.com

Sinh ra trong một gia đình nghèo, nên từ nhỏ tới lớn tôi đã có khát vọng kiếm tiền, làm giàu và luôn nỗ lực vì điều đó. Vào năm 18 tuổi, tôi mới ý thức được sự tồn tại của bản thân mình, và suy ngẫm về cuộc đời với một câu hỏi lớn: Sống để làm gì? Và mình làm gì với mấy mươi năm cuộc đời này? Thay vì suốt ngày lo cơm, áo, gạo, tiền. Cuộc đời tôi rẽ sang một hướng khác so với những đứa bạn cùng tuổi.

Và với vốn sống ít ỏi, nhìn cuộc đời toàn màu hồng, cộng với một vài luồng tư tưởng từ vài cuốn sách tôi đọc, tôi cho rằng: cuộc đời là bể sướng và cuộc đời này là đáng sống. Mục đích sống là sống có mục đích. Phải sống một cuộc đời có ý nghĩa. Còn bây giờ tôi biết Đức Phật thì dạy là: Khổ Thánh đế cần phải liễu tri.

Khi đó tôi cũng đã biết đến câu chuyện “con rùa mù” trong Phật giáo do nhiều người chia sẻ. Có được thân người khó như con rùa mù ngoi lên gặp bông cây giữa biển. Một tiến sĩ tai trường Đại học Harvard tính xác suất một người được sinh ra và xác suất con rùa mù gặp bông cây là bằng nhau. Do dựa trên khoa học nên

tôi khá tin tưởng ví dụ này. Sau này tôi mới biết Đức Phật là Thế Gian Giải.

Và tôi có suy tư là phải sống cho thật hạnh phúc, vì kiếp người khó có được. Cuộc đời này là của mình và mình có toàn quyền với nó. Và để làm điều đó tôi sẽ cố gắng kiếm thật nhiều tiền, để tận hưởng hết những hạnh phúc cuộc đời này trước khi chết.

Giờ đây 23 tuổi nhớ lại thời đó của mình thật nực cười. Câu chuyện “con rùa mù” là có thật do Đức Phật dạy. Nhưng nó thiếu sót khiến tôi đi sai đường. Nguyên văn bài kinh đó ở: 48. VIII. Lỗ Khóa (3) (S.v456) -- Tương Ứng Bộ. Đại ý là: sau khi “mất thân người để có được thân người trở lại” khó như con rùa mù trăm năm nổi lên một lần chui cổ vào cái lỗ trên một khúc cây giữa biển. Hay hiểu theo cách khác là: ai làm ác, phạm 5 giới, rơi xuống 3 đường ác thì không biết khi nào mới có cơ hội quay trở lại làm người được,...vì vậy cần phải tu tập Tứ Thánh để để không phạm cơ hội làm người này.

Sau một thời gian khoảng một năm rưỡi mang tư tưởng đời là bề sượng bên mình, tôi đau khổ vô cùng, tự lừa dối bản thân mình, phiền não bủa vây, đến mức không chịu được, với đức tin vào câu chuyện “con rùa mù” theo một cách nào đấy xui khiến tôi khiến tôi tìm hiểu sâu hơn về Phật pháp. Tôi nghe bài giảng của các thầy trên mạng và vô tình gặp thầy Thích Thông Lạc. Tôi tìm sách và bài giảng của thầy này rồi đọc và thực hành theo.

Tôi tập giữ giới. Như lý tác ý để diệt dục và đuổi bệnh. Tu ăn, ngủ, độc cư. Lúc nào cũng tác ý tâm bất động, thanh thản, an lạc, vô sự. Rồi một thời gian sau hiểu sâu hơn: tôi tu tứ chánh cần, định chánh niệm tinh giác, định niệm hơi thở, định thư giãn hay định sáng suốt, chế ngự 5 căn.

Tu hoài thoáng chốc đã hai năm rưỡi trôi qua nhưng tôi cảm thấy có nhiều điều thiếu sót, phiền não không hết, tôi ôm một đồng tà kiến trong người, tôi không tin có địa ngục, tôi cảm giác như chết là hết, tôi cho rằng bốn tầng thiên là bốn bậc thánh. Có lẽ do vậy mà tôi không nhìn thấy chân lý nơi đâu cả.

May mắn được học tư duy phản biện từ một người thầy dạy tiếng anh, nên sau khi tự tu học Phật cảm thấy đủ sâu tôi mở não, tiếp thu một vài luồng thông tin khác để làm rõ những điểm thiếu sót khi đọc sách và nghe bài giảng của thầy, tôi nghĩ rằng vàng thật thì không sợ lửa mà. Tôi quay ra học Nikaya nhưng kinh cũng rất nhiều, tôi có tham khảo cô Chon Tín Toàn nghiên cứu Nikaya gần 20 năm, tôi cũng học thử một thời gian, hiểu hơn một vài danh từ Phật học nhưng vẫn còn nhiều thắc mắc. Rồi tham khảo bài giảng của một vài thầy khác cũng có những luồng quan điểm tu tập mới, hữu ích nhất định và cực kỳ hay, tôi tự mình đọc Nikaya và thấy nhiều người giảng dù hay đến đâu nhưng nếu không phải lời Đức Phật, không đem đến giác ngộ.

Ví dụ nhiều vị thầy thường giảng về vô ngã nhưng sau khi tôi đọc kinh và tự suy tư thì thấy như sau:

Một người không tác ý về kiếp trước, kiếp sau; không tác ý suy tư về lý duyên khởi thì 1 trong 6 tà kiến sau đây sẽ khởi lên: ta có tự ngã, ta không có tự ngã, tưởng rằng ta có tự ngã, tưởng rằng ta không có tự ngã...

“ta không có tự ngã” là một cực đoan.

“ta có tự ngã” là cực đoan thứ hai.

Từ bỏ hai cực đoan đấy Đức Phật thuyết con đường trung đạo chính là lý duyên khởi: vô minh sinh hành, hành sinh thức... và lý duyên diệt đưa đến giác ngộ, niết bàn...).

Trong suốt khoảng thời gian tự tu học theo sách của thầy Thông Lạc tôi luôn tự hỏi mình: Nếu chỉ còn một ngày để sống, thì hôm nay mình sẽ làm gì? Đọc Kinh tôi mới biết Đức Phật dạy đó là Niệm chết. Có lẽ là nhiều kiếp tôi đã tu tập niệm chết nên khi nhìn thấy ông bà nội, bà ngoại, em của ông ngoại mất, nghĩ đến cha mẹ, bác bá, em gái của mình tương lai cũng phải chết làm tôi chần động mạnh. Điều đó khiến tôi phải hy sinh rất nhiều thứ của mình để dành thời gian cho câu hỏi: Chết đi về đâu? Có kiếp trước, kiếp sau hay không?

Và tôi tu tập niệm chết hoài cho đến một ngày, tình cờ nhờ một đạo hữu chia sẻ bài giảng của thầy Võ Thế Hòa tôi nghe qua rồi vào trang Tanhthay, tôi nghe những bài giảng ở đây và giải đáp được vô số những thắc mắc bao lâu nay. Tôi biết được rõ ràng chết đi về đâu, có kiếp trước kiếp sau hay không. Tôi suy nghĩ rất nhiều về những lời thầy nói. Đủ duyên tôi đăng ký vào học lớp meet do thầy tổ chức. Trải qua mấy năm liền nghiền ngẫm Phật pháp trong bé tắc giờ đây nhờ có thầy Hòa mà tôi đã nhìn thấy ánh sáng trong màn đêm đen tối.

Trước khi học tôi có rất nhiều tà kiến, nhiều thắc mắc không giải đáp được, có rất nhiều phiền não, lo lắng, sợ hãi, thất vọng. Mong muốn nhiều về tương lai, muốn đạt được nhiều thành tựu trong cuộc sống. Luôn đi tìm cầu hỷ lạc ở một đối tượng nào đó. Tu tập chiến đấu với bản thân mình rất vất vả.

Sau khi học thầy tôi hiểu rõ mọi sự về cuộc đời. Tâm rảnh rang thoải mái, không còn phiền não, lo lắng, sợ hãi, thất vọng vào chuyện đời thường. Có nhiều lúc tôi có tâm giải thoát. Tôi không còn mong muốn làm giàu, kiếm nhiều tiền, không còn mong muốn lấy vợ, lập gia đình, sinh con. Mặc dù rất nghèo, tiền không đủ sống nhưng tôi cảm thấy thoải mái vô cùng. Tiền bạc, thành công, tương

lai, sự nghiệp khi trước tôi cho là tất cả giờ đây đối với tôi không còn là vấn đề quan trọng. Mà quan trọng nhất là sự tu tập, giác ngộ chân lý Tứ Thánh đế và hạnh nghiệp của mình, tôi cảm thấy mình giải thoát được nhất định. Tâm tôi bây giờ khá đơn giản và có lúc nó automatic dừng lại thay vì trước đó là automatic đi tìm hoài một thứ gì đó không biết chán. Tôi biết mình đang đi đúng hướng và học đúng Pháp của Phật.

Câu hỏi mà tôi hỏi năm 18 tuổi giờ đây tôi đã trả lời được nhờ học lớp của thầy và nó làm tôi tự hào. Nếu ai hữu duyên có cùng câu hỏi như tôi đã từng hỏi: Sống để làm gì? Bạn làm gì với mấy mươi năm cuộc đời này? Và sẵn sàng trả một cái giá cho đáp án thì có thể liên hệ để chúng ta cùng trao đổi.

Câu chuyện thứ mười một: Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Sinh năm 1965

Nghề nghiệp: đã nghỉ hưu

Quê quán: Thành Phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định

Email: Mnguyet6879@gmail.com

Tôi sinh ra và lớn lên tại thành phố Hải Phòng trong gia đình có 5 chị em. Ba mẹ tôi đều là cán bộ nhà nước. Ba tôi là quê gốc Bình Định ra Bắc tập kết nên sau ngày giải phóng miền Nam, gia đình tôi chuyển vào Nam tại thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định để sinh sống. Cuộc sống khá ổn định nhưng chỉ sau một năm thì mẹ tôi bị tai nạn giao thông đã qua đời.

Sau biến cố đó một thời gian, chị em tôi đều dần bỏ học dang dở để đi học nghề rồi đi làm. Cuộc đời thăng trầm cứ vậy diễn ra suốt mấy chục năm, vui ít khổ nhiều.

Cho đến năm 2012, tôi phát tâm về chùa, sau đó quy y Tam bảo tại chùa Liên Hoa, Phú Tài, Quy Nhơn. Và tôi thường xuyên về chùa vào ngày rằm mùng 1 để tụng kinh niệm Phật, ăn chay tại chùa, với sự hiểu biết lúc đó là chỉ mong được tịnh tâm, bình an trong cuộc sống, rồi cầu mong Phật ban phước lành.

Đến năm 2017, nhân dịp vào thành phố Hồ Chí Minh, tôi được người em trai chỉ dẫn, tôi chuyển sang tìm hiểu và tu theo Phật giáo nguyên thủy. Tôi bắt đầu tìm đọc về lịch sử của Đức Phật và có lòng tin mãnh liệt hơn về Phật pháp.

Tôi tìm trên mạng nghe giảng pháp của một vài vị sư ở trong và ngoài nước. Sau đó vào tháng 4 năm 2020, hữu duyên khi về chùa, tôi được một đạo hữu giới thiệu tôi vào học Lớp Tứ thánh đế do thầy Hòa Võ ở Úc Châu giảng y cứ vào 5 bộ kinh Nikaya do Hòa thượng Thích Minh Châu dịch. Tôi đã được thầy truyền dạy những kinh nghiệm học kinh, cách suy tư để chứng nghiệm, thấy được sự thật về chân lý.

Sau 1 thời gian được sự giảng dạy của thầy Võ Thế Hòa, được nghe nhiều bài kinh trong 5 bộ kinh Nikaya do đạo hữu Võ Thị Hoàng Yến tặng thẻ nhớ. Rồi được thầy cho tập trung học về Tứ Thánh đế, 12 nhân duyên, Bát Chánh Đạo, 44 căn bản trí.

Giờ đây tôi đã có lòng tin tuyệt đối về 10 ân đức của Phật, hiểu rõ được do nhân gì dẫn đến quả khổ trong hiện tại, biết lý do tại sao có người sinh ra trong hoàn cảnh khó khăn, còn có người lại sinh ra trong gia đình khá giả, diện mạo sáng sủa.

Khi có sự hiểu biết đúng sẽ giúp cho mình thực hành đúng theo chánh pháp. Kết quả là bản thân biết điều chỉnh mình, khi gặp chuyện đau khổ đến cũng bình tĩnh chấp nhận vì biết do mình đã gieo nhân nên giờ trở quả thôi.

Tôi thấy sau khi học mình có giám được tham, sân, si, thực hành nghiêm túc 5 giới, thấy rõ được pháp đúng là thiết thực hiện tại ngay trong kiếp sống này.

Trong quá trình học, bản thân cũng có lúc vì chưa hiểu vững vàng về giáo lý, tôi đã loay hoay tìm đọc thêm một số kinh sách khác. Cuối cùng tôi nhận ra pháp mà Đức Phật đã giáo truyền thì luôn đúng trong quá khứ hiện tại vị lai và dù ở đâu thì chân lý cũng giống như vậy.

Đó chính là 4 chân lý trong bài kinh Chuyển Pháp Luân: Tứ Thánh đế.

Cuối cùng tôi xin chân thành chia sẻ với những ai hữu duyên đọc cuốn sách này. Đây là cuốn sách đã được thầy Hòa Võ đưa ra cốt lõi của 5 bộ kinh Nikaya do đức phật thuyết. Rất hữu ích cho những ai muốn tìm hiểu và tu tập từng bước từ thấp đến cao, giúp chúng ta thấy rõ sự khổ, nguyên nhân của khổ và phương pháp để chấm dứt khổ hoàn toàn.

Học trò xin kính tri ân thầy Võ Thế Hòa.

Câu chuyện thứ mười hai: Như Ái Liên

Tôi pháp danh là Như Ái Liên, sinh năm 1982. Là một người nông dân bình thường ở một huyện vùng biên giới của tỉnh Long An. Khi tôi bước vào con đường tu tập theo đạo Phật. Tôi nghĩ tu là phải đi chùa, tụng kinh, niệm Phật, trì chú, lễ lạy, ăn chay, phóng sanh, bố thí, cúng dường,... là đã đúng rồi và rất là hoan hỉ vì nghĩ mình đã có chánh kiến, nhưng không sai hoàn toàn vì chánh kiến không phải vậy. Ngay khi niềm tin Tam bảo bất động tôi cũng không hiểu đúng và nghĩ tu là việc rất dễ dàng. Nhưng sự thật tu theo lời Phật dạy

không dễ chút nào, vì nếu không biết tu theo sơ thiện, trung thiện, hậu thiện thì sẽ tu mù thôi. Lúc gieo nhân thì không sợ, khi quả khổ đến thì đấm ngực kêu trời cúng lạy cầu xin Phật hay Bồ Tát cứu khổ. Tôi đã tu như thế hằng 8 năm mà tham, sân, si của tôi vẫn không giảm. Vì tôi không biết rõ tham là sao? Sân là sao? Si là như thế nào? Và nguyên nhân của tham sân si là gì?

Đến khi tôi vào lớp học Tứ Thánh đế là tối thượng vào tháng 4 năm 2020 do thầy Võ Thế Hòa giảng dạy. Phần nhiều là thầy lấy kinh Nikaya giảng dạy và tôi rất là kính trọng thầy vì câu nói của thầy: “Quý vị đừng có tin tôi quý vị hãy tự mình chứng nghiệm lấy kinh ra dẫn chứng xem có phải như vậy không?” Nhờ vậy mà tôi đã biết tu nhưng không phải tin mù quáng vì tự mình kiểm chứng được và có kinh dẫn chứng, tôi sẽ tu từng bước từ thấp đến cao. Theo Sơ thiện là thành tựu 5 giới bố thí, có các cõi trời và địa ngục, Trung thiện là biết vị ngọt của dục nguy hiểm, của dục và xuất ly dục, cao hơn là Tứ Thánh đế, Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế. Tới lớp Trung Thiện và Hậu Thiện thì không dễ chút nào. Đầu tiên là phải có trí văn rồi tư rồi tu, Khổ Đế là quả khổ do vô minh hành quá khứ. Tập Đế là nguyên nhân của khổ. Nói ngắn là Ái, nói rõ là lý duyên khởi cái này sanh cái kia sanh. Diệt Đế chính là diệt ái nói rộng ra là lý duyên diệt. Diệt 12 nhân duyên là cái này diệt cái kia diệt, nói chung là phần Tập Đế và Diệt Đế thì cần phải thiện xảo về 12 nhân duyên và 44 căn bản trí thì mới diệt được tham sân si. Đạo Đế là con đường bắt buộc phải hành trì thì mới chấm dứt khổ, chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đến nay tôi đã biết thế nào là chánh kiến là rõ biết khổ, rõ biết khổ tập, rõ biết khổ diệt, rõ biết con đường đưa đến khổ diệt và đang tu tập chánh tư duy. Để diệt những dục tham, khi vừa sanh khởi có chánh ngữ, chánh nghiệp,

chánh mạng thì ngay trong hiện tại sẽ không gặp những phiền não mà mình có thể tránh được nhờ tu tập bát chánh đạo. Vậy Pháp là thiết thực hiện tại không có thời gian đến để mà thấy được người trí tự mình giác hiểu.

Vậy là tôi đã hiểu niềm tin Tam bảo bất động là tin vào 10 ân Đức Phật, Pháp là thiết thực hiện tại, tăng bảo là tin bốn đôi 8 vị là tám bậc thánh và những vị đang trên đường chứng thánh. Tôi đã biết quả khổ từ đâu đến và biết nguyên nhân của tham sân si là từ duyên thọ. Tuy chưa diệt được hoàn toàn nhưng tôi đang tu tập làm chúng giảm dần thì mới thấy pháp thiết thực hiện tại và còn rất nhiều điều hay mà tôi đã học được từ thầy và các cô chú anh chị em trong lớp học, con xin kính tri ân thầy đã nhiệt tâm giảng dạy và con sẽ cố gắng hành trì để phần nào đền đáp công ơn thầy và tri ân những vị đạo hữu trong lớp Tứ Thánh để là tối thượng con cũng đã học từ các vị rất nhiều.

Câu chuyện thứ mười ba: Kim Thị Thủy

Quê quán Trà Vinh

Con xin có đôi lời tự bạch về mình.

Con biết về đạo Phật lâu rồi, nhưng con không hiểu gì về BÁT CHÁNH ĐẠO, hay TỨ THÁNH ĐẾ.

Nay con có đủ duyên được sư Thích Giác Đăng Huy, giới thiệu cho con vào lớp học hỏi kinh Nikaya, nay là lớp TỨ THÁNH ĐẾ LÀ TỐI THƯỢNG, học cùng thầy Hòa Võ ở Úc Châu.

Khi con chưa học tâm con tham, sân, si và mê tín rất nhiều, khi con được học và nghe nhiều bài thầy giảng, con hiểu được thế nào là lục nhập... thế nào là ái, thủ, hữu, con cũng đã chứng nghiệm được

điều mình nhập mọi thứ hằng ngày đưa đến cho mình sự ái nhiễm và tham, sân, si, sinh ra đau khổ trong cuộc sống hiện tại...

Nay con được học TỨ THÁNH ĐẾ, con đã không còn cảm thấy đau khổ khi mọi thứ diễn ra hằng ngày với con.

Con hy vọng rằng quý đạo hữu gần xa sẽ có đủ duyên nhận được cuốn sách TỨ THÁNH ĐẾ LÀ TỐI THƯỢNG do thầy Hòa Võ ở Úc Châu biên soạn.

Con luôn luôn tri ân thầy đã hoài công giảng dạy cho con cùng quý đạo hữu biết đến giáo pháp của ĐỨC PHẬT THÍCH CA.

Con kính chúc quý đạo hữu đều thành tựu mỹ mãn và giải thoát trong hiện tại cũng như tương lai!

Câu chuyện thứ mười bốn: Lâm Thị Duyên

Tôi tên là Lâm Thị Duyên, sinh năm 1981, quê quán An Giang. Hiện cư ngụ tại Vĩnh Hưng - Long An. Nhờ sự giới thiệu của một người bạn tôi mới biết đến Tứ Thánh đế. Trước khi gặp thầy Võ Thế Hòa, tôi không theo môn phái nào hết nhưng tôi vẫn đi chùa và cầu xin, tôi mới học được 3 tháng nhưng chưa hiểu gì mấy và tôi học mới thuộc 12 nhân duyên. Cho đến một khi gia đình tôi gặp sự cố là chồng tôi mất, tôi buồn quá không vào lớp khoảng 10 ngày, trong lòng tôi không diễn tả được nỗi buồn khi mất chồng và 7 năm trước cũng mất 1 người con. Trong khi đó tôi có học 12 nhân duyên thành ra tôi mới biết là vì nghiệp quá khứ nên mới có thân người, nên mới có 8 cái khổ là sanh, lão, bệnh, tử, cầu bất đắc, oán tắng hội. Tóm lại 5 thủ uẩn là khổ.

Và tôi mới biết cái này sanh thì cái kia sanh, cái này diệt thì cái kia diệt nếu muốn hết khổ thì lục nhập diệt, xúc diệt, thọ diệt thì ái diệt. Thầy dạy Bát Thánh Đạo trong đó có 8 ngành cho tới bây giờ thì

tôi làm theo được là chánh ngữ, chánh tư duy, và chánh niệm. Trước đó, tôi không chánh ngữ cho lắm và còn nói dối và bây giờ hạn chế không nói dối nữa, còn chánh niệm thì những chuyện gì mình làm thì tôi biết mình đang làm và biết rõ tuy tôi làm không 100% nhưng cũng đạt được 50 %, còn chánh tư duy thì tôi làm những chuyện gì cũng phải suy tư: tư duy về ly dục, tư duy về ly hại và tư duy về ly sân cũng đang có trong người.

Con cảm ơn thầy Võ Thế Hòa đã dạy con biết được 12 nhân duyên, bát thánh đạo, tứ thánh đế kể từ lúc con học thầy tới giờ thì trong lòng con biết được vì đâu con khổ, vì đâu mà chồng con và con của con đã ra đi và con đang giảm tham, sân, si và sẽ thực hành bát thánh đạo, tứ thánh đế mà Đức Phật đã dạy trong kinh Lá Rừng Simsapa mà Đức Phật nói là Tứ Thánh đế, Bát Thánh Đạo, 12 nhân duyên, sẽ mang lại an tịnh giác ngộ thắng trí niết bàn. Con tâm đắc nhất câu của thầy nói là: “Quý vị đừng tin tôi mà hãy làm theo những gì trong kinh nói có đúng hay không chớ đừng tin tôi và tin ai hết”. Một lần nữa con cảm ơn thầy rất nhiều.

Câu chuyện thứ mười lăm: Nguyễn Hương Trâm (Pháp danh Hạnh Liên), được sinh ra và lớn lên ở Kiên Giang, Việt Nam.

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa

Tôi tên Nguyễn Hương Trâm (Pháp danh Hạnh Liên), sinh ra và lớn lên ở Kiên Giang, Việt Nam.

Từ khi tôi 19 tuổi tôi đã tìm hiểu về Đức Phật. Tôi đọc và nghe Kinh Nikaya rất nhiều (2-4 năm). Mọi thứ chỉ dừng lại với tôi ở chỗ, Cái nào cũng có nghe, cái nào cũng biết... nhưng chưa nắm bắt được cốt lõi của lời Phật thuyết. Nguyên nhân do tôi chưa xác quyết được

“Tứ Thánh để là tối thượng”, 12 Nhân duyên - Lý duyên khởi là nguyên nhân sanh ra khổ.

Tháng 11 năm 2020 tôi nghe được các bài giảng của thầy Võ Thế Hòa qua USB như: “Học - suy tư và hành; 12 Nhân duyên - là 12 tên tướng cướp; 44 Căn bản trí; Tứ Thánh để là tối thượng và Bát Thánh đạo”. Thầy tổng hợp được cốt lõi trong 45 năm hoằng pháp của Thế Tôn. Thầy giúp học viên làm sáng tỏ: Khổ - Nguyên nhân sinh ra khổ - Diệt nguyên nhân sinh ra khổ - Con đường diệt khổ.

Tôi tham gia lớp học “Tứ Thánh để là tối thượng” do thầy Võ Thế Hòa giảng thuyết (Nội dung các bài giảng y cứ vào 5 Bộ Kinh Nikaya (tạng Kinh) do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch. Mọi thứ trở nên rõ ràng khi gặp thầy.

Tôi xin gửi thầy sự biết ơn của tôi sau khi được tham dự lớp học do thầy giảng thuyết và xin chia sẻ với những ai hữu duyên đọc được quyển sách “Tứ Thánh để là tối thượng”

1. Khổ để: Sanh, già, bệnh, chết, ái biệt ly, cầu bất đắc, oán gặp nhau. Tóm lại Ngũ Uẩn là khổ. Phải liễu tri - biết rõ;

2. Nguyên nhân sanh khổ: Vô minh ⇔ Hành ⇔ Thức ⇔ Danh Sắc ⇔ lục nhập ⇔ Xúc ⇔ Thọ ⇔ Ái ⇔ Thủ ⇔ Hữu ⇔ Sanh ⇔ Già chết, sầu bi, khổ ưu não. Phải đoạn diệt;

3. Khổ diệt để: Do ly tham Vô minh diệt ⇔ Hành diệt ⇔ Thức diệt ⇔ Danh Sắc diệt ⇔ Lục nhập diệt ⇔ Xúc diệt ⇔ Thọ diệt ⇔ Ái diệt ⇔ Thủ diệt ⇔ Hữu diệt ⇔ Sanh diệt ⇔ Già chết, sầu bi, khổ ưu não diệt. Thủ uẩn diệt. Cần chứng nghiệm.

4. Con đường diệt khổ: Chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Cần phải tu tập.

“Này các Tỳ - kheo, hãy tu tập định (Thiền định). Này các Tỳ - kheo, Tỳ - kheo có định, như thật rõ biết. Do vậy, các Tỳ - kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ”. Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập”. Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt”. Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”. Trích tương ưng 5. Tương ưng sự thật.

“ Này các Tỳ - kheo, hãy tu tập Thiền định. Này các Tỳ - kheo, một Tỳ kheo được Thiền định, hiểu rõ như thật và hiểu rõ như thật cái gì? Như thật hiểu rõ Mắt là vô thường, như thật hiểu rõ các Sắc là vô thường, như thật hiểu rõ nhãn Thức là vô thường, như thật hiểu rõ nhãn Xúc. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, Lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; như thật hiểu rõ cảm thọ ấy là vô thường... Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Như thật rõ biết Ý là vô thường... là vô thường. Phàm duyên Ý xúc khởi lên cảm thọ gì, Lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; như thật hiểu rõ cảm thọ ấy là vô thường” (Kinh Tương ưng 4).

Tôi hiểu rằng Hành giả phải nắm rõ từng Đế trên theo trình tự (Khổ - Tập - Diệt - Đạo).

Phải hiểu rõ - liễu tri “Khổ đế”; rồi sẽ có nhu cầu tìm nguyên nhân khổ “Tập đế” (12 Nhân duyên - Lý duyên khởi là Tà Đạo. Đây là chân lý duyên khởi mà quá khứ đúng, hiện tại đúng và tương lai đúng); rồi có nhu cầu diệt khổ “Diệt đế” (Lý duyên diệt là diệt 12 Nhân duyên là Chánh đạo); rồi vận dụng “Con đường đưa đến khổ diệt” Tu tập để diệt 12 Nhân duyên.

Bốn Chân đế có sự logic chặt chẽ và không thể tách rời nhau. Hành giả phải dựa theo những định nghĩa chi tiết của Bốn Đế để tu

tập mà không nên y cứ vào bất kỳ một vị đạo sư nào khác, vì rằng các vị đạo sư nào muốn thuyết giảng Chánh pháp cũng phải y cứ vào lời Kinh của Thế Tôn.

Lúc trước tôi hiểu hành thiền là Pháp hành, còn học kinh chỉ là Pháp học thôi. Sự thật khi được thầy Võ Thế Hòa chỉ ra rất đơn giản là chúng ta học lời Phật dạy từ Kinh Nikaya rồi áp dụng trong cuộc sống hàng ngày thì đó là hành theo Pháp của Phật. Ví dụ như: Phật dạy 5 giới, chúng ta được học qua rồi hàng ngày giữ giới thì gọi là hành theo Pháp của Phật. Trong Kinh Nikaya không chỗ nào có nói Pháp học và Pháp hành là hai pháp khác nhau.

“Vô minh là không rõ biết Tứ Thánh đế”. (Kinh Tương ưng 5). Điều này xác quyết rằng ngài thiền đâu có hết vô minh, muốn hết vô minh là chỉ có học và hành theo Tứ Thánh đế (Tứ Thánh đế là ít lá Simsapa trên tay của Thế Tôn, ít nhưng đưa đến giải thoát Niết Bàn).

Câu chuyện thứ mười sáu: Huỳnh Thị Lệ Phố

Sinh năm: 1967

Sinh sống: Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Tôi tên: Huỳnh Thị Lệ Phố, sinh ra và lớn lên trong một gia đình đạo thờ ông bà, không biết gì đến Phật Pháp cả, cuộc sống bình yên, hạnh phúc.

Nhưng đến khi lấy chồng sinh con rồi đi lập nghiệp tôi mới nếm trải mùi vị đắng cay, bất hạnh, đau khổ cuộc đời, tôi được người chị hàng xóm rủ đi chùa, lúc đó tôi chưa biết chùa để làm gì, nhưng có người rủ thì đi, đi một thời gian chị ấy bảo tôi quy y, tôi quy y tại tịnh xá Ngọc Long theo hệ phái khất sĩ vào rằm tháng giêng năm 2012, từ đó tôi gia nhập đạo tràng đi tụng kinh, hộ niệm, lễ lạy, cầu

xin nhiều thứ, và tôi được biết là làm những việc ấy để sau này chết được vãng sanh Tây phương cực lạc.

Đến cuối năm 2017, tôi vào thành phố Hồ Chí Minh mới biết được đạo Phật còn có hệ phái Nguyên thủy, có Tạng kinh Nikaya mới đúng lời Phật dạy nên tôi đã lên mạng tìm kiếm đọc và nghe rất nhiều lúc đó tôi mới biết được tu là để giải thoát khỏi luân hồi tái sanh. Nhưng làm gì, tu như thế nào để được giải thoát, tôi chưa tìm ra câu trả lời, tôi lang thang trên mạng tìm kiếm, tình cờ tôi nghe được video của thầy Hoà Võ thấy hay quá tôi nghe được mấy lần rồi bình luận thầy thấy vậy cho tôi vào học lớp chứng ngộ Tứ Thánh để vào ngày 04 tháng 4 năm 2020.

Lúc đầu mới vào học thầy cho bài kinh Chuyển Pháp luân, tổng thuyết và biệt thuyết 12 nhân duyên, 44 căn bản trí, thầy bắt học thuộc, vào trả bài, thầy dò bài đến khi nào thuộc mới thôi, lúc đầu học khó khăn khổ vô cùng với áp lực dò bài, mặc dầu công việc bận rộn tôi vẫn cố gắng, khi vào vẫn cứ bị chê liệt tuệ, nhờ vậy mà trải qua thời gian học tập vất vả gần một năm tôi đã có được lợi ích lớn, đã thông hiểu được bốn Thánh đế, đế thứ nhất tôi đã liễu tri được khổ, và đế thứ hai là nguyên nhân sinh ra khổ đó là 12 nhân duyên, do kiếp quá khứ vô minh mới sinh ra hành, mới có thức đi tái sanh, nên mới có quả hiện tại là danh sắc, lục nhập rồi xúc rồi thọ, ngay từ duyên thọ ta có minh sanh biết được thọ lạc nào cũng vô thường rồi đến khổ nên không tham, thọ khổ nào vô thường cũng sẽ hết nên kham nhẫn không sân, thọ không khổ không lạc là do tham trước đây bây giờ xuống không khổ không lạc là tâm si chờ đủ duyên cắt là xong.

Còn nghiệp hiện tại là ái, thủ hữu, từ duyên thọ có minh sanh không ái, vậy ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì

sanh diệt, không sanh lại thì quả tương lai không có, không có sanh thì làm gì có già chết sâu bi khổ ưu não như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt, đó là đế thứ ba diệt khổ, đế thứ tư là con đường diệt khổ hằng ngày tu tập theo Bát Chánh Đạo có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định thì sẽ không có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định phát sinh.

Như vậy tôi đã thông hiểu được bốn Thánh đế, đã thấy được tia sáng cuối đường hầm.

Con thành kính tri ân thầy Hoà Võ đã tận tình dạy cho con cùng các đạo hữu trong lớp có được thành tựu được lợi ích lớn.

Câu chuyện thứ mười bảy: Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

Tôi tên Nguyễn Thị Ngọc Hạnh, sinh năm 1981 (40 tuổi), sinh ra và lớn lên tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tôi có duyên biết đến Phật pháp khá sớm. Năm khoảng 7, 8 tuổi, tôi thường được anh chị ruột và hàng xóm dẫn đi chùa lễ Phật, tụng kinh vào mỗi buổi tối. Thời điểm đó, tôi được người lớn chỉ dạy là “có đi chùa, bố thí, tụng kinh, niệm Phật là bản thân sẽ được trời Phật phù hộ, cầu xin điều gì thì sẽ được điều đó, có tội thì sẽ được giảm tội...”. Suy nghĩ đó đã luôn hiện hữu trong tâm tôi cho đến lúc tôi lập gia đình - sinh con và đến nay đã 39 năm.

Hơn 30 năm trải qua bao thăng trầm. Tôi luôn tâm niệm “tu là để kiếp sau sẽ được trở lại làm người, sẽ không bị đọa lạc vào ác thú, đọa súc, địa ngục”. Nếu thực hiện hạnh bố thí thì kiếp sau sẽ được hưởng phước rồi trở thành người giàu sang, quyền thế. Nếu vô tình hay cố ý phạm tội thì cầu xin trời, Phật sẽ được tha thứ, ân xá.

Trong tâm tôi, hình ảnh ngôi chùa, Phật tượng, Phật cốt đã trở thành một tường thành, một nơi mà tôi sẽ nương tựa về mặt tinh thần lẫn tâm linh. Tương lai lâu xa hay vị lai, tôi tin là tôi sẽ trở lại làm người, sẽ tiếp tục hành trình như cuộc sống mà tôi đang sống.

Cơ duyên đến, tháng 6/2020. Tôi tham gia lớp học Sơ Thiện - Trung Thiện - Hậu Thiện nay là Tứ Thánh đế, do thầy Võ Thế Hòa trực tiếp giảng dạy. Kể từ ngày tham gia lớp học; Tôi đã nhận ra “tu là để giải thoát, mà giải thoát là đạt được Niết bàn, mà Niết bàn là tâm không còn tham, sân, si” chứ không phải Niết bàn là địa điểm hay cõi Tây phương cực lạc hay sẽ mãi đi trong luân hồi như tư duy của tôi trước đây.

Trước khi tham gia khóa học tham và sân trong con người tôi cứ xuất hiện liên tục không thể nào kiềm chế được. Ví dụ như khi gặp cái gì hợp mắt, hợp tai... thì sinh ra yêu thích và muốn có được chúng như: thấy đôi giày, cái áo hay lọ nước hoa... Ngược lại, nếu thấy người mình không ưa hay bị ai đó nói xấu, chửi mắng mình thì mình sinh lòng căm ghét, thù hận...

Tôi nhận ra vạn vật luôn biến đổi và không có gì là vĩnh cửu. Mọi tham ái trong đời là thú vui giả tạo. Tuy nhận ra điều đó, nhưng tâm tham và sân cứ sinh liên tục mà tôi không sao kiểm soát được chúng. Tôi thấy vô cùng mệt mỏi nhưng không có cách nào để thoát ra hay ít nhất là ngừng chúng lại.

Gần 6 tháng, tôi vừa học vừa thực hành chứng nghiệm về 12 nhân duyên. Tôi đã biết con đường mà tôi sẽ đi là sẽ diệt hết 12 nhân duyên, sẽ đi bằng phương tiện Thánh Đạo Tám và đích đến sẽ là Niết bàn mà chính tôi là người cảm nhận được nó thực sự chứ không y cứ vào việc cầu, cúng, tụng, niệm hay tin vào truyền thống, truyền thuyết, hay Đạo sư hay nơi có uy quyền... truyền lại, rồi làm theo một

cách mù quáng. Tôi đã kiểm soát được cảm thọ trong tôi như tâm tôi, thân tôi biết tâm tôi đang thân; tâm tôi tham tôi biết tâm tôi đang tham và tôi không còn chạy theo nó. Tôi quyết không để nó dụ dỗ tôi vào vô thi lần nữa. Tôi đã chánh niệm - tỉnh giác, tôi thấy trong người tôi một cảm giác nhẹ nhõm, một cảm giác an lạc thật sự.

Như trước đây, tôi đã tin tưởng vào lời chỉ dạy của cha mẹ, anh chị họ hàng... rồi vô tư thực hiện theo mà không có cơ sở chứng nghiệm vào lời họ chỉ dạy. Tôi nhận ra là mình đã đi sai con đường, mình đã đi trong luân hồi mà hoàn toàn không biết.

Có ít người tắm sông mà vớ được nhẫn kim cương, tôi là người may mắn đó. Tôi đã rất may mắn khi gặp được thầy Võ Thế Hòa. Thầy đã nhiệt tâm, vô tư giảng dạy cho tôi về Tứ Thánh đế là tối thượng, là bài kinh duy nhất làm rung chuyển 10.000 thế giới. Điều tôi luôn ghi lòng tạc dạ là thầy đã chỉ rõ cho tôi đâu là cứu cánh, đâu là Niết bàn, đâu là con đường chấm dứt khổ đau và đâu là con đường để chấm dứt sinh tử luân hồi thực sự.

Kinh Nikaya là cảnh sắc, cảnh thanh diễn tả lại sự thật mà Thế Tôn Gotama đã tìm ra rồi chỉ dạy lại cho hậu thế. Thầy Võ Thế Hòa đã cất công hơn nửa đời người (47 năm) tìm cầu chân lý và liên tục hơn 11 năm suy tư không ngừng để tìm ra cốt lõi của 5 Bộ kinh Nikaya (Pali Việt do hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt) rồi giảng dạy lại cho chúng ta. Lần nữa tôi Nguyễn Thị Ngọc Hạnh xin tri ân thầy Võ Thế Hòa.

Câu chuyện thứ mười tám: Phạm Thị Hạnh

Sinh năm 1973

Sinh sống: Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tôi là một học giả từng học pháp thầy Hòa Võ, trước đây tôi cũng đã nghiên cứu nhiều giảng sư giảng dạy bộ kinh Nikaya. Thầy Hòa Võ là thầy đầu tiên giảng dạy bộ kinh này tôi tâm đắc nhất, người giúp tôi sáng tỏ con đường Tứ thánh đế, hiểu rõ nỗi khổ của kiếp người, thông suốt lộ trình 12 nhân duyên và Bát chánh đạo.

Thầy Hòa Võ là người mà tôi đáng trân trọng và quý kính. Thầy Hòa Võ không những là một người yêu thương và là người thầy hết lòng vì học trò cũng như tất cả mọi người trên hành tinh này.

Thầy dạy pháp học pháp hành giúp tôi áp dụng vào đời sống rất hữu ích và an lạc cho bản thân chính mình, gia đình và xã hội.

Tôi vô cùng biết ơn thầy Hòa Võ người thầy đã dìu dắt tôi từ bến mê trở về bờ giác. Thầy chính là ánh sáng từ bi, là ngọn hải đăng soi đường, giúp tôi rõ thông trí tuệ, khai sáng tri kiến giải thoát.

Với sự nhiệt huyết của chính mình tôi cố gắng tu hành tinh tấn để đền đáp công ơn thầy trong muôn một.

Tri ân thầy và các đạo hữu

Thanh Ngọc kính tri ân thầy, cảm ơn đạo hữu trong lớp học.

Cuộc sống ngày nay đã làm không ít người trở nên lo sợ, chán nản và mất lòng tin vào cuộc đời, vào những người xung quanh và thậm chí mất lòng tin vào chính mình. Nhưng may mắn thay, Phật pháp vẫn đang hiện hữu trên thế gian này. Có thể nói, khi người ta trở nên bế tắc trong cuộc sống, khi người vô minh sẽ có những quyết định không đúng đắn. Nhưng cũng có người do phước duyên lớn được gần gũi Phật pháp, đã tịnh tâm lại và tìm đến Chánh pháp để được nghe những lời khuyên và được hướng dẫn tu tập, giải thoát.

Và chúng con cũng thế, chúng con thường nghĩ rằng ân huệ lớn nhất mà cuộc đời dành tặng cho chúng con, đó là được gặp được bậc Chân nhân để được nghe Diệu pháp. Thầy Hòa Võ là người có công lớn nghiên cứu kinh Nikaya, đúc kết, xâu chuỗi lại những lời dạy cốt lõi của Đức Bổn Sư để truyền dạy, hướng dẫn chúng con. Mỗi người chúng ta đến với Phật pháp bằng muôn hình vạn trạng lý do của riêng mình. Suy cho cùng, dù bằng bất cứ lý do nào, thì cũng xin khẳng định Giáo pháp của Đức Phật là chỗ dựa tâm linh vững chắc nhất của tất cả mọi người.

Trước khi vào lớp học chúng con nhớ đến câu nói của thầy Hòa Võ thường chia sẻ:

“Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ

Vô duyên đối diện bất tương phùng”.

Chúng con biết mình chỉ là những kẻ lầm đường lạc lối. Bản tính tham, sân, si trong chúng con vẫn còn rất nhiều. Nhưng chúng con tin rằng với ánh sáng chân lý, đưa chúng con thoát khỏi bóng tối vô minh của cuộc đời.

Hôm nay, tập thể lớp Sơ thiện và Trung Thiện (thành lập ngày 04.4.2020) và đặc biệt Lớp Tứ Thánh đế (thành lập ngày 01.01.2021). Chúng con xin được tổng kết lại danh sách những người bạn đồng tu trong thời gian qua. Để có tài liệu hướng dẫn cho lớp chúng con, thầy Hòa Võ đã ngày đêm miệt mài soạn giảng và đúc kết thành công quyển sách: “Tứ Thánh đế là Tối Thượng”.

Con là Võ Thị Hoàng Yến, pháp danh Thanh Ngọc, sinh ngày 6/7/1979, quê ở Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam. Hiện sinh sống tại Thành Phố Cần Thơ. Con được nhân duyên làm Admin của lớp học Online trong suốt thời gian hơn một năm qua.

Nay con xin đại diện tập thể lớp để kính lời tri ân đến thầy Hòa Võ, thầy đã giúp cho chúng con hiểu biết đến Chánh pháp, rút ngắn bớt thời gian tìm kiếm, tìm hiểu và liễu nghĩa Kinh, thâm thấu được dễ dàng hơn Lời dạy Đức Phật Gotama thông qua 5 bộ Kinh Tạng Nikaya.

Cuộc sống là một hành trình rất dài, và những lời dạy dỗ, hướng dẫn rất quý báu của thầy trong những ngày tháng qua sẽ mãi là hành trang để chúng con vững bước tiến về phía trước. Thông điệp con muốn gửi gắm đến tất cả lớp chúng ta, hãy luôn cố gắng tinh tấn, kiên trì tu tập để đạt được mục đích giác ngộ giải thoát ngay trong đời này.

Con gửi lời cảm ơn chân thành tất cả quý vị đạo hữu có mặt trong lớp thời gian qua, chúng ta là nguồn động viên, là chất xúc tác để thôi thúc, hình thành nên quyên sách “Tứ Thánh đế là tối thượng”. Thanh Ngọc xin được gửi lời chúc đến tất cả quý đạo hữu luôn kiên định, nhất tâm, tinh tấn, “tận nhân lực mới tri thiên mệnh” gieo hạt giống Tứ Thánh đế sớm ngày có thành tựu đạo quả.

DANH SÁCH LỚP HỌC ONLINE

1- An Thúy; 2- Bình Vũ Thúy; 3- Châm Huyền; 4- Châu Út; 5- Chiến Nguyễn; 6- Chúc Tâm; 7- Đoàn Tuấn; 8- Hang Nguyen Le; 9- Hạnh Ngọc; 10- Hoa Vô; 11- Hồng Sen; 12- Hữu Lê; 13- Lâm Duyên; 14- Minh Nguyệt; 15- Ngọc Trâm; 16- Nguyễn Mận; 17- Như Ái Liên; 18- Như Liên Quỳnh; 19- Phạm Hạnh; 20- Pho Huynh Thi Le; 21- Phương Châu; 22- Thiên Hạ; 23- Thuy Kim; 24- Trung Dũng Đoàn; 25- Uyên Nguyễn; 26- Võ Thị Hoàng Yến; 27- Vũ Thúy Bình.

Danh Sách lớp học online Sơ Thiện - Trung Thiện: gồm 61 học viên.

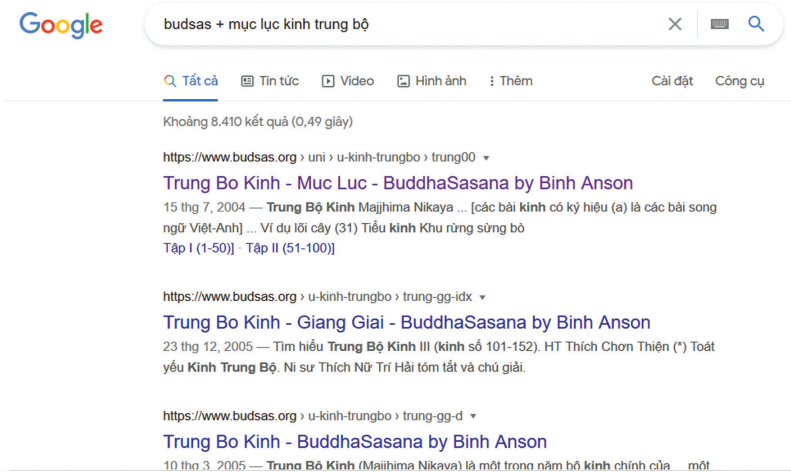
1- Anna Tran; 2- Bình Thi; 3- Bình Vũ Thúy; 4- Bò Đi Nắng; 5- Cẩm Danh; 6- Châu Út; 7- Chơn Tín Diệu; 8- Chúc Tâm; 9- Đỗ Văn Thịnh; 10- Đoàn Tuấn; 11- Hang Nguyen Le; 12- Hạnh Ngọc; 13- Henry Sparrow; 14- Hoa Bất Tử; 15- Hoa Vô; 16- Hồng Sen; 17- Hữu Lê; 18- Huỳnh Văn Long; 19- Lâm Duyên; 20- Lan Nguyen; 21- Lenh Vovan; 22- Luan Vu; 23- Mai Huynh; 24- Maithao Nguyen; 25- Minh Nghiêm; 26- Minh Nguyệt; 27- My Le; 28- My Linh Nguyen Thi; 29- Ngọc Huyền Phương; 30- Ngọc Lạc; 31- Nguyễn Hoa Đậu Biếc; 32- Nguyen Loc Bao; 33- Nguyễn Mận; 34- Nguyễn Phước Toàn; 35- Nguyễn Phương; 36- Như Ái Liên; 37- Như Liên Quỳnh; 38- Niem Thanh; 39- Ốc Sên; 40- Phạm Hạnh; 41- Pháp Giác; 42- Pho Huynh Thi Le; 43- Phương Châu; 44- Phương Huynh; 45- Phương Nguyên; 46- Pororo Child; 47- Quang Tiến; 48- Thiên Hạ; 49- Thu TA; 50- Tiểu Dao; 51- Trần Kim Chung; 52- Trần Quốc Thắng; 53- Trần Thị Thanh Thúy; 54- Triệu Kim Phú; 55- Trúc Thành; 56- Trung Dũng Đoàn; 57- Tuyen Vô; 58- Uyên Nguyễn; 59- Võ Thị Hoàng Yến; 60- Vũ Thúy Bình; 61- Vui Vẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Sách Tham khảo: Kinh Trung bộ, Kinh Trường bộ, Kinh Tương ưng, Kinh Tăng chi, Kinh Tiểu bộ do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch từ tiếng Pali ra Việt ngữ.

Tất cả những bài kinh đã trích dẫn trong cuốn sách Tứ Thánh đế từ năm bộ kinh Nikaya do Thầy Thích Minh Châu dịch từ Pali ra Việt ngữ và được đăng trên Website: BUDSAS.

Nếu những vị muốn biết bài kinh Trung bộ và kinh Trường bộ trong BUDSAS. Vào Google Search đánh như sau:



Quý vị bấm vào Trung bộ mục lục có kết quả như sau:

https://www.budsas.org/uni/u-kinh-trungbo/trung00.htm

[Tập I (1-50)] [Tập II (51-100)] [Tập III (101-152)]

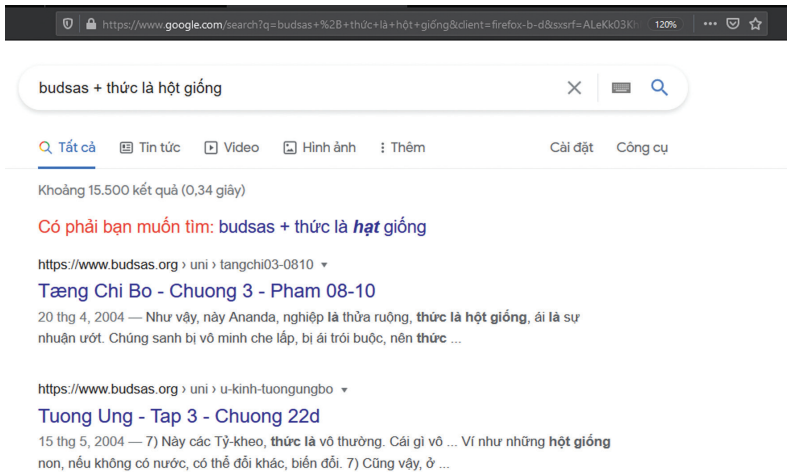
Tập I (Kinh số 1-50)

(1) Kinh Pháp môn căn bản (a)	(26) Kinh Thánh cầu
(2) Kinh Tất cả lậu hoặc (a)	(27) Tiểu kinh Vi dụ đầu chân voi
(3) Kinh Thừa tự Pháp	(28) Đại kinh Vi dụ đầu chân voi
(4) Kinh Sự hãi và khiếp đảm (a)	(29) Đại kinh Vi dụ lõi cây
(5) Kinh Không uế nhiễm	(30) Tiểu kinh Vi dụ lõi cây
(6) Kinh Ước nguyện	(31) Tiểu kinh Khu rừng sừng bò
(7) Kinh Vi dụ tấm vải (a)	(32) Đại kinh Khu rừng sừng bò
(8) Kinh Đoạn giảm (a)	(33) Đại kinh Người chân bò
(9) Kinh Chánh tri kiến (a)	(34) Tiểu kinh Người chân bò
(10) Kinh Niệm xứ (a)	(35) Tiểu kinh Saccaka
(11) Tiểu kinh Sư tử hồng (a)	(36) Đại kinh Saccaka (a)
(12) Đại kinh Sư tử hồng (a)	(37) Tiểu kinh Đoạn tận ái
(13) Đại kinh Khổ uẩn (a)	(38) Đại kinh Đoạn tận ái
(14) Tiểu kinh Khổ uẩn	(39) Đại kinh Xóm ngựa
(15) Kinh Tư lượng	(40) Tiểu kinh Xóm ngựa
(16) Kinh Tâm hoang vu	(41) Kinh Saleyyaka (a)
(17) Kinh Khu rừng	(42) Kinh Veranjaka
(18) Kinh Mặt hoàn (a)	(43) Đại kinh Phương quảng
(19) Kinh Song tâm (a)	(44) Tiểu kinh Phương quảng (a)
(20) Kinh An trú tâm (a)	(45) Tiểu kinh Pháp hành (a)
(21) Kinh Vi dụ cái cửa (a)	(46) Đại kinh Pháp hành
(22) Kinh Vi dụ con rắn (a)	(47) Kinh Tư sát
(23) Kinh Gò mồi	(48) Kinh Kosampiya
(24) Kinh Trạm xe (a)	(49) Kinh Phạm thiên cầu thành
(25) Kinh Bấy mồi	(50) Kinh Hàng ma

[Tập I (1-50)] [Tập II (51-100)] [Tập III (101-152)]

Xong bấm vào kinh số 148 Tương tự đánh mục lục kinh Trường bộ cũng sẽ liệt kê tất cả bài kinh Trường bộ.

Nếu những bài kinh nào thuộc kinh Tăng chi và kinh Tương ưng, quý vị đánh vào vài chữ như tìm đoạn kinh có từ “Thức là hột giống” đánh vào Google search như sau:



Quý vị bấm vào sẽ thấy bài kinh nói về thức là hột giống.

DANH SÁCH AN TỔNG SÁCH

Họ và tên	Địa chỉ	Số tiền
Nguyễn T. Minh Nguyệt	TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	3.000.000 vnd
Thiên Hạ	Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	20.000.000 vnd
Hạnh Ngọc	Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	20.000.000 vnd
Nguyễn Bá Chiến	Nam Từ Liêm, Hà Nội	500.000 vnd
Phật tử Thanh Ngọc	Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	10.000.000 vnd
Huỳnh Văn Long	H. Tri Tôn, An Giang	1.000.000 vnd
Nguyễn Lệ Hằng	Thành phố Thái Nguyên	500.000 vnd
Tâm Như Hạnh	Hải Châu, TP. Đà Nẵng	3.000.000 vnd
Thầy Võ Thế Hòa - Úc	Richmond Vic3121, Australia	60.000.000 Vnd
Đoàn Tuấn	Rạch Giá, Kiên Giang	20.000.000 vnd
Vũ Thúy Bình	H.Gia Lộc, tỉnh Gia Lộc	4.000.000 vnd
Đoàn Trung Dũng	Rạch Giá, Kiên Giang	10.000.000 vnd
Huỳnh Thị Phương	Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	500.000 vnd
Như Ái Liên	Vĩnh Hưng, tỉnh Long An	1.000.000 vnd
Lâm Duyên	Vĩnh Hưng, tỉnh Long An	1.000.000 vnd
Kim Thị Thủy	Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	1.000.000 vnd
Mẹ Như Ái Liên	Vĩnh Hưng, tỉnh Long An	1.000.000 vnd
Đoàn Văn Điền (70 tuổi)	Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	5.000.000 vnd
Bé Đoàn Tịnh (10 tuổi)	Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	500.000 vnd
Nguyễn Thị Lan	Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	1.500.000 vnd
Phương Châu	Lớp Học Tứ Thánh đế	500.000 vnd
Hồng Sen	Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	10.000.000 vnd

Họ và tên	Địa chỉ	Số tiền
Út Châu	Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	3.000.000 vnd
Đỗ Văn Thịnh	Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	2.500.000 vnd
Ốc Sên	Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	500.000 vnd
Huỳnh Thị Lệ Phó	Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	2.000.000 vnd
Nguyễn Thị Cháp (71 tuổi)	Rạch Giá, Kiên Giang	5.000.000 vnd
Nguyễn Trường Giang	Hải Hậu, Nam Định	1.000.000 vnd
Trần Thị Điền	Bat B1, Res Les Millepertuis Boite 46 91940 Les Ulis France	5.060.000 vnd
Trần Thị Ánh	Số 81, Hồng Lô, Khu Trần, hạp Lĩnh, TP. Bắc Ninh.	5.000.000 vnd
Đặng Thị Gám (65 tuổi)	Ấp Tường Trí, Xã Tường Lộc, H. Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	500.000 vnd
Bé Huỳnh Gia Huy (9 tuổi)	Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	500.000 vnd
	Tổng cộng	200.060.000 Vnd

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA TÁC GIẢ



Chụp tại Đà Lạt vào khoảng tháng 4 năm 1995



Chụp tại Tu viện Nguyễn Thiều, Bình Định năm 2005



Chụp tại Đà Nẵng tháng 11 năm 2017



Chụp tại Fitzroy Garden, Melbourne ngày 16 tháng 2 năm 2021

HÌNH ẢNH MINH HỌA



Minh họa về kiết sử giữa 6 nội xứ và sáu nội xứ



Minh họa về nắm lá trong tay của Như Lai



Minh họa về khúc gỗ trôi trên sông đang ra biển tới Niết Bàn.

MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu</i>	5
A. DẪN NHẬP	11
- <i>Lời nhắn nhủ</i>	11
- <i>Lời mở đầu</i>	15
- Tại sao tứ thánh đế là tối thượng?	18
- Những khó khăn trong việc học Phật pháp	25
- Một số bài kinh liên hệ tứ thánh đế	29
Phá hòa hợp tăng	50
Quả của phá hòa hợp tăng	51
B. NỘI DUNG	56
<i>Phần I</i>	
Bồ thí, trì giới, các cõi trời dục giới	56
<i>Chương 1. Bồ thí</i>	58
1. Căn bản bồ thí	60
2. Người được nhận cúng dường như thừa ruộng	61
3. Bồ thí pháp	64
<i>Chương 2. Trì giới</i>	72
1. Năm giới	72
2. Quy y Phật, quy y pháp, quy y chúng tăng (thánh dự lưu)	74
3. Cư sĩ chúng thánh dự lưu	76

4. Bát quan trai (tám giới)	78
5. Thập giới (dasasikkhàpada) (10 giới)	84
6. Kết luận Chương 2	85
Chương 3. Các cõi trời dục giới	86
1. Cõi trời tứ thiên vương	87
2. Cõi trời ba mươi ba	87
3. Cõi trời dạ ma	88
4. Cõi trời đầu xuất	88
5. Cõi trời hoá lạc	89
6. Cõi trời tha hoá tự tại	89
7. Kết luận Chương 3	92
<i>Phần II</i>	
Vị ngọt, nguy hiểm, xuất ly dục	94
Chương 1. Vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly dục	95
Bài kinh 1 - Chánh giác	95
Bài kinh 2 - Chánh giác	96
Bài kinh 3 - Đại kinh khổ uẩn	101
Chương 2. Cõi trời sắc giới	111
- Tuổi thọ sơ thiên	113
- Tuổi thọ nhị thiên	114
- Tuổi thọ tam thiên	114
- Tuổi thọ tứ thiên	115
- Cõi tịnh cư thiên dành cho bậc thánh bất lai	116

<i>Phần III</i>	
khổ thánh đế và khổ tập thánh đế	117
- Tổng thuyết về lý duyên khởi	119
- Biệt thuyết về lý duyên khởi	121
Chương 1. Nghiệp cũ	126
1. Vô minh	133
2. Duyên hành	137
3. Thức quá khứ	144
4. Kết luận Chương 1	146
Chương 2. Quả khổ hiện tại	148
1. Khổ thánh đế cần phải liễu tri	149
2. Danh sắc	156
3. Lục nhập	160
4. Thức hiện tại	172
5. Duyên xúc	183
6. Thọ do duyên xúc sanh	190
7. Hành, tưởng, dục do duyên xúc sanh	204
8. Kết luận	210
Chương 3. Nghiệp mới	212
1. Khổ tập thánh đế cần phải đoạn tận	214
2. Sáu ái	215
3. Mười kiết sử	223
4. Thủ	230
5. Hữu	232

6. Phân biệt sự khác nhau giữa ái, nghiệp, khổ, lậu hoặc, thức, tưởng	233
7. Kết luận	237
Chương 4. Quả khổ tương lai	240
1. Duyên sanh	240
2. Kết luận	252
Chương 5. 44 căn bản trí	253
1. Bốn mươi bốn căn bản trí	253
2. Áp dụng tứ đế vào năm uẩn	262
3. Áp dụng tứ đế và sai biệt trí, dị thực trí	268
4. Kết luận	277
- <i>Tiểu kết</i>	279
<i>Phần IV</i>	
Diệt khổ và con đường diệt khổ	281
Chương 1. Diệt khổ	284
1. Khổ diệt thánh đế cần phải chứng ngộ	289
2. Bạc thánh dự lưu	290
3. Bạc thánh nhất lai	302
4. Bạc thánh bất lai	302
5. Bạc thánh A La Hán	303
6. Kết luận	304
Chương 2. Con đường diệt khổ	305
1. Tổng thuyết và biệt thuyết của bát chánh đạo	305
2. Chánh đạo và tà đạo	307

3. Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập	309
4. Chánh tri kiến	312
5. Chánh tư duy	318
6. Chánh ngữ	321
7. Chánh nghiệp	324
8. Chánh mạng	326
9. Chánh tinh tấn	327
10. Chánh niệm	330
11. Chánh định	350
12. Chánh trí	359
13. Chánh giải thoát	360
14. Kết luận	361
- <i>Tiểu kết</i>	363
C. KẾT LUẬN	365
Phân dẫn nhập	365
Phần I: bố thí, trì giới, các cõi trời dục giới	367
Phần II: vị ngọt, nguy hiểm, xuất ly của dục	368
Phần III: khổ thánh đế và khổ tập đế	368
Phần IV: diệt khổ và con đường dẫn đến diệt khổ	370
<i>Phụ lục</i>	374
- Nghiệp là thừa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt	374
- Mười ân đức của đức phật	377

- Phương pháp học hiệu quả	379
- Lòng biết ơn	386
- Giới thiệu về tác giả	388
- Một số chứng nghiệm và những cảm nhận của học viên sau khi học “Tứ thánh đế”	392
<i>Tài liệu tham khảo</i>	457
<i>Danh sách ấn tống sách</i>	460
<i>Một số hình ảnh của tác giả</i>	462
<i>Hình ảnh minh họa</i>	466

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

.....

Biên tập:

Trình bày bìa: NGUYỄN THANH TẤN KIẾT

Trình bày VÕ THẾ HÒA

Sửa bản in: VÕ THỊ HOÀNG YẾN

In 2.000 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Công ty CP In Tổng hợp Cần Thơ.
Số 500, đường 30 tháng 4, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Số đăng ký xuất bản:
Quyết định xuất bản số:
Mã ISBN:
In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2021.